**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Phần I](" \l "bm2)

[Phần II](" \l "bm3)

[Phần III](" \l "bm4)

[Phần IV](" \l "bm5)

[Phần V](" \l "bm6)

[Phần VI](" \l "bm7)

[Phần VII](" \l "bm8)

[Phần VIII](" \l "bm9)

[Phần IX](" \l "bm10)

[Phần X](" \l "bm11)

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần I**

Cơm áo không đùa với khách thơ  
Xuân Diệu  
Cơm áo không đùa với bất kỳ ai. Lại càng không đùa với các nhà văn nhà thơ. Nhất là vào cái thời cuối thập niên 80 (của thế kỷ trước) nền kinh tế cả nước đang chuyển từ hệ thống bao cấp sang kinh tế thị trường. Biến động mạnh từ suy nghĩ, quản lý, hàng hoá, giá cả tới bản thân giá trị đồng tiền.   
Ðình Kính, nhà văn quân đội với đồng lương đại uý (ngày ấy anh đeo lon bốn sao một vạch) mà phải cùng vợ nuôi hai con nhỏ đang đi học, đó là chưa kể bố mẹ già. Không dám ước vọng cao xa ti vi cát xét tủ đứng tủ li. Chỉ nghĩ đến cái ăn để tồn tại, có đủ tiền mua sách bút, đóng tiền học cho con và có đủ tiền mua được manh áo ấm cho bố mẹ vợ con mỗi khi gió rét từ biên giới thổi về. Lại còn phấn đấu có một chút *dự trữ chiến lược* phòng khi ốm đau.   
Phải có tiền. *Tiền là tiên là phật, sức bật tuổi trẻ, sức khoẻ tuổi già..* . Và cũng chỉ còn mỗi cách kiếm tiền: Viết thuê. Dùng nghề nghiệp của mình kiếm sống. Thôi thì đành gác lại những trang sách vẫn nghiền ngẫm nung nấu, những tác phẩm sẽ được viết ra bằng tim gan mình. Hãy để lại sau. Ðể đến bao giờ chưa biết, nhưng trước mắt là kiếm sống.   
Ðình Kính đã đi viết thuê và đã kiếm được tiền. Bữa ấy anh lang thang vào tận vùng rừng núi Ðồng Nai, tìm ra được một ông giám đốc một lâm trường quốc doanh và cũng là một đồng hương. Ông là người đi đầu trong việc tháo gỡ cơ chế cũ, táo bạo, dám nghĩ dám làm, *một người có thể tuyên dương anh hùng được mà bắt bỏ tù cũng được* theo như quan niệm của thời đầu mở cửa. Anh đã hoàn thành một bộ phim về ông, về lâm trường. Phim đã chiếu cho lâm trường xem và còn được phát cả trên màn ảnh nhỏ. Không thể diễn đạt được xúc động của lâm trường, của ông giám đốc khi thấy hình ảnh mình trên ti vi. Với lâm trường, Ðình Kính là một thiên tài, là hiện thân cho sức mạnh toàn năng của nghệ thuật. Phấn khởi đầy lòng, ông giám đốc nọ nhờ Ðình Kính *giúp cho* một tập sách về đơn vị.   
Nghĩ ngay đến những bạn bè cũng đói rách như mình, nhưng Ðình Kính vẫn làm ra vẻ cân nhắc, đắn đo:   
- Sếp nói rất chính xác. Giấy trắng mực đen bình thường thôi nhưng vô cùng quan trọng. Nó đi vào từng gia đình, từng người. Nó đi vào chiều sâu lòng người. Nó đi vào thư viện. Con cháu chúng ta vào thư viện là sẽ biết cha ông chúng đã sống và làm việc như thế nào. Phim cũng quan trọng nhưng không thể ví với sách được. Nhưng đây là một việc khó khăn, một mình tôi không làm nổi. Phải vài người cùng làm mới bảo đảm được thời gian. Ðể kỳ này ra Hà Nội tôi *nói khó* với mấy anh ngoài ấy.   
It ngày sau Ðình Kính đưa hai nhà văn khác cùng vào. Giám đốc rạng rỡ nét mặt khi được giới thiệu đó là hai nhà văn nổi tiếng, những cái tên ông đã nghe thấy từ lâu mà hôm nay ông mới vinh dự được gặp. Với thói quen của một người làm kinh tế, giám đốc cho thảo hợp đồng gồm những nội dung chủ yếu: Thời gian hoàn thành bản thảo là hai tháng, ăn nghỉ, tầu xe ra vào lâm trường lo, khi bản thảo được duyệt và thông qua, mỗi nhà văn sẽ được bồi dưỡng một chỉ vàng! (Giám đốc giải thích thêm: Phải quy ra vàng các đồng chí ạ. Nếu tính nhuận bút bằng tiền tôi sợ thiệt cho các nhà văn. Ba trăm đồng tháng này là ba trăm, tháng sau còn trăm rưởi, tháng sau nữa chỉ còn một trăm. Cho nên ta cứ tính thành vàng, vàng bản vị, các nhà văn tán thành không? Nhất trí! Tiếng ba nhà văn đồng loạt cất lên.) Mỗi người một chỉ vàng! Một tài sản khó mà hình dung được ngày ấy!   
Như mở cờ trong bụng, ba nhà văn nhanh chóng dự các cuộc họp, nghe báo cáo, xuống các đội sản xuất, vào rừng vẩn vơ, nhìn suối chẩy, nghe chim hót để lấy... không khí.   
Ba người không viết ở lâm trường. Ðích thân giám đốc đưa họ xuống biển, xuống Long Hải, một khu nghỉ mát sang trọng, yên tĩnh, cách Vũng Tầu hơn mười ki lô mét. Chả lâm trường còn liên doanh với một đơn vị du lịch và có những khách sạn sát biển. Ông giám đốc họp toàn thể cán bộ nhân viên khách sạn để giới thiệu ba nhà văn:   
- Trân trọng giới thiệu với các đồng chí ba nhà văn quốc gia! Ba nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội. Các đồng chí vào giúp chúng ta viết và xuất bản một tập sách về lâm trường. Ðây là nhà văn Ðình Kính mà các đồng chí đều đã biết. Ðây, nhà văn Chu Lai, nhà văn quân đội kiêm kịch sĩ. Còn đây nhà văn Nguyễn Quang Thân, tác giả nhiều tập tiểu thuyết, truyện ngắn mà các đồng chí đã đọc.   
Các nhà văn lần lượt đứng lên, cúi đầu chào, nở nụ cười khiêm tốn, lịch sự, nụ cười ra mắt. Ông giám đốc ôm vai từng người như những chiến hữu cánh hẩu trước bao con mắt kính phục của các nhân viên dưới quyền. Ông nói về việc bố trí phòng ở "mỗi người một phòng, trong phòng phải có cả bàn viết", về tiêu chuẩn ăn, về lượng bia phải có hàng ngày, không được để các đồng chí ấy thiếu thốn cái gì:   
- Còn khoản thuốc lá nữa. Các nhà văn hút nhiều, hút nặng đấy. Mỗi người một ngày một bao thuốc lá Jet. Nhớ là thuốc lá Jet. Các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Ðừng có mang Ba số đến. Ðừng tưởng ai cũng thích Ba số cả đâu!   
- Mỗi nhà văn một ngày một bao Jet! Ông nhắc lại một lần nữa và nhìn lướt đám nhân viên của ông như nhắc họ chớ quên điều quan trọng ấy.   
Ðám cán bộ nhân viên xì xào:   
- Mình thì cứ cho Ba số là nhất. Khách nào cũng Ba số.   
Những tiếng thì thầm ấy đến tai giám đốc. Ông cười, hài lòng. Còn anh chị em nhân viên khách sạn từ ấy nhìn giám đốc của mình với đôi mắt hoàn toàn khác: Sếp không chỉ là người quản lý tài ba táo bạo, mà còn là chiến hữu với các nhà văn lớn, những nhà văn quốc gia, hiểu biết cặn kẽ những điều nhỏ nhất trong sở thích của họ.   
\*   
Ba nhà văn của chúng ta bắt tay vào việc bán chữ. Tất nhiên là sau khi tắm biển, uống bia, ăn sáng và phì phèo thuốc lá Jet.   
Chu Lai, Ðình Kính hút thử một hơi và ho sặc sụa. Cả hai đều không biết hút. Còn Nguyễn Quang Thân hút vào lại thở ra, không có tí khói nào lọt tới họng, phì phò như một cái bễ. Thân hút thuốc lào, Thân chịu được, không ho. Thân nhận trách nhiệm thỉnh thoảng làm một điếu trước đám nhân viên khách sạn. Ba phòng làm việc của ba nhà văn lúc nào cũng có ba bao thuốc lá bóc dở và có tàn thuốc trong ba cái gạt tàn. Nguyễn Quang Thân chẳng viết được một dòng nào, nhưng bù lại, Thân bập bập thuốc lá chăm chỉ. Cứ xuất hiện giữa đám nhân viên khách sạn là Thân bật lửa châm thuốc. Ác cái là loại thuốc Jet này quá nặng. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà ông giám đốc anh hùng kia lại tuyên bố là *các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Ðừng có mang Ba số đến. Ðừng tưởng cứ Ba số là hay đâu.* Không. Ba số hay lắm chứ đồng chí giám đốc ơi. Ba số có bập bập thế này cũng không ho. Ba số dễ bán. Giá cao. Bán ở đâu cũng được. Ba người đã đi chung quanh khu nghỉ mát, rụt dè hỏi han xem người ta có mua thuốc lá Jet không. Họ đều lắc. Ở đây không ai hút Jet. Ở đây người ta chỉ hút thuốc thơm. Ba số, Dunhill, bét ra cũng Capstan. Jet không bán cho ai được.   
Không bán được, không hút nhưng vẫn nhận thuốc đều đặn. Một tháng đầu đã 90 bao thuốc Jet. Trừ ba bao để ở ba phòng cho Nguyễn Quang Thân *hút nghi binh* còn 87 bao. Chỉ trông cái túi du lịch phồng căng cũng đủ sốt ruột. Cho nên thật tỉnh người khi Chu Lai nguyên chiến sĩ đặc công nước từ đâu chạy về khách sạn:   
- Mình đã tìm được nơi bán thuốc lá Jet rồi. Chỗ này nó không mua thuốc gì khác ngoài thuốc Jet.   
Chuyện cứ như đùa. Cứ như thần thoại.   
- Thật không ?   
- Ở đâu ?   
Chu Lai nhấn mạnh:   
- Nó không mua thuốc gì! Nó chỉ mua thuốc Jet! Nó đang chờ mình ở cuối bãi tắm! Ði nhanh!   
Thế thì thật rồi! Ðặc công có khác! Giỏi thật! Cả ba ôm túi du lịch chứa đầy thuốc lá ra khỏi khách sạn. Ông chủ nhiệm khách sạn đang ngồi trong phòng *Reception* tươi cười :   
- Vừa tắm rồi các nhà văn đã lại tắm nữa à? Máu thế?   
Ðình Kính cười tít mắt:   
- Biết làm sao. Lại thích bơi!   
Cả ba bước nhanh ra bãi tắm, còn nghe tiếng trầm trồ của ông chủ nhiệm :   
- Chịu mấy ông. Giữa trưa nắng thế này mà cũng rủ nhau đi tắm biển. Ðúng là văn nghệ sĩ!   
Ba nhà văn cuốc thẳng ra bãi tắm, cười rinh rích về phẩm chất nghệ sĩ của mình.   
- Ðâu? Nó đâu?   
Chu Lai chỉ tay về một chấm đen ở cuối bãi. Tới nơi, một thanh niên ngồi trên xe 67 chờ sẵn. Chu Lai ôm túi du lịch nhẩy lên ngồi sau xe, vênh mặt nhìn hai người, đắc thắng. Xe vút nhanh phóng ngược trở lại. Cát bay mù mịt. Nguyễn Quang Thân, Ðình Kính đứng nhìn theo mãi chiếc Honda 67 rũi bụi dọc bãi tắm và khuất vào khu khách sạn. Hai người rất ngạc nhiên thấy chiếc xe quay về ngay, lần này phóng nhanh hơn lần trước, tiếng rú rít lên giận dữ.   
Từ trên xe, Chu Lai xách túi du lịch nhẩy xuống, cái túi vẫn căng phồng như thế. Dừng lại một tí. Hình như là để cãi cọ. 67 phóng đi. Rồ ga. Thổi bụi vào mặt Chu Lai.   
- Sao ? Sao lại quay lại ?   
- Không bán được à ?   
Chu Lai nhăn nhó:   
-Tưởng bán ở đâu. Ai ngờ nó lại bán cho đúng khách sạn ba thằng mình ở!   
\*   
Thuốc lá rồi cũng bán được. Ði xa hơn. Bán ít một. Giá rẻ. Thế thôi.   
Còn lại là viết. Nhưng chỉ Chu Lai, Ðình Kính viết. Nguyễn Quang Thân không. Không được chữ nào. Lại còn hay sang quấy nhiễu:   
- Cách đây mấy năm tớ đi dự tổng kết của một ngành. Trong hội nghị có lựa ra một số ít cốt cán tin cậy cho đi xem vi đê ô. Vi đê ô ngày ấy còn là của hiếm. Mấy ai được xem. Mình được chọn. Nhà văn nhé. Ðảng viên nhé. Không được đi thì còn ai vào đấy. Mình vẫn ức cái dạo xem phim *Chiến tranh và hoà bình.* Cán sự ba mới được xem. Mình mới cán hai. Lần này thì không trệch được. Ðúng giờ các đồng chí cốt cán xếp hàng một đi xem trước bao con mắt thèm thuồng ghen tị của các đại biểu khác. Bọn này hồi hộp đi không một tiếng động. Tới một cầu thang đã có người đứng chờ sẵn. Kéo rèm. Bấm đèn. Hất hàm ra hiệu để chỉ lối. Tới một thang gác khác. Lại kéo rèm. Lại đèn pin lập loè, thì thầm: Các đồng chí đi lối này. Tối tối rợn rợn đến nỗi có lúc mình tưởng như đang đi xem thử bom nguyên tử.   
Thân cười khặc khặc:   
- Mà hôm ấy chiếu một phim rất vớ vẩn. Một băng tâm lý sướt mướt của Ðài Loan.   
Hôm khác Thân lại sang, mồm phì phèo điếu Jet:   
- Này. Tớ kể cho các cậu chuyện này...   
Lần này bị cự tuyệt thẳng thừng:   
- Thôi. Ông về cho người ta viết. Ông có muốn vỡ hợp đồng không thì bảo.   
Thân về nhưng lại sang. Không cười mà cứ ấp úng:   
- Mình muốn nói với các cậu. Nhưng không biết có nên không. Mình cứ nói nhé.   
Ðược khuyến khích, Thân mạnh dạn :   
- Mình nhớ Dạ Ngân quá. Không biết có cách nào kéo Dạ Ngân ra đây được không?   
Ðề nghị ấy được cả nhóm ủng hộ ngay. Có Dạ Ngân, chắc chắn Thân sẽ để yên cho hai người viết. Kính đặt vấn đề với chủ nhiệm khách sạn. Ô kê. Nguyễn Quang Thân toại nguyện. Chu Lai, Ðình Kính không bị quấy rầy, năng suất tăng hẳn.   
Cứ thứ bẩy ông giám đốc lại từ rừng xuống biển. Tiếng ông oang oang giữa đám nhân viên dưới quyền.   
- Chuẩn bị nhé. Hôm nay làm việc khuya đấy.   
Ông về duyệt những trang bản thảo vừa được viết trong tuần. Ông có tác phong làm việc dứt điểm. Duyệt từng phần. Và cuối cùng duyệt lại một lượt toàn bộ là xong.   
- Tuần trước ăn gì rồi nhỉ. Cháo chim à? Hôm nay thay món khác đi. Làm món gì nhẹ nhưng lại có thể lai rai được. Gà à? Không. Có đồ biển gì không? Mới ăn cua xong à? Ðồ biển ăn nhiều rồi à? Hay là ăn thịt nai rừng ?   
Cả khách sạn sôi động lên khi sếp từ rừng về với những mệnh lệnh oang oang. Họ biết thế là lại bao nhiêu trang sách, những dòng văn chương viết về họ, bạn bè họ, tuôn chẩy từ những bộ óc nhà văn hẳn là rất đặc biệt và khác thường kia. Ðã bao lần họ nín thở nhìn trộm qua cánh cửa khép, thấy những cái lưng cong cong, cái đầu bù xù cúi xuống và bàn tay cầm bút bò chậm chạp trên trang giấy. Ôi! Thật là cao cả thiêng liêng! Lại còn những lúc các nhà văn ngồi thừ thượi nhìn vào những dòng vừa viết. Nhìn như muốn xuyên thủng giấy. Nhìn, mắt rỗng không. Nhìn đấy nhưng chẳng nhìn thấy gì. Cả khi họ đẩy cửa đem vào phích nước sôi mới. Viết văn, quả là ghê. Lao tâm khổ tứ, vắt óc, bại người, tổn thọ. Bây giờ mình đã nhìn thấy người ta viết văn rồi. Mấy ai được như vậy!   
Vốn là chuyên gia trong việc viết thuê, Ðình Kính, Chu Lai biết phải viết như thế nào. Phải có tình hình gay go. Phải có lúc tưởng như bế tắc. Phải có những đêm khuya trằn trọc trăn trở. Phải có những ngày dài bức xúc. Phải có tinh thần trách nhiệm. Những cuộc họp. Những phút giây loé sáng. Những dám nghĩ dám làm. Phải có đối thoại. Phải có tả cảnh. Không ai bảo ai, cả hai cùng thống nhất một văn phong. Ðó là thứ văn không phải để xem bằng mắt mà để nghe bằng tai. Bởi vì ông sếp không xem. Ông sếp chỉ nghe đọc lại.   
*Tối nay làm việc đến khuya.* Ba nhà văn quốc gia của chúng ta tề tựu đông đủ. Chu Lai ngồi cầm xếp bản thảo vừa hoàn thành trong tuần, rỗ rỗ xuống mặt bàn cho ngay ngắn, lật lật vài trang, nhíu mày chăm chú, hoặc cầm bút chữa một chữ nào đấy, có khi chỉ là tô lại một nét mờ, hoặc xem lại chỗ nào cần uốn giọng, cần nhấn mạnh, cần ngẩng đầu lên. Nguyễn Quang Thân khoanh chân vòng tròn, bắn một điếu thuốc lào, móp má kéo cho thật đã, để rồi sau đó có thể chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ bật lửa bập bập thuốc lá Jet. Ðình Kính hết nhìn mấy cô phục vụ bưng vào những bia, những nước ngọt, lại nhìn ông giám đốc tanh tách bật lửa *ma nhê tô* hút ba số. Sếp toàn hút ba số. Thế mà lại đi tuyên bố bọn mình chỉ hút thuốc lá Jet. Chẳng ra làm sao! Cũng may đã tìm được nơi bán. *Ở đây người ta ít hút thuốc này lắm. Chỉ mấy anh xích lô, mấy chú xe lam. Mỗi ngày bán được vài bao là nhiều. Có, các chú cứ mang ra đây.* Vài bao. Vài là ba. Vừa quá. Mỗi ngày bọn mình cũng chỉ ba bao.   
Dù tiết mục duyệt bản thảo này đã được tiến hành mấy lần rồi nhưng vẫn cứ căng thẳng. Vẫn cứ hồi hộp. Căng thẳng hồi hộp cho đến khi sếp tuyên bố ta bắt đầu làm việc thôi các đồng chí nhé. Như chỉ đợi có vậy, Ðình Kính tóm tắt những đoạn đã được duyệt kỳ trước và sau đó giọng đọc của Chu Lai bắt đầu một tối làm việc tới khuya.   
Ðình Kính kéo Chu Lai đi đánh thuê là có cân nhắc kỹ lưỡng. Không phải chỉ vì Chu Lai là một nhà văn đã thành danh, dễ dàng gây nên *cú sét mến phục từ cái nhìn đầu tiên,* cũng không phải Chu Lai từng là đặc công đã lăn lộn ở vùng này. Ðiều chủ yếu Ðình Kính chấm Chu Lai là ở giọng đọc. Không chỉ lão luyện ở những *chiêu văn hùng tráng,* là một diễn viên kịch nói, Chu Lai có một giọng đọc không chê vào đâu được. Ấm. Vang. Âm. Sang sảng. Lăn vào lòng người.   
Cái trò đọc truyện đêm khuya không là cái đinh gì với Chu Lai. Nhưng không được chủ quan. Dù chính là người viết ra nó, anh vẫn đọc kỹ lại một hai lần, để thể hiện đúng tình cảm. Chu Lai như đã nhìn thấy trước hiệu quả của từng chữ phải nhấn mạnh, những chỗ tạm ngừng, những từ phải đọc uốn cong lên mà anh hình dung ra ngay từ khi còn đang cầm bút viết.   
Ông giám đốc im lặng đốt ba số. Lắng nghe. Ðình Kính, Nguyễn Quang Thân cúi đầu, thỉnh thoảng lại liếc trộm ông giám đốc, dò tìm phản ứng trên nét mặt đăm chiêu của ông. Sao ông ta lại chau mày. Ðoạn này có gì không ổn đâu. Chỉ là nói về nghị quyết đảng bộ lâm trường thôi. Sao ông ta lại ngả hẳn người ra ghế lim dim mắt thế kia nhỉ? Hay ông ta ngủ. Kìa. Sếp đã cười. Sếp còn gật gật nữa. Chắc ăn rồi. Thắng rồi. Chắc chắn sản phẩm của mình đã làm vừa lòng sếp, đã được sếp duyệt, sếp OTK rồi. Mà không ưng sao được khi giọng oanh vàng của Chu Lai ngân nga: *Rừng xưa lá úa. Nhưng những con người đến cùng rừng hôm nay đã thay lá cho rừng. Không phải đất trời, sự vận động của thời tiết, của bốn mùa đã làm nên điều kỳ diệu ấy. Mà chính là những con người(...) (...) Con đường mới mở trong rừng đâu phải chỉ làm bằng máy móc. Trước hết nó được làm bằng trí tuệ, bằng tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội của những người làm việc âm thầm không cần ai biết đến, lặng lẽ giản dị như những gốc cây rừng (...) (...)Ngồi trên chiếc xe lu lăn trên con đường xuyên rừng đang được hoàn thiện, họ có cảm giác đây là con đường tiến vào thế kỷ 21 và thả tâm hồn vào thiên niên kỷ tới.* Giám đốc không ưng sái cổ sao được khi vẫn cái giọng tuyệt vời của một diễn viên đã bao lần chinh phục khán giả trên sàn diễn tiếp tục: *Rừng thay lá. Rừng sống lại. Rừng lại hát khúc ca hùng tráng của rừng.* (Ðọc đến đây Chu Lai ngừng lại, ngước nhìn lên mà chẳng nhìn ai, với cặp mắt thẫn thờ thăm thẳm chiều sâu.) Ðình Kính cha đẻ của những dòng văn ấy và cả Nguyễn Quang Thân không đóng góp một chữ nào cũng thấy sởn hết cả gai ốc vì xúc động. Giám đốc kêu lên :   
- Tốt! Tốt! Cứ như vậy là rất tốt!   
Và quay ra cửa hét to:   
- Các đồng chí chuẩn bị ăn khuya đến đâu rồi? Xin phép các nhà văn, tôi ra xem anh em họ làm ăn ra sao.   
Ngồi trong buồng còn nghe thấy giám đốc nói với chủ nhiệm khách sạn ngay phía ngoài cánh cửa (rõ ràng đủ to cho bên trong nghe thấy):   
- Ðồng chí có trách nhiệm hỏi ba nhà văn xem có cần giải trí không? Nhà văn cũng là người chứ! Cũng cần giải trí chứ! Ðả thông các đồng chí ấy đừng ngại. Các đồng chí ấy giải trí không phải vì các đồng chí ấy, mà vì chúng ta, vì công việc, vì lâm trường!   
\*   
Hai tháng qua nhanh. Bản thảo đã hoàn thành. Hợp đồng đã kết thúc. 180 bao Jet trừ ba bao để ở ba phòng, còn lại một trăm bẩy bẩy bao đã được bán, tiền đã được cho vào túi. Tên tác phẩm đã được đặt. Ðứa con tinh thần ấy được các ông bố thống nhất đặt tên là RỪNG XƯA XANH LÁ. Nhưng lại xẩy ra một trục trặc nhỏ: Những ai là tác giả, những ai đứng tên ngoài bìa sách? Nguyễn Quang Thân tự xét mình không đóng góp một chữ nào cho tập sách này, nhất định không chịu ký tên:   
- Bỏ tên tớ ra. Tớ không muốn là kẻ đạo văn.   
Chu Lai trừng mắt:   
- Ông đã được ở đây hai tháng. Ăn uống. Bia bọt. 59 bao thuốc Jet. Lại đón Dạ Ngân ra. Không ký tên là không xong đâu!   
Ðình Kính ôn tồn:   
- Ông Thân không ký tên cũng được. Thôi thì tiền thuốc lá Jet chúng tôi cho ông. Nhưng cái khoản một chỉ vàng ông phải để lại. Hai thằng tôi cưa đôi.   
Ðòn ấy làm Thân choáng. *Coup décisif!* Thân đành chấp nhận ký tên, chấp nhận làm kẻ đạo văn.   
Sau bữa liên hoan chia tay có cả sâm banh, có cả bia và đủ thứ sơn hào hải vị, ba nhà văn được ông giám đốc trực tiếp nong vào ngón tay mỗi người một chiếc nhẫn một chỉ vàng kết thúc hợp đồng. Nguyễn Quang Thân tút về Cần Thơ với Dạ Ngân. Chu Lai, Ðình Kính về thành phố Hồ Chí Minh. Từ bến xe, hai người hai chiếc xe đạp khung dựng guồng về khu nhà nghỉ của Hải Quân. Ðình Kính vừa đạp xe vừa ngắm chiếc nhẫn vàng óng trên ngón tay nắm ghi đông. Một chiến công. Một thắng lợi dòn dã. Ðây là chiếc nhẫn vàng thứ hai trong đời Ðình Kính. Chiếc nhẫn vàng thứ nhất mua cách đây không lâu. Biết bao phấn đấu, tằn tiện của hai vợ chồng mới có được. Mua về, gói vào vải, bọc túi ni lông, cho vào tủ rồi, nằm ngủ rồi, lại tung chăn, dậy mở tủ lấy nhẫn ra ngắm, rồi lại gói lại bọc lại cất, mới vào màn ngủ được. Chỉ vàng to lắm, mấy ai có...   
Ðang ngẫm ngợi như vậy thì đã tới Thảo cầm viên. Một đám đông con gái trẻ măng ríu rít ùa ra, vây lấy hai đồng chí bộ đội. Một cuộc tập kích bất ngờ. Người nắm ghi đông. Người nắm tay. Người ôm vai. Người bóp đùi. Người kéo áo. Hoảng. Hoảng quá. Không còn biết ra sao nữa. Dù họ trẻ. Dù họ đẹp. Họ nũng nịu. Họ tươi như hoa. Dù họ ríu rít như chim:   
- Hai anh. Ði đâu mà vội thế?   
- Dừng lại. Ði chơi với chúng em.   
- Ði. Chút xíu thôi mà, anh Hai.   
- Anh Hai. Xem em nè.   
Vội xuống xe, kẻo ngã. Họ nài nỉ. Họ thơm tho. Họ nưng nức nước hoa. Họ phụng phịu như dỗi. Họ nắm chân nắm tay, họ ôm lấy hai người.   
Cố gắng gạt bầy tiên nữ ấy ra, hai nhà văn thoát khỏi vòng vây, lên xe guồng một mạch về nhà nghỉ. Vừa đặt ba lô xuống, thoáng nhìn bàn tay đeo nhẫn, Ðình Kính rụng rời: Chiếc nhẫn vàng trên ngón tay không còn nữa!   
- Chu Lai ơi! Cái nhẫn của mình mất rồi! Giọng Ðình Kính thất thanh.   
Chu Lai giật mình giơ tay lên. Nhẫn vẫn còn.   
Ðình Kính nằm vật xuống giường không nói được một lời. Tiếc đã hẳn. Nhưng giận. Giận điên lên, cái lũ con gái khốn nạn ấy. Và cuối cùng thì phục. Cái nhẫn khi ông giám đốc đeo vào ngón tay mình còn chật cơ mà. Không hiểu nó lấy cách nào nhanh thế.   
Lại phải cười vì Chu Lai cứ giơ bàn tay có nhẫn ra trước mặt như khiêu khích. Ðình Kính bảo:   
- Mất. Tức thì tức thật nhưng phải công nhận chúng nó tài. Nó đã nâng lên hàng nghệ thuật.   
Một lúc sau lại:   
- Tài thật! Tài thật!   
Chu Lai tiếp:   
- *Tài đến thế là cùng! Tiên sư em Tào Tháo!*  
Ðang đau như hoạn cũng phải cười. Ðang cười bỗng im bặt. Giật mình. Sục vội tay vào túi quần. Thở phào. Chỗ tiền bán thuốc lá Jet vẫn còn.

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần II**

**Tôi là bạn của ông Dương Tường**Chuyện ở thành phố Hồ Chí Minh: Một lần Dương Tường đưa nhóm hoạ sĩ 5 người (gang of five) từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh mở triển lãm. Nguyễn Quân mời tất cả tới khách sạn chiêu đãi. Dương Tường đi xích lô, tay cầm tờ Vietnam News cẩn thận, bước vào khách sạn. Người gác cửa khách sạn to lớn, mặc sắc phục nắm chặt vai anh đẩy ra vỉa hè:  
- Không được bán báo ở trong ấy! Ði ra ngoài kia mà bán!  
Chuyện ở Hà Nội:   
Một ngày giáp tết, nghe mấy hoạ sĩ trẻ rủ rê, Dương Tường đi chợ hoa với họ. Vào chợ, họ tản mát khắp nơi để chọn bằng được một cành đào ưng ý. Lơ ngơ một mình giữa chợ, Tường mua đại một cành đào, vác ra ngoài cổng chợ đứng chờ. Ðang cầm cành hoa mới mua, xo ro trong mưa dầm gió bấc, bỗng một bàn tay nắm lấy vai anh, đẩy anh vào trong chợ:  
-Không được bán hoa ở đây! Mang vào trong chợ mà bán!  
Ðó là người bảo vệ chợ.  
Người ta nhầm Dương Tường là người bán báo, người bán hoa. Nhưng học theo cách nói của Nguyễn Tuân, tôi nghĩ chưa ai nhầm Dương Tường là nhà thơ, nhà văn hoá cả...  
Buổi biểu diễn kết thúc, đèn bật sáng trong những tràng vỗ tay ran và khán giả đứng dậy ra về, gặp tôi trong hành lang nhà hát, lối thông lên sân khấu, bà Lorelle Browning vẫn giữ nguyên nụ cười trước thành công của buổi diễn. Thấy tôi, bà tiến sĩ người Mỹ này dừng lại, chắp hai tay trước ngực, xá tôi một xá và cúi đầu chào tôi một cách rất phương Ðông:   
-Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.   
Tất nhiên bà phát âm lơ lớ, kiểu phát âm của một người ngoại quốc đang tập nói những câu giao tiếp tiếng Việt. Và một trong những câu đầu tiên bà học để có thể tự nói bằng tiếng Việt là câu nói trên. Tôi là bạn của ông Dương Tường. Trong câu chuyện giữa chúng tôi đó là câu duy nhất bà nói không phải qua phiên dịch. Còn cứ là phải nhờ "phiên dịch" Thu Hà, một nữ nghệ sĩ sân khấu xinh đẹp, người vừa từ sàn diễn trong vai một phu nhân lộng lẫy quyền quý của Giấc mộng đêm hè bước xuống.Hồi chiều, khi đoàn kịch nói Việt-Mỹ (tôi cứ tạm đặt tên như vậy) vừa từ Hà Nội về Hải Phòng, còn đang nhận phòng tại khách sạn Hoà Bình trước cửa ga, tới thăm nữ nghệ sĩ Thu Hà, tôi đã gặp bà Lorelle Browning tại đó. Bà cùng ông chồng ở phòng gần bên. Thu Hà giới thiệu tôi với bà một cách vắn tắt nhất:   
-Nhà văn Bùi Ngọc Tấn, bạn của nhà thơ Dương Tường.   
Bà reo lên:   
-A!   
Và đứng thẳng người, chắp hai bàn tay trước ngực, xá tôi một xá:   
-Chào ông. Tôi là bạn của ông Dương Tường.   
Ðó là một cách nói: Tôi với ông là bạn. Bởi chúng ta cùng có một người bạn chung: Ông Dương Tường. Nó cũng đồng thời như một chứng chỉ bà là người bạn của nghệ thuật Việt Nam.   
Chúng ta còn nhớ năm 1999, một đoàn kịch nói Việt Nam đã sang Mỹ diễn Hồn Trương Ba da hàng thịt. Một tháng rưỡi đoàn lưu diễn ở các trường đại học. Diễn tiếng Việt nhưng phụ đề màn hình bằng tiếng Anh. Tưởng như sẽ khó khăn cho việc tiếp nhận nghệ thuật, cho việc giao lưu tình cảm giữa sàn diễn và người xem. Nhưng kết quả có thể nói là vượt sự mong đợi. Dư luận Mỹ rất hoan nghênh. Hoan nghênh về nghệ thuật. Hoan nghênh về một hình thức giao lưu văn hoá mới, về sự hiểu nhau thêm giữa hai dân tộc. Mặc cho một số Việt kiều quá khích ở Los Angeles biểu tình phản đối, những buổi biểu diễn của đoàn kịch Việt Nam vẫn cứ đầy ắp người xem. Diễn xong khán giả còn đứng dậy hoan hô (đứng dậy hoan hô là một hình thức hoan nghênh đặc biệt tại Mỹ).   
Một năm sau, năm 2000, chương trình hợp tác sân khấu Việt Mỹ lại có những sáng kiến mới. Không chỉ là đoàn kịch nói Việt Nam sang Mỹ như trước, hay ngược lại, một đoàn nghệ sĩ sân khấu Mỹ tới biểu diễn ở Việt Nam, mà là các diễn viên Mỹ và Việt Nam cùng diễn chung một vở, diễn viên Việt nói tiếng Việt, diễn viên Mỹ nói tiếng Anh, tất nhiên là phải dùng đến phụ đề trên màn hình vi tính. Vở được chọn là Giấc mộng đêm hè của Sêch-xpia. Và Những con thú thuỷ tinh (The glass menagerie) của Tennessee Williams, Mỹ. Tôi gặp bà Lorrelle trong dịp đoàn về Hải Phòng công diễn hai vở trên trước khi bay vào thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lorrelle là chủ nhiệm chương trình. Diễn ở các thành phố lớn Việt Nam rồi sẽ sang Mỹ biểu diễn. Chắc chắn chương trình giao lưu nghệ thuật này có tác dụng góp phần vào việc nhân dân hai nước hiểu nhau hơn, một bước tiến trong quá trình hai dân tộc cùng nhau hướng tới tương lai.   
Nhưng thật ít người biết được rằng sáng kiến gây tiếng vang này lại nẩy sinh trong một buổi trò chuyện về sân khấu giữa Dương Tường với bà Lorrelle. Là tiến sĩ văn khoa, giảng dạy ở trường đại học Pacific University, bà tới Việt Nam giảng dạy về Sêch-xpia ở trường Ðại học Huế và trường đại học Tổng hợp Hà Nội. Những lúc rỗi rãi bà muốn có người trò chuyện. Một hôm bà ngỏ ý ấy với cô Diana, một người nước ngoài làm phóng viên cho tờ Vietnam News: Giá có ai ở Hà Nội mà nói chuyện về Sêch xpia được thì thích quá nhỉ?   
Cô Diana tươi cười bảo bà:   
- Có chứ. Sao lại không?   
Cô Diana đưa bà Lorrelle Browning đến nhà Dương Tường, 3B Phan Huy Chú. Thế là chuyện dứt không ra. Rất tâm đầu ý hợp. Tường nói cho bà biết Tường đã dịch Sêch-xpia, sân khấu Việt Nam đã từng dựng Sêch-xpia: Rô-mê-ô và Juy-li-et, vua Lia. Ô-ten-lô thì đang dựng dở... Bà Lorrelle nói về Sêch-xpia bên Mỹ, về những nhà hát đã công diễn Sêch-xpia, về sự mãi mãi say mê của công chúng Mỹ đối với nhà viết kịch vĩ đại...   
Bỗng nhiên Tường hỏi:   
-Sao bây giờ chúng ta không làm một cuộc trao đổi sân khấu giữa Việt Nam và Mỹ nhỉ?   
Ðó là một ngẫu hứng, một ngẫu hứng "nhiều khi không phải xuất phát từ những kế hoạch định sẵn, mà nảy ra từ sự gặp gỡ giữa con người với con người cụ thể" như một bài báo đã viết về anh.   
Lorrelle Browning im lặng. Bà suy nghĩ và như đang cân nhắc những vấn đề gì đó. Rồi bảo:   
-Tôi phải xem sân khấu Việt Nam thế nào đã.   
Dương Tường đưa bà khách Mỹ, một chuyên gia về Sêch xpia của nước Mỹ tới gặp những người có trách nhiệm trong Hội Nghệ sĩ sân khấu. Trọng Khôi, Nguyễn Ðình Nghi vốn từ lâu đã là những người bạn của anh. Ðôi bên thống nhất trước tiên hãy cử một đoàn nghệ sĩ Việt Nam sang Mỹ công diễn một vở kịch Việt Nam, tất nhiên là diễn bằng tiếng Việt. Bà Lorrelle đề xuất sáng kiến khắc phục rào cản ngôn ngữ bằng phụ đề. Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ được chọn. Nhạc sĩ Xuân Oanh dịch kịch bản. Dương Tường hiệu đính. Tường cùng Trọng Khôi làm dự toán. Bà Lorrelle không biết mỏi mệt trong việc chạy thủ tục, chạy kinh phí. Cuối cùng ông Oscar người Thuỵ Ðiển đại diện quỹ Ford-Foundation tại Việt Nam đồng ý tài trợ cho cả chuyến đi.   
Dương Thụ nói rằng Dương Tường là người của giao tiếp.Vợ con anh bảo anh ham vui, thích lang bang nơi này nơi khác. Ngay từ thập kỷ 60, thời gian rất căng thẳng, mặc dù đã bị công an thẩm vấn nhiều lần, mỗi bước đi đều bị giám sát chặt chẽ, anh vẫn cứ lang bang. Anh tin rằng rồi người ta sẽ hiểu anh, anh chỉ đến với nghệ thuật và như vậy chẳng có gì để sợ. Với lại cảm giác "nhồn nhột sau gáy"[[1]](" \l "anm1), anh đã quen rồi. Như anh quen với việc một số người, trước đây từng là bạn, lảng tránh anh. Những người anh đến chơi cũng đều là những người đã quen "giật mình một cái vỗ vai"[[2]](" \l "anm2) như quen với sự hiện diện của anh. Thế giới giao tiếp của anh thật đa dạng. Từ ông chủ tịch hội nghệ sĩ sân khấu tới các diễn viên trẻ, từ những ông tổng biên tập báo tới các phóng viên mới vào nghề, từ những hoạ sĩ còn hàn vi, vẽ tranh bảo hộ lao động kiếm sống đến những nhân vật tiếng tăm như Nguyễn Tuân, Sĩ Ngọc, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên... Anh chơi thân với Văn Cao, với Trịnh Công Sơn. Nhà anh giống một câu lạc bộ. Câu lạc bộ đa ngành đa nghề. Trong đám khách đánh tá lả thâu đêm trên tầng gác mới xây thêm ở Mai Gallery ngõ số 3B Phan Huy Chú ta dễ dàng bắt gặp nhóm hoạ sĩ trẻ Hà Trí Hiếu, Ðinh Quân, Ðặng Xuân Hoà, Ðỗ Phấn...Cũng có khi là một đám khách "tạp" nhiều ngành nghề uống bia chuyện gẫu: Hoàng Cầm, Nguyễn Quân, Bảo Ninh, Dương Thu Hương. Và đoàn xe nổ máy ầm ầm đang ngoặt vào nhà anh mời anh đi ăn cơm cá bống kho phố Lò Ðúc kia là Thanh Sơn, nữ phóng viên báo Tuổi Trẻ Thuý Nga vừa từ thành phố Hồ Chí Minh ra, Ngô Hà Thái và Phạm Xuân Nguyên. Lại nữa, một ông già tuổi trên 90 nhưng còn rất nhanh nhẹn, khoẻ mạnh và cả vui tếu nữa: hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn đang dán mũi vào một tập tranh in. Vợ chồng Ðỗ Minh Tâm, Vũ Bích Thuỷ về nhà "chú Tường" như về nhà mình. Hoàng Ðức Nhuận từ Huế xuống ga Hàng Cỏ tới thẳng nhà Tường, quẳng ba lô trèo lên giường ngủ vùi, ngủ như chưa bao giờ được ngủ. ở Sài gòn anh có không biết bao nhiêu bạn : Cao Xuân Hạo, Nguyễn Thanh Bình, Lưu Công Nhân, Trịnh Cung, Trần Tiến, Hồ Thu Hồng, Tường Vân...Tôi nhớ vào buổi sáng sau khi bế mạc đại hội nhà văn một ngày, Nguyễn Thị Minh Thái và con gái lại nhà Dương Tường kéo chúng tôi đi ăn sáng tại một nhà hàng Lý Thường Kiệt và gặp Phú Quang ở đó,   
Phú Quang mời Dương Tường vào thành phố Hồ Chí Minh dự một chương trình biểu diễn ca khúc của anh, Dương Tường nhận lời và hôm sau bay cùng Phú Quang tắp lự.   
Châu Diên đã viết một bài về Dương Tường mà ngay đầu đề cũng đã nói đúng cái chất Dương Tường: *Rồng rắn lên mây...Ông Tường có nhà không?* Với ông Tường thì cẩn thận réo lên như thế cũng không thừa. Vì ông ... không bao giờ có nhà, ông vắng nhà ngay cả khi ông có nhà theo cái nghĩa dung tục đời thường. Ông đang vớ vẩn đâu đó... Ta cứ việc réo lên rồi ta cứ xộc đến với ông. Ông không từ chối ai hết.   
Giờ đây người ta đã hiểu toàn bộ con người anh là thuộc về nghệ thuật. Câu nói hơi có vẻ to tát này chỉ để nói một điều: Ðã bớt đi những câu hỏi đặt ra về sự giao du phức tạp, đáng ngờ của anh và sự phức tạp đáng ngờ của chính bản thân anh. Bớt đi thôi vì ngoài những người "có vấn đề" lại còn cánh tây đầm cứ ra vào nhà ông Tường tơi tới. Luôn có những người châu Âu châu Mỹ, cao mét tám, hai mét, tóc vàng, tóc bạch kim, mắt xanh, mũi lõ, quần bò, quần soóc, váy dài, váy ngắn, đàn ông, đàn bà khoác ba lô, mang túi đi từ ngõ vào, hỏi những người trong ngõ bằng một giọng lơ lớ mà chỉ về sau mới quen, mới hiểu còn lúc đầu nghĩ mãi không ra:   
-Tôi hoi nha ôn duôn tuôn.   
Vào nhà ông Tường một lúc. Rồi ra. Chẳng biết chuyện với nhau những gì. Chỉ biết khi vào, tay xách một gói vuông vắn. Khi ra tay không. Xóm phố nhìn anh bằng cặp mắt soi mói ngờ vực. Anh được mời ra đồn làm việc. Và không quên phải cầm theo cái gói nhỏ người nước ngoài tặng anh: Một gói sách.   
Ðầu năm 1990 Joren Gerhart, nhà nhiếp ảnh người Thuỵ Ðiển từ Hồng Kông tới Hà Nội và tìm đến Dương Tường do nữ phóng viên Shelly Goll giới thiệu. Chàng trai (bằng tuổi Hải Âu con trai anh) cao một mét chín tám này làm ảnh cho một số tạp chí của Hồng Kông, trong đó có chuyên mục chân dung nghệ sĩ cho tờ Asian art News. Anh ta ngỏ ý muốn được chụp ảnh một số văn nghệ sĩ Việt Nam. Rất vui vẻ, Tường kéo anh ta đi ăn cơm bụi, đi chơi, đến nhà những người bạn của anh ở Hà Nội, toàn những người Gerhart sẽ phải chụp ảnh. Anh chàng phóng viên nhiếp ảnh rất phấn khởi:   
-Shelly Goll đã đúng. Cô ấy bảo cứ đến ông là gặp đủ mọi người.   
Trần Phương Mai, con gái anh đưa Gerhart đến những địa chỉ phải đến. Chỉ ít ngày sau, Gerhart đã có trong tay chân dung những văn nghệ sĩ nổi tiếng của Hà Nội. Rồi Mai đưa Gerhart vào Huế gặp Bửu Chỉ, Hoàng Phủ Ngọc Tường, tổ chức chụp ảnh các văn nghệ sĩ Huế. Chưa hết, Mai còn đưa Gerhart vào thành phố Hồ Chí Minh... Kết quả chuyến đi của Gerhart là collection ảnh những văn nghệ sĩ tiêu biểu của Việt Nam. Và...Mai Gallery. Chính Gerhart gợi ý với anh là nên mở phòng tranh. Ðến nhà Dương Tường, đi cùng hai bố con anh, hiểu được kiến thức của anh đối với hội hoạ nói riêng và nghệ thuật nói chung cũng như sự quen biết rộng rãi của anh và bằng con mắt của một người am hiểu sinh hoạt văn hoá khu vực Ðông Nam Á, Gerhart cả quyết Gallery không chỉ giải quyết những khó khăn về kinh tế của gia đình anh mà còn giới thiệu được hội hoạ Việt Nam ra thế giới.   
Mai Gallery ra đời.   
Rồi Stephen Mac Guinness chủ Gallery Plum Bossoms được Trịnh Cung và Thi Uyên đưa từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội đến thăm anh. Lại một phút giây xuất thần loé sáng: Dương Tường, Trịnh Cung cùng Nguyễn Quân làm việc với Gallery 7 Hàng Khay (do Việt Hải phụ trách) và Stephen, đề xuất một kế hoạch giới thiệu có hệ thống hội hoạ Việt Nam ra nước ngoài. Thế là năm 1991 lần đầu tiên hội hoạ Việt Nam được giới thiệu với một quy mô lớn ra quốc tế. Gallery Uncorked Soul (có nghĩa Tâm hồn bộc bạch) Hồng Kông đã giới thiệu và trưng bầy tranh Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Lê Công Thành, Phạm Việt Hải, Trần Lưu Hậu, Trịnh Cung, Nguyễn Trung, Hoàng Ðăng Nhuận, Ðỗ Thị Ninh, Bửu Chỉ, Nguyễn Quân, Nguyễn Thân, Buì Suối Hoa, Ðặng Xuân Hoà, Trần Trọng Vũ... Ðể đạt kết quả trên, Nguyễn Quân, Trịnh Cung, Dương Tường đã làm việc không mệt mỏi. Tường tập hợp cánh hoạ sĩ để họ chọn tranh. Nhà Tường lúc nào cũng đông hoạ sĩ. Jeffry nhà phê bình hội hoạ Mỹ được Plum thuê sang Việt Nam giám định tranh. Lúc đầu không có Trần Trọng Vũ. Tường đưa Plum đến nhà Trần Dần. Jeffry quyết định chọn Vũ. Lần đầu tiên, tác phẩm của Vũ được ra nước ngoài. Cùng với triển lãm, một catalogue được phát hành. Ðó là một cuộc triển lãm mang tính đột phá trong quá trình hội nhập của hội hoạ Việt Nam.   
Ở Hồng Kông sau này có một gallery chuyên giới thiệu tranh và bán tranh của hoạ sĩ Việt Nam: Gallery Lã Vọng. Chủ gallery, bà Shirley Hui, một tiến sĩ người Mỹ gốc Hoa tới Việt Nam và đến Dương Tường. Gallery Lã Vọng là kết quả của những lần anh dắt bà Hui đến chơi Ðặng Xuân Hoà, Nguyễn Tư Nghiêm, nhóm 5 người (gang of five). Trong tập sách đầu tiên của Gallery Lã Vọng có đoạn viết:" Ông này (Dương Tường), nhà thơ và nhà phê bình lỗi lạc đã soi sáng cho tôi rất nhiều khía cạnh của văn hoá Việt Nam" (The latter, eminent poet and critic, has enlightened me greatly on many aspect of Vietnamese culture). Bà Shirley Hui còn kéo thêm bà Judith Day cộng tác và sau này khi bà Judith Day rời Hồng Kông về Mỹ, chưa có điều kiện mở gallery, bà lập salon tranh, triển lãm tranh Việt Nam ở Si-ca-gô, Nữu Ước và vài nơi khác.   
Khi David Thomas, cựu chiến binh, giáo sư hoạ sĩ trường đại học Emmanuel, người đầu tiên tổ chức triến lãm mỹ thuật Việt-Mỹ mang tên "Nhìn từ hai phía" sang Hà Nội tìm đến Dương Tường, cảm phục nhiệt tình và kiến thức sâu rộng của anh đối với hội hoạ đã tới Hội đồng Văn hoá Châu Á (Asian cultural council) xin tài trợ để có thể mời anh cùng với Nguyễn Quân, Ðặng Xuân Hoà sang Mỹ, dự triển lãm thứ hai do David tổ chức với tên gọi "Cách nhau một đại dương". Ðó là vào năm 1995. Hộ chiếu đòi hỏi nhiều thủ tục không đơn giản. Một trong những thủ tục bắt buộc: anh phải là người của Hội Nghệ sĩ tạo hình. Mà Tường thì chưa ở trong bất kỳ một hội nghệ thuật nào (Cho đến tận bây giờ anh vẫn chưa có chân trong Hội Nhà văn). Anh phải làm đơn xin vào Hội Nghệ sĩ tạo hình, ngành lý luận phê bình. Hội đồng lý luận không giới thiệu anh lên ban chấp hành, mặc dù đơn của anh được Trần Lưu Hậu, chủ tịch Hội Ðồng nghệ thuật và Thái Bá Vân nhà lý luận hàng đầu ký tên giới thiệu. Mà thời hạn đi Mỹ đã gần kề. Bà Vũ Giáng Hương khi đó là Tổng thư ký Hội biết chuyện phát biểu:   
-Anh Dương Tường viết những bài phê bình, giới thiệu hội hoạ rất có chất lượng, và viết nhiều hơn bất cứ một nhà phê bình chuyên nghiệp nào. Hai anh Thái Bá Vân, Trần Lưu Hậu đã giới thiệu. Nếu cần tôi xin là người thứ ba giới thiệu anh Dương Tường.   
Dương Tường được kết nạp vào Hội Nghệ sĩ tạo hình. Anh được cấp hộ chiếu đi Mỹ với tư cách là nhà phê bình nghệ thuật.   
"Tường đã sang thăm Hoa Kỳ, đã tới Boston -Châu Diên viết như vậy- đã đi nhiều ngả, đã đến bên đài kỷ niệm có tên Bức tường Việt Nam. Một ngày cuối tháng chạp năm 1995, Tường ngồi thụp xuống chân đài kỷ niệm viết vội những dòng thơ bằng tiếng Anh, vẫn như mọi lúc, không bao giờ có ý định công bố, thơ viết vội cho chính mình, đơn giản là thơ, thế thôi. Tuy chỉ là ghi vội cho mình, song bài thơ đã lọt vào mắt xanh một chuyên san đại học Yale. Nữ nhiếp ảnh Ellen Kaplowitz đã xin phép viết bài thơ lên một tấm pa nen lớn đặt ngoài cửa ra vào triển lãm của chị. Còn hoạ sĩ Rodney Dickson thì in bài thơ của Tường vào thiếp mời triển lãm của mình có tên là Life~Death (Sống~Chết) đầu tháng 2-2001 ở New York".   
Tên Dương Tường cùng ngôi nhà của anh đã trở thành quen thuộc với nhiều người làm văn hoá nghệ thuật ở nhiều nước. David về Mỹ nói với bạn bè:   
-Gia đình Hà Nội của tôi là nhà Dương Tường.   
Anh được Cộng đồng Pháp ngữ mời sang Pháp. Anh sang Ðức trong Festival Gặp Việt Nam của Ðức. Tôi nói đùa với Dương Tường:   
- Chỉ vì ham vui mà ông làm được khối việc ra đấy. Có thể gọi ông là Vụ văn hoá đối ngoại nghiệp dư. Ðược không? Dù lúc đầu có hơi phiền phức, nguy hiểm.   
Tường cười:   
-Cũng là do cái tính của mình.   
Báo Lao Ðộng cũng đã phỏng vấn anh về đề tài này, tất nhiên không như chúng tôi đùa bỡn cùng nhau. Bài báo viết: ... không thể là ngẫu hứng, nó là kết quả của những tình bạn thâm giao với các văn nghệ sĩ tài năng từ lúc họ còn hàn vi, đến các hoạ sĩ trẻ thời mở cửa được "lăng xê" một cái là lên như diều...Ông được tiếng là người chu đáo tận tình với bạn bè. Và Tường đã bộc bạch: "Tôi yêu quý các nghệ sĩ, ở thế hệ đàn anh, đó là phẩm chất mà người Pháp gọi là "intégrité morale", tức là một sự toàn vẹn "nguyên khôi" hết mình, trung thực không thể chê trách. Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Trần Dần là những người như thế. Ðáng buồn là những con người như thế ngày càng ít. Với thế hệ trẻ tôi "sướng" lây cái sướng của họ: Không mặc cảm, không ràng buộc, với người đi trước họ không đạp đổ, vẫn kính trọng nhưng không bị đè...Tôi yêu văn hoá Việt Nam, nghệ thuật Việt Nam. Và tôi yêu tấm lòng đối với văn hoá Việt Nam của những người nước ngoài đến với Việt Nam, đến với tôi, một cô hoạ sĩ Hà Lan tôn thờ Trần Trung Tín của mình còn hơn Van Gogh, một David Thomas lặn lội gõ cửa các nơi để giới thiệu "Bẩy cột trụ hội hoạ Việt Nam" cho dân Mỹ.   
Nói Tường ham chơi, ham vui là một cách nói yêu. Anh là người lao động nghiêm túc. Anh đã dịch hơn 50 đầu sách từ tiếng Anh, tiếng Pháp ra tiếng Việt. Ðó là những tác phấm nổi tiếng của văn học thế giới, những tác phẩm luôn gợi mở cho những người cầm bút Việt Nam những suy nghĩ mới mẻ về sáng tác, những tác phẩm mà Nguyễn Quang Thân nói đọc xong thay đổi cả nhận thức như Anna Karenina (Lev Tolstoi), Alexis Zorba (Nikos Kazantzaki, Hy lạp). Và Ðất dữ ( Jorge Amado, Brazil), Cuốn theo chiều gió (Margarret Mitchel, Mỹ), Ðồi gió hú (Emily Bronte, Anh), Cội rễ (Alex Haley, Mỹ), Con đường xứ Flandres (Claude Simon, Pháp), Bức thư của người đàn bà không quen (Stefan Zweig, áo), Người dưng (Albert Camus, Pháp), Truyện ngắn Tchekhov, nhiều vở kịch của Shakespeare như Othello, Anthony và Cleopatra, Ðêm thứ 12 v.v...Hiện Tường đang đánh vật với tiểu thuyết Trống thiếc của Gunter Grass, nhà văn Ðức, Nobel văn học 1999.   
Không chỉ chọn sách dịch, Tường luôn cố gắng hết sức mình để đạt được một chất lượng chuyển ngữ tốt nhất. Những bản dịch của anh đọc thật sướng. Rất nước ngoài nhưng cũng rất Việt Nam. Và đặc biệt, rất Dương Tường. Anh quan niệm dịch văn học như sau: "Tôi muốn người dịch là đồng tác giả, làm sao vượt lên định kiến "dịch là phản", bản dịch phải là kết quả trong đó có 100 phần trăm tác giả và 100 phần trăm dịch giả, làm sao có thể ký tên (nói cho vui) Nguyễn Du-Dương Tường dưới bản dịch Truyện Kiều. Nói cách khác, bản dịch phải thể hiện cá tính của dịch giả trong từng chữ. Ðiều đó cũng tựa như trong âm nhạc, biểu diễn nhạc là "dịch" một tác giả theo cách của mình; cũng là Chopin, nhưng Chopin do Ashkenazy đánh là ký tên Ashkenazy, Chopin do Ðặng Thái Sơn đánh là ký tên Ðặng Thái Sơn...Tôi thích làm cái khó, làm cái gì hơn mình một tý, như người kiễng chân từng mi-li-mét. Tôi muốn mình phải dịch những gì có thể tác động đến văn học Việt Nam, đến người làm nghề văn thì mới bõ. Ðối với văn học đương đại, vấn đề không phải là viết khó hay dễ, mà cần phải biết có bao nhiêu con đường khác nhau, đó là gợi ý để mình thám hiểm. Ðừng ăn sẵn, dù là ăn sẵn của ông cha hay ăn sẵn của thiên hạ, phải phăng những con đường mới."   
Một trong những tác phẩm tiêu biểu cho những điều anh nói trên là tập "Những con đường xứ Flandres" của Claude Simon, Nobel văn học. Tường nói với tôi:   
- Những con đường xứ Flandres chưa đến 400 trang mà tôi dịch lâu gấp đôi "Cuốn theo chiều gió" dầy cả ngàn trang. Tôi dịch vì nghĩ đến anh em viết mà chưa được đọc quyển này thì thiệt quá. Nhiều lúc rất mệt nhưng cố.   
Trong lời giới thiệu in đầu sách, Tường viết: Tôi dám khẳng định: cuốn sách này sẽ chỉ có một công chúng hạn hẹp. Nó không dành cho những người tìm khoái thú dễ dàng ở một cốt truyện nhiều tình tiết ly kỳ hay éo le hấp dẫn theo cách thông thường. Chúa chứng giám là tôi tuyệt nhiên không có ý làm nản lòng độc giả, mà quả thực là ngay cả ở Pháp, quê hương của tác giả, thái độ của nhiều trí thức trung bình đối với sách của Claude Simon cũng chỉ "kính nhi viễn chi" mà thôi.   
Song tôi lại dám nói những ai tìm đến cuốn sách này với lòng ham muốn khám phá đích thực sẽ như bị bùa mê và sẽ đọc lại nó chí ít vài lần nữa.   
Lời giới thiệu này dành cho loại độc giả đó. Hy vọng nó sẽ cung cấp được một số đường dây khả dĩ giúp họ tìm được lối trong mê cung kỳ thú trong thi pháp tiểu thuyết của Simon.   
"Những con đường xứ Flandres" đúng là một mê cung. Mê cung đối với người đọc, mê cung đối với người dịch vì nó là mê cung ngay cả đối với Claude Simon, người viết ra nó. Chính tác giả đã làm việc 8 tháng ròng trên từng đoạn nhỏ, trên từng dòng lẫn lộn không phân biệt, đến nỗi ông phải dùng những sợi chỉ mầu đánh dấu mới có thể định hướng được trong cái mê cung do chính ông tạo ra. Ðánh giá đúng công sức cố gắng của anh chuyển ngữ mê cung "Con đường xứ Flandres", Hội Nhà văn đã trao giải thưởng về văn học dịch cho anh.   
Tổng kết về Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên viết:   
Ông là nhà báo? dịch giả? nhà phê bình văn học? nhà phê bình mỹ thuật? nhà phê bình âm nhạc? nhà phê bình sân khấu? nhà thơ?   
Ðúng cả.   
Sau khi dẫn chứng về nhà báo, nhà dịch thuật của Dương Tường, Phạm Xuân Nguyên chứng minh anh là nhà phê bình văn học:   
"Hãy nghe ông Tường giải một nỗi buồn của Nguyễn Tuân: "Xưa nay, người ta ưa nhìn Nguyễn Tuân như một mặc khách không ngừng bị ám ảnh bởi nỗi khát khao xê dịch, luôn luôn thèm đi, cuồng đi. L invitation au voyage -mà anh dịch rất hay là Thỉnh Du- đó là một khúc nhạc quyến rũ nhất đối với lòng chàng lãng tử họ Nguyễn. Nhưng những năm cuối đời, những chuyến đi xa dường như không cám dỗ anh nữa. Phải chăng nỗi cuồng đi đã nguội lạnh trong anh? Tôi, tôi nghĩ thế này: Có lẽ, như Celine làm cuộc viễn du đến tận cùng đêm, anh cũng thấy cần dành thời gian còn lại để hoàn thành cuộc viễn du đến tận cùng lòng mình. Vả chăng, theo tôi, cuộc hành trình lớn nhất, dài nhất trong đời anh- mà anh chưa đi hết- đó là cuộc hành trình chữ. Với anh, mỗi lần động bút là một chuyến phiêu du-du lịch trên địa đồ chữ nghĩa." Còn đây, ông viết về Raymond Carver-một Chekhov của nước Mỹ hậu hiện đại: Truyện ngắn của Carver tựa như những mẩu giáo khoa về phân huỷ. Làm thế nào để đánh hỏng đời mình và đời người khác, để nẩy sinh hằn thù điên loạn và tội ác? Carver đã tạo ra một thế giới thiếu vắng tình yêu, thiếu vắng đến độ dã man. "Chúng tôi nói gì khi bàn về tình yêu" là đầu đề một kiệt tác ngắn của ông. Thật kỳ lạ, từ lâu lắm rồi người ta đã quên hẳn không còn biết nói gì, nói thế nào về tình yêu. Trái tim bị xâm thực bởi quá nhiều tham vọng nhỏ nhoi đã trở nên khô héo cằn cỗi không còn biết đến nhịp đập yêu thương."   
Cùng với Phạm Xuân Nguyên, tôi dẫn ở đây một Dương Tường phê bình hội hoạ bằng những gì tôi có trong tay: Một trích đoạn anh viết về Nguyễn Quân "Hành trình vào cái không nhìn thấy":   
(...)Những tác phẩm gần đây của Nguyễn Quân vẫn lúa túa hình sắc, vẫn ươm những mảng mầu mát rượi như da thịt người con gái vừa tắm, song có phần u trầm hơn, vẫn chan chứa nhục cảm song chín mọng tịch lặng hơn. Xem tranh Quân, có lúc tôi tự nhủ: Này đừng mắc lừa! Lật cái lớp sum suê rực rỡ bên trên, ta sẽ thấy ở tầng sâu cái mà các nhà hiện tượng học hiện sinh gọi là "cô đơn bản thể". Nói cách khác là cái tâm thái bơ vơ lạc lõng mà vì nó, người nghệ sĩ cần đến nghệ thuật để hoà nhập trở lại vào âm dương vũ trụ...   
Và những dòng anh viết về Hà Trí Hiếu: Hà Trí Hiếu có nỗi đam mê vừa cuồng nhiệt vừa e ấp, thể hiện ở độ ào ạt của mầu sắc và sự tinh tế của ánh sáng dường như được cổ vũ bởi sức sống bao lâu bị nén lại nay bỗng một lúc vọt trào: những bộ mặt không có nét với những cái hốc trắng thay vì miệng từ đó cất lên những khúc ca im lặng. Những con bò có khi dài ngoằng mà vẫn gợi một cảm giác vuông vức, thường là một mầu đất trầm tĩnh như cuộc đời người nông dân. Ở Hiếu, dạt dào cái trữ lượng đồng quê của một tâm hồn thôn dã chưa kịp thành thị hoá. Bút pháp và mảng mầu ngày càng thiên về xuất biểu của hoạ sĩ, nghịch lý thay, chẳng những không đối chọi mà còn bổ sung cho cái trữ tình của những Quê Việt, Khúc ca quê, Thôn nữ và Bò, cái trữ tình ngăn ngắt xanh trong đó lời ru của Mẹ quyện với giếng nước luỹ tre làng và trăng ca dao tưới sầu lên nỗi tủi phận của những cô gái lỡ thì.   
Dương Tường là nhà báo (hẳn rồi vì anh là phóng viên Thông Tấn xã Việt Nam) là nhà dịch thuật, là nhà phê bình hội hoạ, Phạm Xuân Nguyên còn khuyên chúng ta hãy lắng cùng Tường Văn Cao và xung động Icare, để thấy anh là một nhà phê bình âm nhạc, hãy nhìn cùng anh Vua Lear n chiều để thấy anh là nhà phê bình sân khấu. Và chắc chắn Dương Tường còn là một nhà thơ. Báo Lao Ðộng đã phỏng vấn anh: Liệu có quá nhiều "nhà" trong một ông Dương Tường? Hay dùng một hình ảnh trong câu thơ ông (được bạn bè sửa đi một chữ): "những ngón tay mưa, Dương Tường trên mái", ông thích nhất ngón tay nào của mình? Dương Tường đã trả lời : Thích nhất là ngón tay... thơ.   
Thơ. Ðấy mới là điều chủ yếu. Ðấy mới là nghiệp chính của anh. Ngay từ những năm 60 tôi đã thấy thơ anh khác lạ. Rõ ràng anh luôn tìm tòi, phăng những con đuờng mới:

Rười rượi xanh mà ai xui em bùng khói tóc   
Ðể tôi sai nhịp tôi tiếng tiêu buồn thổi vào đêm mộc

Và:

Những ngón tay mưa   
dương cầm trên mái   
Những ngón tay mưa   
kéo dài tai quái   
một nỗi nhớ siêu hình   
nhạc nhoè đường xanh đêm lập thể

Một bài thơ một câu của anh tôi đã nghe nhiều người đọc như một tuyên ngôn của chính họ:

**Ðể ghi trên mộ chí sau này**  
Tôi đứng về phe nước mắt

Vâng. Dương Tường là rất nhiều "nhà". Dù đã nhiều "nhà" như thế, tôi vẫn muốn thêm vào ở anh một nhà hoạt động văn hoá đối ngoại và một nhà văn xuôi nữa. Văn xuôi của anh tràn đầy chất thơ. Những người đọc sách anh dịch bao giờ cũng rất thú vị khi đọc những trang in ngả của anh viết lời giới thiệu ở đầu sách. Một tập tạp văn dầy 500 trang của Tường đang chờ để ra mắt công chúng: *Ai đầu tiên gọi chích choè là chích choè*. Tên sách là tên một bài tiểu luận của anh, trong đó anh nói lên quan niệm của mình về thơ:   
Một trong những đặc thù của cái đẹp nơi chữ thơ, tôi nghĩ, là sự lên ngôi của con âm thay vì con nghĩa. Hãy một lần nữa nghe bà cô tổ Hồ Xuân Hương của chúng ta biểu âm sự nứt ra của một động Hương Tích:

Bày đặt khen ai khéo khéo phòm

Cái động từ phòm (hình như chỉ được dùng hai lần trong thơ Hồ Xuân Hương, ngoài ra không gặp ở đâu khác) cũng thuộc loại từ "bịa" phi ngữ nghĩa mà biểu năng trực cảm của nó kỳ diệu đến nỗi ai cũng hiểu tác giả định nói gì. Không có khả năng như tạo hoá "bịa" ra, chẳng hạn, một động Hương Tích thì nhà thơ "bịa" ra chữ! Những chữ tinh khôi tự nhiên như bản thân sự sống, vừa ra đời đã trở thành những thực thể.   
Thi sĩ, tôi quan niệm, là kẻ đầu tiên kéo thế giới ra khỏi vùng khuyết danh. Mà khuyết danh có nghĩa là chưa tồn tại. Thi sĩ cho sự vật một cái tên mà trước đó nó chưa có-tức là đưa nó vào tồn tại. Ai đầu tiên gọi chích choè , khi nó còn khuyết danh, là chích choè, người ấy đích thị là một nhà thơ. Loài chim ấy ắt đã có từ rất lâu trước đó, người ta hẳn đã nhiều lần thử đặt cho nó một cái tên nhưng không đậu và chỉ đến khi ai đó, trong một loé chớp thần hứng, bật thốt ra hai âm tiết chích choè trúng pắp không gì thay thế nổi, thì nó mới thực sự tồn tại, thêm cho trời đất một cái gì không chỉ đơn thuần là một loài chim.   
Văn xuôi của anh là như thế đấy. Một thứ văn xuôi khi đọc, không cần xem tên tác giả cũng biết ngay là của Dương Tường!   
Phạm Xuân Nguyên thốt lên: Tôi lạ lắm ông Dương Tường. Nguyên mới quen Tường, lạ đã hẳn. Tôi chơi với Dương Tường nửa thế kỷ rồi mà cũng vẫn cứ lạ về anh. Người bạn nhỏ thó của tôi lấy đâu ra sức lực và tích tụ từ bao giờ những kiến thức cũng như khả năng làm việc như vậy? Lại càng lạ khi Mạc Lân nói với tôi rằng chính Dương Tường là người dắt Lân vào con đường bán máu. Chỉ tới cuối năm 2001, khi hai chúng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh, rỗi rãi thời gian, trò chuyện tôi mới vỡ nhẽ ra được một số điều về anh.   
Vợ chồng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh chơi với con gái và con rể tôi sống ở trong ấy. Tôi điện ra mời Dương Tường vào. Vốn "ham vui" anh mua vé máy bay vào ngay. Ðó là những ngày nghỉ tuyệt vời. Chúng tôi để cả nửa ngày trời câu cá ở nhà Dương Thụ. Tường câu được một con cá quả bằng cái chuôi liềm, mặt cứ tái đi vì xúc động, vì đã câu được một con cá to như thế, vì nó giẫy dụa đầu cần, vì sợ nó vuột khỏi lưỡi câu rơi xuống ao mất. Ðó là con cá đầu tiên anh câu được trong đời. Rồi chúng tôi đi Long Hải chơi trò phóng máy bay trực thăng với Nguyễn Thanh Bình. Chúng tôi chuyện với Hồ Thu Hồng. Ăn sáng với vợ chồng nhà báo trẻ Tường Vân. Chúng tôi đến nhà Hoàng Hưng dự một bữa cơm do cháu Ly Hoàng Ly, con gái anh trổ tài nấu nướng...Những giây phút thư giãn, hoàn toàn không lo lắng suy nghĩ. Chắc sẽ khó có được một lần thứ hai như thế, một lần thứ hai cả hai chúng tôi cùng vào Sài gòn nghỉ ngơi.   
Tường kể về tuổi trẻ của anh, về những ngày anh học lớp sixième hệ secondaire trường Louis Pasteur ở Nam Ðịnh. Rồi bỏ học theo bố mẹ lên Me, Vĩnh Yên vì gia đình vỡ nợ. Tham gia tổng khởi nghĩa ở Me. Rồi về Hà Nội học trường tư thục Nguyễn Thượng Hiền do Ðặng Thái Mai mở. Tường cười:   
-Kháng chiến mình ra học ở vùng tự do. Học nhẩy lớp đệ tứ. Mình thi trung học phổ thông ba lần không đỗ. Như bây giờ là chưa tốt nghiệp hệ lớp bẩy. Năm 1950, 18 tuổi mình đi bộ đội.   
- Thế ông lấy đâu ra vốn ngoại ngữ như vậy?   
-Ông quên mất trận đánh đồn Hói Ðào tôi đã kể cho ông à? Chiếm được đồn, anh em tìm chiến lợi phẩm. Còn mình tìm sách. Vớ được quyển " À l Ouest rien de nouveau " (Phía Tây không có gì lạ) thế là đọc. Ông có biết không, khi thấy "Phía Tây không có gì lạ" ở phòng thằng đồn trưởng mình mới hiểu vì sao đánh cái đồn này dễ thế.   
Tường cười, nói tiếp:   
-Ðánh đồn nào mình cũng tìm sách. Trong ba lô bộ đội bao giờ cũng có hai quyển từ điển nặng trịch, một tiếng Anh, một tiếng Pháp, dù hành quân mang nặng đến đâu cũng không vất bỏ. Vừa đánh nhau vừa đọc vừa học. Thế là mình nâng dần được trình độ. Về nhạc, hoạ, sân khấu cũng là do mình chơi với Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Ðình Nghi, với bè bạn các ngành. Chơi và học họ. Rồi suy nghĩ, đọc thêm sách...   
Vậy là bí quyết của anh quá giản đơn: Không ngừng học. Học trong sách vở. Học trong bè bạn anh em. Học cả đời. Tường đã nói Tường muốn làm việc khó, làm cái gì hơn mình một tí, như người phải kiễng chân từng mi-li-mét để nâng trình độ mình lên.   
Sực nhớ đến Mạc Lân, tôi hỏi:   
-Ông Lân ông ấy bảo tôi là chính ông...   
Tường hiểu ngay điều tôi định nói:   
- Chuyện bán máu ấy à? Tôi là thằng bán máu đầu tiên trong số anh em mình. Không ai giới thiệu cả. Tình huống những năm 64, 65 ông biết là khó khăn thế nào rồi. Tôi còn nhớ giỗ ông nội tôi mà cả nhà chỉ còn tiền mua rau, không thể nào kiếm được mấy lạng thịt chui làm giỗ. Ðang bí thì gặp ông Ngô Quốc Hạnh, bạn mình. Hạnh làm giám đốc Sở Công Thương thành phố Hà Nội. Hạnh cho một cái phiếu mua vịt. Mừng quá đem về đưa Trinh. Thế là có giỗ. Ông bố mình lúc bấy giờ còn sống. Cụ cứ cám ơn Hạnh mãi. Cả năm sau vẫn thấy cụ nói: Anh Hạnh tốt thật đấy. Thì giỗ bố cụ, cụ không nhớ ơn sao được. Tình thế mỗi ngày một căng. Khó khăn quá. Tôi có nghe người ta nói chuyện bán máu. Nghĩ hay là cứ thử xem sao. Tôi vào bệnh viện Việt Ðức tìm hiểu. Ðúng vào cái hồi tôi xuống ông, gặp ông Hiên cũng đưa cả gia đình xuống, rồi chúng tôi đi nghỉ Ðồ Sơn, sau đợt ấy về là bắt đầu đấy. Tôi đội cái mũ sùm sụp để không ai nhận ra mình. Vào bệnh viện quan sát. Thấy cũng không có gì ghê gớm, mình làm được. Thế là hôm trước thăm dò, hôm sau vào đăng ký bán máu luôn. Hôm bán máu phải nhịn ăn, chỉ uống cà phê sữa thôi. Máu của tôi thuộc nhóm máu O, nhóm máu xã hội chủ nghĩa được chuộng lắm. Số cân của tôi chỉ được bán 150 cc thế mà đề nghị bán 200cc cũng gật đầu ngay tắp lự. Ðược tiền và được nhiều phiếu lắm. Thịt, đường, sữa, đậu. Ra cổng các ông bà phe xúm lại hỏi mua phiếu. Ông Lân bán phiếu chứ mình không bán. Mình cầm về đưa cho bà Trinh mà chưa biết giải thích nguồn gốc mấy cái phiếu ra sao. Sực nhớ đến Ngô Quốc Hạnh đã một lần cho phiếu mua vịt, mình bảo: "Anh Ngô quốc Hạnh cho phiếu đây này." Lần sau cũng lại anh Ngô Quốc Hạnh cho phiếu đây này. Ngô Quốc Hạnh biến thành tiên, thành bụt ở nhà mình. Ông bố mình càng nhắc chuyện năm nọ không có anh Hạnh cho cái phiếu mua vịt thì nguy, mấy bố con không làm nổi cái giỗ cho cụ. Ðưa tiền cho bà Trinh dễ hơn đưa phiếu, cứ nói đại là tiền nhuận bút, mặc dù dạo ấy có được in gì đâu mà có nhuận bút.Về sau những lúc khó khăn quá bà ấy cứ giục mình: "Anh đến anh Hạnh xin ít phiếu đi." Có lần bí quá mà còn hai tuần lễ nữa mới đến kỳ bán máu, tôi than thở với Lê Phát. Ông có nhớ Lê Phát không nhỉ. Lê Phát đài Tiếng Nói Việt Nam cùng dịch Sê-khôp với tôi. Lê Phát bảo: "Thằng trưởng phòng huyết học là bạn tôi. Ðể tôi viết thư cho nó."   
Tường cười. Anh vừa cười vừa thuật lại câu chuyện "đáng buồn cười" cách đây non nửa thế kỷ ấy. Tối hôm ấy anh cầm thư giới thiệu của Lê Phát tới nhà ông trưởng phòng huyết học. Ðọc thư tiến cử của Phát, ông trưởng phòng gật đầu xởi lởi:   
-Ðược. Sáng mai anh đến. Tôi sẽ bảo chúng nó ưu tiên lấy nhiều cho anh.   
Ðó là lần Tường bán được nhiều nhất: 280cc! Ðại thắng trở về đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Lê Phát đã đứng chờ ở cổng, hồi hộp:   
-Ðược không?   
Tường ăn mừng thắng lợi với Phát bằng một bữa bia hơi Cổ Tân. Phát hai vại. Tường một vại. Uống xong, Phát nói một câu xanh rờn làm các bàn bia khác cùng quay cả lại:   
-Hôm nay tao uống máu thằng Tường!   
Bán máu thành công, Tường nghĩ ngay đến Mạc Lân. Mạc Lân bán được. Bán đều. Thừa thắng xông lên, Tường kéo Châu Diên đi. Nhưng đến Châu Diên thì thất bại. Máu Châu Diên không đông. Mới chọc kim lấy máu để thử, rút mũi kim ra máu đã chẩy đầy bắp tay, chẩy xuống nền nhà lênh láng đỏ lòm. Mọi người nhìn vào đều sợ. Châu Diên hoảng, vớ vội nắm bông băng chạy vào nhà vệ sinh cho khuất rồi băng ở trong ấy.   
Thế là chúng tôi chuyện về Mạc Lân, về Châu Diên, về những công việc phải làm sau khi ra Bắc. Tường bảo:   
-Kỳ này về phải tập trung làm cho dứt điểm "Cái trống thiếc". Dạo này tốc độ làm việc không được như trước. Chậm đi. Sức khoẻ yếu rồi.   
Bẩy mươi, sắp bẩy mốt rồi. Lại qua bao gian khổ. Làm gì không yếu đi. Làm được thế đã là tốt lắm. Tôi muốn nói với Tường như vậy. Nhưng tôi bảo anh:   
- Ừ. Cố lên. Mình thấy ông đánh vật với nó cũng lâu rồi đấy.   
Tôi biết để có thể ngồi dịch Grass, Tường đã mất biết bao thời gian. Anh làm việc với nhà xuất bản, anh liên hệ với Grass, với đại sứ quán Ðức tại Việt Nam. Anh xin tiền tài trợ để có thể trả bản quyền cho Grass theo đúng luật xuất bản, một số tiền vài trăm Ðê Mác hoàn toàn mang tính tượng trưng. Và anh dịch. Anh cặm cụi trước cái máy vi tính xách tay Dell mới tinh giá 2500 đô mà Nguyễn Thanh Bình gửi từ thành phố Hồ Chí Minh theo đường bưu điện ra tặng anh. Công việc trôi chẩy. Nhưng nhà anh quá nhiều khách, quá nhiều bạn. Nên làm cứ bị ngắt quãng. Thế là Trọng Khôi, chủ tịch Hội Nghệ sĩ sân khấu cảm cái tình anh đã đóng góp với hội về "cái vụ sân khấu Việt-Mỹ", kéo anh lên Tam Ðảo dự trại sáng tác kịch bản sân khấu để anh... dịch Grass. Anh là người trại viên nghiêm túc nhất, lúc nào cũng ngồi trước máy vi tính. Cả trại nhiều khi kéo nhau đi dã ngoại, chỉ có một mình anh xuống nhà ăn với một suất cơm. Một tháng trời, được thêm 200 trang. Bế mạc trại, anh về nhà. Lại kém hiệu quả ...   
Tường bay ra trước tôi. Khi về Hải Phòng, gọi điện lên cho anh, tưởng anh đang ở Hà Nội thì đầu dây bên kia tiếng Trinh, vợ anh:   
- Anh Tấn đấy à. Anh Tường em đi lên trại sáng tác Ðại Lải rồi. Ði từ mồng 1 đầu tháng cơ. Giáp tết mới về.   
Tôi biết vào cái tháng chạp rét đại hàn chi cực này chắc chắn Hội Nhà văn không mở trại sáng tác. Anh nộp tiền ăn và tự giam mình cô đơn một mình một bóng trong một căn buồng ở Ðại Lải, dốc sức làm việc. Dù giáp tết, người ta tất bật, đâm sấp dập ngửa với bao công việc lo toan. Dù nhiệt độ xuống từ 8 đến 13 độ kéo dài cả tháng. Với lại cho dù có ở nhà vị tất anh đã giúp vợ con được việc gì. Anh là người lơ lửng trên mây, ngu ngơ vụng về với mọi thứ của đời thường, là người của một thế giới tinh thần, nói đúng hơn luôn đắm mình trong nghệ thuật, "đi vắng ngay cả khi đang có ở nhà" như Châu Diên nói. Tôi biết vợ anh đã phải sắc thuốc bắc cho anh, để anh tăng thêm sức khoẻ, để anh im lặng đánh vật với từng con chữ. Dịch cả ngàn trang sách đâu phải dễ dàng gì. Một công việc cực nhọc. Tường luôn làm những cái gì hơn mình một tí. Anh lại đang kiễng chân từng mi-li-mét. Từ bôn tập hành quân, đeo thêm quyển từ điển đi hết chiến dịch này tới chiến dịch khác thời chống Pháp cách đây hơn nửa thế kỷ. Ðến thập niên 60 hoà bình nhưng còn căng thẳng hơn thời chiến tranh, đe doạ cả an toàn cuộc sống. Và trong sáng tác, dịch, phê bình nghệ thuật. Ngay bán máu cũng cố bán vượt chỉ tiêu một ít xê xê. Bây giờ là vượt lên sức khoẻ, tuổi tác. Vượt lên. Phương châm sống của cả đời anh.   
Cho nên chơi với anh đã nửa thế kỷ, lúc nào tôi cũng rất sung sướng khi nói:   
-Tôi là bạn của ông Dương Tường.   
Như bà Lorrelle Browning đã nói cùng tôi.   
  
Mùng 3 Tết Nhâm Ngọ   
13 - 2 - 2002

[[1]](" \l "nr1) Thơ Hoàng Hưng   
[[2]](" \l "nr2) Thơ Hoàng Hưng

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần III**

**Thời gian gấp ruổi**

Ngày nay ngày nay   
Chuyện đẹp qua đi   
Thời gian gấp ruổi...

Quang Dũng

Trong một lần tới thăm Nguyễn Khải tại thành phố Hồ Chí Minh, đang vui câu chuyện, tôi hỏi anh có biết Mạc Lân không. Hỏi để mà hỏi. Hỏi vì câu chuyện đang xoay quanh thế hệ những người cầm bút chúng tôi trước và sau hoà bình 54. Tôi không nghĩ rằng Khải biết Lân, vì Lân chưa một ngày ở Văn nghệ Quân đội. Và cái tên Mạc Lân chỉ xuất hiện duy nhất có một lần trong một tập sách mỏng mà từ lâu người ta đã quên nó. Thật không ngờ, Nguyễn Khải trả lời:   
- Biết chứ. Sao không biết. Mạc Lân. Lê Mạc Lân. Con cả Lê Văn Trương. Chí lớn và tính nết ngang tàng lắm. Khi anh ấy ở quân khu tôi còn đang ở tỉnh. Anh ấy phải hơn tuổi tôi. Không biết dạo này ra làm sao. Có khoẻ không.   
Tôi kể cho Khải nghe những thông tin mới nhất về Lân. Có một chuyện vui:   
-Lâu lâu không thấy tôi gọi điện lên, ông Lân ông ấy lại gọi xuống tôi, ông ấy bảo: Sao ông không gọi điện cho tôi, ông sợ đau hào à. Tôi bảo không phải sợ đau hào đâu mà chán lắm ông ơi. Tôi có cảm giác ai đó đang nghe câu chuyện của chúng mình nên tôi không muốn gọi. Ông ấy gắt: Ai nghe. Ông cứ thần hồn nát thần tính. Ð. mẹ thằng nào nghe trộm. Ðấy. Tôi chửi rồi đấy. Ông cứ nói đi.   
Chúng tôi cùng cười. Khải bảo:   
-Tính nết vẫn y như thế.   
Tôi thống kê những bệnh tật Lân mang trong người. Nhồi máu cơ tim hơn 20 năm , từ năm 1982 đến nay, sỏi thận, tiểu đường, hai lần gẫy chân nhưng lại phải mổ ba lần...Khải lắc đầu sợ hãi. Không chỉ Nguyễn Khải. Ai biết bệnh của Lân đều sợ. Nhưng Lân là người kiên cường. Rất kiên cường chiến đấu với bệnh tật cũng như kiên cường sống. Ðến nhà Lân, một căn hộ cấp 4 ở khu tập thể ngoại thành, nhìn anh nặng nề ngồi dậy, nặng nề cà nhót cà nhắc ra bàn nước pha nước, tôi không thể không nhớ đến những ngày chúng tôi mới quen nhau, những ngày sau hoà bình 54, khi tôi 20 tuổi còn Mạc Lân 26 tuổi. Một Mạc Lân trẻ trung, cao to, sôi nổi, yêu đời, huy hiệu Ðiện Biên sáng ngực áo. Một Mạc Lân kể chuyện văn công lên Ðiện Biên phục vụ tận chiến hào, con Hồng Ngọc nó hát bài *Qua miền Tây Bắc* như thế này này. Và cao hứng Lân hát. Lân bắt chước cô văn công Hồng Ngọc nào đó hát. Cái giọng thuốc lào, ống bơ rỉ của Lân rè rè cố bắt chước cô Hồng Ngọc làm chúng tôi không nín được cười. Hôm nay nhìn ông già ngoài bẩy mươi tuổi bạn tôi nét mặt sáng ngời lên vì có bạn đến thăm, tôi hiểu được thế nào là thời gian, thế nào là cuộc đời. Tôi đọc Mai-a-kôp-xki, những vần thơ thời tuổi 20 chúng tôi thường hay đọc để nói về nhau:

Dáng anh đi cao lớn thiên tài   
Từng bước một trong đầu em nổi sấm

Và Lân đọc tiếp với giọng hào hùng của một chàng trai ngày trước:

Nhưng vẫn vô công không tài nào anh cướp được em đi   
Ông vua An-be đã mất mọi thành trì   
Cũng nhiều của hơn tôi nhiều lắm

Một cách đọc của Lân. Vẫn là Mai-a. Nhưng anh đã lắp đoạn này vào đoạn khác. Có hề chi. Miễn là những vần thơ ấy làm chúng tôi trẻ lại, làm chúng tôi sống lại quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Hơn nữa nếu bây giờ mà có một ông vua An-be bất hạnh nào đó đã mất mọi thành trì thì đúng là ông ta cũng vẫn giầu hơn Mạc Lân rất nhiều. Tôi nói cho Lân nghe những đêm ít ngủ của tuổi già, tôi nằm tổng kết lại cuộc đời mà thấy rằng những ngày chúng tôi ở báo Tiền Phong với nhau là những năm tháng đẹp nhất. Lân cũng đồng ý với tôi như vậy:   
-Nhớ lắm ông ạ. Một cảm giác đau như nhớ lại những ngày thơ ấu.   
Ðúng là một cảm giác đau. Ngày ấy tôi mới bước vào đời. Tôi mới 20 tuổi...   
Sau tiếp quản Thủ Ðô, khoảng tháng 12 năm 1954, đơn vị thanh niên xung phong chúng tôi có ba người được chuyển về báo Tiền Phong: Vũ Lê Mai, Lê Thị Tuý và tôi. ít ngày sau từ bộ đội lại chuyển về ba người nữa: Mạc Lân, Tất Vinh và Vũ Lê. Rồi tiếp theo là Nguyễn Trí Tình, Vũ Công Luận, Mai Cát, Văn Kim Kim, Phan Mai... Tất cả đều còn rất trẻ. Ðội ngũ phóng viên Tiền Phong lúc đó chưa ai tới 30. Chỉ có Mạc Lân là lớn tuối nhất: 26 tuổi. (Tôi không kể Vũ Lê, vì chỉ nửa năm sau, khi hoàn tất việc tập kết quân đội 300 ngày, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Vũ Lê chuyển về Hải Phòng, nhóm bộ đội chỉ còn Mạc Lân, Tất Vinh.) Ðó là một lớp thanh niên tuyệt vời, có học thức, có khát vọng, có lý tưởng, có nhiệt tình, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ và tràn đầy niềm vui sống, niềm vui làm việc. Tiền Phong là một tờ báo có uy tín lúc đó và phóng viên Tiền Phong luôn được bạn đồng nghiệp các báo kính nể. Ở Tiền Phong tôi đã được hưởng niềm sung sướng của người lần đầu tiên được đọc tin của mình viết in trên báo, sự xúc động đến lặng người khi giở báo ra thấy bài phóng sự của mình chạy dài ba cột , chiếm cả góc trang báo. Chúng tôi không được dự một lớp đào tạo nghiệp vụ nào.Chúng tôi học nghề chủ yếu qua những buổi sinh hoạt rút kinh nghiệm trong nội bộ cơ quan, phân tích ưu khuyết điểm hàng tháng hàng quý. Riêng tôi, tôi đọc thêm. Ðọc báo và đọc cả truyện. Không chỉ đọc. Tôi còn đóng một quyển sổ, ghi chép, phân tích những sáng tác mình đang đọc.   
Khi mới về báo Tiền Phong, thấy trong tủ sách cơ quan có một tập truyện viết về Ðiện Biên Phủ, lập tức tôi chiếm giữ nó, cất trong ngăn kéo. Ðó là tập *Bảo vệ đường lên mặt trận* của Hồ Phương, Mạc Lân, Ðại Ðồng, tập sáng tác duy nhất cho đến lúc đó viết về Ðiện Biên, một tập sách được giải thưởng trong cuộc thi sáng tác về Ðiện Biên Phủ, gần như cùng với quân đội ta tiến vào tiếp quản Thủ đô, bởi vì lúc đó Trần Dần còn chưa viết dòng đầu tiên của bộ tiểu thuyết *Người người lớp lớp*. Tôi ghi chép, tôi phân tích, tôi ghi vào sổ tay những điều sẽ giúp ích cho tôi trên con đường làm báo và sáng tác sau này. Dễ hiểu rằng khi Mạc Lân về cùng làm phóng viên, tôi thân thiết và quý trọng anh ngay. Một tình bạn có thể gọi là vong niên được, dù cùng trong tuổi 20. Giờ đây khi đã trên dưới 70, chênh nhau 6 tuổi chẳng đáng kể gì, nhưng ngày ấy một người 20 và một người 26 tuổi, khoảng chênh lệch quả là rất lớn. Hơn hẳn một phần ba thời gian mình đã sống đâu phải chuyện đùa. Mà không phải chỉ là năm tháng. Hơn tôi 6 tuổi, có nghĩa là Lân bắt gặp cách mạng đúng vào tuổi trưởng thành. Khi tôi còn ở Nhi đồng cứu vong hội, còn đang đẽo súng gỗ, đánh trận giả, đánh trống cà rùng và hát *Nhanh bước nhanh nhi đồng* thì anh đã tham gia cướp chính quyền ở Thủ Ðô, đã đi Nam tiến, người anh đã nhuốm mùi lửa đạn. Trong tập Chi Ðội 3 Giải phóng quân Nam tiến của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam do nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2000 có một đoạn viết về một trận đánh ở Phan Rang như sau:   
Kế hoạch tiến công nhà Công sứ, dinh luỹ cuối cùng của bọn Nhật lúc bấy giờ nghe có vẻ quy mô:   
Toàn bộ lực lượng vũ trang và phục vụ các nơi dùng trống, chiêng, thùng, chậu...gây tiếng động lớn để uy hiếp tinh thần địch, đồng thời đẩy "đại bác" vào chiếm lĩnh trận địa, ngắm thẳng vào tường chính diện toà Công sứ. Dự kiến bắn khoảng 20 phát, tạo một lỗ hổng to rồi lăn hai phuy xăng vào phóng hoả, tạo điều kiện cho quân ta xung phong.   
Một vài cán bộ và chiến sĩ suy nghĩ và lo lắng kế hoạch khó thực hiện nhưng không ai có chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu nào hay hơn, vũ khí cũng chỉ có vậy.   
Ngày bao vây toà Công sứ cuối cùng, Lê Văn Lân (tức Thuận Lân) một chiến sĩ của trung đội Nguyễn Tiệp đang bắn kiềm địch thì tiểu đội trưởng Lê Văn Cử (tức Thái) phái đi rỡ cọc rào có chằng dây thép gai, để chuẩn bị cho đơn vị có đường xuất kích. Bọn Nhật từ trên cao phát hiện. Một tràng liên thanh bắn làm cho Thuận Lân bị thương. Nhanh như cắt, Lê Chân, một chiến sĩ cùng tổ đã xông ra vác bạn trên vai, chạy ẩn vào mép tường. Các đồng chí Phấn và Hạnh hai nữ cứu thương băng bó cho Lân và đưa về hậu phương, sau đó về bệnh viện nơi sơ tán ở gần Cầu Mống (nay thuộc phường Bảo An) gần Tháp Chàm.   
Mấy phút sau Cử vào "lỗ" bắn của Thuận Lân, mới bắn được một phát đã bị bọn Nhật bắn trúng mắt và khiêng về bệnh viện thì hy sinh. (Sách đã dẫn, trang 121, 122). Cũng ở trang 122 có chú thích như sau: Thuận Lân tức Lê Văn Lân hiện ở nhà A5, phòng 102, khu tập thể Liên Cơ Dịch Vọng Hà Nội. Lê Văn Lân chính là Mạc Lân. Ðó là tên khai sinh của anh. Lớn lên, anh thay chữ Văn đệm giữa bằng tên người anh yêu quý. Thuận là tên một cô bạn học mà anh yêu vụng dấu thầm suốt thời gian anh cắp sách tới trường. Ngày ấy anh là Lê Thuận Lân. Sau này vào bộ đội, một đồng đội thân thiết của anh tên Mạc hy sinh, anh có tên Lê Mạc Lân. Trận Thuận Lân bị thương vừa kể là trận đánh tại Phan Rang, tháng 11 năm 1945, thời cách mạng còn đang trứng nước. Ðơn vị Nam tiến của anh đã sớm có mặt tại mặt trận Sài gòn, đánh địch ở cầu Bình Lợi, Xuân Lộc, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang, Buôn ma thuột...   
Bị thương, Lân trở về Hà Nội, thành phố của thời thơ ấu, của tuổi học trò, thành phố anh đã gia nhập đoàn Thanh niên Cứu quốc, tham gia tổng khởi nghĩa, cướp chính quyền. Hà Nội khi Lân từ Phan Rang trở ra giống như một thùng thuốc súng. Ngọn lửa chiến tranh có thể bùng phát bất cứ lúc nào và cuối cùng đã bùng phát. Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không, chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ... Lân tham gia bộ đội Thủ đô với chức vụ tiểu đội trưởng. Anh lại cùng đồng đội đào giao thông hào, dựng chướng ngại vật và cầm súng chiến đấu giữ từng góc phố, từng mét vỉa hè Hà Nội. Ðánh nhau ở phố Huế, Ô Cầu Dền, đê Thanh Lương. Chiến đấu ở Trại Vệ quốc đoàn trung ương (trước cửa rạp Majestic). Ðánh vào toà Ðại sứ Pháp, lúc đó là nhà đại tá La-mi, trưởng phái đoàn Liên Kiểm Pháp, viên sĩ quan Pháp có vinh dự được có mặt trong một bài thơ Việt Nam, bài *Hải Phòng 19-11-1946*, kiệt tác của Trần Huyền Trân:

Miệng La-mi ngọt bên tiếng súng   
Bao nhiêu bơ sữa reo cười

Ðầu năm 1947, quân ta rút khỏi Thủ Ðô, bắt đầu cuộc trường kỳ kháng chiến. Lân đã là cán bộ đại đội. Anh được kết nạp Ðảng và đi học lớp bí thư chi bộ. Rồi làm phái viên kiểm tra của bộ tư lệnh quân khu. Năm ấy anh mới 19 tuổi. Ðồng chí phái viên kiểm tra của quân khu này không chỉ quá trẻ, mà còn có tác phong lính tráng xuề xoà, hay kể chuyện tiếu lâm, hứng lên còn kể cả chuyện cô đầu Khâm Thiên, theo nhận xét của trên rõ ràng không thích hợp với công tác kiểm tra. Ông Văn Phác bảo Lân:   
-Thôi, cậu về làm báo.   
Thì làm báo. Ðó cũng là nguyện vọng vủa anh. Về tờ Vệ quốc quân khu 2. Gặp Yên Thao, Văn Thân, Nguyễn Phúc Nghiệp ở đó. Ít lâu sau khu 2 sáp nhập với khu Tả Ngạn thành Liên khu 3, Lân về báo Quân Bạch Ðằng của quân khu 3. Liên miên những ngày đi chiến dịch: Quang Trung, đường 6, Hà Nam Ninh... Và vào địch hậu. Rồi theo một đơn vị pháo binh lên Ðiện Biên phủ. Tập *Bảo vệ đường lên mặt trận* là kết quả của bao ngày đêm cùng đơn vị pháo ăn bom trên đèo Lũng Lô, mưa dầm cơm vắt, mịt mù khói lửa, cái sống cái chết chỉ trong gang tấc...   
Chiến dịch Ðiện Biên kết thúc thắng lợi. Một nửa đất nước hoàn toàn giải phóng. Cha anh, nhà văn Lê Văn Trương di tản vào Sài gòn. Cái gánh nặng lý lịch anh mang suốt thời gian kháng chiến giờ đây càng nặng nề hơn. Cấp trên mời anh lên nói anh sẽ được xuất ngũ. Trần Dần biết tin ấy, nhắn gọi Lân về phòng Văn nghệ Quân đội, nhưng Lân không về. Chính anh cũng muốn rời quân ngũ dù phải phục viên như người bạn Tạ Phương Hiển "tuổi hăm ba treo ấn từ quan" cũng được. May sao ông Trương Công Cẩn, chính uỷ sư đoàn là người có trách nhiệm và thông cảm với anh em văn nghệ sĩ, viết thư cho ông Nguyễn Lam khi đó là bí thư trung ương đoàn Thanh Niên Cứu quốc: "Ðây là những đồng chí có công nhưng cấp bậc thấp vì chính sách đối với văn nghệ sĩ của chúng ta chưa rõ ràng, nhờ đồng chí giúp đỡ tạo điều kiện cho các đồng chí ấy công tác bên đoàn thể, dân sự..." Thế là Mạc Lân, Tất Vinh, Vũ Lê về báo Tiền Phong, Dương Tường về Việt Nam Thông tấn xã. Những bộ quân phục cùng với những huy hiệu Ðiện Biên của các anh làm sáng cả cơ quan báo, càng thêm sức hút đối với những thông tín viên, cộng tác viên khi họ đến toà báo. Cũng xin nói thêm một chút về những bộ quần áo đại quân này. Chỉ có Mạc Lân, cán bộ đại đội (anh ở cái cấp bậc này suốt 8 năm trường kỳ kháng chiến, từ năm 1947 tới năm 1954) là có áo bốn túi, hai túi trên ngực và hai túi dưới vạt. Còn Tất Vinh, Vũ Lê cán bộ trung đội, Dương Tường cán bộ tiểu đội thì áo chỉ có hai túi ngực và vai áo can vá thêm hai miếng để mang vác áo vẫn bền, không rách, loại áo Phùng Quán đã viết thành thơ:

Nhưng áo tôi nàng không mặc được   
áo lính vá vai xanh mầu quân phục

\*

Ngày mới về Tiền Phong, Lân được làm trưởng ban Văn Nghệ nhưng phải nói rằng cái chức ấy chẳng có sức hấp dẫn chúng tôi, kể cả chính Lân. Ðiều hấp dẫn chúng tôi là lao vào cuộc sống, lao vào thực tế, vừa viết được những bài đặc sắc cho báo vừa tích luỹ cho sáng tác văn chương sau này. Vũ Lê Mai đi sâu vào công nghiệp, Nguyễn Trí Tình rực lửa anh hùng sẵn sàng đến tất cả những mũi nhọn của công cuộc xây dựng. Văn Kim Kim với vốn Trung văn giầu có, áp cặp kính cận xuống những tạp chí Trung Quốc, dịch, lấy tài liệu viết về những hoả tiễn, những loại máy bay đời mới và mục Khoa học và Tuổi trẻ của anh bao giờ cũng hấp dẫn bạn đọc. Tôi đi về nông thôn, hết nghiêng sông đổ nước vào đồng (chống hạn) lại nghiêng đồng đổ nước ra sông (chống úng). Nhà báo già nhất cơ quan khi đó, anh Vương Mộ Thanh, bố hoạ sĩ Ðỗ Phấn sau này (ngày ấy Ðỗ Phấn bé tí hin, tôi hay bế Ðỗ Phấn đi chơi và dạy Phấn những điều ba lăng nhăng nhất, như chân thì gọi là đầu, đầu thì lại là đít, và tên cháu là gì? là Ông Bách Khoa, khiến anh chị Mộ Thanh phải van các chú, các chú đừng dạy cháu như thế nữa) cũng như trẻ lại với chúng tôi. Mạc Lân, Tất Vinh cùng ở tổ văn nghệ. Dễ hiểu rằng các anh phải cáng đáng những phần việc nặng nề nhất cho những số đặc biệt, nhất là số báo Tết: Thơ và truyện ngắn. Thơ cũng không khó. Tất Vinh có thể đi đặt được. Vỡ kế hoạch thì chính anh sáng tác. Nhưng không chỉ có vậy. Còn tuỳ bút, còn điểm thơ. Và Mạc Lân còn phải đẻ ra truyện ngắn. Chúng tôi, cánh trẻ mới vào nghề nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ của mình cho số báo Tết một cách rất nghiêm túc và nộp bài cho biên tập. Và khi đường phố đã lác đác hoa đào, mậu dịch đã xe về cửa hàng những mứt, những rượu, những lá dong, gạo nếp và lòng người ai cũng náo nức cả lên, thì trong bữa cơm tập thể, đồng chí tổng biên tập nói lời cuối cùng: Tất cả bài đã đầy đủ, chỉ còn thiếu của tổ văn nghệ. Tối nay cứ làm ma-két và đầu giờ sáng mai, hai đồng chí ban văn nghệ phải có bài. Ðấy là thời hạn chót.   
Ðồng chí nói vẻ nghiêm khắc nhưng không có ý gì bực bội. Ai cũng biết sáng mai tổ văn nghệ sẽ nộp đủ bài. Ai cũng biết "hai ông tướng văn nghệ" là cứ phải nước đến đít mới viết được ra.   
Ðêm ấy Lân, Vinh thức khuya, hẳn rồi. Tôi chong đèn ra sân chơi bóng bàn. Ðã khuya, anh em đã mệt, đi nghỉ cả, tôi ghé lên gác nhìn hai anh đang miệt mài cặm cụi. Cả hai cùng quay mặt vào tường im lặng viết, nhưng khi tôi lên các anh biết ngay. Mạc Lân quay ra nhìn tôi cười. Anh gọi Tất Vinh:   
-Vinh. Nghỉ đã. Ði uống cà phê.   
Tất Vinh đứng lên, khoái chí ngâm nga mấy câu thơ cửa miệng tả vẻ đẹp của người con gái bằng những vật dụng ăn uống phổ thông dễ hiểu nhất: Môi em mọng đỏ cà chua. Mắt em ngọt kẹo vừng kẹo lạc. Em cười dòn phàn xôi, phá sa.   
Ðó là dấu hiệu các anh đang làm việc có kết quả. Ba chúng tôi đi bộ ra phố Huế. Ra phố mới thấy rét. Gió đã hẳn. Còn sương. Ðường phố vắng. Lá khô lăn dưới lòng đường, trên vỉa hè. Chúng tôi ôm lấy nhau đi. Ba chàng phóng viên Tiền Phong chưa vợ cảm thấy cuộc đời sao đáng yêu đến thế. Chúng tôi uống cà phê vỉa hè. Ông cà phê vỉa hè ngã tư Hàm Long phố Huế hình như bán hàng suốt đêm. Hàng ông lúc nào cũng đông khách. Càng rét càng đông. Bởi vì các quán cà phê vỉa hè khác người ta thường pha cà phê bít tất nghĩa là cho cà phê vào túi vải rồi đem ninh lên. Còn ông, ông pha phin theo kiểu Pháp. Cốc đựng cà phê đặt vừa trong một cái ống bơ sữa bò có nắp đậy, có quai giây thép quấn vải cầm cho đỡ nóng. Khách hàng mỗi người một phin, một ống bơ, quây quanh cái bếp lò than quả bàng. Chung quanh bếp và ngay trên những hòn than miệng bếp, chen sát nhau là những ống bơ đen khói đựng nước lúc nào cũng sôi sùng sục để làm nóng cà phê theo lối cách thuỷ. Ngồi dưới sương rơi buốt vai, buốt lưng nhưng da mặt ửng hồng, rát lên vì lửa, huơ huơ hai bàn tay quanh bếp, xì xụp thứ cà phê nóng bỏng đậm đặc bắt môi bắt lưỡi, vai chen vai dù không quen biết, dù rì rầm câu chuyện hay yên lặng, khách hàng cũng hoàn toàn hiểu nhau. Nhấc lên đặt xuống cái ống bơ, lấy kẹp gắp một hòn than đặt đúng chỗ cho ngọn lửa lên vừa phải, cho ống bơ của mình không bị cập kênh, lấy một cái đóm giấy lách vào khe than hồng rồi mồi lên điếu thuốc, im lặng nhả khói, mọi người cùng hưởng những giây phút thư dãn tuyệt vời quanh bếp lửa. Ông chủ hiệu cũng hoàn toàn yên lặng. Ông chỉ nói khi phải tính tiền với khách. Và giọng nói của ông. Ðúng là giọng nói của người quanh năm ngồi bên bếp lửa. Nó có mùi khói. Nó ngàn ngạt khê khê, ấm áp vô cùng. Ba chúng tôi đứng lên. Rời xa bếp, rét. Chúng tôi lại khoác vai nhau. Vẫn im lặng. Chỉ có tiếng lá khô gió thổi lăn dưới lòng đường, lăn trên vỉa hè. Bỗng Lân reo lên:   
-Tao nghĩ ra được cái kết của truyện rồi. Cô gái sang đò về đến đầu làng thì trời đã tối. Cô leo lên bờ đê và thấy sao đã mọc. Càng nhìn lâu càng thấy nhiều sao. Những ngôi sao như những hạt ngô mẹ tẽ ra phơi nắng ngày mùa.

\*

Cái truyện ngắn số báo Tết ấy cũng như tất cả các bài trên báo khác của Mạc Lân đều ký tên Hoàng Hoan. Hình như đó là cái tên đã được đặt trước cho con anh dù nó chưa sinh, dù nó là trai hay gái. Về Tiền Phong ít lâu Mạc Lân lấy vợ. Sinh cháu gái Hoàng Hoan. Mặc dù Lân đã chạy sang hàng ngũ có vợ có con nhưng cánh chưa vợ chúng tôi vẫn cứ coi anh như một thành viên. Chúng tôi xem vợ chồng anh tắm cho cháu. Chúng tôi quây quanh Hoàng Hoan reo hò động viên Hoàng Hoan tênh tênh. Bật cười khi thấy Lân với cái cù dìa bột chạy theo cháu ép cháu ăn và cằn nhằn:   
-Tao nuôi mày thế này mà mày ngày sau lại cứ em yêu nhất anh.   
Và khi cháu bốn năm tuổi, chúng tôi có xoa đầu vuốt tóc Hoàng Hoan thì Hoàng Hoan hất tay chúng tôi ra, nói với giọng con nít gần như nhăn nhó:   
-Ðầu để nghĩ. Không phải để xoa.   
Tất cả chúng tôi cười ầm. Hoàng Hoan cũng cười toe toét. Mạc Lân sung sướng xốc con lên vai đi quanh phòng:   
-Ðúng. Ðầu để nghĩ! Con gái bố giỏi lắm.   
Ðầu để nghĩ. Mạc Lân muốn con bé con có cái đầu không phải để xoa, mà có cái đầu để nghĩ. Và tất nhiên, cái đầu của anh cũng là để anh suy nghĩ. Nói đúng ra kiểu dạy con như vậy là đùa chơi nhưng cũng chỉ có Lân dạy con kiểu ấy. Ðó là phản ứng của anh với tình trạng có những cái đầu chỉ nghĩ theo những điều mà những cái đầu khác đã nghĩ sẵn cho mình.   
Chẳng phải vì là bạn với Trần Dần, Phùng Quán mà anh tán thành những quan điểm của báo Nhân Văn. Không chỉ trong suy nghĩ anh còn phát biểu thành lời. Tất nhiên anh không được tin tưởng nữa. Ðang là trưởng ban Văn nghệ, anh sang làm trưởng ban bạn đọc, rồi xuống làm phóng viên. Lương từ bậc 11 hạ xuống còn bậc 7. Nhưng điều đó có hề gì. Anh vốn không thích ở nhà duyệt bài, giữ gôn, mà muốn đi cơ sở. Bắt đầu cuộc chiến tranh leo thang Giôn xơn. Miền Bắc mới được 10 năm im tiếng súng và đang tận lực chi viện cho miền Nam giờ đây phải trực tiếp chiến đấu. Những nơi chiến sự ác liệt nhất đều có Mạc Lân. Cơ quan cử anh đi vì anh là người xông xáo, không ngại hiểm nguy, nắm bắt vấn đề nhanh, viết bài nhanh, hơn nữa trước đây anh từng là phóng viên mặt trận. Yên Vực, Hàm Rồng, Nam Ngạn, Ðò Cấm, Cầu Hổ, Cầu Vằn... đều có anh. Những địa danh giờ đây không gợi một ý niệm gì nhưng ngày ấy là lương tâm của toàn dân tộc. Ðó là quyết tâm của một bên là khoa học kỹ thuật hiện đại tối tân nhất, sức mạnh quân sự hùng hậu nhất của Mỹ và đồng minh với một bên là ý chí gang thép, của quân và dân miền Bắc giữ vững mạch máu giao thông đưa người và súng đạn của cải vào miền Nam chiến đấu. Ðời làm báo của Mạc Lân từ đó là những chuyến đi đột xuất tới những vùng lửa đạn, vất vả, gian khổ, nhịn đói, đêm hôm, nguy hiểm. Lân đã tận mắt chứng kiến nhiều chuyện. Những chiếc cầu bị đánh sập. Những chiếc máy bay bị bắn đứt ngang đâm thẳng xuống gần trận địa. Những trận địa pháo bị trúng bom, những cô gái đi thăm chồng là pháo thủ bỗng trở thành những người tiếp đạn trên trận địa, ẩn hiện trong khói lửa, quần áo, da tóc khét mùi thuốc đạn. Trận chiến đấu kết thúc, sau khi thay phiên trực chiến, sau khi đã xuống sông tắm gội và ăn uống, nghỉ ngơi, hai vợ chồng người chiến sĩ nọ tràn đầy tình yêu bước vào căn buồng của riêng họ: căn buồng hạnh phúc. Lân kể lại chuyện ấy cho tôi nghe trong một lần anh xuống Hải Phòng (tôi đã từ báo Tiền Phong chuyển về báo Hải Phòng hồi cuối năm 1959) viết về nhưng con tầu mở đường mòn trên biển. Anh sôi nổi:   
-Giá ông nhìn thấy hai vợ chồng người chiến sĩ nông dân chân chất ở trận địa cầu Hàm Rồng. Buổi chiều còn tơi bời khói lửa, gần như không phải con người bằng xương bằng thịt nữa mà là sắt thép, cái sống cái chết liền nhau mà buổi tối thì trẻ trung tươi tắn thế. Cô cậu ngượng chưa muốn vào nhà hạnh phúc ngay, còn đi la cà buồng nọ buồng kia nhưng đi đến đâu cũng bị xua đuổi. Người ta không muốn cô cậu mất thì giờ vì họ. Thời gian quý lắm. Nhất là thời gian giữa hai trận đánh.   
Và gật gù:   
-Tôi sẽ viết một cái truyện ngắn về cái lực Việt Nam. Về một đôi vợ chồng chiến sĩ như tôi vừa kể cho ông. Chiến đấu suốt buổi chiều, đến tối, khi cửa phòng hạnh phúc khép lại, chị vợ hỏi chồng: Mệt thế anh có chiều em được không? Anh chồng cười: Ðược chứ, sao lại không? Nhưng anh chiều ít hay chiều nhiều? Chiều nhiều.   
Chẳng thể nào diễn đạt được hai tiếng chiều nhiều Lân nói. Quai hàm bên dưới trẹo đi. Vừa âu yếm vừa nũng nịu mà chỉ Mạc Lân mới có.   
Tôi không biết anh đã đặt bút viết cái truyện ngắn ấy chưa. ý tưởng về truyện ngắn này nẩy sinh trong lần về trận địa Hàm Rồng nhưng nó bắt nguồn từ những suy nghĩ sâu xa hơn. Ngày ấy người ta sợ viết về tình yêu trai gái. Ngày ấy những con người chiến đấu được giản lược đi đến mức tối đa. Lân bảo: Bọn Liên Xô sang đây nó bảo nhân vật của các anh không có bộ phận sinh dục à? Cứ đọc sách của mấy ông viết thì đúng như thế thật. Nhưng tôi cam đoan với ông rằng trong Nam đang chiến đấu gay go như thế nhưng người ta vẫn yêu nhau, vẫn ghen tuông, vẫn ngoại tình, vẫn ngủ với nhau. Cuộc sống ông ạ. Không có gì dập tắt được cuộc sống. Chỉ có chúng ta dập tắt nó trong sách thôi.   
Những suy nghĩ kiểu như vậy ngày ấy cũng là lạc lõng, cần phải uốn nắn. Lân biết rằng thật khó mà viết được một cái gì đó chân thực. Nhưng anh vẫn đi. Vẫn đến với những nơi nguy hiểm nhất. Những tấm gương chiến đấu của quân dân ta ở tuyến lửa động viên anh. Khi bom Mỹ đánh trúng trại hủi Quỳnh Lập, anh đang ở khu 4. Lấy xe đạp đạp suốt đêm tới Trại hủi, lấy tài liệu viết bài ngay, nghĩ tới anh em trong toà soạn đang ở Hà Nội, Lân tự thấy mình là "ghê", nhưng ý nghĩ ấy biến mất ngay khi anh đến phòng mổ của các bác sĩ: Vi trùng hủi Hansen lây bằng đường máu mà các bác sĩ mổ cho những người hủi bị trúng bom không có găng tay!   
Ðến những mũi nhọn trong chiến đấu, đó là lương tâm -và cũng có thể là tự ái nghề nghiệp- của anh, là máu mê của anh nữa, chứ anh hoàn toàn không tin là anh sẽ được lãnh đạo báo tin tưởng. Cho nên mỗi khi thấy lãnh đạo tươi cười với anh là anh cảnh giác. Như một hôm, một uỷ viên biên tập thân mật vỗ vai anh, anh hiểu ngay là sắp có nhiệm vụ đột xuất. Quả nhiên, người uỷ viên biên tập nói với anh:   
-Nó đánh Nam Ðịnh rồi.   
Thế là ba lô xe đạp guồng suốt đêm về Nam Ðịnh viết Thành phố dệt nổ súng.

\*

Năm 1967 Mạc Lân rời khỏi báo Tiên Phong. Lê Bầu sau khi đi học phiên dịch ở Trung Quốc, công tác ở ngành bưu điện đã xin chuyển được về Hội Văn Nghệ Hà Nội. Bầu kéo Lân về đó. Lân về Hội Văn Nghệ Hà Nội vì hai lý do: Anh không thể ở báo Tiền Phong được nữa mà Hội Văn Nghệ Hà Nội lại có báo, có nhà xuất bản, nghĩa là có đất dụng võ như lời tán của Bầu.   
Nhưng cái đất dụng võ ấy đâu có phải là của Mạc Lân mà cũng chẳng phải của Lê Bầu. Có một ý kiến (hay chỉ thị) không thành văn nhưng mạnh hơn văn bản mà tất cả các báo, các nhà xuất bản đều thực hiện rất triệt để và nghiêm chỉnh là không in bài của Mạc Lân, Lê Bầu. Nếu hãn hữu có in cũng không được ký tên hai người. Người ta thực hiện triệt để tới mức tập Người Hà Nội có bài của Mạc Lân, Lê Bầu thế mà tên không được in đã hẳn, nhuận bút cũng không có nốt. Túng thiếu. Mà phải có tiền. Phải sống.   
Ðang loay hoay với kế mưu sinh thì Dương Tường đến. Nào ai ngờ được chính anh chàng lơ ngơ này lại là người giải quyết cho Mạc Lân vấn đề cực kỳ khó khăn ấy: Ði bán máu. Lân tròn xoe mắt, sửng sốt và bất ngờ. Bán máu? Bán ở đâu? Bán như thế nào? Ai mua? Ông lại sáng tác ra chuyện gì nữa thế? Không phải chuyện sáng tác, hư cấu. Người thực việc thực một trăm phần trăm. Chuyện của chính tôi. Chính tôi đã đi bán rồi đây ông ạ. Có mà trời tin. Ðừng bịp nhau. Người một tay xách nặng như ông mà đi bán máu. Trông thấy ông người ta cũng đủ ngán rồi. Ông không tin thì thôi. Bốn hai cân như tôi mà bán được máu đấy. 200 xê xê đàng hoàng. Ông ăn chắc mỗi kỳ 250 xê xê. Thế thì đúng rồi. Nhưng bán ở đâu? Thủ tục ra sao? Lân mừng như người chết đuối vớ được cọc. Thế là Tường giảng giải. Và để kết luận, Tường bảo: "Tôi sẽ đưa ông đi."   
Lân không nhờ Tường đưa đi. Anh tự đi. Tường động viên: Cũng nhiều chuyện phức tạp, lôi thôi lắm, chứ không đơn giản đâu. Không biết gan của ông có vấn đề gì không. Có vi trùng sốt rét không. Ở bộ đội thằng nào chẳng sốt rét. Thôi cứ đi. Ðược hay không thì cũng là một lần tổng kiểm tra sức khoẻ. Từ bé đến giờ chúng mình đã kiểm tra sức khoẻ bao giờ đâu.   
Nghe lời Tường dặn, Lân mua nửa cân chè Thái đến gặp phó phòng huyết học bệnh viện Việt Ðức như một cái lễ ra mắt. Anh được khám, được X quang tim phổi, thử máu, thử nước tiểu không mất tiền. Không bệnh truyền nhiễm. Không viêm gan. Không có vi trùng sốt rét. Lại còn được nghe giảng về huyết học. Cho đến bây giờ anh mới biết thì ra hồng cầu ba tháng chết một lần, và cũng cứ ba tháng tuỷ sống lại sản sinh ra một thế hệ hồng cầu mới. Hồng cầu chết nằm trong lá lách. Ðó là nghĩa địa hồng cầu. Máu thì có bốn nhóm tất cả. A, B, O, AB. Nhóm máu AB là nhóm máu ích kỷ, rất ít người có nên bệnh viện không mua, khó bán. Nhưng khi cần người ta đến tận nhà mua và lại bán được đắt. Còn nhóm máu O được gọi là nhóm máu xã hội chủ nghĩa, tiếp được cho các nhóm máu khác. Nhóm máu của Lân thuộc nhóm B, chẳng ích kỷ cá nhân chủ nghĩa mà cũng chẳng xã hội chủ nghĩa. Lấy máu theo trọng lượng cơ thể. Tường chắc mỗi lần bán chỉ được 150 cc. Lấy 200cc có thể do cảm tình gì đó. Lân 60 ki lô mới được lấy 200cc.   
Về sau những lần cần tiền Lân đeo thêm chì vào người để đạt trọng lượng 70 ki lô và bán được 250, 300cc, anh nghĩ chắc Dương Tường cũng giở trò gian lận này. Lấy xong máu, cầm biên nhận đến tài vụ lĩnh tiền, nhận phiếu bồi dưỡng. Tiền tính theo xê xê còn tem phiếu thì đồng loạt. Mỗi người được lĩnh tem 2 cân đường, 4 cân đậu phụ, 2 kí thịt, 2 hộp sữa. Thế là mất đi một ít máu nhưng túi nằng nặng tiền và tem phiếu. Cho nên những ngày đi bán máu rất vui. Con người mình bỗng nhiên tăng thêm giá trị trước gia đình và trước bao cặp mắt của cánh phe vé, bỗng nhiên mình được bao bọc quấn quít giữa những cái nhìn trìu mến, tình cảm, hò hẹn của đám đàn ông đàn bà chuyên sống bằng buôn bán tem phiếu lúc nào cũng có mặt ngoài cổng bệnh viện. Ðội ngũ phe vé cũng đông xấp xỉ đội ngũ những người bán máu. Giá cả dễ thống nhất. Giá làng. Người trao tiền, người trao phiếu là xong. Ðiều gay go nhất là tiêu chuẩn bồi dưỡng còn được một bát phở tái bò, nhưng phải xếp hàng ăn ngay tại hành lang bệnh viện. Những lần đầu đứng ngồi xì xụp bát phở ngoài hành lang ngượng lắm. Cắm mặt mà và, mà xụp xoạp cho nhanh. Nhưng rồi quen. Nghĩ mình lương thiện. Quá lương thiện. Lương thiện gấp trăm lần những người khác. Chẳng có gì mà xấu hổ. Thế là dần dần cứ ăn bình tĩnh nhẩn nha. Chẳng nuốt vội nuốt vàng như trước. Ðể thấy chất bổ ngấm vào người, vào máu. Ðể thấy mình đang hồi phục. Ðể thấy máu mình lại đang nẩy nở sinh sôi. Bán máu êm ả là thế mà nhiều lúc vẫn giật mình. Ví như đang ngồi nhìn cả vào người y tá chờ gọi tên mình thì người ấy bỗng bật ra những cái tên bất ngờ nhất:   
-Chính Yên!   
-Phan Kế Bảo!   
Hay đang bưng bát phở lên ăn, nghe tiếng gọi giật giọng:   
-Phương Nam!   
Toàn những người quen. Toàn những trí thức. Ngượng nghịu nhìn nhau. Rồi cũng quen dần. Lương thiện thì rõ ràng là lương thiện rồi. Nhưng nó tố cáo bước đường cùng. Người bán máu nuôi con đi học. Người lương hưu ít ỏi không đủ sống. Quần áo chỉn chu. Tóc chải gọn gàng. Mặt mũi sáng sủa, đi lại rón rén nhẹ nhàng chỉ trông cũng biết là người có học. Ðấy là một loại. Loại này đông nhất. Loại thứ hai ít hơn: Những nam nữ thanh niên còn rất trẻ, quần áo bít dít cười nói trò chuyện ồn ào. Ðó là cánh thanh niên đua đòi ăn chơi tung tẩy rủ nhau đi bán máu lấy tiền mua nhẫn vàng mua đồng hồ quần bò áo phông. Còn dân bán máu chuyên nghiệp lại khác. Giống cánh trí thức. ít nói. Có nói cũng rất khẽ. Khuôn mặt đầy lo lắng ưu tư. Họ có nhiều sổ, bán ở nhiều nơi. Có khi lên cả Sơn Tây, Thái Nguyên. Về cả Thái Bình. Họ chưa đến hạn được bán. Họ sợ máu họ loãng. Họ sợ bệnh viện nhận ra sự gian dối của họ. Dân chuyên nghiệp bán máu xong là đổ xô đi mua viên sắt, uống nước cua sống. Hy vọng như vậy sẽ có đủ huyết sắc tố cho đợt bán sau. Dân chuyên nghiệp vén ống tay áo lên nhìn biết ngay. Chằng chịt vết kim. Lân bán máu sau Tường. Nhưng Lân là người theo đuổi cái công việc này lâu nhất. Khi kẻ viết bài này lang thang từ các miền rừng núi trở về, đã sẵn có nghề trong tay, Lân đi bán máu đột xuất, chiêu đãi y một bữa bún chả, ăn trong căn buồng hẹp nhà Lê Bầu phố Phùng Hưng. Một bữa ăn vĩnh viễn nằm trong trí nhớ.

\*

Năm 1971 Mạc Lân xin nghỉ hưu non. Tình thế bắt buộc, mặc dầu anh không muốn. Thật không ngờ: Nghỉ hưu, anh lại có nhiều việc để làm. Cái chuyện anh không được viết, hoặc được viết nhưng không được in hay được in nhưng không được ký tên cũng không được nhận nhuận bút cả bàn dân thiên hạ đều biết. Và nhiều người tìm đến anh . Ðó là những người đang đi vào con đường viết lách, những cộng tác viên của một vài tờ báo, những người đang muốn có một cái truyện ký đầu tiên, hay cũng đã có một hai cái tin đăng báo và giờ đây đang giao du với những cán bộ biên tập các nhà xuất bản, những người đã có một vài sáng tác được in và đang muốn được kết nạp vào hội văn nghệ địa phương, kể cả hội nhà văn, rất cần bản thảo như một chứng chỉ. Hoặc muốn vây vo với một em nào đó. Ðể chinh phục. Ðể có thể yêu, và không loại trừ cả chuyện hôn nhân. Cũng nhiều khi đơn giản chỉ là một cách kiếm ăn, phe phẩy, nhận việc, không phải làm mà vẫn có tiền tiêu, hơn nữa có tiếng tăm. Thời ấy mọi đơn đặt hàng đều là truyện ký. Một thứ người thực việc thực được văn nghệ hoá, có tả cảnh, tả tình, có đối thoại, một thứ văn chương tổ đội. Cái khoản ấy Lân rành. Chẳng cứ Lân rành. Bầu cũng rành.(Và cả tôi nữa. Cũng rành.) Bầu và Lân làm thành một tổ viết văn chui. Nghĩa là viết văn không cho người khác biết, trừ người đặt hàng mình. Việc nhiều khi không có. Nhưng cũng có lúc làm không hết. Do người ta tự tìm đến. Mà cũng do bè bạn khơi nguồn, tìm việc mang đến cho anh, anh chỉ việc viết mà không biết người sẽ đứng tên sách anh viết, người sẽ phải trả tiền cho anh là ai. Ðủ các đề tài. Chuyện chiến đấu trong Nam. Chuyện nhà máy, cải tiến kỹ thuật, mỗi người làm việc bằng hai, chuyện chăn nuôi trong hợp tác xã nông nghiệp. Chuyện phong trào hai tốt (dạy tốt, học tốt) ở các trường học. Ðề tài gì cũng được. Nhưng các ông phải cung cấp tài liệu. Bọn này chỉ biết có viết thôi. Ðảm bảo đúng thời hạn, đúng số trang số chữ, đảm bảo chất lượng. Hợp đồng chỉ thảo miệng như vậy. Còn nữa. Nhuận bút chia đôi. Cũng là thống nhất miệng. Nhiều khi gặp khách hàng rắn quá, Lân nhận theo tỷ lệ bốn mươi, sáu mươi. Người đứng tên sách ăn sáu, còn Lân ăn bốn. Chung quanh cái việc viết văn chui của Lân thật nhiều chuyện li kì. Có những người nhận nhuận bút rồi nhưng định quịt, không thanh toán tiền cho kẻ viết. Ði lại nhiều lần. Ngọt nhạt. Mềm mỏng. Căng thẳng. Người ta cũng không định quịt của mình. Chẳng qua là vì quá bốc với tác phẩm đầu tay, lỡ liên hoan hết cả tiền nhuận bút. Cuối cùng đành phải tháo đồng hồ Pôn-giốt đưa Lân. Làm ăn phải giữ cái mối chứ nhiều lúc nhục lắm ông ơi. Anh chồng bảo cô vợ thế này: Anh Lân anh ấy túng quá, anh thuê anh ấy chép bản thảo, tạo điều kiện cho anh ấy thêm tý thu nhập, em đến xem anh ấy chép xong chưa cầm về cho anh, nhà xuất bản họ giục. Tiền nong cứ kệ anh. Anh sẽ thanh toán với anh ấy sau. Chị vợ phục tấm lòng ăn ở của chồng sát đất. Chồng mình quan tâm đến bạn như thế chứ còn gì nữa. Một tấm lòng vàng! Thật may cho cái số của mình... Chị vợ đến gặp mình nói lại ý kiến của chồng. Mình khất. Nói rằng mấy hôm nay tôi bận quá chưa chép được. Chị về nói lại với anh hộ. Chị vợ lại hỏi: Chữ anh ấy nhà tôi khó xem lắm đấy. Tôi đọc còn khó, anh có đọc được không. Mình vội bảo: Tôi đã công tác ở toà soạn chị ạ, chữ viết kiểu gì tôi cũng đọc được. Lần đầu tiên vui vẻ. Lần thứ hai bà vợ đến mình vẫn chưa chép được, bà ta đã có vẻ bực nhưng cố nén. Và lần thứ ba cũng vẫn bận quá chưa chép được cho anh thì bà vợ không chịu được nữa. Dắt xe ra cửa còn nói đổng: "Ðã đói còn lười. Người ta thông cảm giao việc cho làm mà không chịu làm." Lân cười. Kể đến đây Lân cười. Rồi anh nghiêm mặt quát lên với tôi: "Những công việc ấy làm sao viết trước, viết sẵn được. Ông cũng viết văn ông còn lạ gì. Cứ là phải nước đến đít rồi mới nhẩy!" Và nhắc lại châm ngôn anh đã nói cùng tôi: "Làm ăn phải giữ lấy cái mối. Ðành chịu. Họ muốn nói thế nào tuỳ họ." Bỗng cười phá lên: "Nhưng anh chồng là người tuyệt vời. Cuối cùng thì bản thảo cũng xong. Sách in trước Tết. Nhuận bút có trước Tết. Ông cũng biết Tết mà có nhuận bút thì tuyệt như thế nào. Mình đến nhà anh ta. Hí hửng sẽ mang được tiền về cho vợ. Nhưng chị vợ anh ta cũng có nhà. Hai thằng chỉ nhìn nhau mà không nói. Không có cách nào đưa tiền được. Truyện trò giữa hai thằng tri kỉ gượng đến chín giờ tối thì mình rút. Nhưng thật không ngờ. Mười giờ bà vợ đạp xe tới nhà mình:   
-Anh Lân có mất cái gì không?   
Mình ngơ ngác:   
-Không. Không mất gì cả chị ạ.   
Chị vợ rút ra một xếp tiền đưa cho mình:   
-Anh đánh rơi tiền ở nhà tôi đây này. Khi anh về, nhà tôi thấy ở gầm ghế anh ngồi chỗ tiền này, hỏi tôi tiền nào đây. Chồng không mất, vợ không mất. Anh ấy bảo thế thì chỉ có tiền anh Lân đánh rơi thôi.   
Mình hiểu ngay tất cả. Sáng kiến ứng xử thông minh của ông chồng, sự thông cảm của ông ta đối với thói cần tiền của mình trong những ngày giáp Tết. Mình giả vờ lục túi quần và reo lên: "Chết rồi. Ðúng rồi. Tiền vợ tôi nó vừa lĩnh họ đưa cho tôi lúc chiều. May quá. Cám ơn anh chị."   
-Nhưng sao toàn thấy bà vợ đến nhà ông mà ông chồng không đến?   
-Ông ấy bị đau chân. Ði làm sao được.   
Như mọi thứ hợp đồng khác, hợp đồng viết thuê của Lân có nhiều chuyện phát sinh. Chẳng hạn chuyện Lân viết (ký tên người khác) bỗng dưng lại ăn một cái giải thưởng nào đó. Như có một năm ba truyện ngắn Lân viết cho ba người được giải thưởng (của Hà Nội và của Tổng công đoàn). Người ta có thể quên hẳn Lân. Nhưng những người trúng giải thường là những người rộng rãi biết điều. Lộc bất khả hưởng tận. Ba cái giải thưởng ấy Lân đều được chia 50 phần trăm. Trần Dần, Phùng Quán đem tiền đến cho Lân. Hai người này nhận việc cho Lân. Người nhận giải chẳng biết Lân là ai. Họ chỉ biết có ông Dần, ông Quán.   
Có một điều Lân lấy làm lạ là cái người chỉ đứng tên cho văn bản mà không hề viết lấy một dòng khi sách đã được in, gặp Lân là người đã viết ra nó lại cứ trò chuyện với Lân theo cái kiểu như chính anh ta là người đã sáng tác ra nó, chính anh ta là tác giả. Hoặc nói một cách rất bề trên: "Ðoạn ấy viết được. Mình đi đến đâu người ta cũng khen. Dư luận tốt lắm." Anh lắc đầu: Cũng nhiều lúc muốn tống một quả đấm vào mặt họ nhưng lại cố nén. Rồi cười: Làm ăn phải giữ lấy cái mối.   
Nghề viết thuê có nhiều lúc nhục nhưng cũng có lúc vinh. Ấy là cái lần Lân đi viết lịch sử đảng bộ Thuận Hải, tên gọi chung cho hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận thời còn đang sáp nhập làm một. Chưa bao giờ anh có một công việc quy mô như vậy. Nó hứa hẹn với anh nhiều tháng có công ăn việc làm và do đó thu nhập cũng khá hơn. Người dắt mối cho anh là Tạ Văn Bảo, trưởng ban công nghiệp báo Tiền Phong vào cái hồi anh làm trưởng ban văn nghệ. Tạ Văn Bảo đã vào biên uỷ báo rồi chuyển sang làm giám đốc nhà xuất bản Thanh Niên. Khi đó nhà xuất bản Thanh Niên đang có một chương trình liên kết kinh tế gì đó với tỉnh uỷ Thuận Hải. Biết tỉnh uỷ Thuận Hải muốn có một bộ lịch sử tỉnh đảng bộ, Bảo đã đưa từ Hà Nội vào một cây bút có tín nhiệm để viết. Nhưng bản thảo đổ. Không đạt. Mà không thể không có bản thảo, không thể không xuất bản tập lịch sử Ðảng bộ. Bảo nghĩ đến Lân, một người chắc chắn sẽ có bản thảo, hơn thế, một bản thảo tốt. Lân nói với Tạ Văn Bảo:   
-Nhưng ông cũng biết rồi đấy. Tôi không phải đảng viên, viết lịch sử Ðảng có được không? Với lại tôi chỉ viết giai đoạn từ khi thành lập Ðảng tới Tổng khởi nghĩa thôi đấy.   
Bảo nói không có vấn đề gì, thu xếp vào trong ấy càng sớm càng tốt. Vợ chồng Lân vay giật được 200 đồng. Hằng, vợ Lân khâu vào mỗi cái quần lót của Lân một cái túi con, để cho tiền vào đó, miệng túi cài ghim băng cẩn thận. Mùa hè năm 1982 Lân vào Phan Thiết với 200 đồng, 200 điếu thuốc lá cuốn, một quyển sổ tay, vài cái bút bi, anh gặp các đồng chí trong tỉnh uỷ. Lân thấy cần trực tiếp nói rõ nhân thân của mình với tỉnh uỷ:   
- Trước đây tôi là đảng viên, nhưng từ lâu tôi không sinh hoạt Ðảng nữa. Các anh xem tôi có đủ tiêu chuẩn làm việc không. Và tôi cũng báo cáo với các anh là tôi chỉ viết lịch sử Ðảng bộ từ năm 45 trở về trước thôi. Nói rõ như vậy để các anh quyết định...   
Ðồng chí đại diện tỉnh uỷ nói với Lân:   
- Việc đó là của chúng tôi. Không phải việc của anh. Việc của anh là viết. Còn lại là việc của tỉnh uỷ.   
Chỉ đến khi công việc chắc chắn rồi Lân mới dám mở ghim băng lấy tiền khâu trong quần lót ra tiêu.   
Hẳn là bản thảo tốt nên khi hoàn thành, tỉnh uỷ hỏi Lân về giá cả, Lân rụt rè nói con số mười lăm nghìn đồng, một con số mà chính anh cũng hoảng lên nhưng anh còn nhận được số tiền cao hơn thế: hai mươi nghìn đồng! Tỉnh uỷ còn nói sẽ có một tặng phẩm cho Lân. Lân nghĩ ngay đến vợ. Anh mạnh dạn đề nghị cái tặng phẩm mà tỉnh uỷ ưu ái dành cho anh sẽ là một suất tầu khứ hồi Nam Bắc để vợ anh có thể vào Sài gòn, tới Phan Thiết cùng với anh. Vấn đề quá đơn giản. Ðề nghị của anh được chấp nhận ngay. Ít ngày sau Hằng vào Sài gòn, ra Phan Thiết. Hai vợ chồng sống như những cặp vợ chồng nhàn cư đi du lịch. Ðó là anh trả cái ơn, cái nghĩa đối với vợ mà nếu không có chuyến đi viết này anh sao làm được.   
Ôi! Một khi cái vận nó đã đến thì như vậy đấy. Cứ tự nó đến thôi. Khi nó không đến thì muốn cũng chẳng được. Vừa hoàn công việc với tỉnh uỷ đã lại có công việc mới: Ký hợp đồng viết lịch sử tỉnh đoàn. Chưa xong lịch sử tỉnh đoàn đã ngấp nghé lịch sử huyện đoàn. Cứ như vậy mà thừa thắng xông lên.   
Nhưng cuộc đời luôn dành cho anh nhiều vố. Khi anh đã hút hết 200 điếu thuốc lá cuộn, khi Hằng đã trở ra Hà Nội, khi anh đang ngồi viết lịch sử tỉnh đoàn, anh bỗng thấy như có ai đánh rất mạnh vào ngực. Mặt mũi sây sẩm. Choáng váng như muốn ngất. Ngực thắt lại, đau nhói. Nghẹt thở. Có một cái gì cứ cắn trong lồng ngực... Cơn nhồi máu cơ tim đầu tiên của anh mà anh không biết. Từ Phan Thiết, anh trở vào thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh ở bệnh viện Gia Ðịnh. Huyết áp 170 trên 100. Bác sĩ bảo đối với người già, huyết áp như vậy bình thường. May sao anh gặp Vấn, một bác sĩ bạn anh từ hồi còn ở Hà Nội. Vấn khám, kết luận anh nhồi máu cơ tim và đưa đến bệnh viện Ðiện Biên Phủ (Saint Paul cũ). Thở ô-xi. Truyền máu. Tiếp nước. Các bà xơ rất tận tình phục vụ nâng giấc đêm hôm. Quý ngài xa gia đình, mắc bệnh hiểm nghèo, chúng tôi xin được chăm sóc. Bẩy ngày sau Hằng mới có mặt tại bệnh viện. Hai vợ chồng bay ra Hà Nội bằng chuyên cơ của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt. Cũng là trúng số hên. Lân nằm bệnh viện với giấy giới thiệu của tỉnh uỷ Thuận Hải gửi tới T78, nghĩa là Văn phòng Trung Ương Ðảng phía Nam. Chuyên cơ của Thủ Tướng còn thừa hai chỗ. Hai chỗ ấy được dành cho vợ chồng một người bệnh nặng thuộc T78!

\*

Ðầu năm 2002 tôi gọi điện cho Lân. Chúng tôi duy trì cách liên lạc này để vẫn biết tin về nhau, được nghe giọng nói của nhau, dù nó hơi đau hào, bởi vì có bao giờ nhấc máy mà chúng tôi nói với nhau dưới năm phút đâu. Mà lương hưu của hai đứa chúng tôi sau bao kỳ tăng -mỗi kỳ 25 phần trăm- đều không quá 250 nghìn, nghĩa là vừa đủ cho hai cái đám cưới và một cái đám ma. Mà ở tuổi chúng tôi, con bạn lấy vợ lấy chồng nhiều, còn bạn thì cũng đã có hiện tượng lần lượt nằm xuống.   
Tiếng của Lân qua ống nghe áp vào tai tôi đã khác trước nhiều. Giọng nói của anh qua mỗi lần điện thoại một khác. Thều thào, mệt mỏi. Lần này lại càng mệt mỏi. Ðứt quãng, nghe cả tiếng thở dốc. Nghe mà lo mà thương cho anh. Vụ rét cuối năm Tân Tỵ đầu năm Nhâm Ngọ này khủng khiếp quá. Tám đến mười lăm độ kéo dài cả tháng.   
-Tôi lại mới bị viêm thực quản, viêm môn vị. Phiền quá. Bệnh này khiến mình cứ phải ở nhà không đi đâu được. Chứ không thì cũng cố bỏ ra mười nghìn đi xe ôm đến ông Bầu, đến chỗ ông Tường chơi .   
Lại thêm bệnh mới. Nghe tiếng anh tôi lo. Anh mệt mỏi lắm rồi. Anh là người kiên cường chiến đấu với tật bệnh. Năm 1982, lần đầu tiên bị nhồi máu cơ tim, bác sĩ đã nói riêng với chúng tôi có cầm cự giỏi lắm cũng chỉ được từ năm năm đến bẩy năm, mà anh đã chiến đấu với nó, đã cầm cự hai mươi mốt năm rồi. Ðâu có phải chỉ nhồi máu cơ tim. Còn bao bệnh khác, bệnh nào cũng là trọng bệnh.   
-Tôi định vào bệnh viện nhưng bệnh viện hết giường rồi. Với lại cũng không có người trông nom. Bà Hằng nhà tôi còn phải đi làm. Không đi lấy gì mà sống.   
Tôi lên Hà Nội thăm Lân. Qua nút cổ chai Cầu Giấy đang được giải toả, nơi trước đây Lân bị tông xe và bị gẫy chân lần thứ hai. Rẽ vào nhà Lân. Anh đang nằm trên chiếc giường một, chăn đệm đầy người. Một cháu gái xinh xẻo tóc xoã đang ngồi trước bàn với những trang giấy để mở. Tôi biết cháu. Ðó là một sinh viên khoa báo chí trường đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Cháu ở gần nhà anh. Những lúc rỗi rãi cháu sang cơm nước, phục vụ anh và anh đọc cho cháu chép tập sách anh đang viết, tập sách của đời anh. Thấy tôi cả hai bác cháu reo lên. Cháu gái xếp bản thảo vào trong một cái cặp, đi pha nước. Lân hất chăn đệm ra, ngồi dậy bảo cháu:   
-Hôm nay có bác Tấn, chúng ta nghỉ làm việc. Cháu ra ngoài kia mua cho hai bác thứ gì ăn trưa. Hai ổ bánh mì này, mấy quả táo này. Ông uống gì nhỉ. Bia à. Còn tôi nước ngọt.   
Cháu cầm tiền ra đi và một lát sau đã quay lại với những thứ đó trong túi ni-lông. Cháu lấy cốc lấy đĩa bầy các thứ ra bàn nước và lễ phép chào chúng tôi, ra về. Chỉ còn hai chúng tôi. Vừa ăn vừa nhìn nhau. Lần nào lên Hà Nội gặp Lân tôi cũng cứ sờ sợ rằng đây là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh dù tôi biết bệnh tật có xúm nhau lại vật được anh cũng còn lâu. Tôi bỗng nhớ đến một câu của Pau-tốp-xki mà tôi đã đọc khi còn đang tuổi hai mươi: "Tôi viết cho bạn bè tôi và vào tuổi này họ đang ít đần đi." Ðến bây giờ tôi mới ngấm câu nói ấy. Lân xếp xếp chồng bản thảo đã được làm vi tính, cất vào hộc tủ:   
-Cũng được một nửa rồi ông ạ. Mình định viết bốn cái truyện vừa độc lập. Nhưng khi ghép lại với nhau nó thành một quyển tiểu thuyết...   
Mắt anh ánh lên một nỗi khát khao. Giọng anh lại vang vọng sắc thái ngày nào. Tôi cầu mong anh hoàn thành dự định. Nhưng phải gấp lên Lân ơi. Mà không chỉ Lân. Cả mình, cả Bầu, cả Tường, cả Bão... Tất cả anh em mình. Thời gian gấp lắm rồi.   
Ngã Sáu   
29- 1- 2002   
Mùa rét năm Tân Tỵ

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần IV**

**Lê Bầu-Người hiểu giá trị của thời gian**Càng già càng ngại đi xa. Lên Hà Nội thôi cũng ngại. Vì bè bạn ở Hà Nội toàn nghèo. Nhà cửa chật chội. Rất ít tiện nghi. Tuổi già lại sinh lắm thói quen xấu. Như cái gối không đúng độ cao quen thuộc là khó ngủ rồi. Như hay dậy sớm. Như hay tiểu đêm. (Nói bóng bẩy theo kiểu Nguyễn Tuân là yếu cái chân thận.) Như hơi bị lạnh là hắt hơi. Dù không gây nguy hiểm như cái hắt hơi trong *Cái chết của viên công chức* của Tsê-khôp nhưng cũng là phiền. Còn vợ bạn. Con bạn... Cho nên có việc lên Hà Nội tôi hay ở nhà Lê Bầu. Anh sống độc thân. Lại trung tâm thành phố: Số 105 Phùng Hưng. Ðó là một di tích lịch sử đã được xếp hạng. Ở mảng tường sát cửa ra vào có gắn một tấm biển đá khắc chữ vàng: *Nơi đây là trụ sở Báo Tin Tức cơ quan của Ðảng trong thời kỳ mặt trận Bình Dân năm 1936-1939.* Một căn nhà hai tầng mặt tiền, mỗi tầng chỉ có một buồng, do Sở Văn hoá Hà nội quản lý. Buồng tầng trệt ngăn đôi. Buồng trên gác không ngăn. Bên trên bốn cán bộ ở. Bốn chiếc giường cá nhân đặt bốn góc theo kiểu nhà tập thể. Cả bốn người đã hưu, đã về quê, khoá cửa để đấy, mỗi tháng chỉ ra một lần họp chi bộ và *giải quyết gạo dầu thịt mắm* theo cách nói của Lê Bầu, nghĩa là mua các thứ định lượng trong phiếu theo giá cung cấp. (Từ khi xoá bỏ tem phiếu, bốn ông không ra Thủ đô nữa, căn buồng ấy các ông cho thuê lại.) Buồng trệt chỉ có hai người ở trong hai nửa đã ngăn đôi, tiêu chuẩn dành cho những người sáng tác. Một là Lê Bầu. Một là *ông Lúa tháng năm kén tằm vàng óng* Huyền Tâm. Lớp cót ngăn ngày càng cũ, càng xộc xệch, bên này thở mạnh bên kia cũng nghe thấy. Căn buồng vốn hẹp ngăn ra lại quá hẹp. Nó như một cái ống, mỗi bên chỉ có một cửa sổ và một nửa cửa ra vào. Ðể có thể đi lọt nửa cái cửa ra vào ấy, người ta đã phải chữa lại, làm lại cái sống giữa hai cánh cửa cho nó hơi thụt vào bên trong. Làm như vậy khi hai cánh cửa hai buồng (thực ra là hai nửa buồng) cùng đóng thì tạo ra một góc tù chứ không thành một mặt phẳng. Mỗi cánh cửa của một hộ độc thân nhờ đó rộng ra được một ít *xăng ti mét* tính theo hệ đo lường Pháp hay mấy *inh sơ* tính theo hệ đo lường Ăng lê.   
Buồng hẹp như vậy nên khi còn đi làm (Lê Bầu là biên tập viên nhà xuất bản Hà Nội), được cơ quan thưởng một cái quạt cần Trung Quốc, anh không có cách nào sử dụng được nó. Quạt cao, cánh rộng, để trong nhà thì nó quạt gió ra vỉa hè, chỉ những người đi trên vỉa hè qua cửa nhà anh mới mát, nên anh làm ngược lại: Ðem nó ra vỉa hè, đặt nó ở chỗ bậc lên xuống giữa nhà ông Huyền Tâm với nhà anh. Nó cứ đứng ở vỉa hè, lênh khênh, ngạo nghễ như của một gia đình thừa mứa của cải mà quạt, mà lùa gió qua cái cánh cửa van vát chênh chếch đã được cải tiến vào nhà. Nhà Lê Bầu chỉ có thể tiếp được một người khách là đã hơi chần chật. Thế nhưng khách đến nhà anh đâu chỉ một người. Khi một, khi hai, khi ba, khi bốn. Những bậc lão thành như Ngọc Giao, Thanh Châu, những lớp cùng tuổi như Mạc Lân, Hứa Văn Ðịnh, như tôi. Lại những thế hệ sau như Hoà Vang hay như những ai mà tôi không biết. Tôi nhớ một tối đi cùng Bùi Viên, đạo diễn truyền hình đến nhà anh thì đã thấy nhạc sĩ Nguyễn Ðình Phúc ngồi đấy. Hai người ngồi bàn về nhạc cho phim *Số Ðỏ* mà Hứa Văn Ðịnh sắp chuyển thể lên màn ảnh nhỏ. Nguyễn Ðình Phúc nói phải đưa những nét nhạc gợi một thời như *Trong com lê thì đặc ông Hoàng. Mó đến túi thì túi không xu.* Tôi lễ phép chào nhạc sĩ bằng thầy. Nguyễn Ðình Phúc trố mắt không hiểu. Lê Bầu bảo:   
-Nó cũng học Hàn Thuyên đấy.   
Tôi nói rõ hơn:   
-Thầy có về trường Hàn Thuyên kéo vi-ô-lông cho chúng em nghe bài *Phiên chợ Ba Tư*. Và thầy dạy chúng em làm nhạc không son-phe. Thầy có hát cho chúng em nghe một bài hát của một anh bộ đội sáng tác vo, không son-phe mà thầy bảo là rất hay. Thầy còn nhớ không?   
Thầy Phúc không nhớ. Dù thầy bảo là rất hay nhưng thầy không nhớ. Tôi hát. Hát một mình. Ðược vài câu Lê Bầu đã nhớ ra, hát theo.

*Trên cao một ánh nắng vàng soi xuống   
Dưới một đoàn lính xiết tay bóp cò*

Ðến cuối bài thì chính thầy Nguyễn Ðình Phúc bật lên hát theo thành một tam ca:   
*Ngắm điểm đen chụm ba viên một*

*Anh bóp cò nín thở đồng chinh không rơi   
Hoan hô! Hoan hô!   
Anh hùng xạ kích nêu gương   
Nay mai ra chốn chiến trường   
Ðạn anh tìm tới quân thù   
Quân thù tung xác lên...*

Bị lây cái kích thích của hồi ức về một thời đã qua gian khổ nhưng tràn ngập niềm vui, Bùi Viên yêu cầu rượu. Rượu thì lúc nào Lê Bầu cũng có. Rượu quê. Anh không biết uống nhưng (hay chính vì vậy) trong nhà lúc nào cũng có rượu. Dành cho những giờ phút thăng hoa như thế này. Chúng tôi uống và đồng ca tiếp bài hát Nguyễn Ðình Phúc tiến cử làm nhạc nền cho phim *Số Ðỏ*:   
*Ði đăng xinh thì đi che tàn   
Ði xuống xóm thì xách va li...*Bỗng một vị khách nữa ghé vào. Trời! Tôi vốn có một thói xấu là giữa lúc mình đang vui với những người mình hiểu mình quen mà lại có một *thành phần lạ* nào xuất hiện thì rất chi là ngán ngẩm. Nhưng Bầu reo:   
-A! Vào đây! Vào đây!   
Tôi đã quên tên người khách mới đến này. Chỉ nhớ anh ta ở mãi đâu khu Cao Xà Lá, mới đi Hoà Bình về. Anh kể biết bao nhiêu chuyện về nông trường chè trên ấy, về cái sự khoán, về nhiều chị em công nhân nông trường nay là chủ vài đồi chè khoán, nhỡ thì quá lứa cứ muốn giữ anh lại trong vương quốc của họ để biến anh thành ông hoàng vương quốc. Ông hoàng ấy suốt ngày cơm rượu và chỉ có mỗi nhiệm vụ giúp họ sản xuất ra một đàn con. Nhưng anh không dám ở lại. Anh sợ vợ. Với lại anh cũng không có lực. Bởi vì nếu ở lại thì không thể chỉ là ông hoàng của một vương quốc. Còn nhiều vương quốc lắm. Câu chuyện bắt đầu chan hoà, lại một ông khách nữa đến. Cảnh khách như thế này không phải hiếm nên nhiều lúc tôi tự hỏi không biết Bầu viết vào lúc nào?   
Bầu có một sức khoẻ phi thường để ngồi tiếp khách. Người ta đến Bầu vì lòng quý mến, vì đấy là nơi có thể thổ lộ những ý nghĩ nghiêm túc nhất về thời cuộc, về nghề nghiệp, hay ngược lại là một chỗ tạt vào uống chén trà, nghỉ ngơi tí chút rồi lại lang thang đường phố Hà Nội. Có thể nhiều người đến Lê Bầu vì đang nhức đầu nhức óc do một chuyện gì đấy, và cũng như tôi, coi Lê Bầu là một thứ *at-pi-rin, pa-ra-xê-ta-mon* hay một loại thuốc gì tương tự. Quả thật, nghe chuyện Bầu kể, nghe tiếng Bầu cười, tự nhiên những mỏi mệt phiền muộn, thậm chí cả bực bội nữa cũng biến đi đâu hết, ít ra điều đó là có thật với tôi.   
Chuyện Bầu kể phần lớn là chuyện vui, chuyện cười. Có những thông tin làm ta bực mình, những thông tin đáng buồn nào đó thì ngay sau những thông tin mà anh đang lấy hết vẻ nghiêm trọng ra mà nói, ta vẫn thấy như có nụ cười đang ẩn đằng sau làn da căng thẳng, đôi môi đang mím, cặp mắt đang nhíu lại kia. Bởi vì những điều gay go nhất đã đến với anh từ những năm nào kia rồi. Hay chí ít anh cũng đã quen với những loại chuyện ấy rồi. Anh không còn ngạc nhiên với bất cứ điều gì và cái chuyện anh đang kể ra đây chẳng có gì là lạ. Cuộc đời tất yếu nó như vậy. Ví như anh kể về nhà thơ T.H., một nhà thơ cũng được nhiều người biết đến:   
-Ðể tôi kể cho ông nghe. Ông xem có thằng nào như thằng T.H. không. Ðầu năm 1968 thời gian ông đang rất gay go, còn tôi ở Hội Văn nghệ Hà Nội cũng đang điêu đứng vì bị nghi vấn có dính líu đến một vụ gián điệp, bị gọi hỏi nhiều lần, không được viết, không được in. Chỉ làm thủ quỹ, hàng tuần xách bị đi căng-tin mua bánh kẹo cho anh em. Trong cơ quan có hai ông nằm điều dưỡng ở Quảng Bá là ông T.H. và ông Huỳnh Tâm. Ông Huỳnh Tâm là tổ trưởng sáng tác bị dãn phế quản, không bao giờ ra khỏi cổng trạm điều dưỡng vì quá lo cho sức khoẻ. Thế mà hôm ấy dù mắc thêm bệnh viêm kết mạc, đau mắt nặng vẫn lù lù từ Quảng Bá về đền Ngọc Sơn, nói với tôi: "Bố cậu T.H. bị ô-tô kẹp chết ở Hải Phòng. Ông là thủ quỹ. Ngày mai mang tiền thay mặt anh em xuống viếng." Sau đó chánh văn phòng Hội Văn nghệ cũng chính thức giao nhiệm vụ cho tôi về Hải Phòng. (Nhân vật này đã đưa một bài thơ của tôi sang công an, tôi sẽ nói với ông sau.) Cơ quan từ chính quyền tới Ðảng, công đoàn đều rỗi việc. T.H. lại là người rất gần có thể nói là xoắn xuýt với lãnh đạo. Thế mà không ai đi. Lại cử tôi. Tôi hiểu ngay. *Ðiệu hổ li sơn* đây. Người ta cần tôi đi. Ðể khám buồng tôi ở. Làm gì có chuyện bố thằng T.H. chết. Nếu chết thật thì đã chẳng đến lượt tôi đi viếng. Sáu giờ chiều thằng T.H. lại dẫn xác đến đền Ngọc Sơn. Nó bảo nó đến ngủ với tôi để sáng mai cùng đi một thể. Chà chà! Không cho mình xoay xở cái gì mặc dù chẳng có gì cần đối phó xoay xở. Sáng hôm sau chúng tôi lên tầu về Hải Phòng. Rồi đi bộ về nhà thằng T.H. Ðến cửa nhà nó thấy bố nó đang ngồi tiện gỗ ở sân. Tôi bảo nó: "Bố mày không chết đâu T.H. ạ. Thôi tao đi đây." Mặt nó tái đi. Ông đừng nghĩ nó tái mặt vì bố nó vẫn sống, nó ngượng với mình. Không đâu. Nó tái mặt vì mình về Hà Nội ngay trong khi chưa khám xong nhà mình thì thành ra nó chưa hoàn thành nhiệm vụ. Mình bảo: "Bình tĩnh. Mai tao mới về Hà Nội. Tao còn ở chơi Hải Phòng đã. Cứ yên tâm." Thế rồi tôi đến nhà ông.   
Anh cười dòn tan. Cuộc gặp gỡ với Lê Bầu đầu năm 1968 ấy tôi không nhớ được. Chỉ biết rằng đó là thời gian thật gay go của chúng tôi. Tôi cũng không được làm báo nữa. Mà là cán bộ cải tiến quản lý hợp tác xã. Một bước đi cũng bị theo dõi. Nghỉ ở nhà tôi một ngày đêm, sáng hôm sau Bầu về Hà Nội. Bước vào căn buồng của anh trong đền Ngọc Sơn, Bầu biết ngay là nó đã bị khám.   
-Ông biết không. Khi thằng T.H. chưa đến ngủ, tôi đã kịp đóng một cái đinh nhỏ một phân ở bên trên bậu cửa phía trên cửa ra vào, treo một cái rá vào đấy. Cái rá hơi chờm xuống một cánh cửa. Trên cái đinh ấy tôi đóng một cái đinh năm phân to. Khi tôi về nhà thấy cái rá không treo ở chiếc đinh nhỏ nữa mà treo ở cái đinh năm phân. Nghĩa là đã có người đẩy cửa vào nhà, làm rơi cái rá và lại treo lên. Vì cái đinh nhỏ rất khó nhìn thấy nên ai chả treo cái rá lên cái đinh to phía trên.   
Anh cười, rất khoái về chi tiết có vẻ Sê-lốc Hôm ấy. Và anh đã cao tay hơn người khác.   
-Còn cái này nữa. Tất cả sách mình xếp đều quay gáy vào trong. Vì gáy sách toàn dán hồ, sợ dán cắn. Với lại sợ mất cắp. Thế mà khi từ nhà ông về, các gáy sách đều quay ra ngoài! Thì ai xếp sách lên giá mà chả quay gáy ra ngoài!   
Anh lại cười dòn tan. Và nhẩy sang một chuyện khác cũng mệt mỏi không kém, nhưng vẫn cứ là với một giọng rất vui:   
-Về sau mình không được làm thủ quỹ nữa mà được giao nhiệm vụ đi Chèm sưu tầm văn học dân gian. Hàng ngày đi đi về về hai mươi ki-lô-mét. Thực chất là một sự đầy ải. Nhưng ngày nào cũng đạp xe hai mươi ki-lô-mét, mình khoẻ ra. Sức khoẻ mình bây giờ tốt có lẽ cũng một phần là nhờ những ngày tập luyện ấy. Ngày nào cũng đi qua cầu Thăng Long đang xây dựng, mình mới xin cơ quan cái giấy giới thiệu để tham quan công trường. Xin rồi, được rồi, đút túi, định sáng hôm sau đi. Nhưng ngay buổi chiều hôm ấy cơ quan cho người đến thu giấy lại. Mình nhờ ông cán bộ thu giấy nói với cơ quan là sáng mai và cả chiều mai mình sẽ lên công trường cầu Thăng Long. Mình sẽ báo cáo thu hoạch với cơ quan sau. Sáng hôm sau tôi đến công trường gặp Giáp cận. Ông có nhớ Giáp cận không nhỉ. Nó học lớp tôi và làm trưởng phòng lao động tiền lương công ty cầu. Nó đưa đi. Buổi chiều thì cán bộ phiên dịch Thanh Vân cùng học lớp phiên dịch với tôi đưa đi. Tham quan xong mình cũng đến cơ quan báo cáo thu hoạch như đã hứa.   
Lại cười. Sảng khoái cười. Cười cho cái sự mình cứ nhơn nhơn ra mà sống, nhơn nhơn ra mà yêu mà ghét, mà xót xa, nhơn nhơn ra mà làm việc. Ngay chuyện cái tên của anh thôi. Dạo ấy anh đã ký Lê Bầu trên các báo, kể cả cái tin mấy chục dòng trên báo Nhân Dân viết về gương cứu nạn sập hầm máy bay Mỹ. Nhưng bài của anh in trên những ấn phẩm của nhà xuất bản Hà Nội, nghĩa là ngay cơ quan anh, cái tên *Lê Bầu* bao giờ cũng bị giám đốc xoá đi, và viết vào đó một cái bút danh khác của anh, bút danh anh dùng trong thời gian khó khăn nhất: *Phan Hà.* Giai đoạn *thay tên đổi họ* đã qua rồi. Sao vẫn...? Anh nghĩ vậy và hỏi thẳng giám đốc. Giám đốc đầy thân ái và thông cảm: "Bọn mình có muốn làm thế này làm gì đâu. Ðây là chỉ thị của Thành uỷ." Anh im lặng. Và hỏi phó giám đốc vào một lúc khác. Vốn thẳng thắn hồn nhiên, phó giám đốc bảo: "Làm chó gì có chuyện ấy." Bầu bảo phó giám đốc: "Anh cho phép tôi đưa chuyện này ra cơ quan có được không? Anh cũng biết rằng đây là chuyện rất hệ trọng đối với tôi. Nhưng nếu anh thấy không nên đưa thì tôi sẵn sàng thôi, không có ý kiến gì." Vẫn hồn nhiên thẳng thắn như bản chất của mình, ông phó giám đốc trả lời: "Ðưa thì đưa. Sợ chó gì."   
-Thế là họp cơ quan tôi trình bầy lại sự việc và nói: "Như vậy trong hai ông giám đốc và phó giám đốc cơ quan ta có một thằng nói dối. Hớ. Hớ hớ.   
Lại tiếng cười của Lê Bầu. Tiếng cười sảng khoái ngay khi đang vận hạn. Càng sảng khoái khi vận hạn nguy hiểm đã qua.

\*

Trong một lần đi dạo trên đường phố Hà Nội, Vũ Bão nói với tôi về Lê Bầu:   
-Khốn nạn. Ðã rách. Ðã phải vào ban chấm thi để kiếm cơm. Cuộc thi đã phát động. Các nơi gửi truyện về. Ban giám khảo đã đọc, đã chấm xong. Chọn được giải rồi. Nhưng kế hoạch xin tài trợ bị vỡ, không đạt như dự kiến ban đầu. Tiền thưởng rút xuống một nửa. Tiền bồi dưỡng ban sơ khảo, ban chung khảo có nguy cơ không có. Mình bảo: Ban giám khảo ai không có cũng được. Chứ đừng để Lê Bầu không có. Cái đầu máy hơi nước này cổ lỗ từ hồi đầu thế kỷ nhưng phải kéo 11 toa. Không có cho nó là gay lắm.   
Những trường hợp như Vũ Bão nói không phải là cá biệt. Tiền thù lao thường xuyên bị đe doạ. Có. Nhưng ít. Và muộn. Cuộc thi truyện ngắn của báo Người Hà Nội (mà Bão Vũ được giải nhất với truyện *Trầu têm cánh phượng*) thù lao cao nhất: Mỗi thành viên ban giám khảo được một triệu rưỡi. Nhưng nửa năm sau mới có. Cuộc thi của báo *Người cao tuổi* tưởng không có thù lao. Sau được một triệu một người. Cũng là phải chờ đợi tháng này sang tháng khác.   
Bầu làm mọi việc để nuôi sống gia đình. Tôi đã thử một con tính, thấy Vũ Bão cộng nhầm. Danh sách những người Bầu phải nuôi hoàn toàn hoặc phải chi viện thường xuyên (mẹ, vợ, con dâu, con gái, cháu nội, cháu ngoại) lên tới 12 người.   
Anh ra sức kiếm tiền và chi tiêu thật tiết kiệm đến nỗi về cuối đời có người bảo anh: Hãy tập tiêu tiền cho mình đi ông Bầu ạ. Anh viết báo. Anh sáng tác. Anh vào ban sơ khảo, giám khảo các cuộc thi. Anh dịch sách, dịch báo. Ðể có tiền nuôi mẹ, giúp vợ con, nuôi cháu. Anh nấu lấy. Nấu một bữa ăn hai bữa. Thức ăn phần nhiều là một món nửa xào nửa canh. Anh dễ ăn. Anh ăn ngon miệng. Món quà trời phú cho anh. Anh tiết kiệm cả ruy-băng máy chữ, xin mực in về nhuộm lại khi nó nhạt mầu. Anh dùng giấy người ta đã dùng một mặt, bỏ đi. Có ram pơ-luya mới nào, anh nâng niu cất đi để dành. Ðôi khi cũng bị nhiều vố: Những ram giấy tốt anh cất đi ấy làm mồi cho mối. Anh chỉ hút thuốc lá rẻ tiền: Thăng Long, Thủ Ðô, những thứ thuốc oanh liệt một thời nhưng giờ đây đứng cuối bảng giá. Còn bao ba số Bão Vũ cho, đút túi để dành lại rơi đâu mất.   
Anh tham gia các tổ cộng tác viên của các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành giao thông vận tải (đường sắt, đường bộ, hàng không) cùng với các danh nhân khác: Vũ Bão, Ngô Văn Phú, Phạm Ngọc Cảnh... Ðể có thể đi mà không phải mua vé, không phải mất tiền. Ðể có thể đến được nhiều nơi trên đất nước.   
Nhận lời mời của xí nghiệp Ðầu máy xe lửa Vinh, anh đã vào đó viết bài. Chỉ một mình anh. Anh không ngại xa. Anh sẵn sàng thu xếp mọi công việc đi đến nơi mời. Ðang là mùa đông, mưa dầm gió bấc anh cũng chấp.   
Tới nơi, anh viết và gửi đăng báo *Ðường Sắt* một bài ký về những tác giả một đề tài khoa học đã được giải thưởng. Ông Sen giám đốc xí nghiệp, ông Chơi trưởng phòng kỹ thuật, anh Hiến phụ trách thi đua rất quý anh. Một thời gian sau, ông Sen lại cho anh Hiến thi đua ra Hà Nội mời Lê Bầu. Kết quả của lần đi thứ hai này là hai bài báo của anh được in. Một đăng số Tết. Một đăng số thường. Có phong bao. Có đồng nhuận bút. Việc tưởng cũng chỉ đến thế. Bỗng một hôm Lê Bầu nhận được thư của ông giám đốc Sen. Không phải thư cảm ơn về hai bài báo của Bầu. Mà là thư bầy tỏ muốn được giúp đỡ Bầu trong việc thu xếp việc làm cho thằng cháu đích tôn 16 tuổi của anh. Không hiểu sao ông Sen lại biết ngọn ngành tình cảnh nhà anh như vậy. Anh viết thư cám ơn về dự định giúp đỡ tốt đẹp của ông giám đốc.   
Ngay sau đó anh thi đua Hiến có mặt ở Phùng Hưng, nơi Lê Bầu ở.   
-Anh Sen cho em ra gặp anh để nói với anh: Từ nay đến sau Tết, bất kỳ lúc nào anh đưa cháu vào cũng có việc làm ngay. Anh Sen cũng nói: Tổng cục chỉ thị giảm 15 phần trăm biên chế, nhưng anh Sen sẽ làm việc với Tổng cục về trường hợp cháu. Giấy tờ anh Sen lo hết. Anh đừng ngại. Cứ đưa cháu vào.   
Ðến lúc ấy anh mới biết ông giám đốc Sen có nhận được một bức thư của ai đó (anh không thể nào biết ai là tác giả nhưng chắc chắn đó là một người bạn tốt) nói đại ý: Anh Lê Bầu không muốn nhờ ai cái gì, nhưng gia đình rất khó khăn. Hiện có một thằng cháu đích tôn chưa có việc làm...   
Bầu về Bắc Giang. Nói chuyện với con dâu (con giai anh đã mất). Hỏi thằng đích tôn năm ấy 16 tuổi. Nhấn mạnh về tương lai tiền đồ, công ăn việc làm của cháu. Trách nhiệm của cháu với mẹ với các em. Phân tích khó khăn. Rồi thuận lợi. Hỏi đích tôn mấy lần, đích tôn đều đồng ý.   
Thế là hai ông cháu vào Vinh. Tầu đêm. Giường nằm đàng hoàng. Dù tốn kém. Vì đây là chuyến đi lịch sử: Ông đưa cháu đi lập nghiệp, xây dựng tương lai.   
Tới Vinh là năm giờ sáng. Hai người vào nhà khách nguyên là nhà chuyên gia Bỉ ở, rất sang trọng. Giám đốc Sen nói với hai ông cháu:   
-Anh đừng lo lắng gì thủ tục giấy tờ. Tôi bao hết. Công việc của cháu thì thế này: Mấy tháng đầu làm lao động phổ thông cái đã. Không phải một lúc mà bố trí việc này việc kia ngay được. Ba tháng sau chuyển cháu làm bảo vệ. Nhàn thôi. Nhưng cháu phải đi học bổ túc, kiếm lấy cái bằng phổ thông. Bác sẽ cho cháu đi học lái tầu. Ðồng ý như vậy thì để ông cháu về. Cháu ở đây.   
Hôm sau Hiến và trưởng phòng hành chính gặp Bầu, khuyên anh nên gặp Long, trưởng phòng tổ chức. Lời khuyên có lý. Anh tìm Long. Không gặp Long mà lại gặp giám đốc. Giám đốc bảo:   
-Anh về phòng tôi. Ðể tôi bảo Long đến gặp anh.   
Ba người ngồi. Bầu trình bầy vấn đề và đề nghị trưởng phòng tổ chức giúp đỡ. Long bảo anh:   
-Xí nghiệp em chưa nhận ai không biết một nghề gì. Anh đưa cháu về học bất cứ nghề nào cũng được. Học xong em nhận ngay.   
Ðang ngồi ngả người trên ghế, Sen chồm nhoai lên bàn:   
-Long ạ. Việc này là mình xin anh Bầu chứ không phải anh Bầu xin mình đâu.   
Và ra lệnh cho trưởng phòng tổ chức: Sáng nay làm xong giấy tờ. Chiều cho cháu học nội quy an toàn lao động. Sáng mai bố trí công việc.   
Bầu đi theo Long nhận những tờ khai. Long bảo:   
-Trường hợp của anh là trường hợp thứ ba. Hai trường hợp trước là con hai ông thư ký công đoàn và giám đốc đã về hưu.   
Sáng hôm sau xong giấy tờ, động viên dặn dò cháu đâu đấy, Bầu về Hà Nôi bằng vé của xí nghiệp. Anh rất cảm động về lòng tốt tuyệt vời của những người bạn thành Vinh. Và mừng vì đã gửi được cháu vào những nơi tin cậy. Nghĩ và tin rằng nó sẽ được học tập, rèn luyện và trưởng thành.   
Ðêm hôm sau đang ngủ, có tiếng gõ cửa. Anh ra mở cửa: Ông cháu đích tôn! Ông cháu đích tôn đứng lù lù giữa cửa!   
-Cháu về. Cháu không làm ở đấy nữa.   
Và dù đang mùa rét cũng nêu một lý do hoàn toàn xác đáng:   
-Cháu sợ gió Lào!

\*

12 toa tầu chia thành nhiều cấp độ khác nhau: Nuôi hẳn, chi viện thường xuyên, chi viện theo chu kỳ, chi viện đột xuất. Ðâu phải chỉ có vậy. Còn bao việc khác. Thay cái cột nhà bị mọt. Lợp lại cái mái. Bắc ống nước. Lắp công tơ điện. Rồi còn hiếu, còn hỷ, còn lúc ốm lúc đau. Khi mẹ anh bị tai biến mạch máu não còn bệnh viện, thuốc men. Lại phải cơi cho cụ cái buồng riêng...   
Bầu làm việc như một con ngựa. 15 năm liền anh giữ một chuyên mục cho tuần báo Ðộc Lập, mãi tới khi báo đình bản. Ðó là khối lượng công việc của riêng một phóng viên chuyên nghiệp. Các báo Văn Nghệ, Tiền Phong, Lao Ðộng, Tuổi Trẻ, Tuổi Trẻ cười, Kiến Thức ngày nay, Hàng Không, Du Lịch, Ðường Sắt... nghĩa là gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều đã đăng các bài của anh viết hay dịch. Vũ Bão xếp anh nằm trong Ngũ Hổ: Năm nhà văn nhà thơ viết báo khoẻ nhất Hà Nội: Lê Bầu, Nguyễn Hà, Băng Sơn, Tạ Hữu Yên, Phong Thu. (Thực ra Vũ Bão đứng đầu Ngũ Hổ. Nhưng do khiêm tốn nên có ai nhắc, anh chỉ cười: Năm người thôi. Mình vào đó thì thành ra Lục Súc chứ đâu còn là Ngũ Hổ nữa.)   
Trong cái nghiệp dịch của Lê Bầu, cùng với những sáng tác văn học có giá trị của Kim Dung, Giả Bình Ao..., anh đã dịch hai tác phẩm đã được dựng thành phim nhiều tập và được công chúng Việt Nam rất yêu thích: Ô-sin và Tể Tướng Lưu gù.   
Ô-sin dịch theo đặt hàng của nhà xuất bản Hà Nội. Khi đó phim Ô-sin đã được chiếu cả tháng trời trên màn ảnh nhỏ. Nhà xuất bản yêu cầu phải có sách bán trước khi phim kết thúc. Và càng có sách sớm càng tốt. Anh dịch theo bản tiếng Trung Quốc nghĩa là những tên Nhật đã được Trung Quốc hoá. Không thể dịch những tên ấy theo âm Hán -Việt. Nếu vậy Ô-sin sẽ thành *A Tín* như Huy-gô sẽ thành *Vũ Quả*, Xi-mô-nôp sẽ thành *Tây môn nhược phu*, Phi-đen Cat-xtơ-rô sẽ thành *Phi đắc nhĩ kha tư đặc lạc* vậy. May. Anh có nội công. Chị Hương Liên phát thanh viên đài truyền hình Việt Nam đã phô-tô một bảng tên nhân vật giúp anh.   
Theo quy định, cứ vài ngày nhà xuất bản lại cho người đến lấy những trang mới dịch đi làm vi tính. Chỉ ít ngày sau khi anh dịch xong, Ô-sin đã được bầy bán trong các hiệu sách. Hàng ngàn quyển hết veo. Vì phim Ô-sin vẫn còn đang chiếu tiếp. Vì Vũ Bão, một người sợ biến thành Lục Súc nên nhất định không chịu đứng trong Ngũ Hổ đã viết một bài rất ăn khách trên báo Tiền Phong và Thế Giới Mới với cái tít giật gân: *Ô-sin đã dọn về phố Phùng Hưng* để quảng cáo cho công việc của Bầu, quảng cáo cho tập sách và cũng là để kiếm tiền sao cho xứng với một người... đứng ngoài Ngũ Hổ.

\*

Mỗi khi đến 105 Phùng Hưng lấy những trang Ô-sin mới dịch, anh cán bộ nhà xuất bản Hà Nội không thể vào nhà mà chỉ đứng dưới lòng đường gọi để Lê Bầu mang bản dịch ra. Bởi vì trước cửa nhà Lê Bầu là quầy bán vải. Ðó là thời gian chợ Ðồng Xuân bị cháy lần thứ hai. Lê Bầu ngồi dịch sách giữa những cây vải chất đống bên cạnh, chất đống sau lưng. Cô hàng vải nhìn chủ nhà làm việc không còn chỗ cựa quậy, đi mua bánh cuốn, bún hoặc bánh mì về cho *bố* ăn sáng.   
Hai lần cháy chợ Ðồng Xuân, hai lần nhà Lê Bầu thành kho vải, thành sạp vải, hai lần Lê Bầu gặt hái.   
Lần cháy chợ đầu tiên tôi đến nhà Lê Bầu, rất bực bội vì phải chen lách từ mãi đầu Cửa Nam lại, khi dưới lòng đường, khi trên vỉa hè. Ðến nơi thì không có chỗ để xe, không có chỗ len chân vào nhà. Tôi cằn nhằn:   
-Ðến nhà ông khổ quá. Bao giờ cho hết cảnh này.   
Bầu giẫy nẩy:   
-Ấy chết ông ơi. Tôi mong cảnh này kéo dài vĩnh viễn. Chợ không họp ở đây nữa là tôi đói đấy.   
Anh giảng cho tôi cái gốc cây sữa trước cửa nhà anh giồng ở vỉa hè, sát lòng đường cũng là tiền đấy. Hai mét chiều ngang mặt tiền của anh bỗng nhiên có giá. Cháy chợ Ðồng Xuân, hàng vải dọn về Phùng Hưng. Mỗi tháng *cụ* cứ ngồi viết, đọc sách hay đạp xe đi đâu đó cũng đút túi ba trăm ngàn đồng, nghĩa là một chỉ vàng (vàng lên ba trăm rưởi, *các con* giả lên ba trăm rưởi, không để *cụ* thiệt). Một chỉ vàng ngày ấy có giá trị lớn lắm, không như một chỉ vàng bây giờ. Vàng còn đang là mặt hàng được săn lùng, ít có trong tủ các gia đình.   
Có tiền là Bầu mua vàng. Tiền cho thuê buồng làm kho. Tiền bán vỉa hè trước mặt. Tiền thưởng ba lợi ích và tiền lao động ở cơ quan. Bầu gọi việc mua vàng là *chống lạm phát*. Phải chống lạm phát vì còn phải dự trữ phòng khi ốm khi đau đột xuất. Phải chống lạm phát vì anh chưa về nhà ở Bắc Giang ngay được. Phải chống lạm phát vì lạm phát đang phi mã. Trong đợt chống lạm phát dài ngày này, anh mua được bao nhiêu vàng không ai biết nhưng chắc chắn có chiếc xe đạp nội hóa Viha, do đó chiếc xe đạp Thanh Niên số khung 00012A, biển đăng ký BN 928 mua đầu năm 1959 được nghỉ hưu sau khi đã phục vụ anh một thời gian non nửa thế kỷ.   
Hơn một năm sau chợ Ðồng Xuân mới đã xây xong.   
Chợ vải lòng đường Phùng Hưng giải tán.   
Bạn bè tới tấp chia buồn với Lê Bầu.   
Thì chợ Ðồng Xuân lại cháy. To hơn trước. Trụi hơn trước.   
Nghe tin chợ Ðồng Xuân cháy ai cũng nghĩ tới Lê Bầu. Anh sẽ lại có nguồn phụ thu nhưng là chính thu quan trọng. Người ta còn nói: Khéo chính Lê Bầu đốt chợ. Không ai bảo ai, bạn bè trong Nam ngoài Bắc đều gọi anh là *"kẻ đốt chợ Ðồng Xuân"* mặc dù cuộc điều tra cho biết cháy chợ là do chập điện.   
Lần cháy chợ sau, Bầu thắng lớn hơn nhiều.   
Một cái vỉa hè nhưng chia làm hai dẫy. Một dẫy sát mép cống ngồi quay mặt vào. Một dẫy ngồi sát tường quay mặt ra. Giữa là lối đi. Ðúng là tấc đất tấc vàng. Bầu cười. Ôi! Nụ cười của anh mới *hãnh diện* làm sao!   
-Ông ạ. Khi chợ vải sắp chuyển về, bọn đầu gấu ngõ Hàng Hương căng giây chiếm dẫy phía ngoài. Mấy cậu thanh niên nhà bên bảo tôi: Chú phải bảo thằng Ð đi. Chứ không nó chiếm mất của chú. Tôi mới gặp nó. Cháu ơi. Chỗ gốc cây sữa để lại cho chú. Chú có lời với cháu như vậy. Rồi sau cháu tính thế nào thì tính. Nó rất lễ phép: Vâng. Chú yên tâm. Cháu biết chỗ ấy rồi. Chỗ ấy là của chú. Bảo là nó nghe ngay. Hình như nó sợ nghề viết văn của mình hay sao ấy!   
Lại cười. Hớ hớ.   
Tháng đầu tiên trong đợt cháy chợ lần thứ hai Lê Bầu đút túi hai triệu (dạo ấy to lắm, bây giờ cũng vẫn to). Giáp tường là một triệu ba. Giá gốc cây là bẩy trăm nghìn. Thật may. Anh mới nghỉ hưu. Thu nhập đang kém.   
Nhưng chỉ được một tháng đầu thôi. Tháng sau công an dẹp cái dẫy phía gốc cây quay mặt vào.   
-Thôi thì con cứ gửi ông một triệu. Những tháng sau con lấn dần được ra con gửi ông thêm.   
Lê Bầu bỗng nhiên có xe máy. *81 chót chét kim vàng giọt lệ.* Vua chiến trường ngày ấy. Xe máy của vợ chồng người bán vải nhưng đứng tên Bầu. Hoá ra anh ta người Hà Ðông, "xin ông cái tên" để có biển đăng ký 29 đèo hàng cho dễ.   
-Con muốn nhờ ông đứng tên cho con cái đăng ký kinh doanh.   
Hoá ra chị ta không có đăng ký ở chợ Ðồng Xuân. Cũng là ghé vào chỗ nào trong chợ. Cháy chợ thì giạt ra Phùng Hưng.   
-Ông đứng tên kinh doanh, khi chợ xây xong chúng con còn được vào chợ.   
Bầu lắc đầu:   
-Ðứng tên xe máy thì được. Ðứng tên đăng ký kinh doanh thì *ông* không đâu. Ngộ nhỡ anh chị kinh doanh có gì trục trặc hay thua lỗ, vỡ nợ, trốn thuế, *ông* phải ra toà à. *Ông* không đâu. *Ông* cứ nói thật.   
Sự thành thật của *ông* có lý. Chị vợ cũng thành thật với *ông*:   
-Con thuê của ông là vải của con không phải đánh dấu. Con thuê nhà xích lô bên kia, đánh dấu mà cũng mất bao nhiêu là vải.   
Biết *ông* không ăn cắp vải nên anh chị buôn vải cứ có hàng nào đẹp lại mang vào tận bàn viết của Bầu:   
-Ông xem. Vải này ông có ưng không? Con xé biếu ông để ông đi may. *Ông* lắc đầu. *Ông* cứ ngồi dịch. *Ông* cứ ngồi viết. Sáng nào cũng phải chờ đến tám giờ, *con* dọn vải ra sạp xong *ông* mới làm việc được. Rồi đang làm việc lại ngừng vì *con* nhập vải. *Ông* dịch, *ông* viết và những lúc mệt quá *ông* lại ư ử mấy câu của Quản Trọng thời Ðông Chu liệt quốc:

*Nhất niên chi kế   
Mạc như thụ hoà   
Thập niên chi kế   
Mạc như thụ mộc   
Bách niên chi kế   
Mạc như thụ nhân [[1]](" \l "anm1)*

Trong căng thẳng mưu sinh, Lê Bầu vẫn hoàn thành những việc phải làm. Chỉ kể những sáng tác gần đây của anh: Tập truyện *Những năm tháng trôi qua*, tiểu thuyết *Ngã ba cô đơn*, tập truyện được giải thưởng của Hội Văn Nghệ Hà Nội *Hai người buồng bên kia*, rồi *Gương mặt buồn, Dòng sữa trắng...* Và dịch: *Nỗi hoài hương dằng dặc, Thị trấn Phù Dung, Ô-sin, Giả Bình Ao, Tể tướng Lưu gù...* Riêng cái ông Tể tướng gù lưng Lưu Dung này làm hàng triệu người mê thích nhưng cũng làm anh ngất xỉu và phải nằm bệnh viện khi đang đọc lại những trang cuối cùng.

\*

Lần đầu tiên trong đời, tôi dự một trại sáng tác tập trung. Trại sáng tác quân đội Ðồ Sơn, mùa đông năm 1999. Hơi trái khoáy về thời tiết. Nhưng chỉ về mùa đông trạm điều dưỡng quân khu Ba mới có buồng trống cho chúng tôi ở không tính tiền.   
Cùng dự trại với tôi có Lê Bầu.   
Chúng tôi ăn cùng nhau. Những ngày nắng ấm hiếm hoi, chúng tôi rủ nhau đi tắm biển. Biết bao nhiêu chuyện. Từ thời còn cùng nhau học Hàn Thuyên. Chuyện thầy cũ bạn cũ. Chuyện bây giờ. Mới ngày nào còn cắp sách đến trường, hôm nay đã là những ông lão cả rồi.   
Khi đợt rét đầu mùa ập đến, Lê Bầu đi chợ Ðồ Sơn mua *quần áo Sida*.   
Cái áo đầu tiên mua về giá hai mươi ngàn đồng, anh định cho tôi, nhưng bị đại tá Nam Hà mua lại ngay trong bữa cơm vì tôi đã có áo rét rồi. Lần thứ hai anh mua cái quần cũng hai mươi ngàn đồng, "người mẫu" Ðình Kính mặc thử và không rời ra nữa.   
Lần thứ ba anh mua bộ com-lê, giá sáu nhăm ngàn. Phải nói bộ này rất đẹp, mặc vào ai cũng khen:   
-Cứ thế này đi họp Ðại hội Nhà văn được rồi.   
Bầu cười:   
-Nhưng còn xem có trúng đại biểu không đã chứ.   
Lê Lựu bảo:   
-Thế là com-lê có rồi. Chỉ còn chờ được bầu là đi Ðại hội Nhà văn thôi.   
Rôi Lê Lựu hỏi:   
-Anh Bầu cao bao nhiêu nhỉ?   
-Một mét sáu tư.   
-Ðưa đây xem nào.   
Vừa nói Lựu vừa cầm lấy bộ quần áo Bầu mới cởi ra.   
Lê Lựu mặc vừa như hàng may đo. *Sur mesure!*  
Và không ai có thể cởi được bộ com-lê Lê Lựu mới mặc vào người. Lựu rút ra tám mươi nghìn đồng đưa cho Bầu. Ðây. Giả cả lãi nhé. 65 nghìn vốn này. 3 nghìn xích lô này. 12 nghìn lãi này. Em biếu không anh cái quần cũ em vừa mặc nữa đây này...   
Nói vậy thôi chứ quần cũ của Lê Lựu ai mà dám mặc. Lê Bầu lại phải đi mua quần áo chống rét (một thứ tập tiêu tiền cho chính mình). Lần này có tôi đi tháp tùng. Ðến lúc ấy tôi mới biết đi mua quần áo hàng thùng là lâm vào một tình thế rất gay. Ba cô bán hàng liền nhau. Treo ba dẫy quần áo liền nhau. Cô nào cũng trẻ đẹp. Cô nào cũng chèo kéo mời chào. Vào hàng này là có lỗi với hàng khác. Vào hàng này cứ lấm lét nhìn sang hàng khác như người ăn vụng bị bắt quả tang. Cô bán hàng đưa áo cho Bầu xem, nói toạc móng heo:   
-Anh nhìn vào cái áo này này. Không phải vừa xem áo vừa nhìn sang bên ấy.   
Chúng tôi mang áo về còn nghe một cô rủa sả sau lưng:   
-Mua với bán. Ngữ ấy có lấy ba vợ nó cũng bỏ.   
Tôi và Bầu phá lên cười.   
Càng về cuối trại, càng rét. Có cái áo mới mua, Bầu yên tâm ngồi viết.   
Và những ngày chủ nhật, anh chị em về hết, cả trại chỉ còn hai người. Một là trưởng trại. Một là Lê Bầu. Bởi vì như Vũ Bão nói:   
-Ông Bầu thì cứ có ai nấu cơm cho ông ấy ăn là ông ấy ở. Rồi ở đâu có nhà tắm là ông ấy không rời ra được nữa.   
Ðúng là ở 105 Phùng Hưng phải tắm giếng ngoài sân. Ðúng là ở 105 Phùng Hưng phải nấu lấy ăn. Nhưng cũng không hoàn toàn như vậy. Anh ở lại trại và làm việc. Ít trại viên ngồi lì (với cái máy chữ) được như anh.   
Hơn ai hết, Lê Bầu hiểu giá trị của thời gian.   
Ðồ Sơn 11-1999

[[1]](#nr1) Có nghĩa là: Kế hoạch một năm/ Không gì bằng trồng lúa/ Kế hoạch mười năm/ Không gì bằng trồng cây/ Kế hoạch trăm năm/ Không gì bằng trồng người.

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần V**

**Một mơ ước về kiếp sau**

*Cây xấu hổ   
Chiều lặng ngồi trêu cây xấu hổ   
Lá thẹn thò sau đám cỏ rối bời   
Hãy ngoảnh lại đây   
Có gì mà mắc cỡ   
Chỉ mình ta bầu bạn với ta thôi.*

Nguyễn Thị Hoài Thanh ngồi một mình ở Ðồng Xoài, chờ người ta thu hoạch lạc xong thì vào mót. Cô đơn ở xứ người, để giết thời gian, để quên đi nỗi lo kiếm sống, chị trêu chòng và trò chuyện với cây xấu hổ. Thế rồi thơ đến.   
Khi ở tù ra hầu như tôi chỉ còn một nhúm bè bạn, trong đó có Nguyên Bình, người không bao giờ bỏ tôi trong những lúc gian lao nguy hiểm đói nghèo nhất. Anh vẫn đến chơi nhà, nói dăm ba câu chuyện hoặc nô đùa với các con tôi. Tôi chẳng dám trách ai. Bởi cái ống ngắm hiển nhiên là đang nhắm vào tôi. Chẳng ai lại muốn mình hiện hình trong vòng ngắm. Ðừng có đem sinh mạng mình, đời sống gia đình vợ con mình ra đùa cợt.   
Thế mà trong những ngày ấy tôi lại có thêm một người bạn mới: Nguyễn Thị Hoài Thanh. Chị thường xuyên đến nhà. Nói chuyện với tôi. Bàn chuyện làm ăn sinh sống với vợ tôi. Dạy hai đứa con gái tôi cách thêu may bô-đê để kiếm sống.   
Tôi và Nguyễn Thị Hoài Thanh trước đó chỉ biết nhau chứ chưa hề chào nhau dù gặp nhau trong một cuộc họp, lại càng chưa một lần đối thoại. Tôi ấm lòng khi thấy chị lên nhà, ân cần, thân mật, cởi mở như một người bạn thân của cả gia đình và hoàn toàn chiếm được niềm tin, tình cảm của vợ chồng tôi. Chị như một chỗ dựa tinh thần, một sự động viên vợ tôi trong những ngày tháng gian lao ấy.   
Lúc đó tôi mới biết rằng chị làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, một xí nghiệp tôi cũng từng quen, đã xuống lấy tin viết bài, nơi sản sinh ra anh hùng lao động Hồ Xuân Tuyên mà Dương Tường đã viết trong *Thuyền Trưởng*. Chị mách chúng tôi một cách kiếm sống: Làm nước mắm.   
Ngày ấy nước mắm rất khan hiếm, cắt theo phiếu, theo tiêu chuẩn thang lương. Có nhà khoa học còn nghiên cứu làm nước mắm dắt, nấu từ con dắt, một loại sinh vật biển họ trai hến nhưng chỉ nhỏ bằng cái cúc áo. Ðề tài nước mắm dắt được đăng ký cấp quốc gia hay cấp thành phố tôi không nhớ. Nhà ai chẳng phải ăn nước mắm. Nước mắm đang lên ngôi. Chúng tôi bị thuyết phục ngay. Nguyễn Thị Hoài Thanh giảng cho chúng tôi nghe về con nước, về chợ chiều, cá ươn, cá ế, về loại cá rễ cau, như con chạch nhưng đỏ, không ai ăn, mua về làm chượp, và điều quan trọng là khi nấu mắm xong đừng lọc chắt ngay mà cứ để nguyên như vậy cho đến khi nguội hẳn vì trong quá trình ấy đạm vẫn từ bã thôi ra nước. Rồi chị giới thiệu cho tôi biết những chợ nào người ta hay bán cá rễ cau. Rồi tính toán tiền cá, tiền muối, một cân cá được bao nhiêu nước mắm loại một, nước mắm loại hai... Nhưng lấy gì mà ngâm chượp? Lại cũng chị Thanh. Tối hôm ấy vợ tôi vác xe đi. Chuẩn bị cả giây co nghĩa là giây cao su, cả bao tải. Lại mất điện. Vợ tôi đi trong bóng tối hun hút xuống nhà chị. Một khu tập thể không tên gọi, không số nhà. Cũng may, ban ngày Nguyễn Thị Hoài Thanh đã đưa vợ tôi xuống nhà để vợ tôi thuộc những ngóc ngách ngoắt ngoéo mà dù cho có tối tăm, mất điện, lại toàn những mái nhà lô nhô như bát úp ở một khu đất trước đây là trận địa pháo cao xạ mà về saukhi tôi xin được việc làm ở Quốc doanh đánh cá Hạ Long, mới biết nó có tên là khu Bãi Cát, vợ tôi vẫn có thể tìm đến tận nơi.   
Khi chiếc loa ngã sáu phát chương trình *Quân đội nhân dân*, nghĩa là khoảng chín giờ, tôi nghe tiếng gọi của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi vội chạy xuống. Trong bóng tối tôi thấy vợ tôi đang giữ chiếc xe đạp ở chân thang, và ở poo-ba-ga, một đống gì gồ cao đen sì.Tôi đặt tay lên đó. Chiến công của vợ tôi. Sự giúp đỡ tận tình của Nguyễn Thị Hoài Thanh. Niềm hy vọng của chúng tôi. Nó căng. Cứng. Và cong cong. To nữa. Cái bao tải to thế mà căng phồng.   
- Chị Thanh đưa em qua cổng bảo vệ chứ không cũng không mang được về nhà đâu.   
Ðó là một bình gốm chuyên dùng, miệng nhỏ, có nắp vặn xoáy được để đựng a-xít. Bình dầy nên tuy to nhưng chưa chắc đã đựng được nửa thùng nước.   
Tài sản ban đầu của chúng tôi để tự kiếm sống là như vậy. Chúng tôi dội nước đầy bình cho a-xít thôi ra trước khi ngâm chượp. Rồi đi mua cá rễ cau cá ươn cá ế ở chợ. Chẳng mấy chốc mà đầy hũ. Không dám để hũ dưới nhà. Sợ mất. Chúng tôi bê lên gác, đặt ngoài bệ cửa sổ. Sốt ruột mong nó phân huỷ, để nó thành chượp, nấu lên thành nước mắm mang đi bán.   
Trong khi chờ đợi có nước mắm bán cả nhà vẫn cứ phải ăn. Nguyễn Thị Hoài Thanh hiểu được điều ấy. Chị đến dạy vợ tôi và hai đứa con gái còn chưa đến tuổi dậy thì bô-đê.   
-Cái này là làm cho mấy bà buôn ở chợ Sắt.   
Nhìn những mẫu bô-đê của chị tôi mới nhớ ra rằng ở những gấu quần xa-tanh, gấu áo phin nõn của những người sang trọng luôn có những hoa văn đục thủng ra rồi viền lại như vậy.   
Tôi không hiểu chị học bô-đê ở đâu mà đẹp thế. Hay chị học ở trường mồ côi? Mà chị có mồ côi và học ở trường mồ côi như người ta vẫn nói thật không. Rồi lại còn cái chuyện Nguyễn Cao Kỳ (tư lệnh không quân rồi phó thủ tướng nguỵ) là anh ruột chị nữa. Nói chung là chung quanh chị có nhiều "huyền thoại", những "hiện thực huyền ảo" giết người. Dường như biết rằng có những dư luận rất bất lợi cho mình và mọi người nhìn mình bằng con mắt nghi kị xa lánh nên chị không chủ động thân thiết gần gũi với một ai. Chỉ đến khi tôi đi tù về chị mới đến nhà tôi. Người khác có thể sợ chứ chị thì không. Chị nghĩ mọi cách giúp gia đình tôi kiếm sống. Chị nuôi ngan và bàn với tôi việc nuôi ngan. Chị bảo chị đã nghiên cứu và tìm ra thủ phạm của việc làm ngan chết hàng loạt là những con giun móc chui vào lỗ tai ngan vì vậy trong lúc trời mưa tuyệt đối không được cho ngan sục nước. Chị vẽ ra một viễn ảnh sáng ngời: Tôi mang trên vai một chiếc cuốc nhỏ, lùa đàn ngan ra bãi Máy Tơ...   
Nhưng tất cả kế hoạch của chị cũng chỉ hoàn toàn là kế hoạch của một nhà thơ. Hoặc kế hoạch mang tính khả thi đấy nhưng không thực thi được vì người thực hiện lại là tôi.   
Tuy nhiên về một mặt nào đấy những kế hoạch của chị cũng mang lại tác dụng. Nó làm chúng tôi ấm lòng. Nó giúp chúng tôi có thêm nghị lực sống, vượt qua được những *ngày nào cũng dài đằng đẵng[[](" \l "anm1)*\*] ấy. Chúng tôi vẫn có những người bạn để chia sẻ. Ðiều đó giúp chúng tôi có thêm nghị lực.   
Thế nào mà khi được đi làm trở lại, tôi lại về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, nghĩa là về cùng xí nghiệp với Nguyễn Thị Hoài Thanh. Ông Hoàng Hữu Nhân nguyên bí thư thành uỷ Hải Phòng, khi đó là tổng cục trưởng tổng cục Thuỷ sản đã cứu tôi, quyết vượt qua mọi trở ngại, những mưu toan ngấm ngầm công khai của những người có thế lực khác tìm mọi cách không cho tôi trở lại với cơ quan xí ngiệp nhà nước.   
Tôi làm văn phòng. Còn chị Thanh làm ở phân xưởng, tổ ắc-quy, ngành điện. Trong sổ tay tôi còn ghi lại một buổi sáng xuân, tôi đứng trên mũi một con tầu đang xảm lại mặt boong. Trời xuân, không mưa bụi nhưng mát mịn da mặt. Phía bên kia sông, những cây sú lá xanh thẫm. Chân trời những đám mây xuân tầng tầng lớp lớp. Và gió. Gió không mạnh, chỉ đủ giục giã lên đường. Người thuyền trưởng đứng sau tôi. Anh ôm tôi, nhấc bổng tôi lên. Rồi lại đặt tôi xuống.   
Từ phía đầu cầu cảng chạy vào một chiếc xe rùa, một loại xe chạy bằng ắc-quy, êm không một tiếng động. Trên xe, mấy cô công nhân tươi cười rạng rỡ. Thuyền trưởng bỗng rời vòng tay ôm tôi, nhao ra lan can: "Cô Thanh ơi, chúng tôi thay ắc-quy đấy nhé." Lúc bấy giờ tôi mới để ý là Nguyễn Thị Hoài Thanh đang ngồi trên xe. Quần áo bảo hộ lao động rộng thùng, chiếc mũ lưỡi chai, khuôn mặt chị ngời ngợi giữa những món tóc bị gió thổi bay dập dờn trên mặt trên má trên miệng cô công nhân ngồi đằng sau chị. Chị nói như hét:   
- Chưa thay được cho anh đâu.   
Chiếc xe vẫn giữ nguyên tốc độ, vượt qua chỗ chúng tôi. Thuyền trưởng kêu to:   
- Sao lại chưa ?   
Chiếc xe đã ngoặt về phía cổng cảng. Vọng lại một câu trả lời của chị nhưng nghe không rõ. Chiếc xe đã biến mất. Nó lướt qua không một tiếng động. Như nó chưa hề đi qua đây. Một thuỷ thủ nói:   
- Cô Thanh được đấy thuyền trưởng ạ.   
Thuyền trưởng cười:   
- Già rồi.   
Anh thuyền viên kêu to với đám thuỷ thủ đang trầu cáp, chuẩn bị cho một chuyến biển mới:   
- Thuyền trưởng chê cô Thanh già các cậu ơi!   
- Tớ già chứ không phải cô Thanh. Hiểu chưa ?   
Tất cả cười dòn .   
Năm ấy Nguyễn Thị Hoài Thanh còn đang tuổi ba mươi. Thời con gái chị vốn xinh đẹp. Nhất dáng nhì da. Chị được cả hai. Nhưng hồng nhan đa truân. Hai lần kết hôn, hai lần li dị. Vẻ đẹp của tuổi ba mươi đang chín. Cái sắc đẹp không chủ đã gây cho chị biết bao khó khăn, nhiều khi cả nguy hiểm nữa.   
- Người ta cứ coi tôi là con mụ Hến anh ạ.   
Chị nói vậy và cười hồn nhiên:   
- Ngày ấy mình còn mầu mỡ.   
Sau này khi đã lục tuần, ngồi ôn lại cuộc đời, chị nói với tôi như vậy. Và cũng như cô Hến, cái đám Nghêu, Sò cũng toàn là các hàng chức sắc nên rất nguy hiểm. Thời gian chị còn làm thợ điện ở công ty X, chỉ vì không chịu bắt tay ông trưởng phòng của chị mà chị không được chấm công, không có lương, dù ngày ngày vẫn đi làm với các đội, dù chị đã lấy đầy đủ xác nhận của các đội sản xuất. (Bắt tay là chuyện bình thường, nhưng đây lại là một kiểu ra đụng vào chạm, một kiểu lợi dụng của ông trưởng phòng mà chị biết quá rõ). Và sự việc không dừng ở đấy. Chị ở tập thể, nghĩa là một nửa gian phía ngoài, còn nửa gian phía trong là kho dụng cụ (toàn cuốc xẻng). Một trưa đi làm về, chị thấy buồng chị bị khoá. Bé Ðan, con gái chị đang ngồi khóc ở cửa. Người ta giải thích cho chị hiểu rằng không phải người ta khoá buồng chị mà người ta khoá kho dụng cụ, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Chị gặp người này gặp người khác. Chị đấu tranh. Khi cứng rắn. Khi mềm dẻo. Lúc pha cả hài hước. Mãi khuya ông trưởng phòng mới hạ lệnh mở khoá cho chị vào buồng.   
Thế rồi khi ông chủ nhiệm công ty cũng muốn đến với Hến và bị Hến cự tuyệt thẳng thừng mới thật gay go. Lại một chiều đi làm về, vừa bước vào khu tập thể, bé Ðan đã mếu máo chạy ra:   
-Mẹ ơi. Nhà mình toàn bàn ghế thôi, con không nấu được cơm đâu.   
Chị đứng lặng. Cái ô con con hai mẹ con vẫn chui ra chui vào cửa vẫn mở nhưng chật cứng bàn ghế. Chị đã hiểu. Người ta quyết không cho chị ở mấy mét vuông này. Chị thì thào với con gái:   
-Mẹ con mình khiêng sang nhà bác chủ nhiệm nhé. Thật khẽ. Ðừng để ai biết.   
Lúc đó đã tối. Giờ ăn cơm của cả khu tập thể . Bụng đói, bé Ðan cùng mẹ khiêng từng chiếc bàn chiếc ghế sang nhà ông chủ nhiệm. Nhà ông ta rất rộng. Sân. Gian ngoài. Gian trong. Hai mẹ con đặt những đồ mộc ấy ở gian ngoài. Năm chuyến. Sáu chuyến. Bẩy chuyến. Ðói. Im lặng. Thở. Như một trò tinh nghịch. Nghe rõ tiếng trò chuyện từ gian trong. Ngửi cả mùi cơm trộn mì, mùi canh dưa chua ngào ngạt bốc ra. Khiêng gần xong thì bị lộ. Ông chủ nhiệm quăng bát cơm chạy ra. Gầm lên:   
-Cô Thanh ! Làm trò gì thế này ?   
-Tôi sẽ lập biên bản. Cô đúng là một người quá thể. Không còn coi ai ra gì!   
Ông hét không thành tiếng. Cả khu tập thể vốn dĩ đói nghèo sự kiện, đói nghèo trò giải trí, bỏ dở bữa cơm đổ xô tới. Mọi người trong gia đình ông kêu thét ầm ĩ. Như một dàn đồng ca.   
Nguyễn Thị Hoài Thanh tươi cười lễ phép :   
-Báo cáo chủ nhiệm, tôi đi làm về thì thấy số tài sản xã hội chủ nghĩa này trong nhà tôi. Tôi không hiểu ai vất vào. Ðây là bàn ghế chứ ngộ nhỡ thuốc phiện thì có nguy hiểm cho tôi không. Cho nên tôi phải trình với chủ nhiệm. Hai mẹ con tôi dù chưa ăn, bụng đói cũng cố động viên nhau khiêng sang. Chả lẽ lại vất ra ngoài sân. Tài sản xã hội chủ nghĩa không thể thế được. Phải bảo vệ. Nên chỉ còn mỗi cách khiêng sang nhà thủ trưởng.   
Hoài Thanh thắng. Thắng oanh liệt. Sau trận thắng chị hiểu rằng không thể nào ở lại công ty được, phải tìm cách chuyển thôi. Trong lúc giao thời thất nghiệp ấy, một người bạn rủ chị đi bán than cùng ông ta. Mừng như bắt được của. Không phải *"một gánh càn khôn quẩy xuống ngàn, hỏi rằng chi đó gửi rằng than"* mà là mua than của mậu dịch rồi xe đổ cho các nhà. Thứ than cám đã nháo bùn để người ta *chim chim* lại cho và bếp lò. Than trộn bùn ướt nặng như đá. "Ông Hạp ơi! Khiêng hộ tôi lên bàn cân với!" "Ông Hạp ơi! Ðẩy hộ cái xe vào đây!" Tiền thì chia đôi mà chốc lại ông Hạp ơi, ông Hạp ơi. Xe than đi đổ cũng lắm chuyện bi hài. Chuyến xe đầu tiên thế nào lại quành đúng vào khu nhà tập thể của chị. Chị lo lắng: "Ông Hạp ơi. Ðổ cho nhà ai thế này?" Hoá ra đổ cho nhà ông chủ nhiệm. Chính vợ chồng ông chủ nhiệm cũng ngạc nhiên. Cô Thanh bây giờ đi làm cái này à? Vâng. Báo cáo chủ nhiệm, việc gì tôi cũng làm để có tiền nuôi mình nuôi cháu. Hẳn ông chủ nhiệm cười thầm trong lòng: Chiến thắng là thế đấy hử cô Thanh? Cứ chiến thắng nữa đi. Chị không xấu hổ về tư thế chiến thắng của chị, cái tư thế nhếch nhác đầy vẻ thất bại của chị. Chị biết thừa câu nói không thành lời của chủ nhiệm: Cô đã thắng tôi. Nhưng cô đã thấy cái giá phải trả cho chiến thắng của cô là thế nào chưa? Chiến bại đấy cô ạ! Chị chỉ tự hỏi: Ông chủ nhiệm hả lòng hả dạ hẳn rồi, nhưng không biết ông có còn chút lòng trắc ẩn?   
Thật ra tự đáy lòng, chị cảm thấy ngượng. Không chỉ trong lần xe than đổ cho ông chủ nhiệm. Còn nhiều lần khác. Hôm đầu tiên đến bãi than phố Ðà Nẵng với ông Hạp chị đã ngượng rồi. Hôm ấy chị đi đôi giầy da cũ của một người bạn cho chị rõ ràng là quá rộng. Cánh thanh niên có mặt ở bãi thấy một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp đẩy xe vào bãi, reo hò:   
- Chào em gái xinh đẹp.   
- Anh đã bảo em cứ ở nhà rồi anh mang tiền về, sao em còn ra đây làm gì? Nhớ anh quá hả?   
- Ái chà! Lại đi giầy bốt-tin!   
Lại một hôm đang đẩy đằng sau, thấy ông Hạp cầm càng ngoặt vào nhà một cô bạn, chị vội đội lên đầu cái khăn mặt tuỳ thân đen nhẻm cho nó phủ kín trán, kín hai gò má và kéo sụp nón xuống che hết mặt. Chị bạn quát:   
- Xe đổ vào góc trong cùng ấy. Góc bên phải cơ mà. Không nhìn thấy gì à? Bẩn hết bếp rồi. Mấy tạ đấy?   
Nguyễn Thị Hoài Thanh không nói một lời đến nỗi chị bạn gắt lên: "Câm đấy à?" Chị bạn không nhận ra chị vì chị đúng là "một con mụ bán than đen thui thủi" từ nón đến giầy bốt-tin!   
Vừa xe than, chị vừa đi tìm việc.Nhưng khi chị tìm được việc làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long, người ta lại không cấp giấy giới thiệu cho chị mặc dù họ đã cho chị nghỉ việc để liên hệ chuyển công tác. Chị, chẳng quen ai, không biết trông cậy vào ai, đi lên sở lao động tìm gặp bằng được ông phó giám đốc. Ông phó giám đốc ủng hộ chị. Có áp lực của sở lao động, chị được cấp giấy giới thiệu, được đi làm bên Quốc doanh đánh cá Hạ Long. Nhưng người ta lại vin vào việc chị đã chuyển công tác để trục xuất chị khỏi khu tập thể. Một cuộc họp lãnh đạo công ty với khu tập thể có mời cả công an hộ tịch dự. Lập biên bản. Ra nghị quyết...   
Hình như Nguyễn Thị Hoài Thanh sinh ra là để gặp những rắc rối, chịu đựng những rắc rối và vượt qua những rắc rối khó khăn. Chịu đựng và vượt qua một cách thản nhiên bình tĩnh, không kêu ca như cuộc đời vốn là như vậy.   
Tốt nghiệp trường công nhân kỹ thuật Hải Phòng, chi ghi vào mục nguyện vọng: Tình nguyện đi bất cứ nơi nào trừ Hà Nội, Hải Phòng. Bởi vì lúc đó chị vừa li dị và mới sinh cháu gái đầu lòng. Bà mẹ trẻ tuổi hai mươi ấy không muốn gặp lại người chồng cũ và chỉ mong được yên tĩnh ở một nơi nào đó. Cầu được, ước thấy. Chị được về Cẩm Phả, coi một trạm điện đầu trục 2 thuộc mỏ Lộ Trí. Chị và cháu gái mới sinh ở ngay trạm, liền với *nhà đề-bô* rộng thênh thang, *nhà đề-bô* đã có người chết ở đó. Ngày ấy nơi đây là chim kêu vượn hú. Ngày ấy hai mẹ con suốt đêm nghe gió thổi qua mái *nhà đề-bô*, nghe mưa rơi, nhìn nước đổ như thác cuồn cuộn bên ngoài trạm...   
Thế rồi từ Cẩm Phả chị lại về Hải Phòng khi sóng gió trong lòng đã dịu. Rồi chị sang Kiến An. Chị về Vĩnh Bảo. Có biết việc gì không trải qua. Hãy kể những việc chính: Công nhân xi măng, thợ điện Hải Phòng điện khí, thợ điện công ty xây lắp, công nhân bóc lạc công ty xuất nhập khẩu, đứng máy bào cuốn xí nghiệp gỗ Trương Công Ðịnh, công nhân công ty xếp rỡ, cấp dưỡng công ty vật liệu kiến thiết, súc sạc ắc-quy Quốc doanh đánh cá Hạ Long... Ðó là chưa kể còn đi giao bánh rán, bánh mì, kẹo lạc, làm và bán nước mắm... Ðồng lương không đủ nuôi mình mà chị còn phải nuôi con. Cuộc sống tưởng chừng không có thời gian để thở, đó là chưa kể những chấn thương tinh thần sau hai lần li dị, ấy thế mà Nguyễn Thị Hoài Thanh vẫn làm thơ.   
Cô gái ngay từ nhỏ đã có khí chất con giai này thực chất là đa cảm. Năm 13 tuổi bài văn xuôi đầu tiên được in trên báo Thế Kỷ. Năm 16 tuổi gửi thơ lên báo. Bài thơ không được in vì không chịu sửa theo ý biên tập. Bài thơ đầu tiên của chị được in trên báo Văn Học, cơ quan của hội Nhà Văn là bài Lán Mông Giăng (1961). Ðắm mình trong những vất vả khó khăn của công việc, của một mình nuôi con nhỏ, của mối tình đầu tan vỡ, chị nghĩ tới một khung cảnh đầm ấm có vợ có chồng và trong khi chị đang nằm ở lán Mông Giăng này, có một người ngoài kia nghĩ về chị và nói với mọi người *xin chớ ồn ào, để em tôi ngủ.   
Em tôi* nào ngủ được. Bởi cô đơn. Bởi hoang vắng. Bởi *nhà đề-bô* tối om từng có người chết ở liền bên. Bởi những tia chớp rạch trời thoắt hiện những khóm lau chìm trong bóng tối. Bởi bỗng một cánh tay đen sì từ *nhà đề-bô* thò vào cửa sổ (một công nhân lò Lộ Trí lên gọi điện thoại báo tin máy hỏng). Bởi bé Ðan viêm họng sốt cao. Không ngủ được thì cứ nằm mơ ước...   
Nguyễn Thị Hoài Thanh làm thơ như một nhu cầu nội tâm. Chị làm thơ để trang trải nỗi lòng. Có một điều ngạc nhiên: Cuộc đời chị biết bao sóng gió mà thơ chị hồn nhiên trong trẻo thế. Chị có tài nhìn trong đổ vỡ để thấy được một cái gì vẫn là ấm áp như trong bài *Bão tan:*

*Cây trụi lá mầu chiều say sắc trắng   
Hàng dậu xô làng xóm xích gần nhau*

Ngày tháng đề dưới bài thơ này là năm 1967, nghĩa là lúc *Thị Hến* đang lâm nạn đuổi nhà.   
Có lẽ đó không phải là cái tài của chị, mà chính là tâm hồn chị. Ðộ lượng, tha thứ, chịu đựng, vượt qua mọi gian lao và lúc nào cũng hướng về cái đẹp. Ðọc lại những bài thơ của chị in rải rác trên các báo và tạp chí Văn Học, Văn Nghệ, Văn nghệ Quân đội, Cửa Biển và một vài tuyển tập, tôi lại có một "phát hiện" mới: Chị yêu Hải Phòng biết bao! Một Hải Phòng với những thành kiến, những trù dập, những nhọc nhằn kiếm sống, một Hải Phòng với những cuộc li hôn. Nhưng cũng là một Hải Phòng của thời thơ ấu, của những kỷ niệm không quên với bạn bè, của khát vọng vươn tới cái đẹp. Hải Phòng có bốn chiếc cầu ở bốn cửa thành phố thì hai chiếc đã nằm trong thơ Nguyễn Thị Hoài Thanh: Bài *Cầu Xi măng* và bài *Chợ Cầu Rào*.   
Bài *Cầu Xi măng* như một bức thư gửi người anh trai đang sống ở Mỹ, ông Nguyễn Xuân Vinh. (Cũng không sợ lạc đề nếu nói ở đây rằng ông Vinh là một nhà bác học lớn của Nasa mà báo Lao Ðộng đã viết một bài dài giới thiệu, ông đã từng chủ trì nhiều hội nghị không gian toàn thế giới. Trong cuốn tuỳ bút *Theo ánh tinh cầu* của ông có đoạn: "Cuốn sách tôi viết nói về quỹ đạo thu hồi một cách an toàn những phi thuyền không gian. Nhà xuất bản trước khi nhận in đã đưa bản thảo để lấy ý kiến của nhiều nhà khoa học. Tất cả đều đồng ý đây là cuốn sách độc nhất, với trình độ khoa học cao nhất viết về đề tài này." Không sợ lạc đề vì ông Vinh là nguyên nhân gây ra cái dư luận Hoài Thanh là em ruột Nguyễn Cao Kỳ.)

*Anh đã xa cầu xi măng   
Ba mươi năm từ đó   
Xa con sông quê nước lợ   
Anh có mơ một lần*

*sóng vỗ giấc mơ anh*

*Cầu xi măng ơi cầu xi măng   
Thuở bé em nhìn sang bên sông   
Trời đất một vùng chim bay chim lượn   
... Mẹ ơi cầu có tự bao giờ ? em hỏi mẹ   
Mẹ bảo tuổi cầu cùng với tuổi anh...*

Còn đây là bài *Chợ Cầu Rào* chị khóc người em trai Nguyễn Xuân Ðăng mai táng ở nghĩa trang Ninh Hải (từ thành phố Hải Phòng phải đi qua Cầu Rào mới tới).

*Em nằm bên kia sông   
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái   
Qua chợ dùng dằng*

*nửa muốn đi nửa toan ghé lại*

*Ðịnh mua quà cho em nhưng nào biết mua chi   
  
Em nằm ở bên kia   
Bên đây chợ lao xao kẻ mua người bán   
Chỉ một thứ chẳng ai cần bán mua là nước mắt   
Em mặc cả với đời mang nó đi theo   
  
Em nằm bên kia sông   
Chợ Cầu Rào chiều hôm nắng tái   
Ðến thăm em chẳng cần vội vã*

*ở nơi đó bao giờ cũng có thể có em*

*Ðến thăm em rất cần vội vã*

*ở nơi đó bao giờ cũng không thể có em*

Bài thơ chị làm trên đường sang nghĩa trang trong buổi sáng một ngày sau khi mai táng mà ta gọi là đi *quơ mộ.*Không phải chỉ những cây cầu dính dáng đến những người thân mới làm Nguyễn Thị Hoài Thanh xúc động. Hải Phòng là thành phố của hoa phượng. *Tháng năm rợp trời hoa phượng đỏ* (Hải Như). *Hoa như mưa rơi rơi* (Thanh Tùng). Tôi nghĩ bài *Hoa Phượng* của Nguyễn Thị Hoài Thanh là một trong những bài đặc sắc nhất về đề tài này :

*Hoa rong chơi từ mùa thu năm ngoái   
Hôm nay nghe phố gọi rủ nhau về   
  
Gió đã mở nắng đã vàng đã chín   
Hồn đã say chân đã bước đinh ninh   
Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình   
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ   
  
Hoa khờ dại cháy mình trong nắng hạ   
Ðể thu về tan tác cả lòng ai*

Hình như một kỷ niệm đang trở về cùng chị. Hoa phượng đã làm chị nhớ lại.

*Trong ngất ngây như có ai cuối phố đợi mình   
Ai hát nữa điều gì thao thức lạ*

Lại nghĩ đến hai câu thơ của Thi Hoàng :

*Một đầu đường không có ai trông ngóng   
Một buổi chiều không biết cất vào đâu*

Ðể thấy những ngày Hoa Phượng ấy của Nguyễn Thị Hoài Thanh là như thế nào. Rồi chị thương hoa khờ dại cháy mình. Và lại thương ai. Tôi cứ nghĩ rằng chị tự thương mình. Chị thương chị. Hình như chị đã yêu, tình yêu chỉ tồn tại có một mùa hoa phượng. Nó đã qua rồi. Cùng phượng. Tôi lặng người khi đọc những vần thơ của chị viết về nỗi cô đơn :

*Sau hồi kẻng tan ca   
Tôi ngã vào vòng tay lạnh lẽo của mùa đông*

Tan ca. Ra về. Chỉ là lạnh lẽo một mùa đông chờ đợi. Bởi vậy khi có người hẹn đến chơi, niềm vui tràn lên đầu lưỡi, không có ai để chia sẻ, mà không thể không trò chuyện. Thì *Nói chuyện với mèo:*

*Mèo ơi! Mèo có biết   
Có người sắp đến thăm ta*

Thời gian đợi bạn không phải là thời gian vẫn đến và vẫn đi nữa :

*Ngày phập phồng như thể có tâm hồn   
Ðêm trằn trọc đợi mặt trời thở gấp*

Bạn đến. Bạn tâm sự. Rồi bạn đi. Ngay cả con mèo chị nuôi vẫn quanh quẩn bên chị cũng nhẩy sang nóc nhà hàng xóm với bạn nó. Thì chị tâm sự với mình. Với cây. Với hoa. Ðiều ấy chị đã quen rồi. Chị thương yêu tất cả. Chị thương cả con bò người bạn chị dắt đi trên đường phố. Chị chào người bạn chăn bò vất vả để thêm vào đồng lương hưu ít ỏi rồi chị trò chuyện với bò. Chào bò bằng một cái nhìn nhưng bò chẳng nhìn đáp lại:

*Có lẽ chú tưởng tôi là gốc cây   
Với tâm hồn gỗ   
Hay ngỡ tôi là cột điện   
Trái tim sỏi trộn xi măng*

Chị thương móng chân bò dẫm trên đường nhựa, thương đôi tai bò không được nghe tiếng hát cỏ xanh. Và không chào bò bằng mắt nữa, chị cất thành lời :

*Chú bò ơi !*

*Chú đi như tù binh*

*đi về đâu*

*tới lò sát sinh hay ra đồng ruộng*

*đi về đâu*

*tới ngã ba đường tôi với chú chia tay*

*đi về đâu*

*tôi biết rồi đấy nhé (...)*

Ngưòi rủ rỉ tâm tình là thế. Nhưng bò vẫn đi. Vẫn không chịu tham gia vào cuộc đối thoại với người.   
Người đi. Mèo đi. Bò đi. Có chân là đi. Chẳng chịu nghe chị, trò chuyện với chị. Thì chị trò chuyện bầu bạn với những gì không đi được. Từ ngày chuyển về Quốc doanh đánh cá Hạ Long, làm việc súc sạc ắc-quy (một công việc rất độc hại) chị có một người bạn mới: Sông Cấm, dòng sông có "những cánh buồm nâu không địa chỉ ":

*Sông Cấm ơi ! Sông như người bạn mới quen   
Thân thiết thế mà sao không hiểu được   
Chiều tan ca tôi đi bên dòng nước   
Sông với tôi với bóng là ba   
Bóng tôi nghiêng với bao la   
Sông mang về biển   
Bóng tôi còn nguyên vẹn không sông?*

(Xin mở một ngoặc đơn: Mong ước mình là mình, điều ấy là của nhiều người. Nhưng mong ước cái bóng của mình còn nguyên vẹn khi dòng sông đã mang ra biển thì có lẽ chỉ có Hoài Thanh ).   
Hơn mười năm sau, vẫn cái nhìn ấy với sông, với cây và với phố. Lần đầu tiên thân gái dặm trường, bước chân vào cao nguyên Ðắc Lắc, tối rồi, chưa có chỗ nghỉ lại không một người quen, chị đã có ngay một người bạn mới: Một phố nhỏ giữa cao nguyên hùng vĩ. Không những thế chị còn nhận diện được người bạn này, nó giống ai, bao nhiêu tuổi:

*Phố như con của mùa Ðông   
Vừa mới sinh ra ban nẫy*

Chị tới cao nguyên tìm đường đưa con gái và cháu ngoại vào sinh sống. Cũng như chị ngày trước, con gái chị đã li dị. Chị đi nhờ xe vào "trinh sát "rồi ra Hải Phòng trông cháu cho con gái vào gây dựng cơ sở. Tôi chép lại toàn bộ bài *Cháu Liên Chi* để thay cho những lời dài dòng của tôi về thời gian chị đã làm bà:

*Bố mẹ chia tay từ đó   
Về đây cháu ở với bà   
Hai gian chông chênh đầy gió   
Sớm chiều bà cháu vào ra   
  
Ðêm gối tay bà cháu hỏi   
Mẹ sao đi mãi đi đâu   
Thương cháu lựa lời bà nói   
Thương bà cháu vuốt tay đau   
  
Cha cháu giờ này ở quán   
Mắt ngầu be rượu chênh chao   
Tình thương cạn kiệt đáy cốc   
Môi khô triết lý khô theo   
  
Mẹ cháu miền Nam xa lắc   
Suất tầu dành cả đời bà   
Nửa đêm nhọc nhằn tráng bánh   
Sáng còn đi chợ đường xa   
  
Bao giờ mẹ cháu gửi ra   
Suất tầu cho hai bà cháu   
Bấy giờ lại được ra ga   
Tay xách làn tay dắt cháu   
Bóng bà bóng cháu nương nhau   
  
Miền Nam có thương thì đợi   
Tuổi bà mới ngoại năm mươi*

Năm ấy chị mới ngoài năm mươi. Năm nay chị đã ngoài sáu mươi rồi. Không thể tay xách làn tay dắt cháu, bóng bà bóng cháu nương nhau được. Một tai nạn ô tô đã làm chị tàn phế một tay. Tai nạn xẩy ra ngay Ngã Sáu, gần nhà tôi. Chị nằm ngất trên đường mưa dầm ngày tết, mặt đường nhựa sền sệt một thứ nước bùn hoa. Cánh tay dập nát, xương gẫy. Nhưng không thể bó bột vì bùn hoa dính vào thịt gây nhiễm trùng dẫn đến hoại thư. Hàng ngày bác sĩ làm vệ sinh vết thương bằng nước, bằng ô-xi già và lấy kéo cắt đi những mẩu thịt nhiễm trùng. Chị cắn răng chịu đựng. Lại còn nhớ đến một truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan khi nghĩ rằng mình bị tàn tật cả đời: *Cái vốn để sinh nhai.* Nhớ lại để cười. Bởi vì từ nay chị cũng có cái vốn như người tàn tật ấy.   
Chị bảo người nhà xin cho người tài xế đã gây ra tai nạn khỏi bị truy tố " vì người ta không cố ý, người ta cũng khổ như mình ". Chị gần như không nhận tiền nong quà cáp của bè bạn, của những người thân. " Bởi vì anh ạ, nợ ân tình làm sao tôi trả được." Ban đêm chị tự phục vụ dù một tay đã dập nát. (Hai đứa con gái, một mới sinh, một sắp ở cữ, chị bắt chúng phải về nhà.) Chị bảo chúng mang cho chị mỗi ngày ba cặp lồng cơm và muối vừng để chị ăn vào ba bữa sáng, trưa, chiều. Nằm gần như bất động, chị xúc từng thìa. Ăn như một nhiệm vụ, như một người cần hồi phục, cần phải sống. Như một cái gì phải vượt qua. Những cô con gái nhăn nhó hỏi mẹ:   
- Con hỏi bác sĩ rồi. Mẹ không phải kiêng gì cả. Sao mẹ lại cứ ăn vừng ?   
- Mẹ thích ăn vừng.   
Chị nói vậy. Bởi chị biết các con chị đang rất khó khăn. Chị thương chúng. Chúng là cuộc sống của chị. Ngày chúng còn thiếu nữ, nhìn chúng cắp sách đi học hay nằm ngủ bên nhau, một nỗi sợ trào lên trong lòng chị khi chị nghĩ đến một ngày chúng mồ côi mẹ:

*Rồi mai đây khi mẹ vắng ít ngày   
Các con ơi đêm mùa thu gió lạnh   
Ngủ nhớ đắp tấm vỏ chăn cho ấm   
Cửa sổ mở ra cho thoáng gió nghe con   
Biết bao lo âu lòng mẹ ngày đêm   
Từ khi các con còn là giọt sương trong lòng mẹ   
Nếu như mẹ ra đi khi chưa kịp làm bà   
Thì đêm đêm mẹ vẫn ru những đứa cháu ra đời trong giấc mộng   
Tình thương lớn không thể đo bằng năm tháng (...)   
(...) Ðừng khóc con ơi !   
Mẹ ra đi như đêm tối   
Bước lặng thầm như thể bóng đêm thôi   
Mẹ lại về trong tiếng chim rơi   
Trong làn khói cơm thơm lửa reo bếp nhỏ   
Lời mẹ chuyện trò lao xao trong lời gió   
Bóng mẹ ra vào trong bóng lá xanh tươi   
Có những món nợ nần mẹ phải trả bằng đời   
Một bài thơ về cầu xi măng   
Chiếc cầu tuổi thơ đưa mẹ qua con sông nhỏ   
Một cây mướp con trồng*

*ngọn trườn lên cửa sổ*

*Lá tay xinh quấn quít song tre.*

Thật may. Chị nghĩ. Bánh xe chỉ lăn qua bắp tay. Nếu nó lăn thêm một chút nữa sẽ đè dập ngực chị. Chị sẽ chết. Và nếu vậy các con chị thừa hưởng những gì ở chị ?

*Không có gia tài để lại cho con   
Chỉ có nước mắt rơi và ngày vui chưa trọn   
Và thơ cười*

*đi suốt những đêm đau*

Nguyễn Thị Hoài Thanh đã xuất viện. Chị vẫn sống. Vẫn vào Nam đi mót. Vẫn ra Bắc nâng giấc phụng dưỡng mẹ già chín mươi tuổi bằng một tay duy nhất còn lành lặn. Chị sống dai dẳng. Hài hước. Khoẻ mạnh. Và vẫn làm thơ. Ðời Nguyễn Thị Hoài Thanh chưa lúc nào yên tĩnh. Tuy vậy chị vẫn có thời gian nghĩ đến *Kiếp sau:*

*Kiếp sau nếu được làm chim   
Tình thương dang dở bay tìm nơi nơi   
Giương cung*

*đừng nhé người ơi*

*Vết thương thuở trước luân hồi còn đau.*

14-1-1999

[[\*]](#nr1) Tên một tiểu thuyết của Simonov

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần VI**

**Quyển sách tặng Ðịnh**Có những lúc không muốn gặp bất kỳ ai, kể cả những người bạn đã từng chia sẻ mọi chuyện vui buồn. Và hình như bạn cũng vậy. Gặp. Nhìn. *Những cái nhìn cày nát cả mặt nhau*. Như thơ Thanh Tùng. Còn nói? Nói gì? Vốn đều rất trung thực nên lại càng không thể mở miệng. Thậm chí hỏi thăm tình hình vợ con bạn sinh sống ra sao cũng không muốn. Hỏi làm gì? Thừa biết sống khó khăn. Hỏi làm gì khi không thể giúp được nhau. Vật chất đã hẳn. Một câu động viên thôi cũng không thể cất thành lời. Bởi vì bạn cũng như mình đều quá hiểu, quá thuộc những cụm từ loại ấy.   
Riêng tôi một thời gian dài khi lên Hà Nội còn ngại gặp bạn vì một lý do khác nữa. Nhà các bạn tôi trên ấy bao giờ cũng là nơi lui tới của những người làm báo, những người viết văn, những đạo diễn, diễn viên, những người làm nghệ thuật, nghĩa là những văn nhân tài tử. Câu chuyện của họ, giữa họ hoàn toàn xa lạ với tôi và nếu vẫn có một liên hệ gần gũi nào đó thì ở chỗ nó chỉ rõ cái chết của tôi, tôi chỉ còn là một cái xác biết ăn uống đi lại...   
Ở nhà Hứa Văn Ðịnh nhiều lần tôi đã ngồi im trên chiếc ghế đặt lảnh ở một nơi nghe họ nói. Những câu chuỵên về nghệ thuật, những câu chuyện về những người làm nghệ thuật, toàn những điều cao siêu. Họ nói và hoàn toàn không để ý đến sự có mặt của tôi dù Ðịnh đã giới thiệu tôi với họ. Cái tên tôi, cái địa danh Hải Phòng chẳng gợi một ý niệm gì. Tên người, tên đất ấy đầy tính vô danh tỉnh lẻ. Sự có mặt của tôi cũng chẳng hơn một củ khoai trong đống khoai mới rỡ ở đồng đất Thái Bình người ta mang lên tặng Ðịnh.   
Tất nhiên tôi buồn. Ý nghĩa của sự tiêu diệt thật thấm thía, trọn vẹn, hoàn hảo. Chắc chắn Ðịnh biết những gì tôi đang nghĩ. Anh vẫn tiếp chuyện những khách của anh sôi nổi vui vẻ và thỉnh thoảng lại đưa mắt về phía tôi như muốn nói: Chịu khó ngồi một tý nữa nhé. Thông cảm với mình. Khi khách ra về, Ðịnh đối với tôi thật ân cần dịu dàng. Anh lấy rượu Tây ra mời tôi, anh kéo tôi đi chơi phố, vào hiệu giải khát hay ăn cơm tiệm.   
Nhà Ðịnh ở ngay Cửa Nam, đầu đường Ðiện Biên Phủ, thuộc trung tâm Hà Nội. Nói cho đúng đó là nhà của bố mẹ vợ anh, trước đây anh vẫn sống trong một phòng của cái biệt thự ấy, chung với cả nhà. Nhưng giờ đây anh đã có một gian riêng cho mình. Một gian xây trên ô đất ngăn cách đường phố với tường nhà, một ô đất chạy ngang đầu hồi ra tới tường bao làm cho ngôi nhà trở thành biệt thự. Ngăn mới xây ấy ngay đầu cổng, hoàn toàn riêng biệt. Ðặt một bộ xa-lông song mây với nhiều ghế con để có thể chứa thêm, tiếp thêm, mời ngồi thêm những người mới đến, những người đến sau... Một cái giường liền đó, rồi một cửa hậu đi ra một mảnh sân rộng hơn chiếc chiếu còn nguyên một cây cổ thụ. Và cuối cùng là một cái toa-lét rất hẹp. Dù nước cực kỳ khan hiếm, Ðịnh cũng không cho tôi đánh răng rửa mặt ở nơi công cộng phía trong. Anh chịu khó hứng nước, xách nước từ vòi nước chung trong ngôi nhà đang trĩu xuống vì tải trọng các hộ, các khẩu, cái vòi nước rỏ từng giọt lúc ban ngày và chỉ về đêm mới có nước chẩy, xách từng xô vào cái toa-lét sơ sài cho tôi dùng. Một kỳ công.   
Vốn là người giao tiếp rộng, lúc nào cũng có chè móc câu cũng như thuốc lá và nhiều khi cả Johnnie Walker nữa nên nhà Ðịnh rất ít khi vắng khách. Anh là chủ cái vương quốc riêng biệt ấy. Chị Hoà, vợ anh chỉ xuất hiện như một cái bóng khi cần tiếp thêm nước sôi, hay pha vài cốc nước mát. Hoặc bưng mâm lên cho chồng ăn cùng với khách. Chúng tôi có nói lời cảm ơn về sự chăm sóc của chị đối với chúng tôi, hoặc trêu chòng chị, chị chỉ cười. Tôi ít thấy nụ cười nào hiền hậu đầm ấm đến thế như nụ cười của chị.   
Ngày ấy Hứa Văn Ðịnh in nhiều. Nhưng anh không tặng tôi sách và cũng không đưa cho tôi xem bản thảo. Anh biết tôi không thể nào đọc được dù là sáng tác của anh. Chỉ bắt đầu từ *Sống trên điểm chết* anh mới tặng sách tôi đều đặn. Hình như anh biết tôi đã *tập đọc* trở lại. Tôi đọc một mạch hết quyển truyện. Với tôi đó là một trong những quyển tiểu thuyết hay nhất những năm 80, một trong những thành tựu xuất sắc trong thời kỳ bắt đầu đổi mới, nó báo hiệu rằng sẽ có những *Nỗi buồn chiến tranh, Mảnh đất lắm người nhiều ma, Bến không chồng.* Thời gian ghi khi Ðịnh hoàn thành quyển tiểu thuyết: 1986. *Sống trên điểm chết* được nhà xuất bản Giao thông vận tải in lần đầu với số lượng 15.000 bản, một *tirage* bây giờ nằm mơ cũng không thấy. Ðã lâu lắm rồi văn chương Việt Nam mới có một quyển tiểu thuyết nói về chiến đấu, về đời sống, về quan hệ giữa người với người một cách chân thực đến thế.   
Quyển tiểu thuyết viết về những cô gái thanh niên xung phong đảm bảo giao thông trong chiến tranh chống Mỹ ở Trường Sơn. Và những ngày hoà bình sau đó. Những cô gái hy sinh. Những cô gái còn sống khi gặp một chàng lái xe rủ nhau lảng đi *cho con Tuy kiếm tí. "Nhưng mà đây chúng em gọi là hạnh phúc. Hạnh phúc của những người biết hạnh phúc chẳng bao giờ đến với mình nữa, kiếm lấy đứa con để sau này dựa vào nó mà sống..."* Và ít ngày sau cái cô Tuy ấy reo lên: *"Hoa ơi. Tao tắt kinh rồi...Liệu trước đi, chứ ngộ nhỡ sống được, đến lúc về già lại chỉ trơ một mình thì khiếp lắm. Mày chưa biết nổi cái cảnh quá lứa chúng tao..."*  
Nhưng quyển truyện đâu phải chỉ có các cô gái. Còn một xã hội phía sau. Những đại tá Tỷ có biệt danh là đại tá nướng quân, nịnh hót bợ đỡ, vu cáo thiếu tướng chỉ huy mình hủ hoá để mình thế chân, đeo quân hàm thiếu tướng. Lần đầu tiên có một quyển tiểu thuyết đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội. Một ông bí thư huyện uỷ, chủ tịch huyện đồng thời cũng là một Lý Thông. Anh vạch ra cái sức mạnh đồng tiền nó chi phối những suy nghĩ, hành động, thậm chí cả chiếc ghế của những cán bộ cao cấp. Chúng ta đã nghe nói thành vần thành vè về bốn người đàn bà, bốn mệnh phụ Hà Nội buôn lậu vàng, kim cương, đô-la xuyên quốc gia. Những điều *nhất nọ nhì kia tam này tứ ấy* được mô tả trong *Sống trên điểm chết*. Ðành rằng cho đến hôm nay đã có nhiều truyện ngắn truyện dài đề cập đến những tệ nạn xã hội, nhưng hãy nhớ rằng *Sống trên điểm chết* được viết năm 1986. Vả lại cái hay của tác phẩm không phải ở đề tài. Nó nằm trong những trang thấm đẫm tình người, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên một mảnh đất nhỏ giữa Trường Sơn, nơi tám trăm chín mốt người đã ngã xuống, nó đặt ra bao điều suy nghĩ về cuộc sống, một cuộc sống hôm nay ta đang đối diện mà Hứa Văn Ðịnh đã gióng lên hồi chuông cảnh báo từ non hai mươi năm trước.   
Tôi lật bìa bốn quyển truyện. Kín bìa bốn là những gạch đầu dòng với những tên sách đã xuất bản, tên kịch bản đã được dựng thành phim của Hứa Văn Ðịnh. Ðến lúc ấy tôi mới biết Ðịnh đã in nhiều đến thế. Gặp lại tôi khi tôi đã đọc xong tập sách, biết rằng đây là lúc thuận tiện nhất để nói, anh khuyên tôi:   
- Ông viết đi. Tôi nói thật, ông không viết là một sai lầm.   
Tôi cười:   
- Mình sẽ viết. Ðọc ông mình lại muốn viết.   
Câu trả lời của tôi làm anh cười đắc thắng:   
- Tôi đã nói mà. Thế nào ông cũng lại viết mà. Ông bỏ làm sao được.   
Ðã nhiều lần Ðịnh khuyên tôi viết. Tôi chỉ cười trừ hoặc lắc đầu. Có lần tôi còn khùng lên với anh:   
- Thằng gàn. Ðất nước này không cần đến văn chương mà cần sự thay đổi.   
Ðịnh im lặng. Tôi cảm thấy mình có lỗi với bạn:   
- Sau những gì đã trải mình không thể đọc được. Ðừng nói viết.   
Ðịnh thở dài:   
- Ông hơi cực đoan. Tôi hiểu sự cực đoan của ông. Nhưng ông không thể không viết. Rồi ông xem tôi đúng hay sai.   
Cho đến bây giờ, thời gian càng chứng tỏ Ðịnh hiểu tôi hơn tôi. Anh nhìn rõ những gì đang chẩy trong huyết quản của tôi. Và anh kiên trì thuyết phục nhắc nhở tôi về món nợ đời tôi phải trả. Khi anh xuống Hải Phòng hoặc tôi lên Hà Nội, gặp nhau, thỉnh thoảng anh lại nói gần nói xa tới chuyện tôi phải viết và lần nào anh cũng tìm được lúc thích hợp nhất để nói. Sự rụt rè tế nhị của anh làm tôi cảm động.   
Ðịnh đánh giá cao khả năng sáng tác của tôi, một sự đánh giá theo tôi, cao hơn thực tế. Nhiều người viết văn, làm thơ Hải Phòng lên Hà Nội đến nhà Ðịnh chơi đều được nghe những lời Ðịnh nhận xét tốt, thậm chí có phần hơi quá mức về tôi. Họ nói lại với tôi tất cả. Tôi thầm cám ơn bạn và hơi ân hận về những lời lẽ đôi khi gay gắt của tôi khi cùng anh bàn luận văn chương.   
Ðịnh muốn tôi viết lại hình như còn vì anh mang một cái gì giống như sự phẫn uất thay tôi. Sự phẫn uất mỗi khi thấy tôi ngồi lảnh ra trên cái ghế ở góc nhà anh, im lặng nghe người ta sôi nổi tranh luận về những điều cao siêu của nghệ thuật. Anh không muốn tôi bị khuất chìm trong bóng tối. Sự phẫn uất mà anh đã một lần bộc lộ ngay ở nhà tôi. Ðó là thời gian cuối những năm 70, tôi đã ở tù ra, và nhờ ông Hoàng Hữu Nhân, tôi đã được đi làm ở xí nghiệp đánh cá. Chiến tranh đã kết thúc. Hoà bình đã lập lại, đất nước đang đi đến thống nhất (tất nhiên về mặt hình thức, còn nội dung đã thống nhất lâu rồi). Thời gian *miền Nam nhận họ miền Bắc nhận hàng* ấy, phương tiện, thủ tục đi lại giữa hai miền Nam Bắc rất khó khăn, tốn kém. Xí nghiệp tôi làm lúc đó -Quốc doanh đánh cá Hạ Long- có vài chục con tầu đánh cá suốt hai miền Nam Bắc, nên thỉnh thoảng lại có người đến nhà tôi nhờ tôi về chuyện đi lại, mỗi khi họ biết có một con tầu sắp vào đánh cá tại vịnh Thái Lan hay tới Sài gòn tiếp dầu nhận cá từ những con tầu bạn.   
Hôm ấy Ðịnh xuống chơi nhà tôi và anh đã chứng kiến cảnh hai ông khách đến gặp tôi để tìm cách đi nhờ tầu cá. Ðó là một người làm thơ đã có thơ đăng báo và một anh thợ ảnh. Anh làm thơ thì biết tôi từ trước, hiểu tôi là một kẻ thất thế đã xa rời văn chương và thật phúc tổ lại được đi làm lọ mọ ở một nơi toàn mùi tanh của cá nên tranh thủ trong câu chuyện xã giao, nói với tôi những chuyện thời sự trong văn chương nghệ thuật khiến tôi rất kính nể và đánh giá anh cao chứ không như hồi trước. (Khi mình bị hất ngã, người ta vẫn cứ tiến. Mình trở thành lạc hậu, đời đúng là như vậy.) Và trong chuyện nhờ vả, anh vừa có vẻ tôn trọng vừa có vẻ bề trên, đại loại như thế nào anh Tấn nhỉ, tất nhiên là chúng tôi sẽ có đủ thủ tục, giấy tờ của nhà trường (anh làm thơ là một giáo viên) giấy của chi hội văn nghệ. Anh xâu đầu mối bố trí cho chúng tôi trực tiếp gặp giám đốc thì rất cám ơn anh, coi như chúng tôi đi thực tế dưới tầu, thế lại hay đấy anh ạ. Chắc chắn chúng tôi sẽ có thơ, có cả ảnh đăng báo nữa...   
Anh thợ ảnh với vẻ của một người khai hoá, giảng cho tôi vì sao các anh lại muốn đi tầu cá. Không phải vì sợ tốn kém hay không lấy được vé, đi tầu thuỷ Thống Nhất hay đi tầu hoả cũng được thôi. Nhưng... Anh rít lên một thứ âm thanh the thé:   
- Chúng tôi văn nghệ sĩ mà. Ðiều ưa thích nhất đối với văn nghệ sĩ chúng tôi là thoải mái mà.   
Tôi rất hoang mang sợ hãi. Những tiếng *văn nghệ sĩ mà, thoải mái mà* của anh ở cung bực cao làm tôi nổi da gà:   
- Vâng. Vâng. Các anh có xuống tầu cá thì cũng không phải là hành khách, mà là người nhà. Chỉ riêng chuyện không phải trông nom hành lý cũng đã thoải mái rồi.   
Anh thợ ảnh, phải, đúng là một anh thợ ảnh xịn, một thợ ảnh *trăm phần trăm* (sau này tôi đã thấy anh hành nghề ở vườn hoa và một vài cái đám cưới tôi có được mời cũng như đám ma tôi đến viếng), anh thợ ảnh mặt dãn ra khi thấy tôi sớm nắm bắt được cốt lõi của vấn đề, việc khai tâm của anh lại nhanh chóng đạt kết quả như vậy, hẳn là tên đánh cá này sáng dạ:   
- Chí phải. Chí phải. Chúng tôi cần nhất sự thoải mái. Văn nghệ sĩ mà...   
Ðến đây dường như nhà thơ thấy cần chen vào câu chuyện. Anh nói to nhắc anh thợ ảnh:   
- Anh Bùi Ngọc Tấn đấy!   
Cái tên ấy chẳng là cái đinh gì với anh thợ ảnh. Nó quá bình thường. Anh thợ ảnh vẫn tiếp tục giảng cho tôi về những phẩm chất rất khác thường, rất đặc biệt của văn nghệ sĩ đó là sự tự do thoải mái, *điều không thể thiếu được là sự thoải mái, chúng tôi văn nghệ sĩ mà*, khiến anh làm thơ vội nói một cái tên khác của tôi:   
- Anh Tân Sắc đấy!   
Tân Sắc là tên tôi vẫn ký khi làm báo. Cái tên này nghe có vẻ hơn, nhưng anh thợ ảnh nào có biết Tân Sắc cũng như Bùi Ngọc Tấn là ai nên vẫn tiếp tục bài giảng về phẩm chất của văn nghệ sĩ.   
Hứa Văn Ðịnh đột ngột đứng dậy. Tôi vội đưa mắt cho anh. Tôi sợ anh văng ra một câu gì đó. Tôi muốn nói với anh: Ðịnh ơi. Cứ ngồi yên. Những chuyện như thế này mình quen rồi. Thậm chí có người nhờ vả mình lại thấy vui, vì người ta vẫn nhớ đến mình và mình vẫn được coi là có ích. Hình như Ðịnh cố nén một cái gì đó trong họng. Anh chỉ làm ra vẻ sốt ruột đi đi lại lại trong buồng, một cái buồng hẹp lủng củng những giường bàn ghế... Chỉ riêng bộ xa-lông gỗ gõ tôi mới nhờ anh em thuỷ thủ mua ở Hố Nai sáng trưng cả căn phòng cũng đủ làm những người đến nhờ tôi tin rằng họ đã đến đúng nơi cần đến. Ði lại một lúc Ðịnh lại ngồi xuống. Cũng như ở nhà anh tôi ngồi riêng ra một chỗ, Ðịnh ngồi một mình trên chiếc giường ba xà, không tham gia vào câu chuyện.   
Anh nhà thơ dường như cũng hiểu tình trạng trớ trêu khi bạn anh cứ tiếp tục bài giảng về phẩm chất văn nghệ sĩ cho tôi nghe, và để kết thúc câu chuyện, với giọng nài nỉ, anh nói: anh cố giúp tôi, nói với xí nghiệp cho chúng tôi đi nhờ, lấy vé tầu Thống Nhất vừa tốn vừa chầu chực suốt ngày đêm mà chưa chắc đã lấy được. Bao nhiêu vé vào tay con phe hết, còn lấy vé chui thì chúng tôi không đủ tiền...Thế là anh thợ ảnh lại nói:   
- Chúng tôi nghèo lắm. Văn nghệ sĩ mà. Lấy đâu tiền mua vé chui.   
Tôi hoàn toàn thông cảm với anh điều ấy:   
- Vâng. Văn nghệ sĩ thì nghèo rồi.   
Anh nhà thơ lại cau mặt nhìn anh thợ ảnh. Khi hai anh ra về chúng tôi phá lên cười. Ðịnh bỗng nghiêm mặt và bừng bừng phẫn nộ:   
- Ông vẫn có những ông khách như thế này đấy à?   
- Còn hơn thế. Ðây dù sao vẫn là những người tôn trọng mình. Dù sao người ta cũng đến nhờ vả mình. Có những người chỉ hăm doạ bóng gió và đặt điều vu cáo mình nữa cơ.   
- Cái ông *văn nghệ sĩ* ấy là ông gì?   
Tôi nói cho Ðịnh biết đôi điều về ông thợ ảnh, người tôi đã thuê in tráng cuộn phim tôi tập chụp bằng máy ảnh Konica tự động của xí nghiệp để hoàn chỉnh cho nghề thi đua *cờ đèn kèn hoa* của tôi.   
- Còn ông kia?   
Tôi nói tên nhà thơ.   
Ðịnh gật gù:   
- Mình có đọc một hai bài của nó in trên báo. Mình nghe nói thằng này toàn ký tên học sinh để dễ được đăng. Thơ của nó cũng đạt dưới mức khu phố trên mức tiểu khu đấy.   
- Nó biết mình nên không đến nỗi như ông chụp ảnh.   
- Nhưng cũng phải nói thẳng với nó rằng nó không được phép dắt những thằng như thế đến gặp ông. Trước khi đến, chúng nó phải biết rằng sẽ đối thoại với ai chứ!   
Ðịnh nổi doá lên thực sự. Tôi biết anh thương tôi, anh đang đau nỗi đau của tôi. Nỗi đau trước việc tôi đã mất chỗ đứng dưới ánh mặt trời, tôi đã chìm vào bóng tối.

\*

Tôi quen Hứa Văn Ðịnh khi anh từ bộ đội chuyển về nông trường bông Gia Lâm, nông trường đầu tiên của miền Bắc sau chiến tranh chống Pháp kết thúc. Ðó là vào khoảng mùa đông năm 1955. Tôi, khi ấy làm phóng viên báo Tiền Phong về đó viết bài. Chuyến đi có ba ấn tượng tôi không quên được:   
1-Chiếc máy cày với hàng lưỡi cày sáng loáng vật đất lên phá băng những bờ ruộng ngăn cách, tư hữu của nông dân ngàn đời cá thể, biến những ô ruộng nhỏ manh mún tiểu nông thành cánh đồng bao la của một nông trường mà chỉ hai tiếng *nông trường* thôi cũng đã đồng nghĩa với khát vọng đã biến thành sự thật, một thiên đường đang đến. Trên cánh đồng nông trường mới hình thành, tiếng máy cày gọi nông dân quanh vùng kéo đến phấn khởi nô nức như một ngày hội lớn. Họ đến để xem, để nhìn tương lai của họ.   
2-Những chị công nhân nông trường cắp ngang sườn những cái rá đựng một thứ gì mang một mầu trắng tinh khiết. Ðó là phân đạm. Các chị bốc từng nắm, vung tay vãi trên cánh đồng đất vừa cày. (Một kiểu bón phân chẳng khoa học tý nào, sau này tôi mới biết như vậy.) Lần đầu tiên tôi trông thấy một thứ phân không có mùi hôi thối, trắng như đường kính, sạch đến thế, văn minh đến thế, tinh chất nhẹ nhàng đến thế. Thôi nhé! Vĩnh biệt những gánh phân bắc ủ đất ủ tro, những gánh phân chuồng lẫn bao rơm rạ trĩu vai kĩu kịt...   
3-Ấn tượng thứ ba là cuộc đối thoại giữa tôi và Hứa Văn Ðịnh, anh cán bộ kỹ thuật của nông trường. Chung quanh anh là những đĩa hạt bông đang lên mầm, dài ngắn khác nhau. Anh cùng một số người nữa cũng trẻ như anh, cũng mặc quần áo bộ đội như anh, đang cầm những con dao nhỏ, mảnh, bổ tách những hạt bông đen và ngắm nghía cái lõi xanh xanh của nó.   
Tôi tự giới thiệu và xin được làm việc với anh, nói rõ phần viết về anh là dành cho cái kết: Những người lính rời tay súng bước sang mặt trận mới, mặt trận kinh tế, mặt trận khoa học kỹ thuật, những người xây dựng nông trường đầu tiên trong cả nước.   
Ðịnh từ chối thẳng thừng đề nghị của tôi:   
- Mời anh lên làm việc với trưởng phòng.   
Tôi vẫn lễ phép:   
- Thưa anh. Chính đồng chí trưởng phòng giới thiệu tôi đến gặp anh.   
Ðịnh rất thành thật:   
- Thế thì trưởng phòng nhầm rồi. Trước tiên là tôi không biết kỹ thuật. Tôi làm việc này hoàn toàn bất đắc dĩ. Một bước đệm khi ra khỏi bộ đội thôi. Thật mà.   
Cuộc phỏng vấn không thành. Ít ngày sau tôi sang bộ Nông Lâm làm việc (tôi là phóng viên nông thôn báo Tiền Phong, hay sang đấy nắm tình hình và gặp các cộng tác viên Dương Hồng Hiên, Lã Xuân Ðĩnh..., những kỹ sư đồng thời là thủ trưởng của những vụ chủ chốt ở bên ấy đặt bài) và gặp Hứa Văn Ðịnh ở toà soạn báo Nông Nghiệp có trụ sở ngay trong bộ. Anh đã làm phóng viên ở đấy.   
Thế là chúng tôi cùng là đồng nghiệp. Và kết bạn. Rồi thân nhau. Vì cùng chí hướng, cùng khát vọng. Vì tuổi trẻ. Tôi và Ðịnh có những việc xẩy ra trong đời gần như trùng nhau. Chúng tôi cùng yêu vào một thời gian. Cùng cưới vợ một năm. Cùng sinh con đầu lòng một năm. Thời gian yêu thấm câu thơ Lê Ðạt:

*Có yêu nhau mới thấy phố phường là bé   
Ði đâu cũng gặp người quen*

Thật may, Ðịnh có một cái ngách áp mái trên cầu thang tầng thượng một căn nhà ở phố Lò Ðúc, chẳng biết thuê lại của ai. Ðó là thiên đường gặp gỡ giữa Ðịnh và Hoà. Và những khi hai người không hò hẹn nhau ở đấy, Ðịnh giao chìa khoá cho tôi. Nó trở thành thiên đường của hai vợ chồng tôi thời còn đang yêu, thời còn chưa cưới. Ðể tới được thiên đường, chúng tôi phải đi qua cửa một căn buồng rộng, tiêu chuẩn hoá ở tầng hai trước khi lên thang, cái cầu thang dẫn tới ngách áp mái. Chủ căn buồng là một phụ nữ đã có tuổi sống độc thân rất quý chúng tôi cũng như quý Ðịnh và Hoà: Bác Thế. Chúng tôi bên nhau *đôi lứa thần tiên suốt một ngày(Huy Cận)* trên cái ngách xép của Ðịnh. Chúng tôi kéo xuống phòng bác Thế, nghe bác kể chuyện thời bác còn là nữ sinh trung học, ăn bánh su sê bác làm. Món quà quý nhất là toàn bộ tập *Một nghìn một đêm lẻ* in thời Hà Nội tạm chiếm mà bác cho chúng tôi mượn đọc. Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc một cách trọn vẹn với tinh hoa ấy của văn hoá nhân loại. (Cũng xin mở một ngoặc đơn rằng tôi cứ đinh ninh bác Thế đã mất từ lâu mà không biết rằng bác vẫn còn sống. Ðịnh chết, bác biết tin nhưng đã yếu, không thể đến thắp hương ở bàn thờ Ðịnh được.) Cũng có khi cả bốn chúng tôi, nghĩa là Ðịnh, Hoà, tôi và vợ tôi bây giờ cùng tụ tập trong căn buồng áp mái chật chội của Ðịnh và mời bác Thế lên liên hoan, ăn bánh mì bít-tết, uống nước ngọt do vợ tôi và Hoà chuẩn bị.   
Ðịnh cưới trước tôi. Hôm ấy tôi đang ở Thái Bình. Kết thúc sớm đợt đi lấy tài liệu viết bài, tôi đạp xe một lèo (ô-tô thời đó rất hiếm) về Hà Nội, kịp dự bữa cỗ cưới tổ chức vào buổi tối ở nhà Hoà, vợ Ðịnh.   
Sau khi cưới, Ðịnh về ở nhà Hoà, ngôi nhà phố Ðiện Biên hiện nay. (Tôi không hiểu cái ngách áp mái phố Lò Ðúc anh bàn giao cho ai, bởi vì ít ngày sau tôi cũng kết hôn và không cần tới thiên đường ấy nữa.)   
Ðó là quãng thời gian đẹp nhất của chúng tôi. Chúng tôi còn trẻ. Chúng tôi làm việc. Chúng tôi mơ ước. Chúng tôi tin rằng mình sẽ vẽ nên diện mạo mới của văn học Việt Nam. Hứa Văn Ðịnh đi mỏ. Anh viết về cuộc đình công ở mỏ năm 1936. Và đi các tỉnh. Tôi chuyển về Hải Phòng, bám chắc lấy Xi-măng, Duyên Hải. Ði các đảo, các nhà đèn. Dù Ðịnh ở Hà Nội, tôi ở Hải Phòng nhưng chúng tôi luôn gặp nhau. Tôi hay lên Hà Nội. Lên giao dịch với các nhà xuất bản. Lên năn nỉ xin tạm ứng. Khi những bức thư lâm li gửi Phan Xuân Hạt, Nguyễn Trí Tình nhà Thanh Niên, Nguyễn Gia Nùng nhà Lao Ðộng, Nguyễn Kiên nhà Văn Học, Trần Cẩn nhà Phổ Thông có hồi âm lộ ra hy vọng hay thất vọng thì cũng cứ phải lên để tác động thêm. Và tôi đều ghé nhà Ðịnh. Cũng như mỗi khi Ðịnh đi tỉnh nào có thể tạt qua Hải Phòng là anh không bỏ lỡ. Cả khi cuộc chiến tranh bắn phá của Mỹ đã leo thang ra quá vĩ tuyến 20, Sở Dầu đã cháy, Ngã Sáu đã bị bắn rốc-két. Nhà chật. Vợ con tôi nằm cả trên chiếc giường độc nhất. Tôi và Ðịnh nằm dưới sàn gỗ. Suốt tối báo động. Tôi bọc bóng đèn tròn bằng giấy báo. Ngọn điện hắt những đốm vàng nhạt đu đưa nhè nhẹ lên trần. Ðịnh bảo: "Cái ánh sáng này rất xi-nê-ma ông ạ." Khi đó Ðịnh đã chuyển về Cục Ðiện ảnh. Anh đã kéo tôi lên trại sáng tác kịch bản phim. Ðề cương của tôi được nhà biên kịch Xuân Tùng, tác giả kịch bản *Chung một dòng sông* và cục trưởng Phạm Tuấn Khánh thông qua với những nhận xét tốt và tôi được ký hợp đồng, được tạm ứng gần một nghìn đồng, món tiền khổng lồ ngày ấy.   
Cái ánh sáng xi-nê-ma trên trần nhà tôi nhiều khi cũng tắt nốt. Hoàn toàn tối đen. Xuống cầu thang càng tối. Ðịnh nắm áo tôi mò mẫm lần từng bậc thang trong tiếng còi báo động rền rĩ và tiếng máy bay rầm rầm trên trời:   
- Ðồng chí. Ðồng chí đưa tôi đi đến đâu đấy đồng chí?   
- Báo cáo đồng chí. Tôi đưa đồng chí đến hầm trú ẩn.   
Liền đó là những tiếng pháo, tiếng đại liên và cả những tiếng súng trường đơn lẻ. Bầu trời sáng lên những đường đạn đỏ lừ.   
Một lần Ðịnh một mình với một lái xe trên chiếc U-oát đến tôi. Chưa bao giờ anh đi với tiêu chuẩn cao như vậy. Thì ra anh đang làm phim ở Hải Dương. Anh đang là thượng khách ở trên ấy. Anh xin xe về Hải Phòng đón tôi lên ăn món đặc sản tỉnh uỷ chiêu đãi mà anh rất thích: Ba ba. Ăn xong, rượu xong, ngà ngà say, chúng tôi ngủ ở nhà khách tỉnh uỷ. Sáng hôm sau, đang đánh răng rửa mặt, cả hai chúng tôi bỗng dừng lại lắng nghe: Ðài Tiếng nói Việt Nam truyền đi thông cáo về hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung Ương Ðảng Lao Ðộng Việt Nam.   
Ðịnh bảo tôi:   
- Một buổi sáng lịch sử.   
Ðúng là một buổi sáng lịch sử vì đó là buổi sáng công bố chính thức quan điểm của Ðảng về phong trào cộng sản quốc tế, về những mâu thuẫn, chia rẽ trong phong trào và thái độ của Ðảng.   
Chúng tôi đón buổi sáng lịch sử đó không phải ở Hà Nội, không phải ở Hải Phòng mà ở Hải Dương. Hình như một buổi sáng có gió heo may, thứ gió đánh thức tình yêu cuộc sống.

\*

Tôi đã ngừng viết hơn hai mươi năm, ngừng in gần ba mươi năm. Mặc bạn bè thúc giục. Mãi tới năm 1990 tôi mới cầm bút trở lại. Các bạn tôi mừng vì chuyện ấy. Không chỉ mừng vì tôi không bỏ nghề, mà còn vì *sức khoẻ tinh thần* của tôi như cách nói của Dương Tường. Nét mặt Ðịnh tươi rói:   
- Tôi đã nói sớm muộn thế nào ông cũng viết. Ông bỏ là ông thua.   
Tôi bảo:   
- Thật ra chẳng hay ho gì cái nghề này. Nhưng chúng mình đã trót rồi. Với lại bây giờ là lúc viết được.   
Ðịnh ký tặng tôi kịch bản phim *Số Ðỏ* do anh chuyển thể. Anh tặng tôi tập thơ *Cung Trăng*...   
Tôi vốn không thích nói về những gì sẽ viết. Nên Ðịnh cứ gặng:   
- Bao nhiêu chuyện chờ ông đấy.   
Ðịnh giục tôi viết về những ngày tôi đi lang thang, những ngày tôi sa vào vòng lao lý. Tôi ướm thử:   
- Ông thấy Papillon của Henri Charrière thế nào?   
Ðịnh xuýt xoa:   
- Khá quá. Quyển ấy khá quá.   
Tôi bảo Ðịnh:   
- Chuyện tù của Charrière dễ viết. Nó có nhiều sự kiện. Nó ly kỳ...   
Ðịnh bảo tôi:   
- Mình biết có một người đi tù về rồi cứ ra sân đào bới một cái gì đó.   
Và vỗ lên đầu:   
- Anh ta bị hỏng cái này.   
Tôi gật đầu:   
- Mình cũng xuýt bị hỏng cái đầu đấy. Mình sẽ viết với hết sức mình. Nhưng không phải chỉ có chuyện ấy.   
Thỉnh thoảng gặp nhau, Ðịnh hỏi:   
- Ông viết đến đâu rồi?   
Tôi cười: "Mình đang viết."   
Nói vậy để Ðịnh yên lòng. Viết trở lại đâu dễ. Tôi đang đánh vật với chính tôi. Dù có bao chuyện để viết. Văn ôn vũ luyện. Lâu lắm không cầm bút. Lại gần như không đọc. Lại có biết bao người không muốn mình viết. Tôi chẳng ham hố. Càng không cay cú. Tôi viết để chơi. Viết để *cân bằng sinh thái*, cân bằng đầu óc, để tập thể dục cho trí não. Tôi viết ít. Và chỉ viết những gì tôi thấy là cần thiết. Những gì tôi sợ rồi sẽ bị lãng quên đi.

\*

Khoảng cuối năm 1994 sức khoẻ Ðịnh có vấn đề. Sang năm 1995 thì suy giảm rõ rệt. Vốn là người mập nhất "hội" anh sút cân rất nhanh. Mỗi lần gặp, anh một gầy. Gầy trông thấy. Anh bị suy tim. Ði đứng chậm chạp. Nhưng vẫn mắt sáng và vẫn những suy nghĩ sắc sảo về nghề nghiệp. Vẫn những cách nói riêng biệt của anh, sâu và khinh bạc. Và vẫn không ngừng thúc giục tôi, lần này là một đề tài khác:   
- Ông phải viết về đánh cá. Ông ở đấy bao nhiêu năm rồi. Ông viết về những thuyền viên bị biển vây quanh, không biết dùng thời gian vào việc gì, vùi đầu vào bài bạc...   
Ðịnh kéo tôi đi ăn tiệm. Bia. Chim tần. Từ khi anh bệnh, tôi lên là anh kéo tôi đi ăn hàng, không ăn ở nhà nữa. Bữa ăn cuối cùng giữa hai chúng tôi là bữa cơm niêu tại đường Ðiện Biên Phủ (Hà Nội) gần nhà anh. Anh đã yếu lắm. Tóc bạc xoã vai. Anh chậm chạp nhấc chiếc xe Mifa qua bức tường phân cách giữa lòng đường. Chậm chạp đạp xe ra giữa lối. Hơi loạng choạng. Rồi giữ vững tay lái. Mặc cả đoàn xe ô-tô nối đuôi bóp còi giục giã, bực tức. Cứ từng vòng chậm chạp.   
Chỉ mình tôi ăn. Anh ngồi nhìn, thỉnh thoảng mới nhấm nháp ngụm bia và bảo:   
- Ăn ở đây chứ bắt bà Hoà nấu làm gì. Mà bà Hoà bà Bích không làm được món rau cải này đâu. Ông ăn xem nào. Có đúng là còn nguyên mùi cây rau vừa nhổ ở vườn lên...   
Ðó là thứ rau cải non mọc chưa đầy gang tay, để cả cây, chần vào dầu sôi. Xanh ngắt. Dòn. Tươi hăng. Nhưng đã chín tới. Ăn ở nhà hàng nhưng cứ có cảm giác đang ở giữa vườn rau như Ðịnh nói.   
Anh sung sướng nhìn tôi ăn.   
Ngày ấy chưa bao giờ tôi nghĩ Ðịnh cũng như bọn tôi bắt gặp cái chết. Chúng tôi đã sống được mấy đâu. Dù cách đó ít lâu chính tôi đã điện lên cho Ðịnh về cái chết của Minh Ðà. Nhưng Minh Ðà bị ung thư, một căn bệnh vô phương cứu chữa. Còn tim mạch như Ðịnh chúng tôi lại coi là bình thường. Mạc Lân đấy. Nhồi máu cơ tim cả hàng chục năm có sao đâu.   
Hôm nay tiếng Ðịnh như vẫn còn bên tai tôi, với âm sắc rất riêng biệt của anh trong lúc anh ngồi nhìn tôi ăn:   
- Ông đã bắt đầu viết. Tôi mừng cho ông. Cái truyện *Người ở cực bên kia* của ông trên *Văn Nghệ* được. Tôi chỉ muốn ông viết khoẻ khoắn, không những không than vãn mà còn hài hước. Hãy kể những chuyện đau bằng cái giọng hài.   
Dương Tường đã khuyên tôi như vậy. Và bây giờ là Ðịnh. Nhưng *u-mua* đâu dễ. Tôi khoe với Ðịnh tôi đã hoàn thành một tập hồi ký. Và đưa cho Ðịnh xem bức thư của Vương Trí Nhàn, biên tập viên nhà xuất bản Hội Nhà văn viết cho tôi, những nhận xét tốt của Nhàn về tập hồi ký ấy.   
- Ông còn bản phô-tô nào không?   
Tôi bảo nhà xuất bản Hội Nhà văn đang in, anh sẽ có sách trong một ngày gần đây thôi. Ðịnh bảo:   
- Ông phải viết tiểu thuyết. Tôi tin ông sẽ có những thành công rất đặc biệt. Trách nhiệm của ông nặng lắm.   
Tôi hiểu lời Ðịnh nói. "Quyển tiểu thuyết của đời tôi" cũng đã hoàn thành. Tôi viết quyển tiểu thuyết không phải chỉ vì Ðịnh và bè bạn khuyên mà còn vì nhiều lý do khác nưã. Tôi mong tập hồi ký của tôi sớm được xuất bản.   
Mùa Ðông năm 1995, nghĩa là nửa năm sau đám tang Minh Ðà, tập sách mới được in xong. Ðỗ An Bình mang từ Hà Nội về cho tôi mười tập sách bản quyền. Tập *Một thời để mất* do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành. Lâu lắm mới được in sách nên tôi hơi ngạc nhiên: Sách bản quyền chỉ có mười quyển chứ không phải hai mươi quyển như trước.   
Mười quyển sách "mới ra lò" tinh khôi xếp chồng lên nhau, không một vết bẩn, không một vết nhầu, chưa từng có ai lật giở dù chỉ một trang. Mười quyển sách còn hoàn toàn nguyên sơ, trinh tiết của tôi chờ tôi lật giở!   
Tôi nhìn tên mình in trên bìa sách, một bìa sách rất trang nhã do Trần Vũ trình bầy. Tôi lật bìa 4. Cái ký hoạ của Nguyễn Hồng Hưng vẽ tôi trong năm phút đầu tiên chúng tôi vừa gặp nhau, còn chưa biết tên và nghề nghiệp của nhau. Tôi lật trang bìa lót. Rồi trang đầu in chữ ngả mà chúng tôi gọi là *italic*. Một cái rùng mình gai gai khe khẽ chạy suốt dọc người tôi. Không. Tên tôi đã được in trên nhiều bìa sách. Nhưng đây là tập sách sau 27 năm. 27 năm chết. 27 năm sau tôi lại được đứng dưới mặt trời. Từ thế giới bên kia, 27 năm sau tôi trở lại thế giới này. Tôi sống lại. Ngay khi mới bước vào nghề, nhìn tập sách đầu tiên của mình được in cũng không xúc động như vậy. Lúc đó chí đơn giản là *sống.* Còn bây giờ là *sống lại.* Là *chết đi sống lại.*  
Tập sách tôi viết về Nguyên Hồng, về tôi, về Nguyên Bình, Dương Tường, Mạc Lân, Lê Bầu, Vũ Thư Hiên, Thi Hoàng, Nguyễn Văn Chuông... Tôi đề nghị nhà xuất bản chuyển tất cả nhuận bút của tôi thành sách. Ðể tặng bạn. Ðể các bạn tôi thấy tôi đã chính thức xuất hiện trở lại. Tôi đề tặng các bạn tôi. *Tặng Ðịnh & Hoà. Ðể hai bạn biết rằng mình lại viết. Rằng mình vẫn còn thoi thóp chứ chưa chết hẳn.*  
Tôi chưa thể mang sách lên Hà Nội tặng các bạn tôi trên ấy được.   
Vì Nguyên Bình.   
Nguyên Bình từ Hà Nội về mở một lớp huấn luyện ngắn ngày cho tôi và mấy người bạn khác về khí công động, về cách khai mở các luân xa, về mạch đốc, cách thở bốn thời kỳ... Khoá học bẩy ngày. Ðã được bốn. Thì chiều hôm ấy đi học về tôi thấy vợ tôi đứng trong con hẻm ngay trước cửa nhà, tay cầm một tờ giấy nhỏ, nhìn ra đầu hẻm ngóng tôi.   
Thấy tôi, vợ tôi mếu xệch, oà lên:   
- Anh Ðịnh chết rồi.   
Rồi đưa cho tôi tờ giấy. Ðiện. Ðiện của Mạc Lân. Tôi giữ bức điện ấy cho đến hôm nay như giữ dấu chấm hết cuộc đời một người bạn: *Hứa Văn Ðịnh chết. Ðưa sáng chủ nhật. Lân*. Dấu bưu điện Hải Phòng: 29-12-1995. Tôi kiếm xe lên Hà Nội ngay lúc đó. Lại là ô-tô của Ðỗ An Bình. Tất cả sách đã ghi tặng bạn đều để lại. Bởi vì dù sẽ gặp rất đông các bạn trong đám tang nhưng không thể tặng sách trong một ngày như vậy. Chỉ mang lên một quyển tặng Ðịnh. Dù đã muộn rồi. Chẳng thể đưa cho Ðịnh được nữa.   
Ngay đêm hôm đó tôi và Ðỗ An Bình có mặt ở nhà Ðịnh. Vừa kịp cùng Hoà và những người khác khâm liệm anh. Hôm sau chúng tôi đưa tiễn Ðịnh tới nghĩa trang. Lại qua Lò Ðúc. Căn buồng áp mái của Ðịnh bên trên nhà bác Thế, thiên đường của bốn chúng tôi ở chỗ nào tôi không nhận ra.   
Lại qua Phà Ðen. Và Vĩnh Tuy nơi anh yên nghỉ cũng là nơi tôi và vợ tôi vẫn ngồi trên bãi cỏ khoác vai nhau nhìn sao thời còn đang yêu. Tôi bỗng hiểu ra một điều đơn giản: Cuộc đời thật ngắn ngủi và thế hệ chúng tôi đã bắt đầu kết thúc kiếp phù sinh của mình. Tất cả chúng tôi sắp đi qua hành tinh này mà không để lại một vết xước nào.   
Trời rét. Tôi cho tay vào túi áo bông sờ nắn quyển *Một thời để mất* tặng Ðịnh.   
Chờ mọi người lên xe ra về tôi mới rút tập sách ra. Chỉ còn tôi và anh. Tôi thì thầm với Ðịnh mấy câu. Cầm quyển sách vái Ðịnh. Rồi xé từng tờ. Bật diêm đốt trước mộ anh phủ kín những hoa tươi.Ngã Sáu   
22-12-1999   
Rằm tháng 11 Âm lịch, ngày thay áo cho Ðịnh

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần VII**

**Nguyên Bình với cô gái mồ côi và hòn đảo**  
Những lúc ép mình ngồi viết sao mà mong tiếng chân lên thang gác của Nguyên Bình đến thế. Ðể có thể vất hết giấy bút đi mà chuyện gẫu. Mà rủ nhau đạp xe đi nhổng. Và thật buồn cười, thật thú vị là khi sang nhà Nguyên Bình, thấy Bình đang cặm cụi ngồi bàn, anh ngừng mọi công việc quay ra cười toe toét:   
- Rất khốn nạn! Tao vừa viết được vài dòng đã chỉ mong mày đến. Thì cầu được ước thấy. Mày đến thật!   
Tôi làm ra bộ ta đây:   
- Thôi. Mày viết đi. Tao về đây.   
Lời hù doạ của tôi không làm anh nao núng:   
-Ừ. Về thì về. Về cho tao làm việc.   
Chúng tôi cùng cười. Anh thừa biết tôi chẳng thể về. Còn tôi cũng quá rõ rằng anh muốn tôi ngồi lại để ngừng cái công việc khổ sai phút nào hay phút ấy.   
Thế là uống trà. Trà cám thôi. Nhưng không phải lúc nào cũng có. Thế là đi chơi. Ðạp xe rong phố. Hoặc lên tận Ðền Nhà Bà vào một hiệu trà có trà Thiết Quan âm, hiệu *Tồi tồi phá* mà Tất Vinh dịch là *Thơm đời đời*, quán trà chính Tất Vinh phát hiện ra, mặc dù anh vẫn làm phóng viên báo Tiền Phong tít trên Hà Nội, thỉnh thoảng mới về công tác tại Hải Phòng.   
Tôi và Nguyên Bình có thể nói với nhau mọi chuyện. Có những chuyện giấu bố mẹ vợ con anh em đồng chí nhưng vẫn nói được cùng nhau. Anh là người bạn thân nhất của tôi ở Hải Phòng.Thành công của người này cũng là thành công của kẻ kia.   
Trong những năm tháng *hậu-goulag*, để dùng lại chữ của Dương Tường, nặng nề dài dằng dặc sau đó, tình bạn của anh đã nâng đỡ tôi sống, nó nói rằng cuộc đời đối với tôi dù sao cũng chưa đến nỗi. Không phải chỉ tình bạn giữa tôi và anh. Mà là tình cảm của cả gia đình anh. Vợ anh. Hai đứa con anh. Làm ở ngành mậu dịch, chính xác là ở công nghệ phẩm, nghĩa là một thành viên của *ngành thương*, chị T vợ Bình có điều kiện hơn người đôi chút (vì chị chỉ là nhân viên) để có thể duy trì cuộc sống gia đình ở mức tối thiểu và thỉnh thoảng giúp đỡ tôi. Như cho tôi cái phiếu mua 50 ki lô dầu cặn ở một cửa hàng bán chất đốt phố Trần Khánh Dư, dẫu rằng biến những dòng chữ nguệch ngoạc trên giấy thành những lít dầu ma-dút cặn trong can là cả một kỳ công, chờ đợi, vật lộn, xếp hàng, chen lấn, vét váy, dồn dịch, đong đo, bẩn thỉu nhưng cũng là một điều *trên cả tuyệt vời* vì mua về một lúc được nửa tạ dầu cặn mà không phải phiếu. Vài tháng không phải lo chất đốt! Hay những lúc gạo hết, chị T xúc cho tôi dăm bơ gạo *viện trợ không hoàn lại*. Miếng khi đói, gói khi no. Lại có những bữa anh chị mời tôi sang ăn cơm để bồi dưỡng riêng tôi. Chỉ mình tôi! Và là thượng khách! Cơm có một món: Xương lợn ninh xu hào. Thêm đĩa dưa chua. Và một *be*, gọi theo cách của Nguyên Bình, nghĩa là một chai rượu trắng con con. Phải nói xương ra xương. Thịt bám dầy. Cắn ngập răng. Anh ninh khá nhừ. Gặm cái chỗ đầu xương ống cứ mềm sụt rồi nghiền tơi như bột. Thành ra xương thì nhiều, nhưng các thứ nhè ra mâm rất ít. Bình chỉ vào chất bột tơi tơi mà chúng tôi đã hít hết các chất béo bổ, giải thích:   
-Thưa ông. Thứ này cũng không vứt đi đâu ông ạ. Ðể nuôi gà. Gà đánh chén rất mạnh.   
Thằng con anh nói thêm:   
-Gà ăn món này đẻ rất đều bác ạ.   
Không biết đã bao nhiêu năm rồi tôi mới được ăn thứ xương như vậy. Thi thoảng vợ tôi đi mua một khúc xương ống về ninh nấu bột cho con thì rặt một loại xương trắng hếu, nhẵn bóng như được lọc bằng *manh xơ lam*. Tôi biết món xương tôi đang ăn khoái khẩu đây là loại xương đặc biệt, chỉ dành cho nội bộ *ngành thương*, nhưng cũng cứ hỏi ở đâu ra loại xương ghê gớm như vậy. Nguyên Bình trừng mắt quát lên với tôi như với một kẻ ngu si đần độn:   
- Xương mậu dịch viên! Không biết à? Xương. Mậu. Dịch. Viên!   
Chúng tôi đã có với nhau biết bao kỷ niệm. Những trưa hè, rủ nhau đạp xe ra cửa hàng mậu dịch giải khát gần ngã tư Trần Phú-Cầu Ðất uống cà-phê đá. Người đông nghìn nghịt. Vì chỉ ở đấy mới bán cà phê đá. Mỗi khách hàng được phục vụ một cốc vại, thứ cốc thổi ở các lò thuỷ tinh thủ công có màu xanh lơ và đầy bọt, bên trong chứa một lượng đường đủ dể làm ngọt lừ cốc cà-phê. Trong tình huống mỗi người một tháng được mua một lạng đường vàng Cu-ba thì đây quả là một lực hút khách ghê gớm. Ðó là chưa kể một mặt hàng khan hiếm khác: Một bát ô-tô nước đá đập nhỏ kèm theo. Hơn nữa cà-phê lại rất chất lượng: Mỗi người một phin pha theo kiểu Pháp. Trên miệng mỗi chiếc cốc đựng đường kính trắng là một phin cà-phê đang rỏ những giọt đặc quánh. Những giọt cà-phê thẫm đen ngấm vào đường như nước mưa hút vào cát trong sa mạc. Khi nước trên phin cạn hết thì đường trong cốc cũng xâm xấp. Ðến lúc ấy cái phin được nhấc ra để trên bàn. Khách hàng bắt đầu một công đoạn mới, công đoạn mà Dương Tường trong những lần về Hải Phòng đi uống cà-phê cùng chúng tôi đã nói rất chính xác là *lao động cà-phê*. Nghĩa là lấy cù-dìa đánh cho tan đường. Cũng cần phải nói về cái cù-dìa này. Nó nhỏ. Nó đúng là thìa cà-phê nhưng cán dài, dài hơn chiếc cốc vại và đều được đục thủng một lỗ tròn ở giữa lòng. Nghĩa là cái phần khum khum để xúc đưa lên miệng ấy có một lỗ thủng đục bằng đinh. Vì đục bằng đinh nên nó có ba via. Ba via có thể làm chẩy máu lưỡi, nhưng cũng may là nó đã mòn cả vì sử dụng lâu ngày. Rõ ràng cái cù-dìa không dùng để uống. (Tất cả các cửa hàng đều có chung một loại cù-dìa đục thủng như vậy. *Tất tần tật.* Ðể chống lại những vị khách hay thó cù-dìa đút túi. Ôi! Vỏ quít dầy có móng tay nhọn vậy thay!) Hàng trăm "ẩm khách" chen nhau vai sát vai cầm cù-dìa đánh cho cà-phê hoà tan đường như người đánh trứng đường. Nghiêng người đi đánh. Mím môi lại đánh. Cong lưng đánh. Ngồi xổm lên đánh. Kẹp chặt cốc giữa hai bàn chân đánh. Ðánh như vậy rất thú. Hình như tất cả đang lên một cơn sốt đánh. Tiếng cù-dìa chạm vào thành cốc. Tiếng cù-dìa và thành cốc nghiền đường. Vì là cùng đánh nên tự nhiên tất cả các cánh tay cùng quay tròn một nhịp, tất cả những cái đầu lắc lư một nhịp. Như một cuộc lên đồng tập thể. Tất cả các tiếng động đều giống nhau và cùng một nhịp. Ðánh hăng. Ðánh say sưa. Ðánh cho đến khi nước cà-phê nâu thẫm bị ly tâm, nhợt ra, trắng ra, sủi bọt, lên kem như một thứ ca-cao pha loãng. Không ai thấy mệt. Mệt gì mà mệt! Ngồi dưới quạt trần quay vù vù, chờ *cô mậu* bưng ra những bát đá đập nhỏ chỉ trông cũng đã mát ruột mát gan để rồi cho vào cốc, lấy cù-dìa xọc xọc cho đá tan hoà lẫn thứ nước thơm thơm ngọt lừ ấy là một hạnh phúc. Ở nhà làm gì có quạt. ở nhà làm gì được uống một thứ nước thơm như thế, ngọt như thế, mát như thế, mát lạnh tim lạnh phổi. Mà ngoài kia trời đang nóng chẩy nhựa đường. Chen chúc xếp hàng mua được *tích-kê* -một miếng sắt sơn có dập chữ nổi- đã là một thắng lợi rồi. Dù có nóng bức đến đâu chúng tôi cũng chỉ được uống cà-phê đá là thứ cao cấp nhất. Kem thì đừng hòng. Chúng tôi chẳng thể nào chen được với các cháu thiếu nhi.   
Thế mà nhiều khi thèm kem quá, chính xác hơn là nhớ mùi vị kem, cái cảm giác đưa que kem lên ngang miệng mà cắn, trong những lần đi nhổng như vậy, mặc dù đang gió mùa đông bắc, áo bông xo ro, mũ bông bịt tai, tôi và Nguyên Bình cũng rủ nhau vào hiệu kem Tam Hoàn đầu phố Phan Bội Châu, gần nhà hát thành phố mua kem ăn. Vì chỉ đến những lúc ấy chúng tôi mới mua được kem. Nhất là những ngày đại hàn, mưa dầm, *mưa dầm dề dai dẳng*. Hiệu kem không có một ai.   
Người ta chỉ bán kem que và phải ăn ở ngoài đường. Chúng tôi đứng ngoài vỉa hè chén kem. Run. Run lập cập. Ðầu gối đánh vào nhau. Răng đánh vào nhau. Nhìn nhau cười tím tái. Rồi kéo nhau vào một góc khuất phía ngoài nhà hát thành phố, sau mấy cây sanh khá kín đáo, nơi khách bộ hành thường ghé vào làm cái việc "giải thoát cho cái bong bóng", để tránh gió mùa, tránh mưa phùn. Khai mù. Nhưng chúng tôi không lấy thế làm khó chịu mà vẫn cứ là vừa ăn kem vừa nhìn nhau cười. Và vẫn là cười tím tái. Chả ngày ấy chúng tôi còn chưa đến ba mươi tuổi.   
Cùng làm báo *Hải Phòng kiến thiết* (nay là báo *Hải Phòng*), cùng trong một tổ phóng viên do Ðinh Chương làm tổ trưởng, lại cùng một chí hướng máu mê viết văn và nhất là cùng một tính cách, tôi và Nguyên Bình rất thân thiết gắn bó. Ngày nào cũng gặp nhau. Gặp ở cơ quan rồi lại gặp tại nhà. Ðến bây giờ cũng chẳng nhớ được chúng tôi đã chuyện với nhau những gì mà qua được nhiều năm tháng thế.   
Và thật phấn khởi biết bao khi Nguyên Bình lên thang gác, nói với tôi bằng một giọng bí mật:   
-Sang bà T bảo cái gì.   
Thế nghĩa là có món đây. Nghĩa là được chị T sai đến một cửa hàng nào đó, mua bằng phiếu hoặc bằng giấy giới thiệu một món hàng theo giá mậu dịch rồi đem bán lấy lời. Nhưng Nguyên Bình không dám nói thẳng ra điều ấy. Anh sợ. Anh bảo:   
-Tao dính đến cái gì là hỏng cái ấy.   
Và anh làm một bản tổng kết về cái số đen, cái vận rủi của anh. Càng ngày bản tổng kết càng dài.   
-Tao đi phà thì phà chết máy, trôi xuống tận Cảng chính, nửa ngày không qua được bến Bính. Ði ăn giỗ ở Hà Nội thì trên ấy làm giỗ rồi. Mọi năm vẫn làm vào ngày chủ nhật nhưng năm ấy lại giỗ đúng ngày. Ði ô-tô lên Hà Nội, người ta đi không sao. Mình đi ba lần nổ lốp. Sáu giờ sáng có mặt ở bến Niệm Nghĩa, tám giờ xe chạy mà mãi tối mịt mới đến bến Nứa. Ði tầu hoả thì tầu hoả hết hơi. Thật mà. Không đủ hơi leo dốc đầu cầu. Lên được nửa dốc lại trôi xuống.   
Bảng thống kê rủi ro của anh còn thêm một chuyện mới nhất: Cho vợ đi làm thuê ở Cộng hoà dân chủ Ðức thì Cộng hoà dân chủ Ðức tan. Nhưng điều rủi ro ấy lại hoá thành may. Do phải về nước trước khi kết thúc hợp đồng, vợ anh được bồi thường một khoản *đê mác* kha khá, làm dấn vốn cho cái gia đình nhỏ bé ấy sinh sống.   
Sang bà T bảo cái gì. Tôi đạp xe sang. Nhận tờ giấy giới thiệu của một cơ quan nào đó xin mua một tút thuốc lá, đã có chữ ký phê duyệt của cửa hàng trưởng. Nhận cả tiền. Ði mua. Rồi cầm tút thuốc Tam Ðảo hoặc Ðiện Biên đi bán. Ði mua hàng tôi đi một mình. Ði *đổ hàng* tôi bắt Nguyên Bình cùng đi cho đỡ ngượng. Hai đứa ra ga. Rồi lại quành lại. Lượn vè vè quanh mấy hàng nước ở phố Ga, tút thuốc lá trong túi xách hơi thò lên để người ta dễ nhìn thấy. Lượn đi lượn lại mãi, chẳng có bà hàng nước nào chú ý đến chúng tôi. Chợt một anh xích-lô đang nằm ghếch chân trong lòng xe gần đó gọi to:   
-Có gì bán đấy?   
Khen cho con mắt tinh đời! Vừa sung sướng vừa ngượng vì anh ta gọi to quá, chúng tôi xuống xe, bước tới, nói rõ mặt hàng. Ngã giá nhanh. Dù có rẻ một hai giá. Bởi vì chẳng thể cứ lượn xe mãi như vậy được. Anh xích-lô dắt chúng tôi đi ngoắt ngoéo vào một khu tập thể.   
-Vợ tớ làm công nhân nhà máy Len. Tối nó bán thêm cái này. Biết nhà rồi, hễ có cứ cầm đến đây nhé. Gặp tớ cũng được. Gặp vợ tớ cũng được.   
Thế là yên tâm. Từ nay có chỗ đổ thường xuyên. Nhưng thuốc đâu mà đổ. Năm thì mười hoạ hễ có là chúng tôi lại mang đến đấy.   
Bẵng đi lâu lâu, tôi và Nguyên Bình đang đạp xe trên phố thì có tiếng gọi giật giọng:   
-Này! Hai cậu! Ði đâu đấy?   
Chúng tôi quay lại. Anh bạn xích-lô. Anh cởi trần, rướn xích-lô tới. Chiếc áo may-ô trắng đến loá mắt càng làm nổi tấm thân chắc lẳn ngăm đen của anh. Sau này ,"hồi ký cách mạng", ôn lại chuyện cũ, cứ nhắc đến anh là tôi và Nguyên Bình lại nhắc đến cái áo may-ô ấy. Ðúng là *áo anh trắng quá nhìn không ra [[1]](" \l "anm1) .*  
Anh dừng xe bên chúng tôi, rất cởi mở:   
-Mình vừa bị cái hạn.   
-...?   
Anh vén chiếc áo may-ô trắng loá mắt lên:   
-Ðây này.   
Một vết sẹo rúm lại ở mạng sườn.   
-Nằm bệnh viện mất nửa tháng. May mà vết thương không sâu. Tốn gần trăm bạc đấy hai cậu ạ.Cũng cần phải nói thêm rằng anh chỉ trạc tuổi chúng tôi mà cứ *cậu cậu tớ tớ* ngọt xớt dù mới quen nhau. Rồi anh than thở cái điều có lẽ anh đã nói với nhiều người:   
- Mình có làm gì vợ nó đâu mà nó đâm mình...   
Chúng tôi bấm bụng để khỏi phì cười. Mãi đến lúc đó chúng tôi mới hiểu đầu đuôi câu chuyện.   
-Bà ấy có nói gì không?   
-Mới đầu nó bỏ mặc mình nằm khô ở bệnh viện, rồi sau nó cũng vào chăm nom.   
Chúng tôi chia tay anh, chẳng biết động viên anh thế nào. Ðó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau. Lần nào đi qua phố Ga cũng để ý nhìn anh mà không thấy. Có thể anh đã chuyển nhà? Ðã li dị? Hay đã chết bom B52?   
Thế rồi một lần khác Nguyên Bình lại đến. Lần này thì :"Ði với tao." Không phải "sang bà T. bảo cái gì" nữa. Lại giục: Ði ngay không lỡ. Rồi cho tôi biết nhiệm vụ mới: Hai thằng sang cửa hàng mậu dịch bên Hạ Lý, chìa hóa đơn ra, hoá đơn tao cầm đây rồi, mua một tạ cám, hai bao, mỗi bao năm mươi ki-lô. Nh. bảo năm mươi ki lô cám nhiều đấy, bao to đấy, mỗi thằng đèo một bao, không cần giây, cứ đặt bao ở pooc ba-ga, một tay giữ, đặt bao cho cân là không việc gì đâu. Ðến trước cửa Ðài Liệt sĩ, đầu đường Hồng Bàng ấy, vất bao cám xuống đường. Rồi cứ đạp xe đi. Thế là xong. Ðã có người đón sẵn ở đấy rồi. Lấy xe đi luôn không muộn mất giờ G.   
-Gượm đã. Nhưng sao lại là Nh. Nh. là ai vậy?   
-Mày quên Nh. rồi à? Nh. đã gặp mày ở cơ quan hôm nàng đến đưa bài ấy. Mày cứ khen là trông khá quá ấy.   
Tôi đã nhớ ra cô gái ấy. Một thông tín viên của chúng tôi. Rất mê văn chương và thích viết văn. Phục Bình lắm. Có vẻ thích Bình mà linh tính của tôi chưa bao giờ nhầm trong chuyện này, còn Bình cứ nói vơ vào là *mê Bình như điếu đổ.*Bình lại bảo:   
- À quên. Tiền đây. Lãi đây. Vốn nàng ứng. Nàng bán hộ. Lãi ba chục. Nàng đưa trước đây. Chia đôi. Mày mười lăm đồng. Thôi đi ngay không muộn.   
Trời ơi! Sao có người tuyệt vời đến thế. Mười lăm đồng là một phần tư tháng lương của chúng tôi. Chúng tôi phải nhặt nhạnh ky cóp, lăn ra mà viết, đủ các thể loại, cho các báo, các nhà xuất bản nhưng vẫn chẳng thế nào đủ sống. Từ lúc ấy tôi hoàn toàn tin lời Bình nói. Rằng cô ta yêu Bình như điếu đổ.   
Chúng tôi thực hiện tốt kế hoạch cô thông tín viên đề ra. Có điều trước cửa Ðài Liệt sĩ là nơi họp chợ, một cái chợ vỉa hè mà người bán là bà con nông dân từ Thuỷ Nguyên sang, từ An Hải đổ về, rất đông kẻ bán người mua. Tôi và Bình hiệp đồng tác chiến chính xác đến từng giây. Khi tới chỗ ngang với gốc cây gạo, đúng như quy định, chúng tôi hất hai bao tải cám xuống lòng đường rồi vẫn bình thản đạp xe đi, như người đãng trí đánh rơi mà không biết. Ðúng lúc đó một chiếc xích-lô từ phố Khách lao ra. Anh xích-lô nhanh nhẹn bốc hai bao cám lên xe, phóng đi rồi ngoặt vào đường ra bến Bính và biến mất. Tôi thoáng thấy cô Nh. đứng ở đầu phố Khách, nơi anh xích-lô vừa từ đấy lao ra, nở nụ cười mãn nguyện.   
Cả chợ nhìn theo chúng tôi, không hiểu chuyện gì xẩy ra. Nhất định không ai nghĩ đó là một phi vụ mua bán. Không ai mua bán như vậy. Tôi tin rằng cô Nh. trẻ trung tươi tắn xinh đẹp ham thích viết văn và tuyệt vời kia có tiềm năng hoạt động và chỉ huy biệt động trong lòng địch. Chỉ vì không có điều kiện phát huy nên khả năng ấy bị mai một mà thôi. Cô đã nghĩ ra một kế hoạch ly kỳ hấp dẫn để kích thích chúng tôi tham gia như một trò chơi, để có thể giúp đỡ chúng tôi gần như từ A đến Z, bởi vì Bình cũng như tôi đều không biết bán cám ở đâu và nhất định không chịu làm cái việc đi bán cám.   
Ở báo Hải Phòng, tôi, Nguyên Bình và cả tổ trưởng Ðinh Chương nữa gần như một ốc đảo riêng biệt. Tất cả cơ quan nhìn chúng tôi bằng con mắt khang khác, đầy nghi kỵ. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi đều ham thích viết văn và đều có những sáng tác được in thành sách. Nguyên nhân là cả ba chúng tôi có mặt ở cơ quan chỉ để nộp bài, họp và lĩnh lương, không la cà trà dư tửu hậu phòng này phòng khác. Ba cái bàn, đặc biệt là hai cái của tôi và Nguyên Bình gần như không được dùng đến. Nguyên nhân là chúng tôi viết bài có khá hơn các phóng viên khác đôi chút dù đều là *thầy ký nhật trình tỉnh xép* và lương thấp hơn họ. Nguyên nhân là chúng tôi không phụ hoạ vào dàn đồng ca chửi phim *Bài ca người lính, Số phận con người* và ngược lại còn luôn khẳng định đấy là những kiệt tác của điện ảnh xô-viết. Nhưng chúng tôi vẫn được dùng, vẫn được giao viết những bài phông cho những số báo đặc biệt. Chúng tôi bám chắc cơ sở. Ðến với cơ sở như những người bạn. Có giao thừa nào tôi không ngồi tít trên bể bùn nhà máy xi-măng, ra máy búa rồi xuống nhà tháo bụi mù mịt để làm một cái *ghi nhanh* về bao xi-măng đầu tiên lúc giao thừa. Và Nguyên Bình thì ra Cảng. Cũng lại *ghi nhanh* về mã hàng đầu tiên trong năm mới. Tất cả đều *ghi nhanh* và đều nộp cho tổ trưởng Ðinh Chương. Bài đăng trang nhất. Còn nói chúng tôi sao được. Cũng có những lúc ham chơi. Tôi ham chơi. Nguyên Bình còn ham chơi hơn tôi. Hẹn giờ nộp bài hay họp tổ, anh thường đến muộn. Ðinh Chương gắt:   
-Ông này buồn cười nhỉ. Sao bây giờ ông mới đến? Tôi có quản lý ông gò bó tám giờ vàng ngọc ở cơ quan đâu, nhưng đã hẹn thì phải đúng giờ chứ!   
Nhiều lần như vậy, Bình đều nhận khuyết điểm, nhận rất thành khẩn nhưng không bao giờ sửa. Rồi anh nghĩ ra một mẹo khác. Ðáp lại sự gắt gỏng càu nhàu của Ðinh Chương, anh càu nhàu lại:   
-Tôi đến từ nẫy, chờ anh mãi, vừa đi quanh một tý...   
Ðinh Chương ngớ ra:   
-Ờ ờ...Tớ chờ cậu không thấy, cũng vừa đi quanh tý thôi.   
Té ra Ðinh Chương cũng đến muộn. Cái trò *contre- attaque* ấy, Bình sẽ còn sử dụng nhiều lần. Cũng chỉ vì ham chơi, *mải vui quên hết lời anh dặn dò* mà khi Ðinh Chương giao cho Bình đi viết một bài về hợp tác xã Thắng Lợi ở Quán Trữ (Kiến An), nước đến chân mới nhẩy, anh bổ nháo bổ nhào đạp xe lên Quán Toan, trên đường đi Hà Nội, nơi cũng có một hợp tác xã mang tên Thắng Lợi. Tổ trưởng Ðinh Chương khi duyệt bài cũng không để ý đến cái hợp tác xã Thắng Lợi ấy ở *Quán* gì. Về sau Nguyên Bình còn làm cả một cái thống kê các hợp tác xã nông nghiệp có những tên giống nhau. Như Thuỷ Nguyên có 4 hợp tác xã mang tên Thống Nhất, An Hải 5. Vĩnh Bảo 3. Tiên Lãng những 7 cơ mày ạ. Tên là Ðoàn Kết: Thuỷ Nguyên 6. Vĩnh Bảo cũng 6. An Hải ít thôi... Anh cười khì khì:   
-Mình có viết sai một tý thì thằng nọ cứ tưởng mình viết về thằng kia.   
Tôi bảo:   
-*Cả làng Vũ Ðại ai cũng nghĩ chắc nó chừa mình ra.*  
Cũng như những người viết văn trẻ khác, chúng tôi đều viết về con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, và khao khát được viết thật hơn, không chỉ có những thuận lợi mà còn những khó khăn, không chỉ những người trung thực mà còn những kẻ quan liêu, những tên nịnh hót. Cái truyện ngắn *Người chết không cô độc* của Nguyên Bình được viết ra với những ý nghĩ như vậy. Nó đã làm anh gay go. Gay go cả đến tôi. Trong xà lim, người ta hỏi tôi rất nhiều về truyện ngắn đó. Nó làm người ta chú ý, lo ngại. Chỉ vì cái tên thôi. Cứ như là chuyện một người hy sinh, chết vì một cái gì đó, nhưng anh ta không cô độc, có nhiều người đứng bên anh. Tôi đánh giá nó là một truyện trên trung bình, một truyện ca ngợi con người mới không xuôi chiều, có một chút ngẫm ngợi riêng, thế thôi.   
Thế mà đã gây ra dư luận cảnh giác, lên án dù chưa in cũng như chưa ai đọc.   
Nguyên Bình đã có một thời gian dài nằm bệnh viện tâm thần, *đi Ðông Khê* như người ta thường nói. Quả là một dạo thần kinh anh quá căng thẳng, nhưng không đến nỗi phải xuống Ðông Khê. Cũng như Nguyễn Văn Chuông, cũng như Nguyên Hồng, anh mắc phải bệnh sợ người ta hãm hại. Mỗi bước đi anh đều thấy nguy hiểm rình rập ở đâu đó. Anh luôn chờ đợi tai hoạ và sẵn sàng đón nhận tai hoạ, thậm chí còn mong nó đến ngay đi để chấm dứt những ngày chờ đợi. Trong những giờ phút tỉnh táo anh quyết định *xuống Ðông Khê*, dù phải vận động chạy chọt, để được sống trong một thế giới riêng, hoàn toàn yên tĩnh, an toàn tuyệt đối như anh nghĩ.   
Có những người điên cực kỳ nguy hiểm, những người điên phải trói chặt chân tay, những người điên nhốt trong cũi sắt, nhưng cũng có những *người điên hiền lành, người điên gạch ngói* [*[2]*](#anm2) *.* Anh chuyện trò với họ, nô đùa với họ. Anh làm ngựa cho những đứa trẻ điên cưỡi và cưỡi lên lưng những người điên tình nguyện làm ngựa cho anh. Có một anh cán bộ đoàn bị điên đang chuyện như những người tỉnh táo nhất, bỗng nhiên hoảng hốt, nghiêm sắc mặt, người gồng lên, chuyển thế trung bình tấn. Anh vận hết nội công, nội lực xuống hai chân, ghì giữ lấy vết nứt của quả đất đang toác ra ngay dưới chân anh. Vết nứt ấy mỗi lúc một bửa rộng ra, toang hoác, đen ngòm. Tất cả cuộc sống của loài người, của muôn loài đang phụ thuộc vào anh, nếu anh không đem hết sức bình sinh ra giữ, vết nứt ấy sẽ cứ to mãi to mãi cho đến khi quả đất vỡ đôi ra như người ta tách quả bưởi vậy. Thế là hết. Là tận thế. Không chỉ giữ vết nứt, anh còn phải bằng sức mạnh đôi chân, kéo khép dần vết nứt lại, cho nó hàn khẩu, cho quả đất trở lại bình thường.   
Anh cán bộ đoàn nghiến răng xuống tấn, khuôn mặt xương xẩu nổi cục gân cốt, tóc dựng đứng, móng tay cáu bẩn cắm vào lòng bàn tay chẩy máu, mắt trừng trừng nhìn vào vũ trụ. Không ai có thể kéo được anh ra chỗ khác. Không ai có thể xô ngã được anh. Anh như một thứ Từ Hải chết đứng. Vì anh đang thực hiện một nhiệm vụ lớn lao mà số phận đã giao phó: Cứu trái đất. Cứu nhân loại. Khi thấy vết nứt giữa hai chân, dưới háng đã khép lại, mím lại, liền lại, anh ngồi bệt xuống đất thở, mặt nhợt ra trắng bệch như tờ giấy, người đẫm mồ hôi, mềm nhũn rồi đổ kềnh bất tỉnh.   
Nguyên Bình kết bạn với một anh giáo viên dạy sử bị điên. Ðang vui câu chuyện, thỉnh thoảng anh lại im bặt, nhìn ngó chung quanh và hét lên:   
-Kẻ xấu đã lộ mặt!   
Hoặc đứng yên, xếp giấy cầm trên tay, hơi ấp vào ngực như đứng trên bục giảng, nói với những học trò vô hình đang im phăng phắc chờ nuốt từng lời bài giảng của anh:   
-Tiếng Phạn. Hôm nay thầy dạy các em về tiếng Phạn cổ ...   
Nằm ở Ðông Khê (cũng là nơi Nguyên Hồng viết tập tiểu thuyết đầu tay *Bỉ vỏ*) Nguyên Bình đã khỏi hẳn triệu chứng sợ người ta hãm hại. Anh trò chuyện với những người điên và ghi chép. Ở Ðông Khê chỉ có hai bệnh nhân viết. Ðó là Nguyên Bình và người thầy dạy sử. Một hôm người giáo viên kia ôm một bọc ni-lông giấy tờ khá nặng ra định đốt. Nguyên Bình vội chạy tới. Người điên hiền lành nhìn anh cười. Que diêm đã bật cháy. Anh ta vẫn nhìn Nguyên Bình và vẫn cười. Nguyên Bình cười lại. Que diêm cháy rồi tắt giữa hai ngón tay, anh ta cũng không biết đau. Anh giáo viên sử hất hàm về phía đống giấy và hất hàm về phía Bình. Thế nghĩa là có lấy không? Tớ đốt bây giờ đây này. Ðược lời như cởi tấm lòng, Bình gật. Có đến mười ki-lô giấy các loại, chi chít chữ viết bằng bút chì, mực tím, mực xanh, mực đỏ. Viết ngoáy cả hai mặt giấy, gần như không thể nào đọc được.   
Trích *Cô gái mồ côi và hòn đảo* (Tiểu thuyết của Nguyên Bình):   
*Có thể vì tò mò, cũng có thể chưa biết làm gì trong mấy ngày trước mắt, người đeo kính đen kiên trì thật đáng khâm phục tìm ra trật tự trong cách sắp xếp rối loạn của mớ giấy. Nói đúng hơn, ông đã tìm cách đọc được lúc thì những tư tưởng mạch lạc, lúc thì vài đoạn văn lẻ tẻ nhưng sáng sủa, sắc sảo đến bất ngờ. Ông lọc riêng những đoạn ấy ra, cố sắp xếp thành hệ thống nhưng không làm nổi.   
  
Trong tay người đeo kính đen bây giờ có tập văn bản được xếp theo ý người chọn. Ông chất tất cả vào một tờ bìa gấp. Ngoài bìa đã có sẵn dòng chữ kẻ to của chính người viết. Ông mỉm cười khi đọc những dòng chữ ấy: bản dịch nguyên văn từ tiếng phạn cổ. Trong cả chồng giấy chất ngất loại ra không có dấu hiệu nào của văn bản tiếng Phạn hay một thứ tiếng nào khác. Có thể người dịch đã mang sẵn thứ tiếng ấy trong trí nhớ di truyền. Biết đâu. Nhưng điều đó không quan trọng. Chính người dịch đã có một câu rất hay dường như để giải đáp cho ai đó có thể nêu nghi vấn cả về bản dịch, cả về nội dung: Hãy bác bỏ được tôi rồi hãy phủ nhận. Người đeo kính đen viết dòng chữ ấy vào một tờ giấy trắng, đặt lên trang đầu bản thảo.   
  
Những tư tưởng của người giảng viên khoa sử đặt ra từ phía ít ai ngờ nhất. Người đeo kính đen nghiền ngẫm rất lâu những dòng bàn về thuyết luân hồi, linh hồn của đạo Phật và những câu kết luận: Con người không chỉ chịu trách nhiệm về cuộc sống trước mắt mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện-ác.*  
Tôi đã trích gần trọn hai trang 98, 99 quyển tiểu thuyết thứ ba của Nguyên Bình, quyển *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Bởi vì anh chính là người đeo kính đen trong truyện.   
Nguyên Bình hoàn toàn quên bẵng mình đang trong nhà thương điên. Anh đang đi du lịch vào một thế giới bí hiểm, hấp dẫn, lần đầu tiên anh đặt chân tới, mà mỗi bước đều hứa hẹn một điều mới lạ, mới lạ đến kinh ngạc. Anh quên hẳn mọi lý do đã xô đẩy anh tới đây. Có lẽ nhờ thế mà anh khỏi bệnh. Ðúng là một cách chữa bệnh tuyệt vời. Anh sửng sốt đọc những dòng anh điên luận về người điên:   
*Người điên là gì? Ðó là món quà hồi tổ. Con người sơ khai sống bản năng ra sao, người điên như thế. Không lễ nghi, không lệ thuộc vào những quy ước nhiều khi làm méo mó bản tính. Ðó là những người sốngthật tình nhất, đúng bản tính nguyên thuỷ nhất. Muốn nghiên cứu loài người buổi bình minh, hãy nghiên cứu người điên.*  
Nguyên Bình viết:Trong vùng mung lung của ánh sáng trí tuệ đan xen với bóng tối bản năng, những phút loé sáng của người bệnh tâm thần thật đáng kinh ngạc. Người giảng viên khoa sử này nghiền ngẫm về tất cả, quan sát tất cả. Anh viết về những đứa trẻ mồ côi: Chúng lên năm, lên ba, mười ba hay mười lăm? Không. Chúng không có tuổi. Chúng là con của mọi thời đại, mọi dân tộc. Chiến tranh, tai ương là bố mẹ chúng. Chúng là phần bất hạnh nhất của nhân loại, đi cùng nhân loại từ khai sinh tới tận hôm nay.   
Nguyên Bình đang đọc thì người điên vào. Ôi! Cái *Nhật ký người điên* này mới hấp dẫn và mê ly làm sao!   
Người điên ngồi xuống giường, ý tứ uống từng ngụm nhỏ chén nước được mời. Hết, người điên xin chén nữa. Lại chén nữa. Nhưng vẫn uống chậm rãi. Biết thưởng thức thứ hương vị nước chè từ lâu không được uống. Rồi rụt dè hỏi Nguyên Bình về những trang viết của mình. Nguyên Bình thành thật:   
-Những trang đọc được tôi rất khâm phục.   
Người điên thành thật không kém:   
-Như thế là công bằng. Có phải công trình của mình tôi đâu. Của nhiều đời. Nhưng sao anh lại nói những đoạn đọc được. Chỉ những phần cần giữ bí mật tôi ghi bằng ký hiệu. Tất cả đều đọc được.   
Rồi người điên nói mỗi lúc một nhanh như sợ không kịp nói những điều cần nhất:   
-Con người là đối tượng của một cuộc thử nghiệm tồn tại với tư cách là một vũ trụ nhỏ, gắn bó hữu cơ với vũ trụ lớn và vũ trụ vi mô, theo chương trình đã được vạch sẵn cho nhiều triệu năm. Ðến lần thứ **n** nào đấy, chương trình được làm lại từ đầu nhưng ở mức phát triển cao hơn.   
Rồi lại vội vàng hơn, nhanh hơn:   
-Trẻ mồ côi và chính quyền không có trong chương trình. Loài người nên nhớ rằng ở bất cứ xó xỉnh nào của trái đất, có thêm dù chỉ một đứa trẻ mồ côi là họ đã tạo ra khả năng làm rối loạn cuộc thử nghiệm.   
Ðang nói hăng say, chợt người điên đứng lên hất tấm chăn phủ người xuống, thét to như cảnh báo:   
-Kẻ xấu đã lộ mặt!   
Tôi đã chép lại nhiều dòng trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. ý nghĩ cho rằng loài người chỉ là một *chương trình thử nghiệm* của người giáo viên dạy sử đến hôm nay tôi lại bắt gặp trong những trang tiểu thuyết của Kun-đê-ra, *Sự bất tử*. Nhân vật Agnes nghĩ: *"Thay cho Chúa ở đây là một chương trình được thực hiện không sai lệch cho dù vắng Người, đồng thời không ai có thể thay đổi chút gì trong chương trình đó (...) Tất cả những việc còn lại, theo quan điểm của tạo hoá, không có chút ý nghĩa nào cả mà chỉ là một trò chơi của một chương trình tổng thể đã được định trước, chương trình đó không phải là sự tiên đoán thấy trước tương lai...*Khác với Agnes (hay chính xác hơn, khác với Kun-đê-ra) người điên trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo* (hay Nguyên Bình cũng vậy) muốn đưa ra một lời kêu gọi con người hãy hướng tới điều thiện. Anh viết: Con người không chỉ chịu trách nhiệm về cuộc sống trước mắt, mà hàng vạn năm sau vẫn gánh hậu quả của thiện-ác.   
Với tôi, *Cô gái mồ côi và hòn đảo* là một quyển tiểu thuyết hay. Hay hơn *Hương* của anh. Hay hơn *Những ngày đã qua*, quyển tiểu thuyết được giải A của Hội Nhà văn và Tổng công đoàn của anh. Và tất nhiên hay hơn nhiều quyển tiểu thuyết xuất bản thời gian đó. Nó rơi vào im lặng. Người ta không khen nó đã hẳn. Người ta cũng không phê phán nó và làm như không có nó.   
Trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*, anh bắt những kẻ xấu phải lộ mặt. Những kẻ xấu mới gian manh quỷ quyệt làm sao! Chúng đều nấp sau cái vỏ đạo đức, chúng đều nhân danh đạo đức, nhân danh những người đang làm điều thiện trong khi chúng dồn mấy đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ (bị chết dưới bom đạn Mỹ) phải thôi học, phải về một nơi "nghỉ ngơi", thực chất là một thứ tù giam lỏng. Ðây là một cách đánh vợ con của chú Hạng, chú ruột em gái mồ côi: *Khi cơn giận đã làm tím mặt, chú cấu dứt thịt vào bất cứ chỗ nào, tát hoặc đấm. Chú làm việc đó một cách kín đáo không để người ngoài thấy. Dù sao chú cũng có bằng đại học. Người bị đánh, bị sỉ nhục càng đau, nét mặt chú dần dần càng trở lại hoà nhã, lịch sự.*Mọi cách đánh người của những kẻ xấu trong tiểu thuyết đều là như vậy. Tất nhiên không đánh đạp cấu véo da thịt như chú Hạng. Mà đánh vào cuộc đời người khác một cách rất dã man dưới cái vỏ đạo đức. Nhưng Nguyên Bình đã bắt chúng phải lộ mặt.   
*Cô gái mồ côi và hòn đảo* không chỉ có những kẻ xấu, không chỉ có triết lý của chương trình thử nghiệm. Nó có cái ly kỳ và sự tưởng tượng bay bổng của *Ðảo giấu vàng,* nó có Tê-nác-đi-ê nhưng cũng có Giăng Van-giăng, có tình thương yêu đùm bọc của những đứa trẻ mồ côi, có những trang cảm động về đám giỗ bố mẹ mà lũ trẻ làm trong trại, về cô bé Thu mồ côi cả cha lẫn mẹ, lần đầu tiên trở thành thiếu nữ, thấy máu trong người nhỏ giọt cứ nghĩ mình sắp chết. Anh rất kiệm lời nhưng vẫn làm ta phải mỉm cười một mình khi đọc những nhận xét của anh về con chó Bim, về những sinh hoạt của trẻ nhỏ, bởi vì chúng mồ côi nhưng vẫn là trẻ nhỏ. Và những trang viết về nông thôn, cái tình của anh khi nhìn thấy cánh đồng, thấy con sông đang chẩy, ngửi mùi rơm rạ phơi già nắng, bởi vì như anh đã tổng kết: Mỗi người dù xa quê nhiều đời, vẫn có trong ký ức di truyền hương vị quê hương.   
Gò Ðống Ða 1987   
C4 Thanh Xuân Bắc 1989   
Ðó là thời gian và nơi Nguyên Bình viết *Cô gái mồ côi và hòn đảo*, được ghi sau dòng cuối cùng.   
Anh đã *về hưu non*. Tôi phải gạch dưới những chữ này để trả về cho nó ý nghĩa ban đầu, bởi vì gần đây ba từ *về hưu non* được dùng để chỉ những vị sáu bẩy mươi còn chưa muốn rời ghế làm việc, vẫn còn muốn tiếp tục phục vụ nhân dân.   
Anh cũng đã chuyển về Hà Nội, bỏ lại tôi một mình ở Hải Phòng, khiến tôi lâm vào cảnh *không còn nơi nào để mà đi đến nữa.* Chưa bao giờ tôi nghĩ *Cô gái mồ côi và hòn đảo* là tập sách cuối cùng của anh, chưa bao giờ tôi nghĩ anh lại bỏ bút. Bởi vì hơn ai hết tôi biết anh còn bao dự định, bao điều muốn nói, những điều mà cứ để trong lòng sẽ vón cục lại như một khối u. Nhất là giờ đây việc viết và in đã cởi mở hơn trước rất nhiều, làn gió dân chủ dù còn những khó khăn nhưng đã là một xu thế xã hội, khiến tôi đã cai viết gần ba mươi năm cũng đã cầm bút trở lại. Ðó là chưa kể anh đang hưu trí an nhàn, có nhiều thời gian rảnh rỗi.   
Thế nhưng chính vào lúc anh đang hưu trí an nhàn ấy, chính vào lúc tôi viết trở lại ấy, Nguyên Bình gác bút, không viết thêm một dòng nào nữa. Anh dứt hẳn với văn chương khi anh chưa đến 50 tuổi, đang độ chín, chín trong nghề nghiêp, chín trong cuộc sống. Anh không viết nữa giữa lúc anh có nhiều thời gian rảnh rỗi, có nhiều điều để viết, khi anh đã là hội viên Hội Nhà văn và tổ chức được cuộc sống gia đình có thể tạm gọi là ổn định.   
Ðã có lần Nguyên Bình nói về tình bạn giữa hai chúng tôi đại ý: Dù chúng tôi có xa nhau bao lâu, khi gặp lại cũng vẫn như mới chia tay nhau hôm trước, câu chuyện giữa chúng tôi vẫn chỉ là nối tiếp câu chuyện dở dang lúc chia tay. Không có khoảng cách nào cả về không gian, cả về thời gian có thể làm chúng tôi không hiểu được nhau.   
Thế mà giờ đây cái điều đáng buồn đã xảy ra: Chúng tôi không đối thoại được cùng nhau.   
Không có sự hiểu lầm nào. Không có mâu thuẫn nào giữa chúng tôi. Tôi đến anh. Vợ chồng anh, hai cháu gái Tùng Cương, Tùng Ngọc coi tôi là người ruột thịt trong nhà. Anh xuống Hải Phòng với tôi, vợ con tôi reo lên:   
-Chú Phú!   
Phú là tên khai sinh của anh. Chúng tôi đến nhà nhau, lúc nào cũng thấy thoải mái như đang ở nhà mình.   
Bia hơi. Món nem trạo ưa thích, vừa rẻ tiền, vừa khoái khẩu. Nhưng cái mệt là sau những giây phút đầu tiên gặp gỡ ấy, sau những bữa ăn ấy. Cơm xong, chúng tôi kéo nhau lên phòng nhỏ trên tầng ba trò chuyện. Một căn phòng anh mới xây thêm cho riêng anh, một thứ chuồng câu cao và xinh xắn. Ngày, anh đi với những học sinh của anh, những người bệnh của anh. Tối, anh lên đấy ngủ. Chỉ một mình anh. Hình như là để tiếp nhận linh khí của trời đất. (Chà! Cái người rất chăm chỉ trong chuyện chăn gối này đã quên hẳn chuyện chăn gối.) Và trong khi tôi mới viết văn trở lại có bao điều muốn nói cùng anh thì anh chỉ nghe tôi như một chủ nhân lịch sự đang tiếp khách. Rồi anh nói. Anh nói về những khả năng kỳ diệu của con người, về phương pháp tĩnh công ý thức, những thuật ngữ tôi chỉ nghe cũng đã rối tinh đầu óc. Anh sôi nổi: Mày tập đi. Cái này hay lắm mà mày không tập thì phí quá. Tao đi vào cái này và nghĩ đến bạn bè, tất nhiên là nghĩ đến mày trước tiên. Anh nói về linh khí, linh địa, về những khả năng tiềm ẩn của con người, về linh hồn bất diệt, về những lập trình của tự nhiên, con người từ đâu đến, chúng ta là ai, chúng ta đi đến đâu. Tôi căng hết trí não ra nghe. Và gật gù cười cười tán thưởng. Bỗng anh hạ một câu chính xác, trúng tim đen:   
-Nói chuyện với mày thà nói chuyện với đầu gối còn hơn.   
Tôi cười ầm:   
-Quả thật tao không hiểu gì hết, nhưng cứ phải cố làm ra vẻ thế thôi. Rất chi là hoang mang.   
Nguyên Bình cũng bật cười:   
*-Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.*Ðó là hai câu thơ trong truyện ngắn của Hồng Hoang mà cả hai chúng tôi cùng thích. Bình lại nói:   
-Trong các lớp học, tao giảng cho học viên nghe, đến những chỗ tao biết là rất găng, tao hỏi: Thế nào? Hoang mang lắm phải không? *Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình. Nắm tình hình rồi tính hình rất hoang mang*. Bây giờ học viên ai cũng thuộc hai câu thơ ấy.   
Bình nói anh có thể định được giờ anh ÐI. Khi ấy tao sẽ gọi các con tao lại và bảo bố *đi* đây. Thế là tao *đi.* Rồi lại sôi nổi thiết tha:   
-Mày tập đi. Cái này tốt lắm. Mình biết nó rất hay, muốn phổ biến cho bè bạn mà bè bạn không nghe thì tiếc lắm.   
Gần như áp đặt, anh xuống Hải Phòng mở một lớp học ngắn ngày. Dạy chúng tôi cách thở. Cách khai mở các luân xa. Chúng tôi tập ngồi, tập thiền. Anh cho tôi xem các hợp đồng với các bệnh viện, các cơ quan khoa học về thí điểm tập cho người mù biết đọc, xem ti vi, nhìn được. Tất nhiên cái ánh sáng anh đem đến cho người mù không phải là thứ ánh sáng vật lý thông thường. Và anh cho xem cả những biên bản về những cuộc kiểm tra kết quả bằng cách đưa những người mù học viên của anh đến những công viên Hà Nội nhiều cây cối để họ đi trong công viên như những người bình thường, không phải giơ tay ra sờ soạng dò đường.   
Anh có nhiều học viên. Người ta đón anh vào thành phố Hồ Chí Minh. Anh giảng ba ca liên tục trong nhiều ngày đến mức thời gian đó tôi cũng ở trong ấy với con tôi mà anh quên mất lời hẹn, không lại chơi cũng như không gọi điện, còn tôi chẳng biết anh ở đâu để mà điện thoại để mà tới thăm.   
Một lần lên Hà Nội, tới nhà một người bạn là cán bộ trung cấp trong quân đội ở khu Nam Ðồng, tôi thấy rất nhiều các sĩ quan quân đội đang tập trung chờ *thầy* đến. Rồi *thầy* đến. Tôi ngạc nhiên và vui mừng biết bao vì người thầy tiên phong đạo cốt ấy là Nguyên Bình. Quả là tiên phong đạo cốt: Mình gầy vóc hạc, tóc bạc, lông mày bạc, râu bạc, dù ngày ấy anh mới ngoài năm mươi tuổi.   
Bạn bè ở Hà Nội nói với tôi: Thằng Nguyên Bình là bậc đại sư rồi.   
Tôi không biết tài năng chữa trị của Bình đến đâu, và quả thật tôi cũng chưa tin những điều Bình nói về khả năng gần như vô tận của con người, về cái tuổi thọ con người lẽ ra được hưởng, nhưng tôi có chứng kiến một sự việc nhãn tiền. Chị Tưởng, vợ anh bị thiểu năng tuần hoàn não nặng. Ði lại khó khăn. Không thể ra khỏi cửa. Ðã đến các bệnh viện, dùng đủ các thứ thuốc đắt tiền. Mà đâu vẫn hoàn đấy. Vẫn đi lại khó khăn. Vẫn không ra khỏi cửa. Bình đã chữa cho vợ. Không phải dùng thứ thuốc nào. Chị đã trở lại khoẻ mạnh. Ðã đi xe máy được giữa phố phường đông đúc Hà Nội.   
Ðó là một việc có thật. Nhưng tôi vẫn hoang mang. Càng hoang mang hơn khi anh rủ rỉ:   
-Mày tập đi. Mày tập đến một độ nào đấy thì sẽ không muốn viết nữa.   
Tôi giẫy nẩy:   
-Không. Không. Tao đang muốn viết lắm.   
Tôi không hiểu và tin rằng mình không thể hiểu được những gì Bình đang theo đuổi. Chỉ lờ mờ rằng đạo của anh -nếu có thể nói được như thế- có một cái gì rất gần với đạo Phật và cũng rất gần với những suy nghĩ của anh trong *Cô gái mồ côi và hòn đảo*. Nó bắt nguồn từ những ngày xa xưa, từ những ngày anh chữa bệnh ở Ðông Khê, gần gũi những người điên. Hay nói theo cách của anh: Sự chuyển hướng của anh đã được mã hoá, đã được cài đặt trước. Ðến tháng ấy năm ấy, Nguyên Bình sẽ làm những việc như thế, thành một người như thế. Anh muốn tôi theo anh, từ bỏ những việc trần tục tôi đang làm để đi với anh tới những gì rộng lớn hơn của kiếp người. Anh muốn tôi thiền. Nhưng tôi là người nặng nợ. Tôi còn phải viết. Tôi cũng được mã hoá rồi.   
Cứ gặp nhau là anh thuyết phục tôi. Về thuyết luân hồi. Về cái vòng đời của chúng ta không dài hơn vòng đời một con ruồi dấm. Rồi lại những khả năng vô tận của con người, rồi ba dạng tồn tại của vật chất: Vật chất thô, vật chất tinh hoa, vật chất trung gian...   
Và bất chợt nhận ra vẻ mặt ngây ngô của tôi:   
-Không hiểu phải không? Hoang mang lắm phải không?   
Không ai bảo ai, ngay lập tức cả hai chúng tôi đều song tấu rất nhịp nhàng: *-Anh hoang mang khi chưa nắm tình hình   
Nắm tình hình rồi tình hình rất hoang mang.*  
1-2-2000   
26 Tết Canh Thìn

[[1]](#nr1)Áo em trắng quá nhìn không ra (Hàn Mặc Tử)  
[[2]](#nr2)Tên những bài thơ của Hoàng Hưng

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần VIII**

**Một ông già sống cho đến khi chết**  
Khi cái chết đến với một con người thì cũng từ đó một cuộc sống mới nẩy sinh. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc sống vẫn còn tiếp tục sau cái chết có lẽ là sự công bằng, điều cả loài người mong ước như một khát khao hướng thiện.   
Nhà thơ, nhà giáo, nhà hoạt động cách mạng Lê Ðại Thanh đang sống cuộc sống thứ hai đó trong mỗi chúng tôi, những người dân thành phố Hải Phòng, thành phố của hoa phượng, của xi-măng, của Ao Than, Quán Nải, Máy Chỉ, Máy Tơ, Ca-rông, Xac-rích ngày xưa, của Duyên Hải, tổ đá nhỏ ca A vang bóng một thời, của những khu công nghiệp tập trung trong thời đổi mới hôm nay. Và Hải Phòng của biển, của những hòi còi tàu cất lên chào bến cảng.   
Hải Phòng từ lâu đã là một thành phố của giai cấp, của phong trào, của công nghệ. Nhưng Hải Phòng không chỉ có thế. Hải Phòng còn là một địa chỉ của Văn Hoá, một ngọn nguồn Văn nghệ với những người đã góp phần to lớn vào dòng chẩy của dòng sông văn nghệ Việt Nam: Thế Lữ, Khái Hưng, Lan Sơn, Lê Ðại Thanh, Nguyên Hồng, Trần Tiêu, Lê Thương, Hoàng Quý, Phạm Ngữ, Canh Thân, Ðoàn Chuẩn, Văn Cao, Nguyễn Ðình Thi, Ðỗ Nhuận...   
Giữa những tên tuổi ấy, Lê Ðại Thanh là một trong những người đi trước. Và trong số ấy cũng chỉ có Lê Ðại Thanh với Nguyên Hồng là gắn bó cả đời với Hải Phòng. Cuối cùng, theo phép rút gọn chỉ còn một Lê Ðại Thanh là duy nhất đã sinh ra, lớn lên, sống và chết ở Hải Phòng theo cả nghĩa đen.   
Mảnh đất mặn phù sa nước mắt Hải Phòng đón nhận ông. "Chết là trở về với tinh thể sao trời. Trả trái đất những gì vay mượn trước" như thơ ông viết.   
Linh hồn ông đã trở về với trời sao. Thể xác ông từ đất lại trở về với đất. Vậy là ông đã sạch nợ nần với vũ trụ. Không những thế, ông còn trả cả lãi. Ðó là món nợ với con người, là những gì trong nghệ thuật ông để lại cho chúng ta, thứ "thập loại chúng sinh" còn sống, chưa "xuống ga đời" chưa "trả lại vé quê hương".   
Ông làm chúng ta vui lên, ông làm chúng ta yêu đời, ông làm chúng ta có thêm nghị lực sống.   
Ông là sự hấp dẫn hãy hiến dâng trọn đời cho nghệ thuật, cho cái đẹp, nhưng cũng là lời cảnh báo cho những ai muốn bước vào con đường nghệ thuật, hãy xem xét lục lọi hành trang của mình: Có đủ tình yêu và lòng dũng cảm hay không? Và đừng bao giờ coi nghệ thuật là đồ trang sức. Càng không thể chơi trò chơi văn nghệ.   
Trong lễ mừng thọ ông 80 tuổi, nhà thơ Dư Thị Hoàn ngày ấy mới sáng tác những bài thơ đầu tiên, đã đọc một bài thơ tặng ông, nói lên tác động của ông đối với những thế hệ tiếp theo, những người ngoại đạo đứng nhìn vào "đám đông nghệ thuật":

Tôi như một đứa trẻ   
Bị hất hàm đuổi ra khỏi đám đông   
Huyền thoại là ông   
Người ta nói về ông kỳ dị   
Khắc hoạ ông quái lạ   
Một hoang mạc không có bến cho tuổi già   
Tôi nấp   
Tôi nghe   
Tôi nín thở   
Tất cả trong tôi vỡ vụn ra   
Sức cộng hưởng đang tàn phá   
Tôi bắt gặp thi ca.

Sinh năm 1907, mất năm 1996, Lê Ðại Thanh đã cõng trên lưng gần trọn thế kỷ 20, một thế kỷ mang trên mình

Bao nhiêu mầm ung độc   
Bao nhiêu nụ hoa đời

như Huy Cận đã viết.   
Trong bản lý lịch hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Lê Ðại Thanh viết: "Mẹ tôi đẻ tôi sau những năm Nga-Nhật chiến tranh trên bờ sông đào Hải Phòng. Thế giới của tôi là cái thành phố công nhân mới tạo lập đầy những đầm ao, đầy những tiếng ếch, tiếng ễnh ương, tiếng hát của Tây say, của đám lính thuỷ Pháp đổ bộ vào các nhà chứa. Tôi yêu tha thiết cái thế giới nhỏ bé của tôi. Ðó là trường học do ông Thông Vôi lập ra ở phố Cầu Ðất".   
Mười hai tuổi Lê Ðại Thanh mồ côi mẹ. Sau này nhớ lại nỗi đau ngày ấy Lê Ðại Thanh nghẹn ngào:

Mẹ xa con năm mẹ ba mươi tuổi   
Tôi như người chết đuối

giữa dòng đời

Và

Tôi là con chim se sẻ

lạc giữa rừng người

Mỗi gà gáy canh năm ai đánh thức tôi?   
Ai đưa tôi ra trường học   
Tôi đói trọn đời một hương hoa ngâu ướp suối tóc

Không còn người mẹ "áo mớ ba mớ bẩy", suối tóc ướp hoa ngâu, gánh chiếu hoa đi chợ bán, kinh tế gia đình gặp khó khăn.   
Bù lại, "con chim se sẻ lạc giữa rừng người" cậu học sinh nghèo Lê Ðại Thanh học rất giỏi.   
Hai mươi tuổi, tốt nghiệp Cao đẳng, khoa sư phạm, ông đã được bổ nhiệm chính ngạch và được đặc cách dạy lớp Nhì, lớp Nhất tại trường Jules Ferry (Nam Ðịnh). Học trò ông ở đây có nhà văn Nam Cao, nhà cách mạng Ðỗ Ðức Dục. Ngày ấy Nguyên Hồng cũng học ở Jules Ferry nhưng ở lớp khác.   
Bốn năm sau do kết bạn với những người cách mạng, những thanh niên có tư tưởng tiến bộ mà nhà nước bảo hộ liệt vào loại thành tích bất hảo như Ngô Gia Tự, Ðỗ Ngọc Du, Nguyễn Công Mỹ, Bùi Ðình Ðổng... ông bị chuyển lên mạn ngược, dạy ở trường Nước Hai (Cao Bằng). Ở đây một loạt học sinh của ông sau này trở thành các tướng lĩnh: Bằng Giang, Quang Trung, Nam Long... Và cũng ở đây, những người bạn của ông như Ngô Gia Tự, Bùi Ðình Ðổng... vẫn đến thăm ông.   
Chắc chắn ông không chỉ dạy học trò cách cộng trừ phân số, quy tắc tam suất hay học thuộc lòng lịch sử Pháp bằng tiếng Pháp theo chương trình bắt buộc "Nos ancêtres sont des Gaulois" (Tổ tiên chúng ta là người Gô-loa). Thầy giáo Lê Ðại Thanh đã thổi vào tâm hồn học sinh của mình lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tình yêu nhân dân đang rên xiết dưới ách thống trị của thực dân đế quốc.   
Rồi ông được chuyển về làm đốc học ở trường Hàng Kênh thuộc huyện Hải An, tỉnh Kiến An. Chánh mật thám Hải Phòng, tri huyện Hải An đã nói thẳng với ông đốc học cao lớn, đẹp trai, một nhà thơ trẻ thuộc nhiều thơ Pháp, một võ sĩ Judo, một võ sĩ quyền Anh nghiệp dư là Lê Ðại Thanh rằng ông không được đi quá Hải Phòng- Kiến An 30 ki-lô-mét mà không xin phép Kiểm học .   
Chỉ tới năm 1941, khi Lê Ðại Thanh về dạy trường Bonnal, tức trường phổ thông trung học Ngô Quyền ngày nay, lệnh ấy mới được nới lỏng. Ông được phép đi tới Hà Nội và cũng chỉ tới Hà Nội mà thôi.   
Những cán bộ thay mặt Ðảng phân công ông hoạt động hợp pháp, công khai trong hai phong trào: Truyền bá quốc ngữ và thể dục thể thao (do Ðuy-cu-roa khởi xướng). Ông đã quyên tiền mua súng cho cách mạng.   
Là một người nổi tiếng, các đảng phái lôi kéo ông. Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh, bạn văn của ông, nhiều lần bàn bạc rủ rê ông hoạt động cho Quốc dân đảng. Ông từ chối. Ðại Việt quốc gia liên minh, một đảng thân Nhật hứa dành cho ông chức thị trưởng Hải Phòng. Ông từ chối.   
Tháng 5 năm 1945, ông bị hiến binh Nhật bắt. Biết trước tin này, nhưng dựa vào tính hợp pháp của mình, ông không rút vào bí mật. Nhật bắt ông khi ông đang diễn thuyết ở hội quán AFA. Ðỗ Ðức Phin đã đưa hiến binh Nhật đến . Ít lâu sau Phin bị bắn chết. Người thi hành bản án này là Văn Cao, bạn ông.   
Cách mạng tháng Tám thành công, ông được đề cử làm phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố, nhưng ông chỉ nhận chức uỷ viên tuyên truyền phù hợp với ông.   
Trong giai đoạn cách mạng còn đang trứng nước, dựa vào thế lực Tầu Tưởng sang tước khí giới, giải giáp quân đội Nhật, Việt Nam Quốc dân đảng đã bắt ông.   
Ðích thân đồng chí Lê Quang Ðạo, lúc ấy là bí thư thành uỷ, sau này là chủ tịch quốc hội, chỉ huy cuộc đấu tranh đòi chúng phải thả ngay Lê Ðại Thanh và hai cộng sự của ông. Hàng nghìn người đứng chật quảng trường Nhà hát lớn. Súng đã nổ. Máu đã chẩy. Một số người bị thương trong cuộc đấu tranh này. Trước sức mạnh ấy của quần chúng, Việt Nam Quốc dân đảng đã phải trả tự do cho ông. Ông lại trở về với nhân dân, với cách mạng.   
Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông vào bộ đội, tự nguyện làm chiến sĩ trung đoàn 42. Làm báo Quân Bạch Ðằng của quân khu Ba. Tham gia chiến dịch Trần Hưng Ðạo. Rồi làm báo Cứu Quốc.   
Hoà bình lập lại, ông được điều về biên tập thơ cho báo Văn Nghệ. Cùng với Hữu Loan, Quang Dũng, Trần Lê Văn...   
Năm 1958 ông trở về Hải Phòng, thành phố chôn nhau cắt rốn sau khi đã in dấu chân trên bao nẻo đường kháng chiến.   
Sống. Học. Ðọc. Làm thơ. Viết truyện. Viết kịch. Trường ca. Hồi ký. Cho đến cuối đời.   
Chắc chắn cuộc đời Lê Ðại Thanh sẽ rẽ sang một hướng khác nếu ông không mắc phải hội chứng thi ca. Có thể ông đã tiến bước vững chắc trên quan lộ. Có thể ông chỉ là thầy giáo bình thường.   
Và như vậy hôm nay chúng ta chẳng có gì để nói về ông.   
Và như vậy hôm nay Hải Phòng chẳng có một Lê Ðại Thanh thi sĩ. Hải Phòng sẽ nghèo đi, mất đi một nét độc đáo của mình.   
Trong những tán lá cổ thụ của khóm rừng văn học nghệ thuật Hải Phòng, chỉ có hai người: Ông và Nguyên Hồng mang tính cách riêng đến thế.   
Ông như dẫy quán hoa trước cửa Nhà hát thành phố, chỉ Hải Phòng mới có.   
Ông như sông Lấp, sông Tam Bạc chỉ Hải Phòng mới có.   
Ông như phố Cầu Ðất chỉ Hải Phòng mới có   
Ông như Nguyên Hồng chỉ Hải Phòng mới có.   
Chúng ta quen nhìn ông đi trên đường phố Hải Phòng, cao gầy, quần áo nhầu nát, ca vát xộc xệch, mũ phớt, tóc bạc xoã, khuôn mặt nhăn nheo khắc khổ, đôi mắt sáng, bước những bước chậm rãi trên đường, như mộng du lại như dẫm nhừ từng cây số theo cách nói của Mai-a-kôp-xki.   
Chúng ta đã quen nghe giọng ông, chất giọng tuyệt vời của một giáo viên, một diễn viên, trầm ấm sang sảng trong những buổi gặp mặt cùng ông.   
Chúng ta đã quen nghe những bề bộn giãi bầy của ông về sáng tác, về học ngoại ngữ.   
Lê Ðại Thanh làm thơ được đăng báo từ những ngày còn đi học.   
Tài năng văn nghệ của ông khá đa dạng: Làm thơ, viết văn xuôi, hoạt động kịch nói trên cả ba phương diện: Sáng tác kịch bản, diễn viên, đạo diễn.   
Tập san Sân Khấu đã viết về ông:   
"Gác bỏ những lĩnh vực hoạt động khác thì trong bước phôi thai của kịch nói hình thành để rồi tự khẳng định là một loại hình sân khấu, ông Lê Ðại Thanh có đóng góp của mình.   
Mãi mãi còn đó một ban kịch Anh Vũ của Thế Lữ và kịch sĩ Lê Ðại Thanh đã từng thủ vai nhà tư sản Trần Thiết Chung trong vở Kim Tiền của Vi Huyền Ðắc. Thời ấy những việc làm đó có giá trị lớn của sự tiếp nhận và giao lưu và thiếu gì cả những ý nghĩa của sự khai trí."   
Cũng thời gian ấy vở kịch Hai người trọ học của Lê Ðại Thanh được giải thưởng Tự lực văn đoàn cùng với Bỉ Vỏ của Nguyên Hồng, một giải thưởng như Kim Lân nói, rất uy tín vì không uỷ viên chấp hành nào trúng cả.   
Vở Ông giáo Mỹ của ông được công diễn liên tục tại Nhà hát lớn Hà Nội.   
Ban kịch Lan Sơn-Lê Ðại Thanh là ban kịch sáng giá của cả nước.   
"Những năm kháng chiến, sinh hoạt kịch ngắn, độc tấu như một sở trường của Lê Ðại Thanh. Năm 1994, vở Nàng tiên cóc của ông được Sài gòn Audio-Video thực hiện và còn dang dở đó kịch bản Người thi sĩ lấy nữ thần mặt trời và hài kịch triết học Sác lô lên trời." [[1]](" \l "anm1)  
Lê Ðại Thanh kịch sĩ, Lê Ðại Thanh văn xuôi, Lê Ðại Thanh nhà giáo, Lê Ðại Thanh nhà cách mạng, nhưng trên tất cả, chúng ta có một Lê Ðại Thanh thi sĩ.   
Cũng như mọi hoạt động nghệ thuật khác của ông, chúng ta hiện nay có trong tay rất ít thơ ông.   
Mà ông lại sáng tác rất nhiều. Dường như có cả hàng chục năm ông không in dù ông viết ngày đêm. Bởi đã có một thời gian ông làm người ta sợ.   
Tai nạn ập đến khi những bạn bè ông lập ra tờ báo Nhân Văn. Trên tờ báo đó, người ta thấy trong mục Hộp thư có tên ông. Và có tên ông trong danh sách những người ủng hộ tiền cho báo, một số tiền nhỏ vào thời điểm đó: 20.000 đồng.   
Ðang là biên tập viên báo Văn Nghệ, ông được cử đi thực tế Hải Phòng.   
Hết đợt, ông có quyết định ở lại Hải Phòng, công tác tại sở Văn Hoá mà không về Hà Nội nữa.   
Tại đây ông được giao những việc lặt vặt. Lúc là biên tập cho mấy tờ bướm về chăn nuôi, về thuỷ lợi. Lúc xuống nhà in sửa mo-rát. Lúc dựng kịch cho các huyện. Việc rất ít. Khi có khi không.   
Ông không thể không làm việc mà vẫn cứ lĩnh lương. Ông cần thời gian để viết trong khi hàng ngày phải đến nhiệm sở làm những việc để mà làm hoặc không làm gì cả.   
Mọi người dần dần xa lánh ông.   
Năm năm như vậy là quá đủ, quá dài. Năm 1963, ông làm đơn xin nghỉ hưu non.   
Năm ấy ông mới 56 tuổi và còn đang rất khoẻ. Nếu chia tỷ lệ với cái tuổi 90 khi ông qua đời thì còn đang độ tuổi tráng niên.   
Ðã có những đêm ông thức trắng.   
Ðã có những đêm ông ngồi một mình rất lâu trước bức tranh Trên sự yên tĩnh đời đời của Lê-vi-tan.   
Ông ghi vào nhật ký: "Tôi nghĩ đến cái chết như một chuyến đi xa".   
Ðã có những phút mềm yếu, những lúc chán nản. Và ông đã vượt qua. Phùng Quán viết về mình:

Có những lúc ngã lòng   
Tôi lại vịn câu thơ đứng dậy

Lê Ðại Thanh cũng vậy. Ông lại vịn câu thơ đứng dậy.   
Ông viết. Học tiếng Nga để đọc Lec-môn-tốp trong nguyên bản. Học tiếng Anh. Học tiếng Ðức. Và viết. Viết như một lẽ sống. Như một cứu cánh. Như một người bị dồn đến chân tường.   
Nhưng người ta im lặng trước những sáng tác của ông. Bởi vì dưới những bài thơ, những truyện ngắn ấy ký một cái tên Lê Ðại Thanh. Ba tiếng Lê Ðại Thanh ngày ấy đồng nghĩa với ba tiếng có vấn đề. Có vấn đề không là gì cả nhưng lại là tất cả.   
Ba tiếng Lê Ðại Thanh còn làm chính những người trong gia đình ông lo âu, sợ hãi.   
Ngày ấy các con ông đều bỏ đi chữ Ðại ở giữa.   
Lê Ðại Châu đổi thành Lê Minh Châu.   
Lê Ðại Chức thì bỏ hẳn chữ Ðại. Chỉ còn Lê Chức.   
Lê Ðại Chúc cũng chỉ là Lê Chúc.   
Hình như các con ông không xuất thân từ dòng họ Lê Ðại. Bởi vì có những dấu hiệu bệnh có vấn đề mang tính di truyền.   
Lê Ðại Thanh hoàn toàn cô đơn. Một người cô đơn ngoài ý muốn. Ðúng hơn, một người bị bỏ quên giữa cuộc đời này. Mà ông cần biết bao một người chia sẻ. "Bạn" là khát vọng của ông.

Bạn là một nửa bản thân tôi   
Nửa da thịt

nửa trái tim

khối óc

Bạn là núi   
Tôi là cánh buồm mây đỏ rực   
Hoàng hôn vàng nồng nhiệt tới buông neo

Hơn ai hết, ông biết khi có bạn, ý chí, sức mạnh con người vừa tăng theo cấp số cộng, vừa tăng theo cấp số nhân:

Bão tố cuộc đời, tôi không còn e sợ   
Tôi có bốn cánh tay ngăn sức gió   
Tôi được nhân lên khi bạn cộng với tôi   
Tôi mạnh hai lần   
Bạn giầu gấp đôi.

Khát vọng đơn giản ấy làm sao có được. Một mình ông, ông phải có bốn cánh tay ngăn sức gió, ông phải mạnh gấp hai lần. Và ông đã mạnh gấp hai lần.   
Năm 1965, mặc dù còn đang hoàn toàn khoẻ mạnh, ông vẫn thấy cần làm bản tổng kết cuộc đời và cần để lại di chúc. Không phải di chúc cho con cháu phân chia của cải mà là di chúc với đời. Bản Di chúc mới thanh thản làm sao.

Chết là trở về với tinh thể sao trời   
Trả trái đất những gì vay mượn trước   
Chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược   
Tôi xuống ga đời gửi lại vé quê hương

Thanh thản vì cái chết là quy luật. Thanh thản vì cả đời ông gắn bó với cách mạng. Vì cả đời ông gắn bó với thi ca, nghệ thuật, gắn bó với cái đẹp. Và thanh thản vì cả đời ông không làm hại một ai. Ông luôn nghĩ tốt, đối xử tốt với mọi người.   
Cuộc sống là một hành trình có hạn. Chúng ta ai cũng mong có được tấm lòng thanh thản như ông khi lìa đời, khi trả lại vé quê hương.   
Năm 1965 đang là thời gian khắc nghiệt nhất của ông. Tuy nhiên ông vẫn thốt lên:   
Hạnh phúc làm sao được sống mãi làm thơ   
Chưa bao giờ Lê Ðại Thanh là một người bất mãn, một kẻ chán đời. Sống làm thơ với ông là một hạnh phúc. Dù thế nào chăng nữa.   
Bài Di chúc không được in, tất nhiên. Nhưng nhiều người đọc, rồi lại đọc cho người khác. Chép rồi lại chép cho người khác. Bài thơ có tên tác giả. Rồi không có tên tác giả. Không biết nó đã bay đến tận những phương trời nào.   
Nhà thơ Tế Hanh thuật lại vào giữa thập kỷ 80, khi ông đang đi trên bờ hồ Thiền Quang (Hà Nội) một thanh niên đã lễ phép hỏi ông hai câu thơ "chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược, tôi xuống ga đời gửi lại vé quê hương" có phải của Ta-go (nhà thơ Ấn Ðộ-giải Nô ben) không. Ông đã trả lời: "Tôi không biết có phải của Ta-go không. Nhưng chắc chắn đó là hai câu trong bài Di chúc của Lê Ðại Thanh".   
Lại thêm một minh chứng về sức sống của thi ca dù không được in ấn, không được đề cao, không được các phương tiện thông tin đại chúng giúp đỡ.   
Lê Ðại Thanh sáng tác rất nhiều. Ông sáng tác để thoả mãn nhu cầu sáng tạo của bản thân. Việc in ấn không đặt ra. Chỉ cần đọc cho một người bạn. Chỉ cần một người nào đó hiểu ông.   
Có lẽ trong đời làm thơ của ông, duy nhất có một bài thơ được in, được phổ biến rộng rãi đến thế. Ðó là bài Chương Dương hành khúc dài đúng 100 câu, độc vận.

(...) Nam nhi!   
Nam nhi!   
Ðêm nay trăng tỏ soi trăm dặm   
Lau kiếm trường vĩnh biệt thê nhi   
Ngày mai đi giữa rừng thương giáo   
Hành quân mắt dõi bóng kinh kỳ   
Ðường lên ải Bắc quanh co khuất nẻo   
Ðường vào Chiêm Thành gẫy khúc chữ chi   
Giặc kìm kẹp ta giữa hai mũi sắt   
Ðất nước giục giã đâu ta cũng đi   
Thăng Long bị chiếm triều đình chuyển dịch   
Lê dân rời thành lệ ướt hàng mi...

Bài thơ tràn đầy tinh thần quật cường dân tộc như một bài hịch được đọc trong những buổi hội họp, được in 3000 bản và phân phát như một thứ truyền đơn trong những ngày sục sôi cách mạng trước và sau Tổng khởi nghĩa.   
Nhưng ngày ấy đã qua lâu rồi. Giờ đây còn lại tuổi già và sự cô đơn. Mà lòng ông thì không nguội được. Không bao giờ nguội được.   
Lê Chúc hẳn đã rất hiểu bố mình nên thường vẽ ông trong trang phục màu đỏ, một gam màu nóng.   
Trong một bài thơ gửi hoạ sĩ Thọ Vân, Lê Ðại Thanh viết:

Tôi một hoả diệm sơn ngùn ngụt   
Nhìn quanh chân mình những dòng sông lửa lưu huỳnh

Và trong bài Thời gian ông viết:

Tôi đang suy nghĩ về em với trái tim núi lửa

Trái tim ông như vậy. Một núi lửa tình yêu. Nó là nỗi đau. Nhưng cũng lại là sức mạnh.   
Ngón đòn của số phận có thể làm ai đó gục ngã. Nhưng Lê Ðại Thanh thì không. Trái tim ông đã cứu ông. Hay đúng hơn, chính nàng thơ, nghiệp chướng của đời ông đã cứu ông. Trong tấm áo choàng rực rỡ huyền ảo mỏng manh của thi ca, Lê Ðại Thanh là bất khả xâm phạm. Không một ngọn roi nào chạm được tới người ông. Vòng kim cô không xiết được đầu ông vì trong đó đầy ắp thi ca, đầy ắp tình yêu cuộc sống.   
Ông yêu đời, ông yêu người, ông yêu thơ. Trong thơ, nhiều lần ông nói thẳng ra điều ấy mà không dùng hình tượng, không cần dùng một cách diễn đạt bóng bẩy nào. Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi. Tôi yêu cô hát chèo răng nõn hoa cau. Tôi yêu dải đất... Hệt như khi mình thổ lộ với người mình yêu. Phải nói ra những điều chất chứa trong lòng một cách đơn giản nhất. Ông không để ý tới con số phần trăm bậc lương hưu cán sự 2 [[2]](#anm2) mà ông hưởng cho đến lúc chết. Việc ông không được công nhận lão thành cách mạng, không được huân chương, và tất nhiên không có những khoản phụ cấp kèm theo cũng không làm ông bận tâm suy nghĩ. Ta có thể biết chắc điều ấy. Bởi vì khi đó có một học trò của ông làm phó bí thư thường trực Thành uỷ. Một người học trò khác làm trưởng Ban tổ chức chính quyền thành phố. Mà đường đi từ nhà ông tới những nơi ấy chỉ 20 phút đi bộ, nhưng ông chưa một lần đến để đề nghị, để trình bầy. Ông không mặc cảm. Ông cũng không quá tự trọng. Ðơn giản là ông không có thời gian cho suy nghĩ ấy, cho công việc ấy dù là để sửa chữa những bất hợp lý cho chính bản thân ông. Ông có thể dành cả buổi sáng viết thư trả lời một bạn làm thơ trẻ về thi ca, nhưng viết một lá đơn ông lại không làm.   
Không phải ông quên quá khứ hay cố tình quên quá khứ.   
Quá khứ vẫn sống trong ông, nhưng không thể chạy chọt để được công nhận quá khứ. Càng không thể lấy quá khứ đánh bóng cuộc đời, đánh bóng thi ca.   
Lê Ðại Thanh là một nghệ sĩ đích thực, một nghệ sĩ "đến tận móng tay đầu sợi tóc" [[3]](" \l "anm3) . Thế giới của ông là thế giới thi ca. Nơi ông tới khi ông đi ra khỏi nhà là tới những người làm nghệ thuật.   
Ông ra ngõ chỉ để mua điếu thuốc, nhưng nhiều ngày sau mới trở về. Bữa cơm đã dọn nhưng ông xách xe đi như người mộng du. Ông có thể sống với chỉ một mẩu bánh mì trong túi như một bữa ăn lưu động trên đường.   
Những người làm thơ Hải Phòng ai chả từng một lần được ông tới nhà, nhiều khi bất ngờ nhất.   
Một nhà thơ ở vùng ven thành phố kể lại rằng vào một đêm mưa bão bố đến. Bố đội mưa, vượt ba ki-lô-mét đến nhà. Bố đọc cho nghe bài Vua sư tử và mặt trời. Rồi bố nói về tầm vóc thi ca Việt Nam phải có và sẽ có. Người ta không thể nào quên được những lần ông tới nhà, ngượng nghịu rụt dè lấy trong túi ra nào đường, nào cà-phê và cả phin lọc pha cà-phê:   
-Pha đi. Bố con mình uống.   
Thương ông. Ông cần chia sẻ. Ông cần đối thoại. Lại càng thương vì ông biết mình đang làm phiền người khác nhưng không thể nào khác được. Người ông đầy ắp. Ông đang cần vợi bớt được mình đi.   
Giở lại những sáng tác ít ỏi của Lê Ðại Thanh còn đến được tay chúng ta, thấy rõ một điều: Ông gắn bó với những chuyện cổ tích, những Tấm Cám, những Sơn Tinh Thuỷ Tinh, Từ Thức, Thánh Gióng, những cô tố nữ trong tranh Ðông Hồ, ông nhớ những ngày xưa phiên chợ cuối năm mua tờ tranh đám cưới chuột, và

Mặt vách nhà tôi mỗi ngày tết đến   
Chú cóc cầm roi dạy học nghiêm trang   
Chú ỉn lưng xanh   
Anh ỉn khoanh vàng   
Ðủng đỉnh khoe mầu giữa lòng đêm tối

Ông gắn bó với những đêm hát chèo. Ông gắn bó với quê hương, quê hương có một người em gái:

Em buồn em vui em mãi nhớ tôi   
Tôi giận tôi hờn tôi không em được

Quê hương có những trò chơi ngày tấm bé:

Tuổi trẻ đời tôi vui lá cỏ   
Cánh vành khuyên chú dế mèn nâu   
Thế giới của tôi lộng lẫy sắc mầu   
Thân cá mại cờ vẩy lưng óng ánh   
Em đánh bò qua môi cười gió lạnh

Ðọc những bài Ðám cưới chuột đỏ xanh, Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi, Hát chèo, Quê hương, Những trò chơi bao ngày tấm bé, ta thấy tiếng vọng của đồng quê, của thời thơ ấu, của truyền thống, của cội nguồn, điều những người làm văn hoá hôm nay nhắc nhau: Không được phút giây sao lãng.   
Lê Ðại Thanh sống và làm việc tới năm ông 90 tuổi. Thử tìm bí quyết sống lâu của ông ta thấy một điều dễ nhận. Ðó là sự kiên trì tập luyện. Thuở trẻ ông là một võ sĩ Judo, võ sĩ quyền Anh. Về già, ông tập Yoga. Kiên trì ngày này sang ngày khác, năm này sang năm khác.   
Khi thị lực giảm, đi đâu ông cũng mang theo chiếc gương để tập thôi miên cho mắt sáng trở lại. Và sở dĩ ông sống đến 90 tuổi vì trong đầu ông không có chỗ cho những ý nghĩ bi quan trầm uất. Hơn nữa chỉ lạc quan yêu đời thôi chưa đủ, còn phải trẻ trung. Chúng ta ngạc nhiên biết bao khi đọc bài Ngây thơ ông viết năm ông gần 70 tuổi:

Ú tim   
Em đi tìm   
Tôi đi nấp   
Chân lý bên này bên kia trái đất   
Ta yêu con người ta mãi tìm nhau   
Sân gạch: Ðại dương   
Xếp đá làm cầu   
Ú oà   
Tôi đi ra   
Em vào bóng tối   
Mười ngón tay mành mành đan vội   
Em nhìn thấy tôi em vẫn đi tìm   
Tôi biết em mở mắt mà tôi không nói   
(...)

Và đây, bài đồng dao U mặc ông sáng tác ở tuổi 83:

Muồm muỗm đội mũ mấn xanh   
Khóc chồng không khóc khóc anh cào cào   
Bọ ngựa chém chém đôi đao   
Chém lia. Chém lịa. Toàn vào bạn thân   
Kiến vàng kéo lê đôi chân   
Giận con bọ ngựa bất nhân bất nghì   
Muồm muỗm đội mũ mấn đi   
Nhớ cào cào vẫn tỉ ti khóc ngầm...

Lê Ðại Thanh luôn trẻ trung hóm hỉnh. Nhưng thời gian vẫn là thời gian. Với những bậc sống gần thế kỷ như ông, thời gian đồng nghĩa với sự kết thúc. Nhưng ông không ngán. Ông vẫn ca tụng thời gian, người khai sinh vĩ đại và kẻ huỷ diệt vĩ đại. Dù thời gian làm cho

Em có mặt hôm nay để tương lai không còn nữa   
Tôi vẫn viết bài thơ ca tụng thời gian   
Người gieo hạt vàng trên trái đất   
Người đô vật quật ngã các khổng lồ   
Người thẩm phán vô tư   
Quyết định các giá trị bất tử

Ông tự nhủ:

Nghệ thuật không được già   
Thời gian đi liên tục   
Như người gieo hạt hoa

Khi về già người ta thường trở đi trở lại với những suy ngẫm về thời gian, về vũ trụ, về kiếp người, về bản thân. Lê Ðại Thanh đã có những định nghĩa về mình vừa thơ lại cũng vừa triết học:

Tôi là mâu thuẫn của tôi   
Tôi là núi lửa đồng thời núi băng   
Tôi là con mọt nghiến răng   
Gặm thời gian gặm mặt trăng mặt trời

Con người ông với bao nhiêu nghịch lý:

Tôi nghèo như một ông vua   
Tôi nhanh như một con rùa ngụ ngôn

Ta bỗng thấy Lê Ðại Thanh đã nói hộ những gì ta chưa biết về ta. Ta bỗng thấy ta nghèo nhưng cũng lại rất giầu, ta vừa nhanh lại vừa chậm, ta là con mọt nghiến răng gặm thời gian và gặm cả vũ trụ. Những bài thơ về kiếp người của ông thật gần gũi, thấm đượm tinh thần triết học phương Ðông, con người hữu hạn trong cái mênh mông của vũ trụ, cái vô tận của thời gian, con người đáng thương, đáng yêu, rất cần được chia sẻ:

Tâm hồn tôi là một lâu đài đá đỏ   
Mà trái tim là chiếc chuông treo ở ngõ   
Hãy giật chuông đi vào, đi rất nhẹ người ơi   
Ðừng dừng chân trước ngưỡng cửa con người.

Van nài hay kêu gọi? Sao thiết tha đến thế!   
Ta thấy như mình đã mắc lỗi cùng ông. Và tự nhủ từ nay không bao giờ được dừng chân trước ngưỡng cửa con người. Hãy giật chuông đi vào. Hãy đi rất nhẹ.   
Ông hiểu rằng con mọt nghiến răng là ông đã gặm gần hết phần thời gian, phần mặt trăng mặt trời của mình rồi. Thì có sao đâu. Ðiều quan trọng là phải biết sống. Trong bài Vua sư tử và mặt trời, ông viết:

Hãy trân trọng những ngày ngươi sống   
Hãy gầm lên thức động núi dài   
Hư danh là chuyện chiếc ngai   
Hôm nay vàng dát ngày mai đất bùn.

Tiền bạc, danh vọng, địa vị, tất cả đều là hư vô. Còn sống ngày nào hãy sống hết mình với cuộc đời, với nghệ thuật.   
Bài Thi sĩ và Thần Chết nằm trong số di cảo của ông chứng tỏ ông quyết chinh phục bản thân cái chết. Bài thơ kể chuyện hai lần Thần Chết cưỡi ngựa ô, cầm lưỡi hái đến gõ cửa đòi tính mạng của thi sĩ. Nhưng thi sĩ còn đang viết dở dang bản trường ca cuộc sống. Lần thứ ba, trên đường đi đòi mạng sống của nhà thơ, Thần Chết bỗng nghe trên làn sóng điện bản trường ca ấy và bỗng thèm sống trở lại.

Trên mặt hành tinh có những người như thế đó   
Họ viết về cuộc sống

bắt Thần Chết ngồi im trên lưng ngựa

Con chim và cái lưới

I

Ðời là sa mạc lửa thiêu

Tôi khao khát một tình yêu cháy lòng

Em

con chim nhỏ

lượn vòng

Tôi quây lưới nhốt

giữa

lồng

tim

tôi

Nhưng tôi thiếu

nắng

mặt trời

Thiếu rừng cây với núi đồi tặng chim

II

Tình yêu một phút nhen lên

Một giây lại tắt trong đêm

tối mù

Con chim vỗ cánh

bay vù

Trả chim cho gió tôi thu lưới về

Người thơ mãi mãi si mê

Cái bay đi

cái không về

cái trôi

Chiếc lồng là cuộc đời tôi

Em con chim én của trời ... tự do...

Chúng tôi giới thiệu trọn vẹn bài thơ này của Lê Ðại Thanh không phải vì đây là một bài thơ tiêu biểu của ông, không phải vì nó nói được tình yêu và sự bất lực trong tình yêu cuộc đời của trái tim thi sĩ. Mà bởi lẽ ra bài thơ này không đến được với chúng ta. Ông đã viết ra. Ông đã đọc cho nhiều người. Người nghe nhớ. Còn ông thì quên nó. Trong buổi chúc thọ ông 80 tuổi, người đọc một câu, người đọc hai câu, chắp nối lại, thế là bài thơ đã nguyên vẹn hình hài, đã được phục sinh. Có biết bao thơ Lê Ðại Thanh đang cần được phục sinh như vậy để trở về với cuộc sống. Cảm xúc đến, ông có thể viết trên bất cứ cái gì: Vỏ bao thuốc lá, mảnh giấy xi măng, cả một tờ crô-ki. Và đọc cho người khác chép. Chính ông đã kêu lên:

Con chim thơ của tôi bay

Ðời ơi còn trả nợ này nữa thôi?

Chắc chắn những di cảo đang tản mát bốn phương ấy sẽ có rất nhiều dị bản mà dị bản nào cũng là chính bản, bởi vì ông không ngừng suy nghĩ. Không ngừng hoàn thiện, không ngừng lao động để đạt tới cái hoàn mĩ. Nguyên Hồng sửa cả khi công nhân nhà in đang sắp chữ. Còn Lê Ðại Thanh, thơ đã in rồi, đã xuất bản rồi, ông vẫn còn sửa chữa.   
Trên tờ Wall Street Journal, nhà báo Úc Barry Wain thuật lại buổi gặp gỡ với Lê Ðại Thanh tại một quán cà-phê đông đúc ồn ào: "Cầm điếu thuốc tôi đưa, ông Thanh nói: "Ðây là một điều tốt, nó sẽ gây hứng cho thơ của tôi." Ông rút vào một góc để viết, quên hết mọi người, mọi thứ trong vài giờ đồng hồ sau đó."   
Lê Ðại Thanh có thể quên hết mọi người, mọi thứ. Năm đã ngoài 80 tuổi từ nhà một người bạn già ở Hà Nội, ông xách chiếc xe mi-ni chỉ định đi chơi phố nhưng rồi mải đuổi theo trong đầu những ý thơ, ông không biết mình đã đi cả trăm ki-lô-mét đường 5 và bỗng thấy mình ở Hải Phòng. Khi ông tắm rửa xong, cả nhà tưởng ông sẽ mệt nhoài nằm trên giường ngủ, nhưng không, ông lại lấy xe đi.   
Ông có một sức khoẻ làm tất cả mọi người thèm muốn. Có lẽ vì ông ca ngợi thời gian và thời gian đã nhẹ tay với ông.   
Hơn thế, thời gian đã ủng hộ ông.   
Thơ, văn xuôi của ông đã được các báo sử dụng. Ðời vẫn nhớ đến ông. Năm ông tròn 80 tuổi, tập Những ngôi sao biển, tập thơ đầu tiên của ông đã được in và phát hành [[4]](" \l "anm4) . Hải Phòng đã in cho ông. Hải Phòng không quên người con dứt ruột đẻ ra của mình. Một tập thơ non trăm trang với 33 bài. Thế đã là quý lắm. Vì đó là tập thơ duy nhất của ông. Hãy nhớ rằng đó là tập thơ duy nhất của một người làm thơ 90 tuổi, với một đời thơ kéo dài trên 70 năm.   
Ðố kỵ như nghệ sĩ. Người Pháp nói vậy. Nhưng Lê Ðại Thanh thì ngược lại. Với những bạn bè cùng trang lứa, ông rất chân thành và vui mừng trước thành công của bạn. Ông còn tổng kết những cái hay cái tốt của bè bạn để học tập. Ông tôn Xuân Diệu là ông hoàng của ngôn ngữ. Ông gọi Thế Lữ là thầy. Một bài văn xuôi của ông nằm trong số di cảo được công bố khi ông qua đời là bài Ba đức tính của Nguyên Hồng.   
Ðọc một bài thơ hay, ông xuýt xoa:   
-C est terrible! (Thật khủng khiếp!)   
Ông thực sự sung sướng khi có một nhà thơ trẻ nào đó mới xuất hiện. Ông viết thư, ông tìm gặp tác giả. Ông phổ biến bài thơ ấy, ông nói về tác giả... Trong một vài trường hợp lời khen của ông có phần bồng bột, cái bồng bột của ông già đang bước vào tuổi 90 thật cảm động.   
Và dù sắp 90 tuổi, ông vẫn cả tin, vẫn là người nhẹ dạ. Ông vẫn nghĩ ai cũng tốt như mình. Ngoài hàng chục lần bị lừa về tiền bạc, ông còn bị lừa hai chiếc xe đạp, một cái tủ chè gia truyền của dòng họ và cả cái máy chữ cọc cạch! Khi biết mình bị lừa, ông chỉ cười:   
-Thế là khi viết đã có sẵn nhân vật, không phải đi đâu tìm nữa.   
Trong cuộc sống, Lê Ðại Thanh bao giờ cũng vẫn là một đứa trẻ, một đứa trẻ sống gần trăm tuổi.   
Ðầu tháng 7 năm 1996 ông ngã bệnh. Những lúc tỉnh táo, nhìn thấy vợ con, bè bạn đứng bên giường, ông lại nói về thơ, về kịch, về bản trường ca đang viết dở, về Et-xê-nin, về thơ lãng mạn Pháp và một câu cửa miệng:   
-C est terrible!   
Ngày 17 tháng 7 năm 1996 ông vĩnh biệt chúng ta. Hàng nghìn người tiễn đưa ông như ngày nào hàng nghìn người tập trung ở quảng trường Nhà Hát đấu tranh bắt bọn Quốc dân đảng phải trả tự do cho ông. Và chỉ đến lúc ấy tất cả mới hiểu rằng đời vẫn mến yêu ông đến thế.   
Ông ra đi để lại một khối lượng di cảo không nhỏ trong nhà và một khối lượng di cảo còn lớn hơn nhiều đang tản mát ở đâu đó.   
Ðọc những di cảo của ông, những dòng chữ to nhọn hoắt như gai của ông bằng các thứ bút, các thứ mực khác nhau trên nền giấy các mầu các khổ to nhỏ khác nhau, với đủ các thể loại truyện ngắn, hồi ký, trường ca, thơ... lòng ta trào lên nỗi niềm kính phục và thương cảm. Ông viết trong khi mắt mờ tay run nhưng trí óc vẫn không ngừng hoạt động. Cuộc đời ông là cuộc đời của một người sống và chết vì nghệ thuật như một bậc tử vì đạo.   
Trong một sáng tác của Hê-minh-uê viết về nội chiến Tây ban nha, một nhân vật đã nói:   
-Ta là một ông già sống cho đến khi chết.   
Lê Ðại Thanh hoàn toàn có thể nói về mình như vậy.   
Sống chứ không phải là tồn tại.   
Ngã Sáu 22-5-1997

[[1]](#nr1)Tập san Sân Khấu   
[[2]](#nr2)Thang lương cán bộ. Bậc 1 là khởi điểm, thấp nhất   
[[3]](" \l "nr3)Dương Tường: Tôi ái tình đến tận móng tay đầu sợi tóc   
[[4]](" \l "nr4)Nhà xuất bản Hải Phòng 1997

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần IX**

**Cuộc phiêu lưu màu trắng***16-12-1972   
Kim Anh thân!*Tớ vừa đi dã ngoại 16 ngày về, mệt lử. Ba tớ gửi thư và tập ảnh của K.A. lên. Cám ơn K.A. nhé. Cầm tập ảnh tớ lại có cảm giác thích thú như hôm tớ mua. Tập tượng Tây Phương cũng vậy. K.A. vẫn có thì giờ ra hiệu sách đấy chứ.   
*Công tác thế nào rồi? Sao K.A. không viết thư cho tớ. Ngày 24 này bọn tớ lại đi dã ngoại 8 ngày nữa. Vất lắm. Nhưng cũng phải "rèn" thôi.   
Hà Nội bây giờ vui lắm nhỉ. Hoặc là vừa vui vừa buồn chăng?   
Đang viết cho Kim Anh thì tiểu đội giục đi ngủ. Buồn không?   
Thôi tớ chẳng biết viết gì nữa. Chúc K.A. làm việc tốt, vui.   
Nhớ viết thư cho bọn tớ.   
Kim Anh thông cảm là tớ viết quấy quá nhé! Vì nhất nhất là lệnh, như thầy Thiệp là nhất nhất theo kẻng ấy mà.   
Bạn*

\*

Đó là bức thư của chàng tân binh 18 tuổi Nguyễn Thanh Bình viết cách đây đúng 30 năm, trước chiến dịch Điện Biên Phủ trên không mấy ngày, gửi cho một người bạn học. Khi đi tầu vào Nam chiến đấu anh đã cho vào phong bì ném nó qua cửa sổ toa tầu. Mặt trước phong bì anh ghi phiên hiệu đơn vị, địa chỉ cô bạn gái. Còn mặt sau là những dòng chữ nhờ cậy đầy chất lính mới, phô bầy khí phách nam nhi: *Ai nhặt được lá thư này xin bỏ hộ bưu điện - Cám ơn! Lính tôi đi chiến đấu. Mọi người thông cảm.*  
Có người nhặt được. Người ta bỏ vào thùng thư. Người bạn gái đã nhận thư. Sáu năm sau, khi "*lính tôi đi chiến đấu"* trở về, cô bạn đưa cho Bình xem bức thư anh gửi như cùng nhau ôn lại kỷ niệm một thời trẻ thơ, hồn nhiên bước vào đời, đi vào chiến tranh cũng phơi phới như đi vào nơi hò hẹn. Cả hai cùng thấy mình đã trưởng thành lên rất nhiều. Và đều nghĩ hình như cái thời đẹp nhất đã qua đi cùng chiến tranh rồi. Giờ đây mỗi người đều nhìn cuộc đời nghiêm khắc hơn, thực tế hơn.   
Cầm trong tay chiếc phong bì đã ngả vàng cùng những dòng chữ rất học sinh của mình, Bình nhớ lại tất cả. Đang học năm cuối trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, có một đợt tuyển tân binh tại trường, Bình trúng tuyển. Điều đáng nói ở đây là Bình là con một cán bộ cao cấp. Anh có thể ở lại, tiếp tục học. Bố anh, ông Nguyễn Thanh Hà, hàm thứ trưởng, đại sứ ở nhiều nước, một trong những cánh tay đắc lực của Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi Thủ tướng chỉ mới là bộ trưởng Bộ ngoại giao, hai người đã đặt những nền móng đầu tiên cho ngành ngoại giao nước ta. Nhưng bố mẹ anh, nhất là mẹ anh không bao giờ có ý định dành cho con cái mình bất cứ một sự ưu tiên nào. Hơn nữa, mẹ anh còn nói thẳng: Chốn quan trường dễ làm hư người lắm. Bốn người con, ba trai một gái, bà đều có một lời khuyên: Đừng làm chính trị. Hãy học thật giỏi. Có một chuyên môn vững vàng thì sẽ không ai bắt nạt được mình. Bà dạy các con theo hướng ấy. Bốn anh em Bình đều có thể vào học trường Ngoại giao không phải qua thi tuyển, nhưng ba anh em trai đều qua bộ đội, và bây giờ anh con trai cả Nguyễn Thành Công từ học sinh phổ thông công nghiệp Đống Đa đã có bằng kỹ sư chế tạo máy bay, Nguyễn Thanh Bình là họa sĩ, người con trai thứ ba Nguyễn Thanh Khiết kỹ sư viễn thông, còn cô gái út Nguyễn Thanh Hương là kiến trúc sư. Họ đều là những chuyên gia có tài. Đúng như mong muốn của bà mẹ: không làm chính trị và đạt tới trình độ cao trong lĩnh vực mình theo đuổi.   
Bình đi bộ đội giữa năm 1972. Huấn luyện ở Thái Nguyên. Cuối năm đi B. Từ Thái Nguyên viết trước một lá thư cho Kim Anh cô bạn cùng học, để về qua Hà Nội thì gửi. Cả đơn vị hành quân về Hà Nội. Giầy mới, quần áo mới, mũ tai bèo, cờ giải phóng hai mầu xanh đỏ, bước trong tư thế hành tiến hiên ngang trên đường phố Thủ Đô, mặt lạnh tanh trước bao con mắt của nhân dân thành phố, như những tráng sĩ một đi không trở lại. Nhưng rồi Bình không thể lạnh tanh được. Vì đường hành quân qua vườn hoa con cóc, sát ngay nhà Ngân Hàng, nơi mẹ anh làm việc. Đại đội anh hơi bị rối loạn hàng ngũ: Nguyễn Thanh Bình tách khỏi hàng. Mũ tai bèo, quân phục mới tinh, anh chạy. Xông vào Ngân hàng, gọi toáng lên:   
-Mẹ ơi! Hôm nay con đi B!   
Bà Phi (tên mẹ anh) ngỡ ngàng. Bà ôm lấy con trai. Đứa con bằng xương bằng thịt. Bà hiểu có thể đây là lần cuối cùng bà gặp con trai. Có thể nó mãi mãi không trở về. Nó sẽ nằm lại một góc rừng nào đó. Đứa con mà bà đã mất nhiều công nuôi nấng dạy dỗ uốn nắn để nó biết cách sống làm người. Từ những chuyện nhỏ nhất. Chẳng hạn như ngày còn bé, bà đưa cho nó hai cái bánh và bảo: Nó và bạn nó mỗi đứa một chiếc. Nó đã làm như bà bảo, nhưng chiếc đưa cho bạn, nó lại cắn một miếng. Bà biết không phải nó ăn tham mà không muốn bạn cũng được như mình. Không mắng bà chỉ nói: Của mình ăn là hết. Của cho người khác là của còn. Chỉ nói thế nhưng nó hiểu… Con bà mới ngốc nghếch làm sao! Hồi học tiểu học, ở trường về, phấn khởi khoe với bà:   
- Mẹ ơi! Ở lớp chúng nó gọi con là thắng ngố.   
Bà nghiêm mặt bảo con:   
-Thế là nó bảo con ngu đấy.   
Nuôi nấng dạy dỗ một con người biết bao vất vả khó khăn. Nuôi con bằng sào bằng gậy, bây giờ là lúc nó đi vào bom đạn. Có thể nó sẽ bị giết chết khi nó còn chưa được sống, chưa hiểu thế nào là cuộc đời. Ai dám bảo đảm điều ấy không xẩy ra. Chiến tranh đâu phải một trò chơi. Bà nhìn con. Bà hiểu cái gì chờ đợi nó. Chỉ cần bà với tay nhấc điện thoại nói một câu là con bà sẽ được ở lại. Bà đã định với tay về phía ấy. Nhưng bà vẫn ngồi im. Rồi biết phải làm gì trong lúc này:   
- Nào, các chị các cô. Ai có tiền cho tôi vay nào.   
Tất cả vét túi. Được hơn 5 đồng. Cho con.   
Vừa vào đến chiến trường, Bình đã nhận được thư mẹ. Thư mẹ đuổi theo Bình. Hình như mẹ muốn nói với Bình những điều chưa kịp nói. Mẹ viết mẹ xót thương Bình. Nhưng không muốn để Bình trong tháp ngà. Con người ta sao con mình vậy. Không thể có chuyện con người này phải xông pha bom đạn, còn con người khác lại được bình yên. Bình hiểu mẹ. Bức thư mẹ viết ngay sau khi chia tay Bình là mẹ thương Bình lắm, mẹ muốn Bình đừng trách mẹ. Bình càng thương mẹ.   
Trên đường hành quân vào chiến trường đã là bắt đầu cuộc chiến đấu. Tây Trường Sơn. Qua Lào. Bom, đạn. Mưa. Vắt. Biệt kích. Thám báo. Có lần Bình đi tụt lạc. Lạc đơn vị. Hai người. Bình và Bảo, cũng dân Hà Nội, nhà Quan Thánh. Trục Tây Trường Sơn nhiều đường, nhiều lối lắm. Như mạng nhện. Thế là lạc. Thấy một xe ô tô, vẫy đi nhờ. Ô tô của đơn vị pháo. Họ chở về đơn vị họ. Anh nuôi được lệnh nấu một nồi cơm và xách ra một hăng gô mỡ đãi hai chàng tân binh Hà Nội. Đang đói, Bảo và Bình cứ rưới mỡ lên cơm đánh chén hết bát này sang bát khác. Chủ nhân không ăn. Anh em pháo binh râu ria, xanh mầu lá cây, tơi tả vì chiến trận, vì sốt rét rừng, và cả vì đói khát thiếu thốn nữa, ngồi quây thành vòng tròn xem hai vị khách ăn. Ngắm hai vị khách quần áo mới tinh, mắt trong veo, má đỏ hồng, phơn phớt lông tơ, như ngắm những mỹ nữ trong một cuộc thi hoa hậu. Một người bật lên:   
- Hai thằng đẹp quá.   
Một người có dáng chỉ huy nói:   
- Hai em. Anh nói thật. Đẹp như chúng mày vào đây chết phí đi. Có xe đây, anh cho xe chở chúng mày về Hà Nội, chỉ ba ngày đêm là tới. Anh sẽ xác nhận các em lạc đơn vị.   
Hai ông khách cám ơn. Nhưng không thể trở về như những kẻ đào ngũ. Cơm no lại lên đường.   
Bình mắc tật hay nói. Nghĩ sao nói vậy. Thẳng băng. Ví như cán bộ phổ biến chặng đường hôm nay dễ đi, đường bằng, chỉ ba bốn tiếng là đến, nhưng trời mưa, tối mịt mới tới nơi, thế là Bình bảo: Cán bộ đánh lừa. Cũng vì vậy mà trải qua 6 năm quân ngũ chiến đấu anh dũng không mắc sai lầm khuyết điểm gì, Bình vẫn không được kết nạp vào Đảng, vẫn chỉ là trung sĩ. Cán bộ tổ chức nhà trường xem lý lịch của Bình hỏi Bình:   
-Hay tại mày *tụt tạt?*Cũng có thể vì hay nói mà sau ba tháng hành quân vừa vào đến Tây Nguyên, Bình được biên chế vào đơn vị chiến đấu ngay. Bình là người duy nhất trực tiếp cầm súng chiến đấu trong số những tân binh là học sinh trường Mỹ Thuật năm ấy. Bộ binh. Giữ đại liên K67. Đánh Kon Tum. Tham gia giải phóng Buôn Mê Thuột, đánh chiếm Nha Trang, Tân Sơn Nhất. Cho đến bây giờ, anh vẫn mang một mảnh đạn ở lưng. Còn mảnh đạn xé rách tai găm ở thái dương thì đã lấy được ra. Đúng là đạn tránh người. Có lần đang bắn đại liên, thước ngắm ngay trước mặt bỗng biến đi đâu mất: một viên đạn bay sát mắt anh, tiện ngang thước ngắm.   
Trận đánh kinh hoàng nhất với anh là trận đánh ở đồi Bàn Chân. Ngày ấy vùng ta và vùng ngụy kiểm soát xen nhau theo thế da báo. Đôi bên đều cố gắng mở rộng vùng kiểm soát. Trong một trận đánh lấn chiếm của quân đội Sài Gòn, đơn vị của Nguyễn Thanh Bình bị trúng pháo bầy. Kon Tum. 1973. 60 người chỉ còn 18 người. Toàn dân Hải Phòng, Thái Bình, Vĩnh Phú. Tổ ba người của Bình chạy, nhào vào chiếc hầm cối của ta trước mặt. Thắng chạy trước. Bình ở giữa. Thông chạy sau cùng. Nhưng đạn nhanh hơn người. Thắng bị đạn phạt mất trán, đổ vật. Bình bị thương ở lưng, ở thái dương. Thông: nát gối, khuỵu ngay cửa hầm. Bình bò ra kéo Thông vào hầm, xé bao gạo băng cho Thông, nhưng máu chảy nhiều quá. Thông nguột dần. Bình nhìn Thông chết dần dần mà không làm sao được. Thông cũng chỉ 18, 19 tuổi, cao lớn, đẹp trai lạ thường. Khuôn mặt ấy, dáng người ấy tạc một pho tượng chẳng thua kém bất cứ pho tượng cổ điển nào. Bình vuốt mắt cho bạn rồi kéo xác bạn vào sâu trong hầm. Anh cũng định lợi dụng đêm tối mò ra kéo xác Thắng nhưng đó là công việc rất nguy hiểm, chúng bắn suốt đêm, hơn nữa, cứ để Thắng nằm ngoài ấy lại hơn, vì trong này chỉ một xác Thông đã quá nặng mùi.   
Đồi Bàn Chân. Người ta đặt tên như vậy vì nó giống hình một bàn chân người. Bình ở gót chân. Còn tốp lính Sài Gòn ở ngón chân. Không biết một tốp hay cũng chỉ một người như anh. Cứ sáng ra khi ánh nắng chiếu lên sườn đồi van vát là từng đàn nhặng bay vút vào hầm. Nhặng mỗi ngày một đông vì mùi của Thông mỗi ngày một nặng. Nhặng bay vào là Bình xách súng ra miệng hầm. Nấp sau bao cát, giương súng ngắm về phía hầm bên kia. Cũng chỉ thấy những bao cát. Thấp thoáng bóng mũ sắt lom khom. Điểm xạ ngắn. Bên kia trả lời. Như những lời thăm hỏi. Rất chi lịch thiệp. Cứ như vậy anh lính miền Bắc và anh lính miền Nam rình giết nhau. Khi họ bắn anh trước. Khi anh bắn họ trước. Ngày này sang ngày khác. Rồi họ không bắn nữa. Bình cũng không bắn nữa. Hình như đôi bên đều nghĩ rằng chẳng thể giết được nhau. Điều anh mong là họ không điều cối tới. Không thể bò ra ngoài, vượt vòng vây. Anh nuôi mang cơm đến, bị bắn chết ngay gần hầm. Thế là bên ngoài, hai xác đồng đội. Bên trong một xác. Không biết đã bao ngày rồi. Anh sống bằng nắm cơm của anh. Rồi anh lấy nắm cơm của Thông mà anh đã cẩn thận treo ngay ngoài cửa hầm khi Thông còn sống, khi anh băng bó cho Thông. Cơm thiu. Nhưng vẫn ăn. Ăn dè. Lấy dao gọt lớp ngoài ăn trước, lớp trong ăn sau. Gọt vào đến lõi, có tí mắm kem mặn chát. Thì ăn luôn cho hết. Ăn hết. Và uống hết. Uống hết cả hai bi đông nước. Của anh và của Thông. Cũng là uống dè. Nhấm nháp để miệng và môi khỏi bật máu tươi. Rồi nằm. Trước còn tỉnh táo. Sau thiêm thiếp. Thiêm thiếp chờ điều kỳ diệu đến.   
Hình như anh đã chết. Và cũng không biết mình đã chết bao lâu. Khi địch rút, anh em lên, Bình chỉ còn là một cái xác. Mọi người tưởng Bình đã chết. Nhưng Bình lại thở. Lại sống lại.   
Trong những năm tháng chiến tranh khủng khiếp, cái sống cái chết liền kề ấy, có một người đã đoán trước tương lai cho Bình. Đó là ông Bào trưởng ban cơ yếu. Khi ấy Bình đã được chuyển làm vệ binh. Trong một chuyến đưa ông Bào đi họp ở Ngã Ba Biên Giới, ông Bào đã nói đến tương lai của Bình. Suốt chặng đường đi, về như vậy ông chỉ nói với Bình ba câu. Dân cơ yếu vốn ít nói. Trưởng ban càng ít nói. Dọc đường ông Bào làm mọi việc. Là một người sống trong rừng nhiều năm, ông biết cách xử lý các tình huống khó khăn. Ví như trời mưa, ông rút luôn quai dép ra nấu cơm ăn. Nói chung ông rất giỏi trong những tình huống như vậy. Từ đơn vị đến quân đoàn ba ngày đi bộ, ông không nói với Bình một câu. Chỉ thỉnh thoảng nhìn Bình chăm chú. Khi tới Bãi Khách (nơi khách căng võng nằm nghỉ - như nhà khách bây giờ) mất gói thuốc lào, loay hoay không thuốc hút, ông nói một mình:   
- Không có thì xin. Lại lấy.   
Ý trách Bình ăn cắp thuốc. Câu thứ hai là lời xin lỗi Bình vì đã nghi oan. Có một anh công vụ nào đó, giở gói thuốc lào ra hút, ông nhận ra đúng là thuốc của ông ta. Và câu thứ ba là lời đoán trước tương lai Bình:   
-Số mày sau này rất sướng. Giầu có. Nổi tiếng nữa đấy.   
Bình cười. Tất cả những điều ấy, Bình không nghĩ đến. Sung sướng, giầu có, nổi tiếng. Nó xa vời như một câu chuyện cổ tích. Lúc này là phải chiến đấu, chiến thắng và sống sau cuộc chiến. Rồi trở về trường. Học tiếp đại học mỹ thuật. Bao giờ đến ngày ấy? Bao giờ trở về Hà Nội, gặp lại bố mẹ, anh em, bè bạn?

\*

- Em học không giỏi đâu. Năm mới vào hệ sơ trung trường Cao đẳng Mỹ Thuật học kém là khác. Không có năng khiếu. Vẽ bậy thì được - Bình cười - Cuối năm 1978 được ra quân, về Hà Nội, mới biết bạn bè đã ra quân hết từ bao giờ kia rồi. Chỉ còn mỗi mình em. Em ôn thi, thi vào trường Đại Học Mỹ Thuật. Không đỗ. Phải học dự bị một năm (1979-80). Đến năm 1981 chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh, em mới học năm thứ nhất.   
Bình là người rất chân thật. Học kém thì nói là học kém. Thi không đỗ nói là thi không đỗ. Sự thật thà của anh có sức hấp dẫn người khác rất lớn. Mới quen anh, nhưng tôi bị chinh phục ngay bởi tính cách ấy của anh. Giờ đây là một họa sĩ quá nổi tiếng nhưng khi nghe tôi nhắc đến tên một họa sĩ bình thường khác, anh xuýt xoa:   
- Bà ấy là người ảnh hưởng rất lớn đến em đấy.   
Đọc tôi, dù không quen, anh cũng gửi từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hải Phòng tặng tôi tập tranh in của anh và một vật dụng nhỏ màu vàng mà tôi không hiểu công dụng. Hỏi anh, anh giải thích:   
- Cái kẹp giấy, đánh dấu trang sách ấy mà.   
Tôi khen đẹp, anh bảo: Cái em tặng anh cũng thường thôi. Người ta còn tặng em một cái bằng vàng thật cơ.   
Làm sao có thể không yêu một người như thế.   
Bức tranh đầu tiên anh bán là khi còn đang theo học trường Mỹ Thuật. Khách mua là bà Pennis, người Pháp, vợ giám đốc ngân hàng Indo-Suez. Bà khuyên Bình:   
- Mày phải học tiếng Anh. Và phải tìm được cái gì riêng của mình. Chỉ là của mình. Đừng lẫn với ai.   
Đó là những lời khuyên chân tình. Anh hiểu là mình phải biết tối thiểu một ngoại ngữ. Như buổi tiếp bà khách hàng người Pháp vừa rồi. Nghe bà ta nói như vịt nghe sấm. Chỉ hiểu khi lái xe phiên dịch lại… Anh tìm thầy học tiếng Anh. Ngày ấy học tiếng Anh trần ai gian khổ. Không có lớp như bây giờ. Tự học là chính. Bình rất nghiêm khắc thực hiện thời khóa biểu tự đề ra cho mình. Rồi học sử dụng máy vi tính… Ngày ấy những thứ này còn là của lạ, một thứ viển vông. Bạn bè ai cũng bảo Bình là đồ hâm, đồ lẩm cẩm. Vẽ không vẽ, học tiếng Anh, học vi tính làm gì. Nhưng chỉ đến bây giờ mọi người mới thấy thèm muốn trình độ ngoại ngữ, trình độ sử dụng vi tính của anh. Đã có người hỏi anh bí quyết thành công. Anh trả lời đơn giản: bí quyết là biết lắng nghe. *Cái tôi lớn* thì không biết nghe người khác. Anh nghe. Nghe bà Pennis học tiếng Anh. Nghe Nguyễn Thanh Khiết em trai anh, học vi tính, "thế nào cũng có ứng dụng", thu nhặt, tích cóp tiền được vài ngàn là lại thuê máy học. Anh nghe một Đại đức, học thêm sơn mài và đến sơn mài Thành Lễ học, chính Đại đức Thích Đức Minh dạy anh. Đại đức còn khuyên anh nên sửa chữ ký. "Anh ký như vậy là không có tiền đâu". Chữ ký của anh bây giờ là chữ ký đã sửa theo lời khuyên của Đại đức.   
Ai làm nghệ thuật cũng hiểu phải có một cái gì đó của riêng mình. Phải tạo ra thế giới nghệ thuật của mình, của riêng mình, không giống bất kỳ người nào khác. Như Picasso là Picasso, Gauguin là Gauguin mà không thể lẫn với Van Gogh, Matisse hay một bậc thầy nào khác. Cũng như Bùi Xuân Phái rất Bùi Xuân Phái, còn Sỹ Ngọc rất Sỹ Ngọc vậy. Nhưng điều ấy đâu dễ dàng gì. Với những thế hệ đến sau, dường như có bao nhiêu ý nghĩ, bao nhiêu trường phái, bao nhiêu sáng tạo người ta đã thực hiện hết cả rồi. Lời khuyên của bà vợ ông giám đốc ngân hàng chẳng có gì mới nhưng thực hiện mới khó khăn làm sao. Mà không định hình bản sắc của riêng mình nghĩa là mình không tồn tại trong nghệ thuật. Như mọi họa sĩ trẻ khác, Nguyễn Thanh Bình miệt mài làm việc, miệt mài tìm tòi, một giai đoạn mà sau này anh gọi là *lần mò, quờ quạng*. Anh đọc không biết bao nhiêu sách. Rồi anh đem cho tất cả những cuốn sách quý báu ấy:   
- Đọc thế đủ rồi. Tao không đọc sách nữa. Sau này người ta sẽ viết sách về tao.   
Lời tuyên bố như đùa ấy ẩn chứa một quyết tâm và một sự tự tin. Mặc dù anh vẫn đang tìm tòi. Lập thể. Ấn tượng. Rồi trừu tượng v.v… Không chỉ không có gì riêng như anh mong muốn mà còn không phải là anh. Anh biết muốn riêng biệt được phải là chính mình. Anh là thế nào nhỉ? Anh là người thích sự cô đọng, tinh giản đến mức tối đa. Như thơ Đường. Như thơ Haiku. Anh đặc biệt thích mầu trắng. Anh cứ suy nghĩ mãi về *cái mầu trắng của anh* trong tâm tưởng. Anh đã định vẽ một cảnh trong phòng mổ, các bác sĩ, y tá và cả bệnh nhân nữa toàn một mầu trắng. Nhưng rồi lại thay đổi ý định. Đó là một buổi chiều anh đứng lặng nhìn các em nữ sinh tan học ùa ra cổng trường. Còn gì có thể đẹp hơn cảnh ấy. Những tiếng gọi, những tiếng cười, những khuôn mặt tươi sáng xinh đẹp, ngây thơ, trong trẻo thiên thần, áo dài trắng, quần trắng thướt tha. Với anh đó là những người đẹp nhất thế giới, bộ đồng phục nữ sinh Việt Nam là bộ đồng phục đẹp nhất thế giới. Anh hiểu rằng mầu trắng, cái mầu trắng anh tìm kiếm đây rồi. Anh như đã nhìn thấy con đường nghệ thuật của mình. Và anh vẽ. Thất bại. Cái mầu trắng anh nhìn thấy, cái mầu trắng anh suy nghĩ không hiện ra trên mặt vải. Dưới cây cọ của anh là mầu trắng của vôi, là mầu trắng cứng đờ loang lổ. Không thể vội vã, không thể ăn xổi. Chỉ nguyên bút vẽ không sạch thôi cũng làm hỏng tất cả. Anh luyện mầu như người ta luyện chưởng. Kiên nhẫn, tìm tòi, tin tưởng. Anh tuyên bố với các bạn:   
-Mình chỉ làm một bức tranh chỉ có mầu trắng.   
Cả bọn cười cho là Bình hâm. Nhưng Bình như đã nhìn thấy trước tất cả. Anh sẽ *một mình làm nên một dòng toàn trắng*. Anh nói với Trịnh Cung, người bạn vong niên là anh sẽ vẽ một serie tranh toàn đàn bà, *một trăm người đàn bà chờ đợi*. Trịnh Cung rất hoan nghênh và khuyến khích ý định táo bạo mới mẻ ấy của anh.   
Từ bấy trở đi, cuộc đời nghệ thuật của Nguyễn Thanh Bình là một cuộc phiêu lưu với mầu trắng. Không chỉ phiêu lưu với mầu trắng, anh còn phiêu lưu với không gian. Trong các tác phẩm của Bình, không gian chiếm gần hết mặt vải, bố cục được xem là điểm quan trọng nhất. Trong tranh có rất ít nhân vật và sự vật. *Nguyên nhân là tôi muốn cho người xem ý thức được sự mạo hiểm của người nghệ sĩ luôn luôn là một cuộc phiêu lưu đơn độc.* Bên cạnh việc luyện mầu như luyện chưởng, anh bắt đầu tinh giản đến mức tối đa trên cả hai phương diện: mầu sắc và đường nét. Bức *Dàn đồng ca* (1,1m x 1,45m) là thành công đầu tiên của anh. Trên một nền vàng chẩy ròng ròng là một khung chữ nhật trắng. Đó là những cô gái mặc áo trắng đứng cạnh nhau. Hai hàng khuôn mặt, hai hàng đầu tóc thiếu nữ cách điệu tinh giản. Không có tiếng hát nhưng cứ như nghe thấy đâu đây *tiếng vọng trong trẻo của một bầy thiếu nữ đồng ca* (I. Ehrenburg). Bức tranh làm anh hài lòng đến mức suốt đêm nhìn ngắm nó, không ngủ được. *Dàn đồng ca* của Nguyễn Thanh Bình được treo cạnh tranh của Matisse trong một triển lãm hội chợ mỹ thuật Hồng Kông dành cho các gallery và sau đó được bán với giá mười bốn nghìn đô la.   
Sau *Dàn đồng ca* là *Hoa nhài*. Trên nền ghi nhạt, một cô gái khỏa thân cách điệu. Tranh chưa kịp treo, một người Đài Loan đã mua.   
Năm 1987 Nguyễn Thanh Bình mở triển lãm đầu tiên cùng với Hoàng Tường, Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Hoài Hưng. Nhưng chỉ đến khi anh triển lãm riêng tại Gallery Lã Vọng (Hồng Kông) 15 bức mầu trắng thì thế giới mới biết đến anh như một sự phát hiện. Mười lăm bức tranh toàn nữ sinh mầu trắng. Có những bức nền cũng trắng. (Gần chục năm sau, nhớ lại cuộc triển lãm ấy, Bình nói với tôi: Đúng là một cuộc chơi mầu trắng.) Có lẽ đến lúc ấy người ta mới hiểu mầu trắng có thể làm nên những điều kỳ diệu như vậy. Báo *South Chine Morning Post* để cả một trang nói về triển lãm của Nguyễn Thanh Bình. Buổi tối, đi uống cà phê ở Câu lạc bộ báo chí quốc tế Hồng Kông, Bình trở thành người hùng. Ian Findlay Brown, tổng biên tập báo *Asian Art News* nhiệt liệt chúc mừng thành công của Bình và hỏi anh vì sao vẽ trắng. Bình trả lời mầu trắng của Bình là riêng vì nó là mầu chủ đạo trong khi những người khác chỉ coi như một thành phần. Với anh, mầu trắng có thể diễn đạt được mọi cung bực tình cảm. Hơn thế mầu trắng còn rất dễ thay đổi theo tâm trạng của anh từng lúc. Mầu trắng lung linh. Mầu trắng chuyển nhanh. Mầu trắng chuyển từ từ. Chuyển nhẹ nhàng. Chuyển rất mạnh. Mầu trắng ngọt. Mầu trắng gắt. Trên cùng một bức tranh. Hiệu quả rất lớn. Mầu trắng giống như một thứ nhạc chùm ba, gam thứ. Êm đềm. Buồn dịu. Thấm sâu.   
Ý định vẽ *100 bức tranh phụ nữ đợi chờ* của anh đã đạt được từ lâu. Tranh của Nguyễn Thanh Bình có mặt gần như khắp cả thế giới, kể cả Arập Xêut. (Cái ông khách vùng Vịnh râu dài kín ngực này đến nhà khiến Bình cứ nghĩ đến Bin Laden và hơi sờ sợ). Cả ngàn tranh của anh đang được treo ở các bảo tàng, các công sở, các gia đình khắp năm châu. Chỉ riêng gallery Vĩnh Lợi đã bán được cho anh trên 500 tranh rồi. Bức *Mẹ con* của anh được tạp chí *Jama* (một tạp chí y học Mỹ) in bìa và đã trở thành kinh điển. Không biết bao nhiêu người đã tới gặp, đã *meo*, khẩn khoản "ông vẽ cho tôi một bức *Mẹ con*". Và nhiều bức *Mẹ con* ra đời sau đó với những cách thể hiện khác nhau. Bức *Nhạc trưởng* cũng lâm vào hoàn cảnh như vậy.   
*Nhạc trưởng* được vẽ ở Hồng Kông. Vẽ ngay sau khi từ Trung tâm văn hóa Hồng Kông (bên Cửu Long) nghe dàn nhạc Italia biểu diễn nhạc cổ điển trở về khách sạn. Khung cảnh Trung tâm văn hóa mới xây sang trọng lộng lẫy, dàn nhạc đông tới mấy trăm người, ông nhạc trưởng người Italia, cô đánh trống chính người Trung Quốc, tiết tấu bản nhạc ngân vang… tất cả làm người Bình nổi gai lên. Vốn yêu nhạc cổ điển từ bé, anh xúc động đến phát khóc vì hạnh phúc tuyệt vời anh vừa được hưởng. Trở về khách sạn, anh vẽ ngay khi cảm xúc còn đang tràn ứ tới tận đầu ngón tay anh. Chưa đầy một tiếng đồng hồ sau, bức tranh đã hoàn thành. Trên nền nâu sẫm của một không gian mênh mông, một không gian nhạc cổ điển, người nhạc trưởng mặc quần áo đen, cổ cồn trắng được vẽ bằng dao như đang bay lên cùng tiếng nhạc. Nhân vật nhỏ, càng tạo hiệu quả.   
*Nhạc trưởng* được treo ở đại sảnh khách sạn Péninsula thuộc tập đoàn Hilton ở Thái Lan. Nhiều du khách từ Thái Lan sang Việt Nam chỉ vì bức tranh ấy. Người ta đến Péninsula, người ta biết bức tranh được mua ở gallery Lã Vọng, người ta điện hỏi Lã Vọng, biết được địa chỉ tác giả, người ta tới thành phố Hồ Chí Minh gặp tác giả đặt mua *Nhạc trưởng*.

\*

Ông Bào trưởng ban cơ yếu đã nói đúng. Bình giầu có và nổi tiếng. Các báo đã viết về anh là một tỉ phú. Khách đến nhà anh, thăm xưởng họa của anh không thấy một bức tranh nào, ngoại trừ một vài bức đang vẽ dở. Tranh của anh chưa vẽ đã có người đặt mua rồi. Anh vẽ không kịp bán. Vì sao người ta thích tranh Bình đến thế? Tôi xin nhường lời cho những người có thẩm quyền, những nhà chuyên môn đã được tận mắt ngắm Nguyễn Thanh Bình trong nguyên tác chứ không như tôi chỉ được xem những bức sao chụp lại.   
*Tôi biết, người ta thường nói rằng, trong hội họa, trắng (và đen) không phải là mầu sắc.   
Nhưng tôi lại thấy trên tranh của Nguyễn Thanh Bình có cái gì bí mật và kỳ thú ở những người con gái, đàn bà hiện lên trong những tương quan phong phú và ẩn giấu như thôi miên của trắng, có cái trinh tiết không mua chuộc được, như một vẻ đẹp hướng về cái lý tưởng, vừa tôn giáo, vừa nhục cảm bởi những bóng đặc ngân nga thì thầm nơi thân thể.   
Ở đây, mầu trắng của Nguyễn Thanh Bình như ra khỏi đời sống thực tại, ồn ào và khắc nghiệt với máy móc của nền văn minh cơ khí. Hình tượng hội họa của Nguyễn Thanh Bình không ngả về thế giới khách quan mà là hướng nội. Ở đây có chút hơi thở phương Đông, phảng phất chốn ẩn náu của tâm hồn con người, khi đã hài hòa được cái chung và cái riêng để nhìn thấy một thế giới nơi chân trời xa của tâm linh đại ngã. Có lẽ đó là ước mơ của người nghệ sĩ trẻ này. Và khi ta thấy hội họa của anh đây đó có nhuốm mầu tượng trưng hay siêu thực, thì ta cũng không ngần ngại gì mà không nghĩ tới tiền kiếp của nó đã có trong nghệ thuật Pháp với P. Gauguin, O. Redon, E. Bernard, M. Laurencin…ở chất thơ êm đềm. Hoặc khi ta mẫn cảm với cái vô bờ mầu trắng ở đây như ở đàng xa chân trời, biển khơi, với một xúc cảm buồn buồn cô quạnh dấy lên từ đó, thì tôi cho rằng đó là sự thật lâu dài và vinh hạnh không nên từ chối ở đời người.   
Mầu trắng của Nguyễn Thanh Bình muốn ám thị nội hàm tâm tưởng đó. (…)*Nhà phê bình hội họa Thái Bá Vân đã viết về anh như vậy. Và đây là Ian Findlay Brown viết trên tạp chí *Asian Art News*:   
*Họa sĩ Nguyễn Thanh Bình, tiếp tục truyền thống tạo hình của những thế hệ trước, hầu như chỉ vẽ đề tài phụ nữ. Sự say mê của anh đối với đề tài này gợi nhớ Franc Marc (trường phái biểu hiện Đức), người mà việc xử lý hình và mầu là trọng tâm của tác phẩm. Đối với Bình, "tư duy và cảm hứng" là những khía cạnh quan trọng nhất trong tranh của anh. Thoạt nhìn, tranh anh bộc lộ yếu tố tình cảm. Tuy nhiên xem kỹ người ta thấy tranh của anh được chăm chút tỉ mỉ, được quán xuyến chặt chẽ. Sự thanh thoát trong những tác phẩm chân thật của anh như* ***Đợi chờ*** *(1996),* ***Khoảnh khắc riêng tư*** *(1996) đã đượm mầu sắc lãng mạn chứ không còn là trữ tình nữa.   
Rõ ràng cái quyến rũ Bình không chỉ là một khía cạnh của sự vật mà là tất cả sự tinh tế tạo nên cái tổng thể. Điều này rất đúng với Bình khi anh giải quyết hình người. Anh cố vươn ra khỏi diện mạo bên ngoài của y phục, của một cơ thể người khỏa thân để hướng đến "cái bên trong" để khi vẽ anh có thể "tái sắp xếp" sự vật nhằm làm cho người xem không chỉ hiểu "diện mạo bên ngoài". Những nhân vật trong tranh anh gợi nhớ tác phẩm của Gustav Klimt nhưng sự biểu hiện và phẩm chất hoàn toàn mang tính chất Việt Nam.*Bình rất riêng biệt. Bình rất Việt Nam. Bình rất hiện đại. Và về một mặt nào đó, Bình cũng lại rất cổ điển. Xem tranh Bình giống như đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp. Xem tranh Bình tôi chìm đắm vào những ngày xưa.   
Không phải ngày xưa của Nguyễn Duy *thiết tha áo trắng nói cười / để ta thương nhớ một thời áo nâu / tóc hoe hoe cháy trên đầu / ta và bạn gái cưỡi trâu học bài.* Mà một ngày xưa còn xa hơn thế nữa, một ngày xưa xa hơn cả tuổi thơ ta, một ngày xưa khi ta còn chưa ra đời, bình yên tốt đẹp vẫn chẩy trong máu của ta và thấp thoáng trở về với ta cùng những lời ru của mẹ.   
Bình tâm sự:   
- Tôi thích sự đơn giản, mầu sắc thôi thúc, bố cục đơn giản. Tôi không thích tranh có nhiều mầu. Đấy là cách của tôi. Cuộc sống có nhiều vấn đề và mỗi người trước đây đều có nỗi buồn vì chiến tranh dai dẳng. Tôi muốn thể hiện trong tranh nỗi buồn trong tâm hồn người Việt.   
Bình nói tiếp:   
- Cấu trúc trong tranh tôi nói với người xem nhiều điều khác với diện mạo bên ngoài. Hướng của tôi là cô đọng việc miêu tả, không bao giờ có nhiều nhân vật xuất hiện trong tranh tôi. Tôi muốn đề tài cực nhỏ nhưng ý tưởng cực lớn như Haiku của Nhật hay thơ Đường. Tôi không gặp mấy khó khăn khi làm công việc đơn giản hóa. Nhưng tôi lại cần thời gian vẽ. Có tranh tôi vẽ vài ngày, có tranh vài tuần, có tranh mấy năm mới xong.   
Bình cần thời gian vẽ. Anh ngủ rất ít. Chập tối anh đi ngủ. Nửa đêm thức dậy. Vẽ. Chỉ nghỉ khi đi ăn hoặc bè bạn đến chơi. Cà phê đặc là thứ không thể thiếu. Anh uống cà phê như người ta uống nước. Anh bảo: đời ngắn lắm. Ngủ nhiều làm gì.   
Có người đã nói khuynh hướng thương mại đang nẩy sinh trong anh. Với tư cách một người bạn lớn tuổi, tôi hỏi anh về chuyện ấy. Anh nghiêm chỉnh trả lời:   
- Làm hàng là mất khách. Tám năm qua em vẫn vẽ không kịp bán. Áp lực vẫn không hề giảm. Thế nghĩa là người ta vẫn thích tranh em. Những bức như *Mẹ con*, *Nhạc trưởng* và nhiều bức khác em đã phải từ chối rất nhiều người. Nhưng có những người mình không từ chối được…   
Đến nhà Bình, bất ngờ lớn nhất của tôi là những chiếc máy bay trực thăng. Trừ lầu một làm phòng ngủ, tầng trệt và tầng hai ngôi nhà có diện tích cộng lại gần 200 mét vuông này đặt kín những chiếc máy bay trực thăng điều khiển từ xa. Những chiếc máy bay mới mua về chưa lắp ráp, những chiếc đang sử dụng, chiếc hỏng, chiếc đâm xuống đất gẫy, vỡ, cần được sửa. Không biết bao nhiêu loại máy bay. Chiếc 3000 đô, chiếc 5000 đô. (Chắc chắn anh là một trong những người Việt Nam đầu tiên thực hiện mua bán trên mạng.) Ngổn ngang khắp nhà là tuốc vít, kìm, mỏ lết, kính lúp (khi sửa Bình phải dùng kính lúp), ê tô, bánh xe, trục gẫy, trục mới đặt hàng người ta sản xuất… Đi lại trong nhà Bình luôn luôn phải nhìn xuống đất. Rón rén từng bước chân. Cơ khí máy móc là thích thú thứ hai của Bình sau vẽ tranh. Ngày chủ nhật, ngày của trực thăng, bất khả xâm phạm. Tôi đã đi chơi trực thăng một lần với Bình. Bờ biển Long Hải. Phải có một khoảng không gian đủ rộng. Chiếc máy bay khởi động rồi từ từ bốc lên lao ra biển, lượn vòng dưới sự điều khiển của Bình. Mọi người xúm cả lại. Bình vừa điều khiển vừa "nói tiếng Anh như gió" trả lời những câu hỏi của các ông Tây lớn Tây con. (Bình biết bốn ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc.)   
Lê Bích Hạnh, vợ Bình, hoàn toàn thông cảm với chồng. Hạnh chịu đựng tất cả những thiệt thòi mà vợ một nghệ sĩ phải chịu. Thật bất ngờ và thú vị khi tôi được biết Hạnh là con đại tá Lê Trọng Nghĩa, cục trưởng cục quân báo thời chống Pháp, người chúng tôi vẫn nhìn thấy đứng cạnh Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong những phim tài liệu về Điện Biên Phủ.   
Bình sinh năm 1954, sau tôi đúng 20 năm. Chúng tôi mới gặp nhau có một lần. Bình, Hạnh đọc của tôi. Tôi xem tranh của Bình. Mà như đã biết nhau từ bao giờ rồi. Đó là điều chỉ nghệ thuật mới làm được. Tôi lại thấy cần phải trích dẫn thêm những điều Ian Brown viết về Bình: *Dù chịu ảnh hưởng nghệ thuật và mỹ học phương Tây, tác phẩm của anh lại rơi vào truyền thống triết học và mỹ học Á đông. Tuy nhiên Bình nói: "Yếu tố quan trọng nhất mà họa sĩ phải có là tài năng, trái tim nhân hậu, đầu óc phóng khoáng". Và anh đã có đủ những điều này.*Tháng Trung Thu Nhâm Ngọ 2002

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

**Phần X**

**Thời trai trẻ đã qua**  
Giữa năm 1994 Vũ Tín mở triển lãm ảnh cá nhân. Ðây là triển lãm cá nhân đầu tiên của anh khi anh đã ngoài sáu mươi tuổi.   
Báo Lao Ðộng: *Những tấm ảnh đó là những khoảnh khắc một đi không trở lại, là chứng nhân trước những sự kiện lịch sử dân tộc và thấm vào lòng người xem bằng cái tinh tế mượt mà của ánh sáng, của đường nét tạo hình qua con mắt và trái tim của một nghệ sĩ, chiến sĩ.*  
Báo Nhân Dân: *21 năm không cầm máy, nhưng vẫn không nguôi nỗi khát khao được đi lại đó đây để ghi lại những hình ảnh đẹp của đất nước. Trước khi về hưu, với tấm lòng yêu nghề và phấn đấu cao, Vũ Tín đã vượt lên sự nghiệt ngã của thương tật. Ðược sự giúp đỡ của cơ quan Thông Tấn xã Việt Nam và của vợ anh, Vũ Tín đã đi một cung đường dài dọc theo đất nước để thể hiện ý đồ từng ấp ủ.*  
Báo Quân Ðội Nhân Dân: *Phòng triển lãm lần đầu của Vũ Tín tại bảo tàng Quân đội có hai mảng rõ rệt. Mảng thứ nhất là những tư liệu khá đắt thời ông chưa bị thương kể cho đến bức ảnh chụp nam nữ giao liên Trường Sơn trước ngày ông lao vào thành cổ Quảng Trị năm 1972. Phần thứ hai là phong cảnh, hội hè, là đất nước, con người mới chụp gần đây. Xem phần này thấy rõ là bác yêu đời và say sưa cầm máy đến thế nào. Lạng Sơn, Bát Tràng, Hà Nội, Sóc Trăng, Bến Tre...Cuộc hành quân nghệ thuật của bác sau này là trên đôi nạng gỗ, và luôn luôn có bác gái đi cùng.*  
Báo Thời trang trẻ: *Trở về TTXVN, Vũ Tín làm công tác biên tập. Dạo ấy ông ít đi sáng tác và có vẻ buồn. Một thời gian sau, máu nghề nghiệp đã chiến thắng sự khủng hoảng tâm lý. Vũ Tín lại vác máy lên đường. Ông mất một chân chứ đâu mất cái đầu nghệ sĩ.*  
Báo Tuổi trẻ Thủ Ðô: *Xem triển lãm ảnh nghệ thuật của Vũ Tín ta thấy mỗi bức ảnh là một tác phẩm nghệ thuật xứng đáng. Trong mỗi tác phẩm của anh, người xem như nghe thấy âm thanh của thiên nhiên, tiếng nói của cuộc đời, nó như hướng về mọi điều thiện ở thế gian.*Còn nhiều báo nữa. Gần như tất cả các báo trong Nam ngoài Bắc đều nói đến anh và triển lãm của anh.   
Tôi cũng quen Vũ Tín. Nói vậy là nói sự thật chứ không phải một kiểu thấy người sang bắc quàng làm họ...   
Tôi quen anh từ đầu thập niên 60, chính xác hơn là vào năm 1960, khi tôi chuyển từ báo Tiền Phong về báo Hải Phòng, một sự thuyên chuyển công tác chẳng biết là may hay rủi, bởi vì nói theo kiểu *Tái ông mất ngựa*, trong cái may có cái rủi, trong cái rủi có cái may, hoạ phúc khôn lường.   
Thời ấy xã hội được quản lý theo kiểu bao cấp. Khẩu phần tinh thần, khẩu phần vật chất đều được tiêu chuẩn hoá và phân phối. Phim này những ai được xem. Tin này loại lương bao nhiêu, chức vụ gì được biết. Ai được mua mỗi tháng mấy lạng thịt, bao nhiêu gạo, bao nhiêu muối, nước mắm, mua vào những ngày nào. Tôi còn nhớ những tối đi chơi phố (ở Hải Phòng và cả ở Hà Nội) khắp ngang cùng ngõ hẻm, đầu thành phố cuối thành phố, đến đâu cũng ngửi thấy mùi cá tầu. Cả thành phố được mua cá. Cả thành phố ướp trong mùi ngào ngạt ấy. Dù kho dưa. Dù rán hay nấu riêu, nghĩa là dù có những "biến tấu" khác nhau, vẫn nhận ra ngay cái vị ung ủng cơ bản của con cá vỡ bụng, con cá ướp đá sóng dồn lắc lâu ngày.   
Giờ đây khi cuộc sống đã có những chuyển biến quan trọng sang nền kinh tế thị trường, nhớ lại những ngày ấy, nhiều nhà văn còn bảo nhau: Sao chưa thấy ai viết về thời bao cấp cả nhỉ?   
Ðúng là chưa có ai viết về thời này. Một thời mà mỗi khi nhớ lại, bỗng nhiên thấy mình đã là những người anh hùng, đã vượt qua một quãng đời tưởng như là bịa đặt, không thế nào tin được. Và thế hệ hôm nay càng chẳng thể quan niệm nổi.   
Ký ức của tôi còn lưu giữ những lần theo Vũ Tín đi mua thịt tiếp khách. Nhà tôi nhiều khách. Căn buồng của chúng tôi ở Hải Phòng như một cái túi đón khách, đón bạn bè.   
Phải nói thật rằng ngày ấy thấy bố mẹ ở quê ra chơi cũng đã lo rồi. Lo và cả sợ. (Kính mong bố mẹ tha thứ cho con.) Tôi nghĩ không chỉ mình tôi có mối lo này. Nên cũng cứ mạnh dạn thú thật bằng mực đen giấy trắng. Tất nhiên là vui nhưng không thể không lo. Bởi vì vợ chồng con cái chen chúc trong một căn buồng rộng trên dưới hai mươi mét vuông. Bởi vì gạo sang kỳ cứ lùi lại mãi. Bởi vì mỡ hết cả tuần rồi. Bởi vì rau mậu dịch ôi dập thật đấy nhưng cũng không đến lượt chúng tôi. Xe rau vừa hạ xuống ven đường, người không biết từ đâu đã vòng trong vòng ngoài đen đặc như một cuộc mít-tinh. Chen lấn xô đẩy vào được sát xe mỗi người cũng chỉ được mua hai mớ. Nhưng cũng có những người ôm từng ôm bê từng sảo. Các vị ấy là người nhà, hay đã móc ngoặc với mậu dịch viên. Các vị ấy ngả rau ra vỉa hè cạnh đó mà bán lại. Các vị ấy đem rau về nhà băm nuôi lợn...   
Cũng may tôi có Vũ Tín. Khiến có thể tự an ủi rằng mình cũng không đến nỗi thiệt, vẫn còn gỡ gạc được tí chút trong chế độ phân phối theo tem phiếu này. Ngược lại, còn có lúc cảm thấy hơn người. Hình như cảm giác hơn người này ai cũng có, ai cũng cảm thấy dù chỉ một lần, nếu không, thật là khó sống.   
Ngày ấy Vũ Tín là phóng viên ảnh của Thông tấn xã Việt Nam thường trú tại Hải Phòng. Trong tay anh có hai máy ảnh. Một Rolley. Một Exakta. Hai máy ảnh cùng với chức năng chụp hoạt động các ngành kinh tế văn hoá xã hội và chiến đấu khiến anh có thể quen mọi người cần quen. Tất nhiên có cả các cô mậu dịch viên, từ cô bán gạo tới cô bán thịt, cô bán than, cô bán dầu hoả, bán công nghệ phẩm mà anh và vợ anh gọi bằng cái tên chung đầy âu yếm: *Dì Hai.* Ngày ấy ảnh còn là một mặt hàng quý giá cao cấp dù chỉ là ảnh đen trắng. Mấy ai có tiền đi chụp ảnh. Mà ngắm nhìn ảnh của mình bao giờ cũng là điều thích thú. Huống hồ lại là *của độc*: ảnh chụp mình ngay nơi làm việc! Một anh thợ mộc ở một xí nghiệp gỗ quốc doanh cảm động vì tấm hình anh đang cưa bào trong xí nghiệp do Vũ Tín chụp được đăng trên báo Nhân Dân, đã kỳ công dùng những mảnh gỗ vụn mà mỗi lần đạp xe từ xí nghiệp về nhà, anh lại buộc vào pooc ba-ga một mảnh để qua mắt bảo vệ (thời ấy không ai có thể có gỗ tấm - nó quý gần ngang với ngà voi) đem về nhà ghép lại, đóng cho Vũ Tín một cái tủ buýp-phê mà mỗi khi đóng cánh cửa tủ, Tín lại bắt tất cả những ai có mặt trong thời khắc thiêng liêng đó phải im lặng lắng nghe. Rồi anh quay lại hỏi mọi người:   
- Có nghe thấy tiếng *phooòm* không?   
Anh cả quyết có tiếng *phooòm* ấy. Ðó là tiếng của không khí bị nén thành gió trào ra ngoài khi cánh tủ đóng lại. Cái tủ của anh mộng mẹo khít như vậy đấy.   
Vũ Tín đã giúp tôi rất nhiều trong khâu hậu cần tiếp khách. Cả những khi không có khách như những lúc vợ đau con ốm. Tín có rất nhiều *Dì Hai.* Anh cười hề hề giảng cho tôi về quy trình chụp ảnh và mua thịt của anh. Hôm chụp ảnh. Một lần mua. Tất nhiên rồi. Mấy hôm sau cho xem phim. Cầm phim soi soi lên giời. Một lần mua. Lần thứ ba. Xem ảnh in thử, khổ 3x4. Lại mua. Lần thứ tư là lần đem tấm ảnh 6x9 nghiêm chỉnh đến. Và nếu khéo tán tỉnh, *Dì Hai* bốc lên đồng ý: Phóng to cỡ 13x18 hay 18x24 (*Dì Hai* hoàn toàn không phải trả tiền) để làm một cái *xú ve* thì được mua đến lần thứ năm. Riêng lần này có thể mua mông sấn hay mỡ lá, những thứ cực kỳ quý hiếm.   
Mỗi khi bí quá tôi lại cầu cứu Vũ Tín. Anh vui vẻ dắt xe đi ngay. Tôi đạp xe theo anh, rụt rè theo anh tiến vào sát quầy. Những câu chào hỏi thân mật, nhạt nhẽo tuỳ theo tình thân của anh với *các cô mậu*, tuỳ theo tấm ảnh anh chụp đã đến công đoạn nào. Bà bán thịt chợ Sắt chào anh một câu mới khiếp. Bà reo to giữa chốn chợ búa đông vui:   
-Chào ông thông gia chó đéo!   
Tôi phục anh. Thương anh. ái ngại cho anh. Còn anh thông cảm với khó khăn của tôi.   
Ðể tạo thuận lợi cho tôi, để tôi khỏi lẵng nhẵng bám theo anh, anh quyết định *bàn giao* cho tôi cô bán thịt cửa hàng Mi sô, cửa hàng cung cấp đặc biệt, một *Dì Hai* thân nhất, quan trọng nhất của anh. (Trước đó anh cứ đe là sẽ *nhượng lại* bà bán thịt Chợ Sắt *thông gia* làm tôi sợ hết hồn.) Cô mậu dịch viên Mi sô xinh đẹp thuỳ mị này đã đến nhà Vũ Tín và được con anh chào bằng cái tên chung vẫn dùng sau lưng các cô:   
-Cháu chào Dì Hai!   
Ôi! Những tiếng chim non! Chủ khách cùng ngượng. Nhưng không sao. Chuyện con trẻ ấy mà. Càng chứng tỏ cô được cả nhà quý mến. Cô mậu dịch viên Mi sô cùng Vũ Tín đến nhà tôi. Cô rất đáng yêu. Trông giống những cô gái ngoại thành con nhà nền nếp trong tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng vậy. Thật khác hẳn những cô bán thịt khác. Tôi pha cà-phê. Ba người uống. Vũ Tín cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ *mối mai*. Nhưng ngay lúc đó tôi hiểu rằng cái ý định tốt đẹp muốn *tác thành Dì Hai* của anh cho tôi không thực hiện được, dù đó là cô bán thịt Mi sô, một cửa hàng chuyên bán cho phiếu C và *những người ở chuồng dê*, nghĩa là những người có phiếu loại D (riêng *chuồng dê* này lại còn chia ra *dê non, dê cụ,* là hai loại phiếu D khác nhau của hai bậc lương khác nhau) thuộc những bậc lương cao nhất thành phố. Chỉ Vũ Tín thao thao. Còn chúng tôi không biết nói gì với nhau. Cô là khách. Lại là con gái. Im lặng đã hẳn. Còn tôi. Muốn nói lắm. Nhưng nói cái gì? Chả lẽ lại nói với cô về các yếu tố của tin tức, về báo chí vô sản, về hiện thực xã hội chủ nghĩa, về tính Ðảng, tính giai cấp, tính nhân dân trong văn học? Hay quầy hàng sạch sẽ? Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi? Không sợ thiếu chỉ sợ không công bằng? Ðể rồi hôm sau ra cửa hàng tới quầy thịt thì thầm: "Chị ơi. Nhà có khách. Bí quá. .. Chị linh động..."   
Những câu như vậy tôi chỉ có thể nói với Vũ Tín để Vũ Tín *tái bản* với các cô mậu dịch. Quả thật Vũ Tín là người dũng cảm tuyệt vời. Anh có khả năng nói to rất tự nhiên những câu tôi chỉ dám đỏ mặt thì thầm. Và đối với tôi, anh mới tốt làm sao!   
Bởi vậy nên tôi cực kỳ hoang mang khi một lần sang anh nhăn nhó nhờ anh mua cho tý thịt hay chỉ vài bìa đậu thôi cũng được, có bà mẹ vợ từ Hà Ðông xuống chơi thì anh từ chối thẳng thừng: Ðang chết đây. Thằng Minh Trường xuống cũng chỉ có rau muống tần thôi đây. Không dám vác mặt đi gặp *Dì Hai* nữa đây.   
Mãi sau tôi mới vỡ lẽ ra rằng *Dì Hai* ở cửa hàng Mi sô, nguồn thực phẩm chủ lực mà cứ có gì đột xuất anh lại tới đó, *Dì Hai* xinh đẹp thuỳ mị mà anh có ý định *tác thành* cho tôi đã đi lấy chồng. *Dì Hai* lấy chồng thì Vũ Tín phải đi chụp ảnh trong ngày cưới rồi. Một cơ hội lập công tuyệt vời không thể bỏ qua. Cũng như có Vũ Tín, *Dì Hai* hoàn toàn yên tâm về phần ảnh, dành tâm trí tập trung lo những việc khác.   
Hôm ấy Vũ Tín chụp thì khiếp lắm. Chụp trước, trong và sau lễ cưới ở cả hai họ, nhưng chủ yếu ở họ nhà gái, tất nhiên. Cô dâu trang điểm. Cô dâu đứng một mình trước bàn thờ. Cô dâu cùng chú rể đứng trước bàn thờ. Tiệc cưới mặn. Cô dâu cùng chú rể đi các bàn chào hỏi. Cô dâu cùng chú rể lên xe hoa. Rồi hội trường. Phông cưới có hai con chim câu tung cánh trên một nền lô nhô những tháp Ai Cập, xứ sở của A-la-đanh và cây đèn thần, của người thuỷ thủ Xin-bát, nổi lên là hai chữ đầu tên hai người lồng vào nhau. Ông chủ hôn cầm mi-cờ-rô. Rồi cha mẹ đôi bên. Lại cô dâu chú rể đi chào từng bàn tiệc trà. Gia đình chụp với cô dâu ở hội trường (riêng chủ đề này đã có bao nhiêu kiểu rồi). Rồi cũng như vậy nhưng thay bằng bè bạn. Ðều là đứng trước những ngọn tháp Ai Cập, những chim câu tung cánh, những chữ cái lồng vào nhau. Lại theo về nhà giai. Vào tận phòng tân hôn dàn dựng những pha trong buồng the... Không tiếc phim. Không tính toán. Hết cuộn này tới cuộn khác.   
Ðám cưới kết thúc. Vũ Tín lao ngay vào buồng tối tráng phim. Cuộn đầu tiên giơ lên soi thử. Trắng toát. Không được một pô nào. Hoảng quá. Hoang mang cực kỳ. Phim còn tốt. Còn *đát*. Ðã để đúng số *đin.* Vì sao? Làm vội cuộn thứ hai. Không khác gì cuộn đầu. Trắng toát. Và những cuộn sau. Cũng đều như vậy. Vẫn là trắng toát. Không thể diễn đạt được sự thất vọng hoảng loạn của anh. Phim tốt. Máy tốt. Thôi chết rồi! Giết người rồi! Khốn nạn rồi! Trong lúc phấn khởi vì được *lập công dâng Dì Hai*, anh đã cắm ắc-quy vào lỗ đèn ma-nhê trong khi lẽ ra phải cắm vào đèn flash. Cả lễ cưới, trước, trong và sau không được một pô! Còn mặt mũi nào gặp *Dì Hai* nữa! Gặp cũng không dám chứ đừng nói đến chuyện mua thịt!   
Vũ Tín thành thật đau đớn ân hận nhận hết tội lỗi của mình. *Dì Hai* khóc. Khóc ghê quá. *Dì Hai* không thể tưởng tượng nổi. Một phóng viên nhiếp ảnh nhà nghề, có hạng, được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế mà chụp ảnh đám cưới của cô cũng không xong. Không có một tấm nào ghi lại ngày trọng đại ấy của cuộc đời cô. Mà đời người chỉ cưới có một lần!   
Vũ Tín đau khổ không kém cô, nếu không nói là hơn. Nhiều tuần, nhiều tháng anh không dám bén mảng tới Mi sô. Không dám gặp *Dì Hai.* Thất thu. Thất thu đến cả tôi. Tôi rất mong Tín sớm lập công chuộc tội. Nhưng là công gì? Chờ *Dì Hai* li dị, lấy chồng khác ư? Chờ đám cưới lần thứ hai của *Dì Hai* để chụp ảnh và nhớ không lắp ắc-quy vào lỗ đèn ma-nhê ư? Thật là bế tắc.   
Nhưng rồi một cơ hội cũng đến. (Không phải *Dì Hai* lấy chồng mới. *Dì* sống rất hạnh phúc.) Ðinh Thuý, phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh của Thông tấn xã Việt Nam, sếp của anh xuống Hải Phòng làm việc. Ðinh Thuý có mang theo máy ảnh mầu và phim mầu - một thứ cực kỳ sang trọng quý hiếm thời đó, một công cụ sáng tác và cũng là *một thứ vũ khí huỷ diệt* tuỳ thân.   
Vũ Tín thú thật với cấp trên của mình tất cả. Anh nhờ thủ trưởng cứu vãn tình thế. Ông phó chủ tịch phân xã nhiếp ảnh nhận thức được tình hình là nghiêm trọng: Không thể chụp hỏng ảnh đám cưới một cô mậu dịch viên bán thịt được!   
Thế là Vũ Tín đạp xe đến cửa hàng Mi sô. Lâu lắm mới dám vác mặt đến cửa hàng. Ðã quen rồi nỗi thất vọng vì ảnh đám cưới hỏng hoàn toàn, *Di Hai* nhìn Vũ Tĩn nhăn nhăn nhở nhở từ xa đến mà thấy thương thương:   
-Anh Tín cần gì không?   
Chao! Những miếng thịt lợn để trên quầy trông đế hoa cả mắt. Nhưng anh lắc đầu:   
-Em có muốn chụp ảnh mầu không?   
*Dì Hai* còn chưa hiểu. Vũ Tín trợn mắt:   
-Ðẹp lắm. Em không hình dung được đâu.   
Và anh giảng cho *Dì Hai* về sự cực kỳ quý hiếm của máy ảnh mầu, phim mầu, về kỹ nghệ tráng rửa, in phóng ảnh mầu. Cả Thông tấn xã chỉ có vài người được chụp. Mỗi khi chụp phải lên nội dung, thuyết minh để lãnh đạo duyệt. Phần lớn là chụp ảnh lãnh tụ, những hội nghị, những buổi tiếp khách quan trọng của Ðảng và Nhà Nước. Cả nước cũng chỉ có một nơi in phóng được ảnh mầu là Thông tấn xã... Khó khăn như thế nhưng lần này vẫn có thể chụp cho *Dì Hai* vì đích thân ông phó chủ nhiệm phân xã nhiếp ảnh xuống làm việc với anh và sẵn sàng chụp...   
Lời đề nghị có vẻ li kỳ hấp dẫn. Thái độ chân thành của một người muốn chuộc lại lỗi lầm. *Dì Hai* bằng lòng.   
Thế là những tấm ảnh mầu chụp *Dì Hai* áo dài quần trắng tha thướt đứng giữa vườn hoa Hạ Lũng ra đời. Cả ảnh chồng *Dì Hai* đại cán tề chỉnh tặng hoa *Dì Hai...* Nhận thư của Ðinh Thuý, Vũ Tín lên ngay Hà Nội mang ảnh về. Chúng được lồng khung treo ở nhà *Dì Hai*. Ai đến cũng phải trầm trồ xuýt xoa. *Dì Hai* không khóc nữa. *Dì Hai* lại còn cười. Và những lúc khó khăn, Vũ Tín lại có thể đến Mi sô mua thịt hay đậu, hoặc vừng lạc, đỗ tương... Cho mình và cho bè bạn.   
Ngay trong những năm 60 ấy, Vũ Tín đã là một nhà nhiếp ảnh nổi tiếng. Bức ảnh Bên dòng Tam Bạc của anh đã được giải nhất trong cuộc triển lãm ảnh toàn quốc. Ðó là toàn cảnh nhà máy xi-măng nằm ở vị trí hợp lưu của hai dòng sông Tam Bạc và sông Cấm chụp từ góc độ cao.   
Khi đặt chân về Hải Phòng, ngay lập tức nhà máy xi-măng đã cuốn hút, ám ảnh anh. Anh đã được xem nhiều bức ảnh bạn bè chụp nó. Nhưng đứng trước một nhà máy xi-măng "bằng xương bằng thịt" anh thấy những bức ảnh ấy chưa nói được vẻ đẹp hùng vĩ nên thơ, lại thấm đẫm mồ hôi nhọc nhằn vất vả của cảnh và người, một đặc trưng của Hải Phòng, thành phố công nghiệp lâu đời, thành phố lớn thứ hai miền Bắc đang bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.   
Anh đã nghĩ nhiều về *nó*. Anh đã đạp xe quanh *nó* nhiều lần. Và anh đã chọn cho mình một vị trí tuyệt vời để bấm máy. Ðó là tháp nước của nhà máy bê tông đúc sẵn mới xây dựng bên này cầu treo xi-măng.   
Toàn cảnh đã hiện ra trong ống kính Rolley. Bắt đầu là chiếc cầu bắc qua sông Tam Bạc đang cất lên nhịp giữa cho tầu thuyền xuôi ngược. Giữa dòng, chiếc tầu kéo đang đạp nước kéo theo những chiếc xà-lan rằm mạn. Phía cuối dòng, trên bờ sông, cần cẩu vàng trên bệ cao há miệng gầu khổng lồ vục xuống một chiếc sà-lan đỗ bến, cạnh đó là băng chuyền đá. Phía trong là ngang dọc đường đi lối lại, với ô-tô, xe goòng , với biết bao nhà xưởng. Nhà máy điện, công trình xi-lô, nhà tháo. Và lò nung với những ống khói vươn lên toả khói trắng trên nền trời xanh. Xa hơn nữa dòng sông Cấm xoai xoải hội với dòng Tam Bạc ở một vị thế gần như vuông góc, mang nước ra khơi...   
Ðứng trên tháp nước nhà máy bê-tông đúc sẵn, anh tin rằng sẽ có một bức ảnh đẹp, diễn đạt đúng những suy nghĩ của anh về cuộc sống. Tất cả chờ anh bấm máy. Nhưng anh còn phải trèo lên trèo xuống tháp nước nhiều lần. Bởi vì vẫn chưa hội tụ đủ điều kiện. Lúc có thuỷ triều lại không có ánh sáng. Lúc ánh sáng đẹp lại không có thuỷ triều. Khi thuỷ triều và ánh sáng đều như ý thì gió lại thổi ngược khói xi-măng về phía ống kính.   
Khi bức ảnh được đăng báo lần đầu tiên (một bức ảnh nói được không khí của đất nước sau thời gian khôi phục kinh tế đang bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, vừa trữ tình lại vừa mang vẻ hùng tráng của sự nghiệp công nghiệp hoá trên một mảnh đất ven sông của tổ quốc ta tươi đẹp) đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư thành uỷ kiêm chủ tịch uỷ ban hành chính thành phố mời anh tới gặp. Ðồng chí khen bức ảnh và tặng anh mấy bao thuốc lá:   
-Anh mới về Hải Phòng thôi nhưng anh hiểu Hải Phòng đấy. Người Hải Phòng có câu *Hải Phòng có bến Sáu Kho. Có sông Tam Bạc có lò xi-măng.* Ba đặc điểm tượng trưng cho Hải Phòng anh đã chụp được hai. Còn bến Sáu Kho nữa thôi.   
Lời khen của đồng chí bí thư kiêm chủ tịch thành phố đã khích lệ anh. Ðồng chí chỉ nói vậy nhưng anh hiểu rằng anh có trách nhiệm chụp nốt đặc trưng thứ ba của Hải Phòng: Bến Sáu Kho.   
Vũ Tín suy nghĩ về bức ảnh anh sẽ thể hiện. Cũng như nhà máy xi-măng, Cảng đã có nhiều người chụp. Nhưng đều chụp từ phía trong ra, phía cầu ra. Có những bức ảnh đẹp. Nhưng gợi và gây ấn tượng thì không được là bao. Anh quyết định chọn góc độ chụp khác: Chụp từ phía sông vào. Mấy ngày liền anh qua phà Bính, đạp xe về mãi Tân Dương. Ở đó từ chiều đến đêm và nhìn ngược trở lại. Ban đêm bến Cảng nhìn từ phía Thuỷ Nguyên mới đẹp làm sao. Một thành phố nổi trên mặt nước. Ðiện. Một rừng điện chi chít. Ðiện trên những cần cẩu cao ngất. Ðiện trên boong. Ðiện sáng trong các ô cửa ca-bin tầng tầng lớp lớp. Và điện in thành một dải vàng nhẫy trên dòng sông Cấm gờn gợn sóng. Anh đã đi đến một quyết định. Tấm ảnh về bến Sáu Kho của anh sẽ có *hình bóng* những con tầu tưng bừng ánh điện. Những con tầu chỉ còn là những cái bóng không có chiều dầy nổi lên trong ánh chiều tà. Và trên cái bóng của những con tầu trong giờ khắc giữa ngày và đêm giao nhau ấy là những ánh đèn. Ánh điện từ thân tầu, từ đằng mũi đằng lái, từ trên cần cẩu và trong các ô tròn, vuông, chữ nhật của các cửa ca-bin tầu nọ nối tiếp tầu kia như những người anh em, bên dưới là dòng sông lấp lánh ánh vàng mài miệt trôi... Phải hai lần bấm máy. Lần thứ nhất vào lúc hoàng hôn. Lần thứ hai khi trời tối hẳn, khi ánh điện trên các tầu là độc tôn trên nền trời. Anh đã làm như vậy. Lắp trépied (chân chống), tính khẩu độ. Bấm máy. Rồi chờ. Ðể nguyên máy trên chân chống. Chờ. Chờ trời tối hẳn như đã định trước. Lại bấm. Chụp những ngọn đèn. Chụp ngày hội ánh sáng trên những con tầu mờ mờ trải dọc bến cảng.   
Ngay lúc bấm máy lần thứ hai anh đã biết rằng thất bại rồi. Trong hai tiếng đồng hồ chờ trời tối hẳn để ánh sáng điện là độc tôn trên trời ấy, triều đã xuống. Dẫy tầu đậu san sát ở cầu ấy đã xuống thấp rồi. Ðèn ấy đâu phải của những con tầu anh đã chụp.   
Tấm ảnh đầu tư nhiều công sức, nhiều suy nghĩ thất bại. Mãi mãi anh không chụp được đặc điểm thứ ba của Hải Phòng, hoàn chỉnh bộ sưu tập của anh.   
Cuộc đời là như vậy. Có những sáng tác công phu vất vả, đặt vào đó rất nhiều hy vọng lại thất bại. Ngược lại có sáng tác không hề lường trước, không hề nghĩ đến, như trên trời rơi xuống, như vớ được lại thành công.   
Những năm 60 ấy Vũ Tín hay đi xa. Nông thôn, nông nghiệp vừa nằm trong lĩnh vực công tác của anh, vừa hấp dẫn anh. Không chỉ đi các huyện ngoại thành, anh còn lang thang tới cả các làng xã thuộc Hải Dương, Hưng Yên. Trong một chuyến đi như vậy, anh đã bắt gặp ở Hưng Yên một cảnh đập lúa trên một sân kho hợp tác rộng gần như là mênh mông. Ðó là một chiều mùa Ðông không có nắng. Người, thóc, lúa, rơm đầy sân. Bụi thóc, bụi rơm rạ mờ mờ. Tất cả chăm chú vào công việc, vào khâu lao động cuối cùng trong thu hoạch, kết thúc những ngày tháng chân cứng đá mềm, cầy bừa, cấy hái, chăm bón, trông đợi, hy vọng..., khâu lao động cuối cùng để mồ hôi thành lúa gạo, để rơm lên đống thóc vào bồ. Không ai chú ý đến anh. Không trông thấy mặt một ai. Chỉ có những người đang làm việc. Chỉ có những chiếc nón quây tròn. Anh bấm máy. Rất nhanh. Như một thứ ảnh tân văn. (Sau này khi tấm ảnh gửi đi dự thi ảnh quốc tế, ban giám khảo phân tích: Tác giả đã sử dụng kỹ thuật vòng tròn. Những người đập lúa đội nón tròn, quây lại thành những vòng tròn, những đống lúa tròn, những đống thóc tròn, những đống rơm tròn...Tôi không phải là nhà nhiếp ảnh, nên không nhận ra cách bố cục ấy. Nhìn tấm ảnh của bạn tôi Vũ Tín, tôi chỉ ngửi thấy mùi rơm tươi dập nát, mùi thơm cơm mới. Tôi nghe thấy tiếng lửa reo trong bếp. Và tôi nhìn thấy đất đai...)   
Ít ngày sau đó, qua ngôi đình một làng thuộc tỉnh Hải Dương, anh lại chụp được một tấm ảnh khác: Một lớp bình dân học vụ. Lớp học ban ngày cho những bà mẹ những người chị sau những giờ lao động trên đồng ruộng.   
Hai bức ảnh cùng với nhiều bức ảnh khác được chọn đi dự thi ảnh của tổ chức Nhà báo quốc tế OIJ. Kết quả thật tuyệt vời! Tuyệt vời cho Vũ Tín và tuyệt vời cho cả Việt Nam nữa. Bức ảnh Ngày mùa trên sân hợp tác của anh đoạt giải nhì. Còn bức ảnh Xoá nạn mù chữ đoạt giải ba. Một cuộc thi Việt Nam chiếm liền hai giải, Vũ Tín chiếm liền hai giải.   
Giải thưởng là một chiếc cúp pha lê có khắc hình một phụ nữ ở trần đựng trong một cái hộp lót nhung, có cánh mở ra mở vào như cánh tủ. Không có tiền kèm theo. Hơi gay là vậy. Bạn bè trong thành phố chúc mừng. Bạn từ các tỉnh khác đến chúc mừng. Ðoạt hai giải thưởng quốc tế cùng một lúc, Vũ Tín không thể đón bạn chỉ bằng chè cám và thuốc là Trường Sơn. Phải làm một bữa liên hoan. Phải đi ăn hiệu. Nhưng tiền đâu? May sao gặp Tạ Ðình Ðề khi đó đã chuyển về Tổng cục Ðường sắt, phụ trách thể dục thể thao. Ngắm cái cúp, ông Tạ Ðình Ðề mê tít.   
-Bán cho tao. Tao mang về làm cúp thể thao luân lưu cho ngành đường sắt.   
Bên cần bán. Bên muốn mua. Ngã giá 150 đồng. Một món tiền kha khá ngày ấy. Bữa liên hoan đầu tiên đã hết 35 đồng. Chị Tuy, vợ Tín đòi giữ số tiền còn lại. Tín dùng dằng không đưa ngay. Chị Tuy dỗi. Tín... thua.   
Từ Hà Nội, Vũ Tín biệt phái xuống Hải Phòng. Vợ chồng anh tá túc trong một gian buồng xép gần nhà bếp cơ quan tôi khi ấy có tên gọi là báo *Hải Phòng kiến thiết.* Nhưng chỉ một mình Vũ Tín có hộ khẩu, nghĩa là có các tiêu chuẩn, các định lượng được quy định bằng tem phiếu để có thể duy trì cuộc sống. Vợ anh và hai cháu bé thì không. Nhập hộ khẩu thành phố hoàn toàn không đơn giản.   
Dễ hình dung những khó khăn về kinh tế, sinh hoạt, cơm áo gạo tiền của gia đình anh. Thế nhưng anh vẫn lao vào công việc, lao vào sáng tác. Thế nhưng anh vẫn cưu mang tôi khi cần phải đến với các *dì hai.*  
Ngày ấy Vũ Tín sống được một phần nhờ các *dì hai* và một phần nhờ Ð.H. Ð.H. lo cho anh từ cái hòm đựng quần áo, cái thùng đựng gạo và cả gạo, thịt, đường, sữa nữa. Ð.H. thì gần như không quen ai ở các cửa hàng, nhưng lại công tác ở sở Thể dục Thể thao. Mỗi năm thế nào chả có vài lớp tập huấn vận động viên, người đến trước, người đến sau, người học dở chừng, các tiêu chuẩn thế nào chẳng còn thừa lại. Ð.H. chịu khó xin những tem gạo, tem thịt, đường sữa còn thừa ấy và đưa cho Vũ Tín.   
Ngày ấy sống mới nhẹ nhõm làm sao! Con người không bị những tiện nghi, những vật chất níu kéo. Vũ Tín với cái xe đạp Alfa de luxe Tube Peugeot tòng tọc *mọi bộ phận đều kêu trừ có cái chuông* lang thang khắp nơi. Anh đã tổ chức thành công triển lãm ảnh đầu tiên của thành phố sau giải phóng khi trong tay không có lấy một cái khung ảnh, một đồng kinh phí. Không hiệu ảnh nào thoát khỏi cuộc viếng thăm của anh. Và không hiệu ảnh nào không cho anh mượn khung ảnh để làm triển lãm.   
Tài sản giá trị nhất của anh ngày đó - một tài sản mà chúng tôi đều thèm muốn - là chiếc áo va-li- de trắng của anh. Cái áo va-li-de thật thần kỳ biết bao. Chúng tôi xúm lại xem anh biểu diễn với cái áo. Anh cởi cái áo va-li-de đang mặc trên người. Ngâm nước. Vò xà-phòng. Giũ. Rồi cứ cầm cái áo ướt đẫm ấy mà quay vun vút. Vừa quay vừa cười hề hề:   
-Có muốn vắt cũng không vắt được. Cứ quay thế này là khô.   
Quay một lúc anh lại mặc cái áo vừa cởi ra giặt trước con mắt thán phục thèm thuồng của chúng tôi.   
Trong những ngày lang thang các miền rừng núi, tôi hay nhớ đến Vũ Tín với khuôn mặt xương xương, hai má hóp, với cái áo va-li-de của anh.   
Rồi được đọc báo, xem ảnh đăng trên báo, biết anh đã đi B. Mãi đến khi ra tù mới biết anh đã để lại một chân trên chiến trường Quảng Trị. Bè bạn kể cho tôi nghe về anh như sau: Không thuốc men, tải thương khiêng anh vượt bom đạn, nằm hầm, lội suối, vượt sông sang bờ Bắc. Tới bệnh viện dã chiến đầu tiên, bác sĩ tháo băng cho anh, không tin ở mắt mình: Vết thương của anh đã lên da non. Anh được bà chủ tịch Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Cộng hoà dân chủ Ðức mời sang lắp chân giả. Người anh hùng nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam ấy là thượng khách ở Béc-linh. Trước khi ra sân bay về nước, anh vô cùng hồi hộp và cảm động khi thấy bà chủ tịch đến trao tặng anh một va-li to đùng. Anh đỡ cái va-li. Nặng. Lòng anh rộn lên. Một va-li tặng phẩm nặng. Tặng phẩm cho anh chắc chắn là những gì liên quan đến nghề nghiệp. Một chiếc máy ảnh tối tân kèm theo những phụ tùng, những ống kính chụp xa, những ống kính chụp gần, có thể chụp được từ con vi trùng bé tí tới sao Bắc Ðẩu, và những trépied, những đèn flash, những trang bị buồng tối. Toàn những thứ anh ao ước. Anh sẽ có những phương tiện nghề nghiệp không ai có để mà sáng tác, để mà kiếm sống trị giá không biết bao nhiêu là tiền bạc. Anh sẽ đổi đời từ đây. Nên người từ đây. Từ cái va-li này. Chờ bà chủ tịch ra về, anh cài trái cửa, cố nén hồi hộp mở va-li. Thật bất ngờ. Không máy ảnh. Không ống kính tê-lê, không máy phóng. Không giấy ảnh, thuốc ảnh. Trong va- li là một cái chân giả giống hệt cái chân vừa lắp. Một cái chân giả xơ-cua!   
Chuyện thật li kì và cười ra nước mắt. Nhưng hoá ra không phải thế. Ðó chỉ là tin vịt. Ðó chỉ là *huyền thoại* của những người yêu anh bịa đặt về anh. Bởi vì chính tôi đã gặp Vũ Tín và hỏi chuyện anh.   
Biết tôi đã trở về, Vũ Tín xuống Hải Phòng thăm tôi. Với một cái chân giả, anh đã đèo chị Tuy từ Hà Nội về Hải Phòng thăm tôi trên một chiếc xe Java, không phải loại Java to đùng kềng càng, mà là loại xe bé hơn cả xe Babetta, loại xe Nguyên Bình đã được thưởng khi đoạt giải nhất văn học viết cho công nhân của Tổng Công đoàn và Hội Nhà văn, Bình đã không dám đổ xăng vào mà cứ thế dắt thẳng ra chợ giời để *bán được với cái giá xe chưa đổ xăng*. Cái chân giả của Vũ Tín lên thang kêu cót két cót két ghê người. Anh cười hề hề, điệu cười quen thuộc, lâu lắm mới lại được nghe tiếng cười ấy.   
-Bao nhiêu năm rồi. Sắt thép cũng phải mòn chứ. Chỉ có xương người là chịu được thôi ông ạ.   
-Nhưng mà ông có một cái chân xơ-cua cơ mà.   
-Ai bảo? Ai bảo?   
Vũ Tín hỏi gần như sừng sộ. Rồi lại cười hề hề. Tiếng cười của anh lúc nào cũng hồn nhiên quyến rũ. Rồi anh kể cho tôi nghe chuyện đi B của anh. Khi đó anh đã về Hà Nội và được đề bạt phó trưởng ban nông nghiệp của Thông tấn xã Việt Nam. Lương 96 đồng, nghĩa là còn thiếu 6 đồng nữa thì được vào Việt Xô chữa bệnh. (Vũ Tín nhấn mạnh với tôi như vậy. Và cười. Gặp nhau dù hoàn cảnh như thế nào chúng tôi cũng vẫn cứ cười.) Thì một hôm Ðỗ Phượng, phó tổng giám đốc Thông tấn xã mời lên bảo:   
-Tôi biết đồng chí sức yếu, các cháu lại còn nhỏ. Nhưng phải có người đủ năng lực vào trong B để tập hợp, tổ chức chuyển ảnh chiến trường về Hà Nội. Ðồng chí có đi được không?   
Vũ Tín thuộc diện sức khoẻ yếu ở cơ quan, lúc đó cháu Hà, đứa con gái lớn của anh lại đang ốm. Nhưng anh đáp không ngần ngại:   
-Tôi sẵn sàng.   
Thế là được phát ngay ba-lô, quần áo giải phóng, mũ tai bèo. Ba hôm sau anh từ biệt vợ con, từ biệt cơ quan lên đường. Nhìn Vũ Tín khoác ba-lô vào B, Minh Trường tuyên bố: Trong cơ quan này Vũ Tín đi B được thì không ai không đi B được.   
Bắt đầu những cuộc hành quân. Vượt hàng rào điện tử Mac Na-ma-ra. Những trận bom toạ độ.   
Trong chiến trường Vũ Tín ở với ban chỉ huy mặt trận B5. Anh nhận phim của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng phim, soi phim làm ảnh, duyệt và phát tê-lê-phô-tô về Hà Nội. Ðịa điểm đặt máy phát thay đổi hàng ngày để tránh máy bay địch phát hiện. Nhiệm vụ cuả anh là như vậy. Nhưng anh không thể không chụp ảnh. Ðã vào chiến trường mà không có ảnh chiến trường của mình còn ra làm sao nữa. Anh báo cáo với cục chính trị mặt trận xin được làm thêm nhiệm vụ chụp ảnh ngoài trận địa. Lãnh đạo mặt trận đồng ý. Thế là Vũ Tín với chiếc máy ảnh có mặt khắp nơi. Máy bay địch bay vè vè trên đầu. Pháo nổ không dứt. Tai ù đi. Ðiếc đặc. Quen rồi. Chỉ những lúc im tiếng súng, im tiếng máy bay mới làm mình bỡ ngỡ. Vũ Tín len lỏi trong Trường Sơn *"theo bước chân giao liên" [[1]](" \l "anm1)*. Gặp *"Trung đoàn 56 nguỵ phản chiến"* (1) và *ghi lại phút lịch sử của chính phủ Cách Mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tiếp nhận những người con lầm đường lạc lối quay về với cách mạng.* [*[2]*](#anm2)Vào thành cố Quảng Trị chụp các chiến sĩ ta chốt trong thành cổ. Ðến nhà thờ Ái Tử chụp trận đánh vừa kết thúc còn nồng mùi thuốc đạn và mùi máu. Ðó là giai đoạn quân đội Sài gòn mở chiến dịch tái chiếm Quảng Trị, những ngày đẫm máu nhất trong quá trình cuộc chiến 30 năm của dân tộc. Sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ của người phụ trách trạm truyền phát ảnh, sáng nào Vũ Tín cũng chuẩn bị máy, phim và mặt nạ lên đường.   
Buổi sáng hôm ấy đang đánh răng, tự nhiên thấy họng khô khốc và loa loá trước mắt như chớp lửa hàn, anh vội chụp mặt nạ phòng hơi độc và chui xuống hầm. Không thấy người chỉ huy mặt trận, người luôn cùng anh bên nhau, ăn ngủ nằm hầm, người vừa cùng anh chui ra sau giấc ngủ ban đêm, anh gọi to:   
-Anh Ðồng ơi!   
Có tiếng gì như tiếng rít, tiếng khoan vào gió và lại loa loá như chớp lửa hàn. Trời nhợt ra theo từng nhịp co giật của không khí và hình như cát trên trần hầm rơi xuống. Lại thấy nhói ở chân. Anh lao ra cửa tìm Ðồng. Còn nghe người cần vụ của Ðồng hét lên:   
-Anh Tín!   
Sau đó là hỗn mang. Không còn không gian. Không còn thời gian. Ngực bị gió đập mạnh. Lưng bị đẩy ép ngược trở lại. Sáng loà. Rồi tối sầm. Khói. Cát bụi. Mù mịt. Anh ngã quật xuống. Hình như anh đã vùng đứng lên ngay. Và nhìn chung quanh. Tất cả thành bình địa. Nhìn lại mình: Không một mảnh vải che thân. Anh sờ nắn các bộ phận thân thể. Tất cả bình thường. Nhưng cào gót chân thấy đau...   
Hàng chục năm sau, ôn lại cái ngày ghê gớm ấy, Tín bảo tôi:   
-Cũng còn may ông ạ. Cái hầm của bọn tôi phủ ba bao cát, nhưng bom rơi đạn nổ nhiều nó tụt đi đâu mất một bao nên chỉ còn hai. Nếu là ba lớp bao cát thì tôi chết rồi. Bởi vì ba lớp bao cát thì sẽ có độ dầy80 phân. Hai lớp bao chỉ dầy chưa đến 60 phân. Mà bom bi phải khoan 80 xăng-ti-mét thì kim hoả mới chạm vào ngòi nổ. Mới khoan 60 xăng-ti-mét nên gặp gót chân tôi nó tiếp tục khoan, khoan thêm trên 20 xăng ti mét nữa mới nổ. Thì tôi đã ra đến ngoài cửa hầm rồi.   
Vũ Tín dần dần cảm thấy đau. Trần như nhộng, anh lò cò qua những hàng rào dây thép gai mà những người dân Quảng Trị căng như một thứ bờ rào. Cái chân có gót bị bom khoan vướng vào một khúc thép gai nhọn. Ðứng vững trên một chân, anh xoay người lại, gỡ chân ra. Anh thấy có người đỡ lấy anh, buộc giây cao su vào chân làm ga-rô cho anh. Còn nghe thấy nói Ðồng đã hy sinh. Rồi ngất đi.   
Khi tỉnh lại thấy mình đang nằm trên một chiếc giát giường đặt trong một vườn ổi. Anh biết tất cả thương binh đều không được vào nhà dân. Anh cử động chân tay và chỉ đến lúc ấy mới biết rằng tứ chi mình đã bị trói chặt. Nhìn lên lại thấy trên cành ổi treo hai túi ni-lông đựng thứ nước gì mầu vàng nhạt, có những ống nhỏ dòng xuống người mình. Rồi có những người đến. Anh nhận ra là các bác sĩ và y tá. Họ tiêm thuốc tê (nô-vô-ca-in) cho anh. Tiêm chung quanh đầu gối và tháo khớp. Thuốc tê không đủ ngăn chặn cái đau. Mỗi nhát dao, anh gào lên những tiếng không phải là tiếng người nữa. Một người không biết từ đâu nhẩy ra đứng sững trước mặt, chỉ tay vào anh, quát to:   
-Không được kêu! Không được làm ảnh hưởng tới những thương binh khác! Ðồng chí hãy giữ vững khí tiết quân nhân! Hãy nêu cao tinh thần gương mẫu của người đảng viên cộng sản!!   
Tín nghiến chặt răng. Quai hàm bạnh ra. Không kêu. Không kêu nửa lời. Chỉ có tiếng phì phì của hơi thở trào qua hàm răng nghiến chặt. Mắt như lồi ra. Và lại ngất đi.   
Tỉnh dậy anh thấy mình đã mất một chân, từ đầu gối trở xuống. Người ta tháo khớp cho anh để đề phòng hoại thư. Nước thấm qua bông băng nhớt như dầu luyn.   
Vũ Tín được khiêng ra Bắc. Các o nữ dân công Thanh Hoá khiêng anh thỉnh thoảng lại cười rộ lên. Anh không hiểu họ cười gì. Mà làm sao lại có thể cười hồn nhiên như vậy. Bởi vì OV 10 bay liên tục trên trời. Các cô đặt cáng xuống đất chạy nấp. Nằm ngửa, anh thấy nó ném lựu đạn khói gần chỗ anh. Ngay sau đó là máy bay ném bom đến. Thả nhiều bom. Nhìn thấy bom dài là sống. Bom tròn là chết. May. Anh chỉ thấy bom dài.   
Yên máy bay, các cô dân công trở lại. Vừa thấy anh họ đã xô chúi vào nhau, cười rúc rích. Bây giờ thì anh hiểu. Nằm trên cáng, anh hoàn toàn trần truồng, chỉ đắp một mảnh vải tăng. Khi có gió (gió giời hoặc gió bom) mảnh tăng lại bay tốc lên, làm sao các em gái tỉnh Thanh không cười cho được.   
Ðến Vĩnh Mốc, một trạm quân y tiền phương, bác sĩ giữ anh lại để chuyển anh về bằng đường biển cho an toàn. Bệnh viện 48 làm nhiệm vụ tiếp nhận chỉ thấy tên anh trong danh sách mà không thấy người, tưởng anh đã chết dọc đường. Tin đó bay về Hà Nội. Cả Hà Nội ầm lên tin Vũ Tín hy sinh. May sao Minh Trường, lại Minh Trường, tới Vĩnh Mốc, phát hiện anh đang nằm dưới hầm chữ A trên trảng cát. Trường bế xốc Vũ Tín lên khỏi hầm. Nằm trong tay bạn, Vũ Tín nhìn trời, một bầu trời xanh với bao quyến rũ bởi vì không có những OV 10, những F 4U, những AD 6 đang lượn vòng ném lựu đạn khói, cắt bom hay nhả đạn.   
Ngay ngày hôm sau một chiếc U-át chở anh về Hà Nội có một y sĩ đi kèm.   
Tôi ngồi im nghe anh kẻ. Như mê đi. Và hỏi:   
-Còn chuyện ông sang Ðức lắp chân giả?   
-Ở Hà Nội tiêu chuẩn của mình là nạng. Mình nhớ một hôm mặc quần áo giải phóng, đội mũ tai bèo, chống nạng đi cạnh bà xã dắt cái xe Java bẹp lốp trên bờ hồ. Một chiêc xe ô-tô chở đầy tân binh đi qua. Họ đồng thanh reo lên: "Vẫn đẹp! Vẫn đẹp!" Thế rồi một hôm...   
Vũ Tín cười. Anh đang chìm đắm vào những ngày đã qua ấy. Những ngày gọi là gian khổ khó khăn cũng được, vui tươi quyết liệt cũng được. Thế rồi một hôm anh đang chống nạng đứng trước cửa cơ quan thì một phóng viên Thông tấn xã Cộng hoà dân chủ Ðức (ADN) tới. Anh ta biết anh. Hai người biết nhau. Và ít ngày sau ông Ðào Tùng tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam nhận được thư của bà tổng giám đốc ADN mời Vũ Tín sang lắp chân giả.   
Vũ Tín không nằm trong số những người có tiêu chuẩn ra nước ngoài chữa bệnh. Thoạt đầu anh không được đi. Nhưng đã có một suy nghĩ lại. Một quyết định lại. Ông Hoàng Tùng người phụ trách cả khối báo chí tuyên truyền ngày ấy đồng ý cho Vũ Tín sang Cộng hoà dân chủ Ðức lắp chân giả *"nhưng phải đi với tư thế của người chiến thắng, không được chống nạng!"* Thực hiện ý kiến cấp trên, người ta cấp tốc làm cho anh một cái chân giả. Trong một tháng anh đã làm quen với chiếc chân giả nội hoá. Anh đã *đi với tư thế của người chiến thắng* mà không phải dùng nạng.   
Vừa sang đến Bec-linh, các đồng chí bạn đã vất chiếc chân giả ấy đi:   
-Cái chân này làm đồng chí hỏng xương sống đấy!   
Vũ Tín lại đi nạng. Và chờ. Chờ lâu. Không hiểu ra sao. Sốt ruột quá. Không ngủ được. Không ăn được. Mãi sau mới biết thì ra thiếu mất chai rượu Lúa Mới.   
Vũ Tín lại cười. Anh chìa cái chân giả ra:   
-Có mỗi cái này thôi. Làm gì có cái xơ-cua. Chỉ khéo bịa.   
Anh biểu diễn cặp chân vừa giả vừa thật của anh trong căn buồng hẹp sàn lát gỗ của tôi. Và cười. Rất tươi.   
Nhìn Vũ Tín tôi lại nhớ đến Nguyễn Thụ một thời làm cục trưởng Cục Ðiện ảnh. Nhìn Thụ đi trên đường ít ai biết anh có một chân giả. Cái chân giả rất tốt tuy chẳng thế nào bằng được cái chân giả sau này Giên Phôn-đa tặng anh. Dạo mới tiếp quản Hà Nội, Thụ may một bộ quần áo nhung kẻ mầu đỏ. Chẳng biết dựa vào luận cứ khoa học nào, anh tuyên bố rất hùng hồn:   
-Loại vải này muốn giặt cũng không giặt được. Hỏng ngay.   
(Thật giống Vũ Tín tuyên bố về cái áo va-li-de *có muốn vắt cũng không vắt được.)*Cứ khoảng nửa tháng Thụ lại cởi bộ quần áo nhung đang mặc ra, lấy hết sức quật vào các trụ, các cột. Bụi mù mịt. Ngày ấy Nguyễn Thụ hay ngủ lang ở cơ quan báo Tiền Phong chúng tôi. Anh cởi quần dài, tháo chân giả dựa vào tường, lên giường nằm. Chúng tôi đều biết anh bị cắt chân trong chiến dịch Ðiện Biên nhưng không biết cắt đến đâu. Không ngờ anh bị cắt cao đến thế. Tất Vinh, trùm ở bẩn báo Tiền Phong nhưng lại có nhiều sách in ở nhà xuất bản Y học và Thể dục Thể thao từ giường bên nhổm dậy, bước tới ngắm nghía cái chân cụt của Thụ đầy vẻ thèm thuồng:   
-Thằng này sướng thật. Khi tắm mày chỉ phải kỳ có một chân thôi.   
Hôm nay tôi muốn ôn lại cùng Tín câu chuyện ấy, nhắc lại với Tín câu nói ấy. Nhưng không được. Cái thời trai trẻ đã qua rồi! Cái thời lãng mạn đã qua rồi!   
15-4-1999

[[1]](#nr1)Tên các bức ảnh của Vũ Tín   
[[2]](#nr2)Báo Sài gòn giải phóng 18-4-1994 (Vũ Tín-ảnh và đời)

**Bùi Ngọc Tấn**

Rừng xưa xanh lá

Cơm áo không đùa với khách thơ **Xuân Diệu**   
 Cơm áo không đùa với bất kỳ ai. Lại càng không đùa với các nhà văn, nhà thơ. Nhất là vào cái thời cuối thập niên 80 (của thế kỷ trước), nền kinh tế cả nước đang chuyển từ hệ thống bao cấp sang kinh tế thị trường. Biến động mạnh từ suy nghĩ, quản lý, hàng hoá, giá cả tới bản thân giá trị đồng tiền.  
Đình Kính, nhà văn quân đội với đồng lương đại uý (ngày ấy anh đeo lon bốn sao một vạch) mà phải cùng vợ nuôi hai con nhỏ đang đi học, đó là chưa kể bố mẹ già. Không dám ước vọng cao xa ti vi, cát xét, tủ đứng, tủ li. Chỉ nghĩ đến cái ăn để tồn tại, có đủ tiền mua sách bút, đóng tiền học cho con và có đủ tiền mua được manh áo ấm cho bố mẹ, vợ con mỗi khi gió rét từ biên giới thổi về. Lại còn phấn đấu có một chút dự trữ chiến lược phòng khi ốm đau.  
Phải có tiền. Tiền là tiên là phật, sức bật tuổi trẻ, sức khoẻ tuổi già... Và cũng chỉ còn mỗi cách kiếm tiền: Viết thuê. Dùng nghề nghiệp của mình kiếm sống. Thôi thì đành gác lại những trang sách vẫn nghiền ngẫm nung nấu, những tác phẩm sẽ được viết ra bằng tim gan mình. Hãy để lại sau. Để đến bao giờ chưa biết, nhưng trước mắt là kiếm sống.  
Đình Kính đã đi viết thuê và đã kiếm được tiền. Bữa ấy anh lang thang vào tận vùng rừng núi Đồng Nai, tìm ra được một ông giám đốc một lâm trường quốc doanh và cũng là một đồng hương. Ông là người đi đầu trong việc tháo gỡ cơ chế cũ, táo bạo, dám nghĩ dám làm, một người có thể tuyên dương anh hùng được mà bắt bỏ tù cũng được theo như quan niệm của thời đầu mở cửa. Anh đã hoàn thành một bộ phim về ông, về lâm trường. Phim đã chiếu cho lâm trường xem và còn được phát cả trên màn ảnh nhỏ. Không thể diễn đạt được xúc động của lâm trường, của ông giám đốc khi thấy hình ảnh mình trên ti vi. Với lâm trường, Đình Kính là một thiên tài, là hiện thân cho sức mạnh toàn năng của nghệ thuật. Phấn khởi đầy lòng, ông giám đốc nọ nhờ Đình Kính giúp cho một tập sách về đơn vị.  
Nghĩ ngay đến những bạn bè cũng đói rách như mình nhưng Đình Kính vẫn làm ra vẻ cân nhắc, đắn đo:  
- Sếp nói rất chính xác. Giấy trắng mực đen bình thường thôi nhưng vô cùng quan trọng. Nó đi vào từng gia đình, từng người. Nó đi vào chiều sâu lòng người. Nó đi vào thư viện. Con cháu chúng ta vào thư viện là sẽ biết cha ông chúng đã sống và làm việc như thế nào. Phim cũng quan trọng nhưng không thể ví với sách được. Nhưng đây là một việc khó khăn, một mình tôi không làm nổi. Phải vài người cùng làm mới bảo đảm được thời gian. Để kỳ này ra Hà Nội tôi nói khó với mấy anh ngoài ấy.  
Ít ngày sau, Đình Kính đưa hai nhà văn khác cùng vào. Giám đốc rạng rỡ nét mặt khi được giới thiệu đó là hai nhà văn nổi tiếng, những cái tên ông đã nghe thấy từ lâu mà hôm nay ông mới vinh dự được gặp. Với thói quen của một người làm kinh tế, giám đốc cho thảo hợp đồng gồm những nội dung chủ yếu: Thời gian hoàn thành bản thảo là hai tháng, ăn nghỉ, tầu xe ra vào lâm trường lo, khi bản thảo được duyệt và thông qua, mỗi nhà văn sẽ được bồi dưỡng một chỉ vàng! (Giám đốc giải thích thêm: Phải quy ra vàng các đồng chí ạ. Nếu tính nhuận bút bằng tiền, tôi sợ thiệt cho các nhà văn. Ba trăm đồng tháng này là ba trăm, tháng sau còn trăm rưởi, tháng sau nữa chỉ còn một trăm. Cho nên ta cứ tính thành vàng, vàng bản vị, các nhà văn tán thành không? Nhất trí! Tiếng ba nhà văn đồng loạt cất lên). Mỗi người một chỉ vàng! Một tài sản khó mà hình dung được ngày ấy!  
Như mở cờ trong bụng, ba nhà văn nhanh chóng dự các cuộc họp, nghe báo cáo, xuống các đội sản xuất, vào rừng vẩn vơ, nhìn suối chẩy, nghe chim hót để lấy... không khí.  
Ba người không viết ở lâm trường. Đích thân giám đốc đưa họ xuống biển, xuống Long Hải, một khu nghỉ mát sang trọng, yên tĩnh, cách Vũng Tầu hơn mười ki lô mét. Chả là lâm trường còn liên doanh với một đơn vị du lịch và có những khách sạn sát biển. Ông giám đốc họp toàn thể cán bộ nhân viên khách sạn để giới thiệu ba nhà văn:  
- Trân trọng giới thiệu với các đồng chí ba nhà văn quốc gia! Ba nhà văn nổi tiếng ở Hà Nội. Các đồng chí vào giúp chúng ta viết và xuất bản một tập sách về lâm trường. Đây là nhà văn Đình Kính mà các đồng chí đều đã biết. Đây, nhà văn Chu Lai, nhà văn quân đội kiêm kịch sĩ. Còn đây, nhà văn Nguyễn Quang Thân, tác giả nhiều tập tiểu thuyết, truyện ngắn mà các đồng chí đã đọc.  
Các nhà văn lần lượt đứng lên, cúi đầu chào, nở nụ cười khiêm tốn, lịch sự, nụ cười ra mắt. Ông giám đốc ôm vai từng người như những chiến hữu cánh hẩu trước bao con mắt kính phục của các nhân viên dưới quyền.  
Ông nói về việc bố trí phòng ở “mỗi người một phòng, trong phòng phải có cả bàn viết”, về tiêu chuẩn ăn, về lượng bia phải có hằng ngày, không được để các đồng chí ấy thiếu thốn cái gì.  
- Còn khoản thuốc lá nữa. Các nhà văn hút nhiều, hút nặng đấy. Mỗi người một ngày một bao thuốc lá Jet. Nhớ là thuốc lá Jet. Các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng ai cũng thích Ba số cả đâu!  
- Mỗi nhà văn một ngày một bao Jet! - Ông nhắc lại một lần nữa và nhìn lướt đám nhân viên của ông như nhắc họ chớ quên điều quan trọng ấy.  
Đám cán bộ nhân viên xì xào:  
- Mình thì cứ cho Ba số là nhất. Khách nào cũng Ba số.  
Những tiếng thì thầm ấy đến tai giám đốc. Ông cười, hài lòng. Còn anh chị em nhân viên khách sạn từ ấy nhìn giám đốc của mình với đôi mắt hoàn toàn khác: Sếp không chỉ là người quản lý tài ba táo bạo, mà còn là chiến hữu với các nhà văn lớn, những nhà văn quốc gia, hiểu biết cặn kẽ những điều nhỏ nhất trong sở thích của họ.  
\*\*\*  
Ba nhà văn của chúng ta bắt tay vào việc bán chữ. Tất nhiên là sau khi tắm biển, uống bia, ăn sáng và phì phèo thuốc lá Jet.  
Chu Lai, Đình Kính hút thử một hơi và ho sặc sụa. Cả hai đều không biết hút. Còn Nguyễn Quang Thân hút vào lại thở ra, không có tí khói nào lọt tới họng, phì phò như một cái bễ. Thân hút thuốc lào, Thân chịu được, không ho. Thân nhận trách nhiệm thỉnh thoảng làm một điếu trước đám nhân viên khách sạn. Ba phòng làm việc của ba nhà văn lúc nào cũng có ba bao thuốc lá bóc dở và có tàn thuốc trong ba cái gạt tàn. Nguyễn Quang Thân chẳng viết được một dòng nào, nhưng bù lại, Thân bập bập thuốc lá chăm chỉ. Cứ xuất hiện giữa đám nhân viên khách sạn là Thân bật lửa châm thuốc. Ác cái là loại thuốc Jet này quá nặng. Chẳng hiểu căn cứ vào đâu mà ông giám đốc anh hùng kia lại tuyên bố là “các đồng chí ấy chỉ hút thuốc lá Jet. Đừng có mang Ba số đến. Đừng tưởng cứ ba số là hay đâu”. Không. Ba số hay lắm chứ đồng chí giám đốc ơi. Ba số có bập bập thế này cũng không ho. Ba số dễ bán. Giá cao. Bán ở đâu cũng được. Ba người đã đi chung quanh khu nghỉ mát, rụt rè hỏi han xem người ta có mua thuốc lá Jet không. Họ đều lắc. Ở đây không ai hút Jet. Ở đây người ta chỉ hút thuốc thơm. Ba số, Dunhill, bét ra cũng Capstan. Jet không bán cho ai được.  
Không bán được, không hút nhưng vẫn nhận thuốc đều đặn. Một tháng đầu đã 90 bao thuốc Jet. Trừ ba bao để ở ba phòng cho Nguyễn Quang Thân hút nghi binh, còn 87 bao. Chỉ trông cái túi du lịch phồng căng cũng đủ sốt ruột. Cho nên thật tỉnh người khi Chu Lai, nguyên chiến sĩ đặc công nước từ đâu chạy về khách sạn:  
- Mình đã tìm được nơi bán thuốc lá Jet rồi. Chỗ này nó không mua thuốc gì khác ngoài thuốc Jet.  
Chuyện cứ như đùa. Cứ như thần thoại.  
- Thật không?  
- Ở đâu?  
Chu Lai nhấn mạnh:  
- Nó không mua thuốc gì! Nó chỉ mua thuốc Jet! Nó đang chờ mình ở cuối bãi tắm! Đi nhanh?  
Thế thì thật rồi. Đặc công có khác? Giỏi thật! Cả ba ôm túi dư lịch chứa đầy thuốc lá ra khỏi khách sạn. Ông chủ nhiệm khách sạn đang ngồi trong phòng Reception tươi cười:  
- Vừa tắm rồi các nhà văn đã lại tắm nữa à? Máu thế?  
Đình Kính cười tít mắt:  
- Biết làm sao. Lại thích bơi!  
Cả ba bước nhanh ra bãi tắm, còn nghe tiếng trầm trồ của ông chủ nhiệm:  
- Chịu mấy ông. Giữa trưa nắng thế này mà cũng rủ nhau đi tắm biển. Đúng là văn nghệ sĩ!  
Ba nhà văn cuốc thẳng ra bãi tắm, cười rinh rích về phẩm chất nghệ sĩ của mình.  
- Đâu? Nó đâu?  
Chu Lai chỉ tay về một chấm đen ở cuối bãi. Tới nơi, một thanh niên ngồi trên xe 67 chờ sẵn. Chu Lai ôm túi du lịch nhẩy lên ngồi sau xe, vênh mặt nhìn hai người, đắc thắng. Xe vút nhanh phóng ngược trở lại. Cát bay mù mịt. Nguyễn Quang Thân, Đình Kính đứng nhìn theo mãi chiếc Honda 67 rũi bụi dọc bãi tắm và khuất vào khu khách sạn. Hai người rất ngạc nhiên thấy chiếc xe quay về ngay, lần này phóng nhanh hơn lần trước, tiếng rú rít lên giận dữ.  
Từ trên xe, Chu Lai xách túi du lịch nhẩy xuống, cái túi vẫn căng phồng như thế. Dừng lại một tí. Hình như là để cãi cọ. 67 phóng đi. Rồ ga. Thổi bụi vào mặt Chu Lai.  
- Sao? Sao lại quay lại?  
- Không bán được à?  
Chu Lai nhăn nhó:  
-Tưởng bán ở đâu. Ai ngờ nó lại bán cho đúng khách sạn ba thằng mình ở?  
- Thuốc lá rồi cũng bán được. Đi xa hơn. Bán ít một. Giá rẻ. Thế thôi.  
Còn lại là viết. Nhưng chỉ Chu Lai, Đình Kính viết.  
Nguyễn Quang Thân không. Không được chữ nào. Lại còn hay sang quấy nhiễu:  
- Cách đây mấy năm tớ đi dự tổng kết của một ngành. Trong hội nghị có lựa ra một số ít cốt cán tin cậy cho đi xem vi đê ô. Vi đê ô ngày ấy còn là của hiếm. Mấy ai được xem. Mình được chọn. Nhà văn nhé. Đảng viên nhé. Không được đi thì còn ai vào đấy. Mình vẫn ức cái dạo xem phim Chiến tranh và hoà bình. Cán sự ba mới được xem. Mình mới cán hai. Lần này thì không trệch được. Đúng giờ các đồng chí cốt cán xếp hàng một đi xem trước bao con mắt thèm thuồng ghen tị của các đại biểu khác. Bọn này hồi hộp đi không một tiếng động. Tới một cầu thang đã có người đứng chờ sẵn. Kéo rèm. Bấm đèn. Hất hàm ra hiệu để chỉ lối. Tới một thang gác khác. Lại kéo rèm. Lại đèn pin lập loè, thlì thầm: Các đồng chí đi lối này. Tối tối rợn rợn đến nỗi có lúc mình tưởng như đang đi xem thử bom nguyên tử.  
Thân cười khặc khặc:  
- Mà hôm ấy chiếu một phim rất vớ vẩn. Một băng tâm lý sướt mướt của Đài Loan.  
Hôm khác Thân lại sang, mồm phì phèo điếu Jet:  
- Này. Tớ kể cho các cậu chuyện này...  
Lần này bị cự tuyệt thẳng thừng:  
- Thôi. Ông về cho người ta viết. Ông có muốn vỡ hợp đồng không thì bảo.  
Thân về nhưng lại sang. Không cười mà cứ ấp úng:  
- Mình muốn nói với các cậu. Nhưng không biết có nên không. Mình cứ nói nhé.  
Được khuyến khích, Thân mạnh dạn:  
- Mình nhớ Dạ Ngân quá. Không biết có cách nào kéo Dạ Ngân ra đây được không?  
Đề nghị ấy được cả nhóm ủng hộ ngay. Có Dạ Ngân, chắc chắn Thân sẽ để yên cho hai người viết. Kính đặt vấn đề với chủ nhiệm khách sạn. Ô kê. Nguyễn Quang Thân toại nguyện. Chu Lai, Đình Kính không bị quấy rầy, năng suất tăng hẳn.  
Cứ thứ bẩy ông giám đốc lại từ rừng xuống biển. Tiếng ông oang oang giữa đám nhân viên dưới quyền.  
- Chuẩn bị nhé. Hôm nay làm việc khuya đấy.  
Ông về duyệt những trang bản thảo vừa được viết trong tuần. Ông có tác phong làm việc dứt điểm. Duyệt từng phần. Và cuối cùng duyệt lại một lượt toàn bộ là xong.  
- Tuần trước ăn gì rồi nhỉ. Cháo chim à? Hôm nay thay món khác di. Làm món gì nhẹ nhưng lại có thể lai rai được. Gà à? Không. Có đồ biển gì không? Mới ăn cua xong à? Đồ biển ăn nhiều rồi à? Hay là ăn thịt nai rừng?  
Cả khách sạn sôi động lên khi Sếp từ rừng về với những mệnh lệnh oang oang. Họ biết thế là lại bao nhiêu trang sách, những dòng văn chương viết về họ, bạn bè họ, tuôn chẩy từ những bộ óc nhà văn hẳn là rất đặc biệt và khác thường kia. Đã bao lần họ nín thở nhìn trộm qua cánh cửa khép, thấy những cái lưng cong cong, cái đầu bù xù cúi xuống và bàn tay cầm bút bò chậm chạp trên trang giấy. Ôi! Thật là cao cả thiêng liêng! Lại còn những lúc các nhà văn ngồi thừ thượt nhìn vào những dòng vừa viết, nhìn như muốn xuyên thủng giấy. Nhìn, mắt rỗng không. Nhìn đấy nhưng chẳng nhìn thấy gì. Cả khi họ đẩy cửa đem vào phích nước sôi mới. Viết văn, quả là ghê. Lao tâm khổ tứ, vắt óc, bại người, tổn thọ. Bây giờ mình đã nhìn thấy người ta viết văn rồi. Mấy ai được như vậy?  
Vốn là chuyên gia trong việc viết thuê, Đình Kính, Chu Lai biết phải viết như thế nào. Phải có tình hình gay go. Phải có lúc tưởng như bế tắc. Phải có những đêm khuya trằn trọc trăn trở. Phải có những ngày dài bức xúc. Phải có tinh thần trách nhiệm. Những cuộc họp. Những phút giây loé sáng. Những dám nghĩ dám làm. Phải có đối thoại. Phải có tả cảnh. Không ai bảo ai, cả hai cùng thống nhất một văn phong. Đó là thứ văn không phải để xem bằng mắt mà để nghe bằng tai. Bởi vì ông Sếp không xem. Ông Sếp chỉ nghe đọc lại.  
Tối nay làm việc đến khuya. Ba nhà văn quốc gia của chúng ta tề tựu đông đủ. Chu Lai ngồi cầm xếp bản thảo vừa hoàn thành trong tuần, rỗ rỗ xuống mặt bàn cho ngay ngắn, lật lật vài trang, nhíu mày chăm chú, hoặc cầm bút chữa một chữ nào đấy, có khi chỉ là tô lại một nét mờ, hoặc xem lại chỗ nào cần uốn giọng, cần nhấn mạnh, cần ngẩng đầu lên. Nguyễn Quang Thân khoanh chân vòng tròn, bắn một điếu thuốc lào, móp má kéo cho thật đã, để rồi sau đó có thể chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ bật lửa bập bập thuốc lá Jet. Đình Kính hết nhìn mấy cô phục vụ bưng vào những bia, những nước ngọt, lại nhìn ông giám đốc tanh tách bật lửa ma nhê tô hút ba số. Sếp toàn hút ba số. Thế mà lại đi tuyên bố bọn mình chỉ hút thuốc lá Jet. Chẳng ra làm sao! Cũng may đã tìm được nơi bán. Ở đây người ta ít hút thuốc này lắm. Chỉ mấy anh xích lô, mấy chú xe lam. Mỗi ngày bán được vài bao là nhiều. Có, các chú cứ mang ra đây. Vài bao. Vài là ba. Vừa quá. Mỗi ngày bọn mình cũng chỉ ba bao.  
Dù tiết mục duyệt bản thảo này đã được tiến hành mấy lần rồi nhưng vẫn cứ căng thẳng. Vẫn cứ hồi hộp. Căng thẳng hồi hộp cho đến khi Sếp tuyên bố ta bắt đầu làm việc thôi các đồng chí nhé. Như chỉ đợi có vậy, Đình Kính tóm tắt những đoạn đã được duyệt kỳ trước và sau đó giọng đọc của Chu Lai bắt đầu một tối làm việc tới khuya.  
Đình Kính kéo Chu Lai đi đánh thuê là có cân nhắc kỹ lưỡng. Không phải chỉ vì Chu Lai là một nhà văn đã thành danh, dễ dàng gây nên cú sét mến phục từ cái nhìn đầu tiên, cũng không phải Chu Lai từng là đặc công đã lăn lộn ở vùng này. Điều chủ yếu Đình Kính chấm Chu Lai là ở giọng đọc. Không chỉ lão luyện ở những chiêu văn hùng tráng, là một diễn viên kịch nói, Chu Lai có một giọng đọc không chê vào đâu được. Âm. Vang. Âm. Sang sảng. Lăn vào lòng người.  
Cái trò “đọc truyện đêm khuya” không là cái đinh gì với Chu Lai. Nhưng không được chủ quan. Dù chính là người viết ra nó, anh vẫn đọc kỹ lại một hai lần, để thể hiện đúng tình cảm. Chu Lai như đã nhìn thấy trước hiệu quả của từng chữ phải nhấn mạnh, những chỗ tạm ngừng, những từ phải đọc uốn cong lên mà anh hình dung ra ngay từ khi còn đang cầm bút viết.  
Ông giám đốc im lặng đốt ba số. Lắng nghe. Đình Kính, Nguyễn Quang Thân cúi đầu, thỉnh thoảng lại liếc trộm ông giám đốc, dò tìm phản ứng trên nét mặt đăm chiêu của ông. Sao ông ta lại chau mày. Đoạn này có gì không ổn đâu. Chỉ là nói về nghị quyết đảng bộ lâm trường thôi. Sao ông ta lại ngả hẳn người ra ghế lim dim mắt thế kia nhỉ? Hay ông ta ngủ. Kìa. Sếp đã cười. Sếp còn gật gật nữa. Chắc ăn rồi. Thắng rồi. Chắc chắn sản phẩm của mình đã làm vừa lòng Sếp, đã được Sếp duyệt, Sếp OTK rồi. Mà không ưng sao được khi giọng oanh vàng của Chu Lai ngân nga: Rừng xưa lá lìa. Nhưng những con người đến cùng rừng hôm nay đã thay lá cho rừng. Không phải đất trời, sự vận động của thời tiết, của bốn mùa đã làm lên điều kỳ diệu ấy. Mà chính là những con người (...) (...) Con đường mới mở trong rừng đâu phải chỉ làm bằng máy móc. Trước hết nó được làm bằng trí tuệ bằng tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của những người làm việc âm thầm không cần ai biết đến, lặng lẽ giản dị như những gốc cây rừng (...) (...) Ngồi trên chiếc xe lu lăn trên con đường xuyên rừng đang được hoàn thiện, họ có cảm giác đây là con đường tiến vào thiên kỷ 21 và thả tâm hồn nào thiên niên kỷ tới. Giám đốc không ưng sái cổ sao được khi vẫn cái giọng tuyệt vời của một diễn viên đã bao lần chinh phục khán giả trên sàn diễn tiếp tục: Rừng thay lá. Rừng sống lại. Rừng lại hát khúc ca hùng tráng của rừng. (Đọc đến đây Chu Lai ngừng lại, ngước nhìn lên mà chẳng nhìn ai, với cặp mắt thẫn thờ thăm thẳm chiều sâu). Đình Kính cha đẻ của những dòng văn ấy và cả Nguyễn Quang Thân không đóng góp một chữ nào cũng thấy sởn hết cả gai ốc vì xúc động. Giám đốc kêu lên:  
- Tốt! Tốt! Cứ như vậy là rất tốt!  
Và quay ra cửa hét to:  
- Các đồng chí chuẩn bị ăn khuya đến đâu rồi? Xin phép các nhà văn, tôi ra xem anh em họ làm ăn ra sao.  
Ngồi trong buồng còn nghe thấy giám đốc nói với chủ nhiệm khách sạn ngay phía ngoài cánh cửa (rõ ràng đủ to cho bên trong nghe thấy):  
- Đồng chí có trách nhiệm hỏi ba nhà văn xem có cần giải trí không? Nhà văn cũng là người chứ! Cũng cần giải trí chứ! Đả thông các đồng chí ấy đừng ngại. Các đồng chí ấy giải trí không phải vì các đồng chí ấy, mà vì chúng ta, vì công việc, vì văn học, vì lâm trường!  
Hai tháng qua nhanh. Bản thảo đã hoàn thành. Hợp đồng đã kết thúc. 180 bao Jet trừ ba bao để ở ba phòng, còn lại một trăm bẩy bẩy bao đã được bán, tiền đã được cho vào túi. Tên tác phẩm đã được đặt. Đứa con tinh thần ấy được các ông bố thống nhất đặt tên là Rừng xưa xanh lá. Nhưng lại xẩy ra một trục trặc nhỏ: Những ai là tác giả, những ai đứng tên ngoài bìa sách. Nguyễn Quang Thân tự xét mình không đóng góp một chữ nào cho tập sách này, nhất định không chịu ký tên:  
- Bỏ tên tớ ra. Tớ không muốn là kẻ đạo văn.  
Chu Lai trừng mắt:  
- Ông đã được ở đây hai tháng. Ăn uống. Bia bọt. 59 bao thuốc Jet. Lại đón Dạ Ngân ra. Không ký tên là không xong đâu?  
Đình Kính ôn tồn:  
- Ông Thân không ký tên cũng được. Thôi thì tiền thuốc lá Jet chúng tôi cho ông. Nhưng cái khoản một chỉ vàng ông phải để lại. Hai thằng tôi cưa đôi.  
Đòn ấy làm Thân choáng. Coup décisif. Thân đành chấp nhận ký tên, chấp nhận làm kẻ đạo văn.  
Sau bữa liên hoan chia lay có cả sâm banh, có cả bia và đủ thứ sơn hào hải vị, ba nhà văn được ông giám đốc trực tiếp nong vào ngón tay mỗi người một chiếc nhẫn một chỉ vàng kết thúc hợp đồng. Nguyễn Quang Thân tút về Cần Thơ với Dạ Ngân. Chu Lai, Đình Kính về thành phố Hồ Chí Minh. Từ bến xe, hai người hai chiếc xe đạp khung dựng guồng về khu nhà nghỉ của Hải Quân. Đình Kính vừa đạp xe vừa ngắm chiếc nhãn vàng óng trên ngón tay nắm ghi đông. Một chiến công. Một thắng lợi giòn giã. Đây là chiếc nhẫn vàng thứ hai trong đời Đình Kính. Chiếc nhẫn vàng thứ nhất mua cách đây không lâu. Biết bao phấn đấu, tằn tiện của hai vợ chồng mới có được. Mua về, gói vào vải, bọc túi ni lông, cho vào tủ rồi, nằm ngủ rồi, lại tung chăn, dậy mở tủ lấy nhẫn ra ngắm, rồi lại gói, lại bọc, lại cất, mới vào màn ngủ được. Chỉ vàng to lắm, mấy ai có...  
  
Đang ngẫm ngợi như vậy thì đã tới Thảo cầm viên. Một đám đông con gái trẻ măng ríu rít ùa ra, vây lấy hai anh bộ đội. Một cuộc tập kích bất ngờ. Người nắm ghi đông. Người nắm tay. Người ôm vai. Người bóp đùi. Người kéo áo. Hoảng. Hoảng quá. Không còn biết ra sao nữa. Dù họ trẻ. Dù họ đẹp. Họ nũng nịu. Họ tươi như hoa.  
Dù họ ríu rít như chim:  
- Hai anh. Đi đâu mà vội thế?  
- Dừng lại. Đi chơi với chúng em.  
- Đi. Chút xíu thôi mà, anh Hai.  
- Anh Hai. Xem em nè.  
Vội xuống xe, kẻo ngã. Họ nài nỉ. Họ thơm tho. Họ nưng nức nước hoa. Họ phụng phịu như dỗi. Họ nắm chân nắm tay, họ ôm lấy hai người.  
Cố gắng gạt bầy tiên nữ ấy ra, hai nhà văn thoát khỏi vòng vây, lên xe guồng một mạch về nhà nghỉ. Vừa đặt ba lô xuống, thoáng nhìn bàn tay đeo nhẫn, Đình Kính rụng rời: Chiếc nhẫn vàng trên ngón tay không còn nữa?  
- Chu Lai ơi! Cái nhẫn của mình mất rồi! – Giọng Đình Kính thất thanh.  
Chu Lai giật mình giơ tay lên. Nhẫn vẫn còn.  
Đình Kính nằm vật xuống giường không nói được một lời. Tiếc đã hẳn. Nhưng giận. Giận điên lên, cái lũ con gái khốn nạn ấy. Và cuối cùng thì phục. Cái nhẫn khi ông giám đốc đeo vào ngón tay mình còn chật cơ mà. Không hiểu nó lấy cách nào nhanh thế.  
Lại phải cười vì Chu Lai cứ giơ bàn tay có nhẫn ra trước mặt như khiêu khích. Đình Kính bảo:  
- Mất. Tức thì tức thật nhưng phải công nhận chúng nó tài. Nó đã nâng lên làng nghệ thuật.  
Một lúc sau lại:  
- Tài thật? Tài thật!  
Chu Lai tiếp:  
- Tài đến thế là cùng! Tiên sư em Tào Tháo!  
Đang đau như hoạn cũng phải cười. Đang cười bỗng im bặt. Giật mình. Sục vội tay vào túi quần. Thở phào.  
Chỗ tiền bán thuốc lá Jet vẫn còn.  
Lời cuối truyện: Xin lỗi các bạn Đình Kính, Chu Lai, Nguyễn Quang Thân và cả Dạ Ngân nữa. Nếu các bạn không bằng lòng, hãy coi đây là chuyện bịa.   
  
 

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Lời cuối truyện: Xin lỗi các bạn Ðình Kính, Chu Lai, Nguyễn Quang Thân và cả Dạ Ngân nữa. Nếu các bạn không bằng lòng, hãy cứ coi đây là chuyện...bịa.  
Nguồn: TalaWas  
Được bạn: Mọt Sách đưa lên  
vào ngày: 10 tháng 5 năm 2004